

Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về

Đỗ Văn Phúc

Biên và trình bày do chính tác giả In lần thứ nhất tại 5 Star Printing, Garden Grove, California, Hoa Kỳ, 2012 Copyright © by Michael P. Do 2

Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về QUÊ MẸ MÙA XUÂN CHƯA VỀ Viết để hoài niệm quê hương khổ đau ngàn dặm xa; biết bao giờ thấy lại. Kính dâng các bà MẸ Tùy bút của Đỗ Văn Phúc Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Mục Lục Bài Giới Thiệu của Cựu Trung Tá Hoàng Minh Hoà: Một vài cảm nghĩ sau khi đọc các tác phẩm của Đỗ Văn Phúc

Người ta nói “Văn tức là Người” Điều này tôi nghiệm thấy quả thực đúng với trường hợp các tác phẩm của tác giả Đỗ Văn Phúc. Mỗi lần nhận được các bài viết của Đỗ Văn Phúc, tôi đã phúc đáp báo nhận và cảm ơn tác giả; đồng thời tin anh hay, tôi hoàn toàn xúc động khi đọc sách anh. Thú thật, khi đọc các tác phẩm của anh, tôi không đọc một mạch từ đầu chí cuối mà chỉ lướt qua mục lục, lần đọc trước hết bút ký của anh về chuỗi ngày cải tạo để cùng nhau cảm thông những nỗi niềm cay đắng vẫn còn đang âm ỷ trong thâm tâm. Từ độ qua Mỹ đến nay, tôi vẫn tìm đọc những hồi ký của các tù binh Việt Mỹ, nạn nhân của chế độ giam cầm, đày đọa của Cộng sản sau cuộc chiến vừa qua; thêm vào đó, tôi cũng tìm đọc kinh nghiệm thời gian lao lý của các tù nhân chính trị trong các chế độ Cộng sản ở các nước để so sánh với trường hợp của chính tôi và anh em, ngộ hầu có một nhận định về giá trị của sự chịu đựng của người và của mình để hiểu người, hiểu mình hơn. Có thì giờ thong thả, tôi mới đọc kỹ từng trang, suy gẫm từng đoạn để hiểu hơn về tác giả và tác phẩm. Nội dung các cuốn sách đã phản ánh trung thực và rõ nét chân dung của một chiến sĩ quốc gia và hành trình của một người qua bao biến thiên và thăng trầm của lịch sử đất nước. Khởi đi từ hai chữ Quốc Gia, tôi liên tưởng đến hai câu thơ bất hủ của bà Huyện Thanh Quan: Nhớ nước đau lòng con quốc quốc Thương nhà mỏi miệng cái gia gia Qua lăng kính của ý niệm Quốc Gia này, tôi nhìn vào tác phẩm của anh Nhớ nước... Ngay trong bài viết mở đầu những trang trân trọng của cuốn sách “Dưới Bóng Quân Kỳ”, tác giả đã đề cao vị trí, tài nguyên của đất nước, tinh thần cần cù và nền văn hoá cổ truyền của dân tộc, và đặc biệt hơn cả là hình ảnh sáng ngời của người lính VIỆT NAM. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Là một trí thức tốt nghiệp từ Đại học Chiến tranh Chính trị của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Đại học Vạn Hạnh và là một kỹ thuật gia được đào tạo từ Đại học Texas ở Austin và Đại học Kỹ Thuật Quốc Gia ở Fort Collins, Colorado, tác giả Đỗ Văn Phúc đã làm việc với một tinh thần logic chặt chẽ. Chẳng hạn trong bài “Nhân Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, Điểm Lại Vài Nghi Vấn Về Nguồn Gốc Dân Tộc Việt”, tác giả cho rằng dân tộc ta từ khi lập quốc đến nay đã trải qua hơn bốn nghìn năm lịch sử; song tính đến năm 43 trước Công nguyên là năm hai bà Trưng khởi nghĩa thì thời đại Hùng Vương gồm 18 đời vua “cứ tính rộng ra, mỗi ông vua trị vì năm mươi năm, thì mười tám ông vua Hùng chỉ có thể làm vua được nhiều nhất là chín trăm năm thôi. Vậy là có một khoảng trống khó giải thích được.” Cũng trong tinh thần trên, mặc dù giống nòi ta có một nền văn hoá cổ truyền độc đáo, tác giả cũng đưa ra những nhận xét chính xác qua bài “Một Vấn Đề Nhỏ Trong Văn Hoá: Xây Dựng Khuôn Mẫu Con Người”. Tác giả cho rằng: “Hình như chỉ trong hoàn cảnh thật nguy nan, dân ta mới thực sự đoàn kết; quên cái riêng mà lo cho đại sự, bỏ qua tị hiềm cá nhân, địa phương, tôn giáo mà nghĩ đến tổ quốc. Còn ngoài ra, khi có chút an sinh, những luồng tư tưởng cá nhân lại nảy mầm sinh ra tính tự kiêu, sinh ra những

tranh chấp nhỏ nhất...” Theo tác giả, điều này phát sinh do ảnh hưởng những phần tiêu cực trong văn hoá, để đi đến kết luận: “Bởi vì không phải văn hoá của ta hoàn toàn hay đẹp đâu.” Kèm đó, tác giả đã nêu ra những thí dụ về phần tiêu cực trong văn hoá. Trong một đoạn dài, tác giả đã phân bác những hành vi ngớ ngẩn, dốt nát, bịp bợm của những thành phần hạ đẳng trong xã hội do cơ may mà thành đạt, như những nhân vật Trạng Lợn, Trạng Éch, thằng Cuội trong truyện cổ dân gian; mà những hành vi của chúng được hiểu làm thành ra có những ý nghĩa cao siêu. Lại còn thói quen nói khoác một bước đến trời, nói mà không biết ngượng, không biết đối tượng nghe là ai. Thói quen này phát triển mạnh lên và thể hiện một cách rõ rệt nơi những tầng lớp cán bộ Cộng sản, đến nỗi đồng bào ta phải đặt ra thành ngữ “nói láo như Vẹm” Bên cạnh những phần tiêu cực mà theo tác giả, cần xoá bỏ; thì những mặt tích cực của văn hoá Việt Nam đã góp phần hun đúc nên những tài hoa ưu tú trong các lãnh vực văn chương, nghệ thuật, và nhất là những anh hùng hào kiệt, mà theo Nguyễn Trãi: “thời nào cũng có” (Bình Ngô Đại Cáo) Trong những bài nói về quân đội, tác giả có một sự trân trọng đúng mức và luôn luôn vinh danh những người lính cộng hòa. Tiếp nối tinh thần anh hùng của tiền nhân như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Quân lực Việt Nam Cộng Hoà ngày nay không chỉ anh dũng trong khi chiến đấu với vũ khí trong tay mà còn tỏ ra bất khuất can trường khi đà thất thế. Những Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ, Nguyễn Khoa Nam, Trần Văn Hai, Hồ Ngọc Cẩn và hàng trăm chiến sĩ vô danh khác đã tìm cho mình cái chết vinh quang, bảo toàn khí tiết không để lọt vào tay giặc. 6 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Đau lòng con quốc quốc... Vết thương sâu sắc, nhức nhối nhất qua thời gian hai mươi năm qua còn rỉ máu trong tâm can của người chiến sĩ quốc gia là để Cộng sản thôn tính toàn bộ đất nước mền yêu. Tác giả hiểu rất cận kề chế độ bạo ngược, phi nhân của cộng sản từ căn bản lý thuyết cho đến mọi thủ đoạn gian manh trong thực hành. Qua bài nghiên cứu “Chủ Nghĩa Cộng Sản ABC”, người đọc sẽ có một cái nhìn rõ rệt về những vấn đề liên quan đến chế độ Cộng sản, và dễ dàng nhìn thấy đó là một bước đi sai lầm của lịch sử nhân loại. Theo Marx, chỉ có giai cấp công nhân là giác ngộ cách mạng; như thế, lẽ ra cách mạng phải xảy ra ở Anh hay Mỹ là những nước tư bản cực thịnh mà theo Marx là chín mùi để làm cách mạng, có một lực lượng công nhân lớn mạnh. Trong khi ở Nga vào trước 1917, còn sống trong tình trạng quân chủ chuyên chế, nông nghiệp lạc hậu, không phải là nơi có điều kiện nổ ra cách mạng. Ấy thế mà Lenin vẫn cứ làm cách mạng tháng mười. Tác giả viết: “Ngoài Nga sô, tại các nước Trung Hoa, Việt Nam, và các nước Đông Âu không hề có các cuộc cách mạng vô sản đúng nghĩa mà chỉ là sự lợi dụng các phong trào đấu tranh giành độc lập (Việt Nam, Trung Hoa) hoặc chống phát xít Đức (Đông Âu) để áp đặt chủ nghĩa Cộng sản.” Hệ quả, là ngày nay chủ nghĩa cộng sản đi vào bế tắc và đổ vỡ tan tành. Một điều nghịch lý là ở Việt Nam, các lãnh tụ Cộng sản đã dùng thủ đoạn lừa bịp như đặt ra các phong trào thi đua, đề cao chủ nghĩa anh hùng để làm cho các thành phần lao động trở thành thân tàn ma dại trên các nông trường, công trường để cho những tầng lớp quan lại Cộng sản mới tha hồ hưởng thụ trên chóp bu. Việt Cộng thường khoe: “ở Miền Bắc đi đâu cũng gặp anh hùng”; thì dân miền Nam mỉa mai ngay: “đi đâu cũng gặp thằng khùng, thằng điên.” Đồng bào ta ở hải ngoại chưa hề có một ý niệm nào về tầng lớp cán bộ Cộng sản xuất thân từ nông dân quê mùa, thất học, ăn nói ngọng ngịu, có thể lăn ra cười khi đọc những mẩu chuyện có thực về hành vi ngớ ngẩn của chúng. Nhưng anh em tù nhân cải tạo thì cười không nổi dù là với một nụ cười héo hắt, vì đã quá quen thuộc với những cảnh đời này. Chẳng hạn, trong truyện Tết Trong Tù, tác giả thuật lại lời một cán bộ Cộng sản thông báo cho anh em tù cải tạo về việc ăn tết như sau: “Tết đến, rờ nượng khoan hồng, rân đạo và sự quan tâm của nãnh đạo, các anh sẽ được ăn đầy đủ. Trại cho mổ hai con bò, ba con lợn; có bánh đa, một gói

thuốc ná Xây rừng, kẹo nạc, rựa cái...” Tác giả còn mỉa mai chua cay cảnh khốn cùng của xã hội ưu việt Xã hội chủ nghĩa miền Bắc qua câu chuyện về Nguyễn Tuân. Tác giả viết: “Nguyễn Tuân, trong cuốn 'Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi', kể lể chi tiết về khẩu phần ăn ngày tết của Hà Nội dành cho tù binh Hoa Kỳ gồm cái bánh chưng, vài miếng thịt. Ông đã dành nguyên một phần mười cuốn sách để ca ngợi lòng nhân đạo của bọn Cộng sản khi cho tù ăn như thế. Tôi nghiệp cho cái xã hội bần cùng, miếng cơm không ra gì cũng trở thành một thứ ân sủng quý báu và được nêu ra như một hành vi cao cả.” Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Thương nhà... Bên cạnh cái đau chung của toàn dân tộc, tác giả Đỗ Văn Phúc còn mang nặng nỗi xót xa của người con có cha bị Việt Minh (Cộng Sản) đày ải và giết hại. Tác giả thuật trong bài Trại Cải Tạo A-20 Xuân Phước: “Thân phụ tôi bị Việt Minh bắt đi năm 1948 khi tôi vừa lên hai. Người bị đưa ra Thanh Hoá, giam ở trại Lý Bá Sơ cho đến năm 1954 thì được thả theo quy định của Hiệp định Geneve. Nhưng người không về được đến nhà. Cộng sản đã tổ chức đón đường thủ tiêu ngay tại Vinh những người quốc gia mà chúng e sợ về sau này.” Đỗ Văn Phúc được nuôi dưỡng nhờ ân đức của mẹ hiền. Tác giả đã dành những trang vô cùng cảm động về cuộc đời hy sinh của mẹ cho người con trai. Bà là nạn nhân của chế độ gia đình phong kiến mặc dù được sinh trưởng trong một gia đình quan lại song vốn liêm khiết nên chịu cảnh thanh bần. Bà làm dâu một gia đình nhà quan nhưng gặp phải một bà mẹ chồng khắc nghiệt. Bà lắng lặn tuân phục lời chỉ dạy của mẹ chồng và âm thầm chịu đựng thán năm dài cay đắng của một nàng dâu mà thân phận không khá hơn kẻ tôi đòi. Khổ hơn nữa, chồng lại sống một cuộc đời phóng khoáng, ham vui bè bạn, ít khi để ý đến vợ con. Kịp đến khi nghe chồng chết trên đường ở tù ra, bà đã lặn lội ra tận Thanh Hoá tìm xác chồng nhưng vô hiệu. Bà đưa con lui về sống ở vùng Gio Linh thuộc tỉnh Quảng Trị, là một huyện lỵ nhỏ bé vùng giới tuyến phân chia Nam Bắc. Đây là một địa phương hứng chịu nhiều tai ương của chiến tranh kể từ khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Ai có đọc qua cuốn sách “Dãy Phố Buồn Hiu” (A Street Without Joy) của nhà báo kiêm nhà văn Pháp Bernard Fall mới thấy tất cả thảm họa đã giáng xuống mảnh đất đau thương này như thế nào. Vật lộn với cuộc sống nơi xứ sở mà mùa nắng thì bị ảnh hưởng của những cơn gió Lào khô khốc như hơi lửa thổi tới; mùa mưa thì chịu cảnh lũ lụt của thác nước từ mạn Trường Sơn đổ về; ngô hầu nuôi con cho bằng chúng, bằng bạn, ra đường không thua kém ai đã khiến cho người mẹ hiền má hồng mỗi tiết mỗi phiêu pha. Sự kiện này làm cho tác giả cảm thâm khoảng rộng bao la của tình mẫu tử. Tác giả viết trong bài “Về Một Người Mẹ”: “Tôi cứ nhớ hoài câu ca dao 'mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi mẹ liếm lá đầu đường'. Những lời mẹ ru từ lúc còn thơ với âm sắc nồng nàn của miền Quảng Trị nghe buồn làm sao; như thấm vào trong tâm khảm tôi và trở thành mối dây thiêng liêng kết tụ nên tình mẫu tử bao la.” Mỗi miếng cái gia gia ... Đỗ Văn Phúc đã viết nhiều trang để vinh danh mẹ hiền, và qua đó đề cao Mẹ Việt Nam. Chẳng hạn trong bài “Mẹ, Biểu Tượng Của Quê Hương” 8 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về “Hãy cảm ơn Thượng Đế đã cho ta trái đất này, đầy hoa thơm cỏ lạ, đầy tiếng chim ca. Nhưng trước hết, hãy cảm ơn về người Mẹ và những tình cảm bao la, âu yếm mà ta không thể tìm được nơi đâu khác.” Bên cạnh những dòng hết sức cảm động khác để “tưởng nhớ vong linh Mẹ”, Đỗ Văn Phúc đã không quên đề cao tấm lòng chung thủy của người vợ hiền vẫn một lòng trọn vẹn nghĩa tình chờ đợi người chồng bị tù đày trở về, dù chẳng có chút hy vọng nào về ngày về cả. Nói chung, theo tác giả, dù ở giai cấp nào, người phụ nữ Việt Nam vẫn tượng trưng cho những đặc tính trung hậu, đảm đang và tiết nghĩa. Người vợ tù nhân cải tạo một thời đã chứng tỏ lòng trung trinh, nghị lực vượt thắng mọi gian khổ và cám dỗ, để xứng đáng là con cháu các bà Trưng, bà Triệu. Một khi đã khẳng định niềm tin này, ta không lấy làm lạ khi nhìn vào văn học, tác giả Đỗ Văn Phúc đã tán tụng sự chung thủy nơi người chinh phụ trong Chinh Phụ Ngâm và chê trách nàng kiều trong

Truyện Kiều thiếu đặc tính quý giá này của người phụ nữ Việt Nam. Đặt qua một bên giá trị nghệ thuật của cả hai đại tác phẩm mà được đánh giá như những hào quang sáng chói trong văn học sử Việt Nam, tác giả đã viết về Chinh Phụ Ngâm như sau: “Đây là một tác phẩm ưu tú được phổ biến sâu rộng từ hai trăm năm mươi năm qua, phản ánh tâm tư thống thiết của người vợ nơi hậu phương, hàng ngày ngóng trông người chồng đang chinh chiến nơi tuyến đầu binh lửa. Nó phản ánh nguyện vọng sâu kín của dân tộc về một nền hòa bình, hạnh phúc; nhưng cũng vừa thể hiện niềm tự hào, tin yêu và hy vọng vào tiền đồ của Tổ quốc, tin tưởng vào chính nghĩa, cổ súy cho đức hạnh của người phụ nữ và tính anh hùng của bậc nam nhi.” Đối với nàng Kiều, Đỗ Văn Phúc đã lên án một cách chua chát: “Nàng Kiều của Cụ (Nguyễn Du) tài sắc vẹn toàn mà phải gánh lấy cái tai ách mười lăm năm đoạn trường thì cũng chưa chắc vì 'Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen' đâu. Chỉ trách ông trời già oái oăm ban cho thị cái tính nết lẳng lơ, để gắn liền với thân phận bèo dạt hoa trôi của mình như bất cứ phụ nữ đẹp nào trên thế gian.” Tác giả viết tiếp để chứng minh: “Xác chồng còn nóng hổi, chết đứng ngoài kia với hàng trăm mũi tên găm như lông nhím, Kiều đã đem tấm thân cho kẻ thù dày vò. tại sao nàng không tìm ngay cái chết để đền đáp tình yêu mà kẻ anh hùng đã vì mình mà bỏ mạng? Hay ít ra cũng biết cự tuyệt cho phải đạo? Nước sông Tiền Đường chỉ có thể rửa được vết nhơ trên thân thể; chứ khó xoá nỗi sự nhày nhụa của tâm hồn nàng.”

Dừng chân đứng lại ... Các cuốn sách của Đỗ Văn Phúc là sưu tập những bài viết của anh từ trước đến nay. Ngoài những bài để phản ánh nhân sinh quan, một số bài khác coi như sự tổng kết Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về hành trình vào đời của tác giả, một chiến sĩ quốc gia. Thiếu thời, tác giả đã bị ảnh hưởng bởi cái đẹp, cái hào hùng của người trai đất Việt với chí nam nhi, nợ tang bồng. “Tôi yêu tha thiết hình ảnh người trai lính và quan niệm : Thanh niên thời chiến chỉ đẹp trong bộ chinh y... Hình ảnh đẹp nhất là người thủ khoa Võ bị đang giương cung bắn đi bốn phương trời, tượng trưng chí tang bồng hồ thi.” Xuất thân khoá đầu tiên của trường Đại học Chiến tranh Chính trị Đà Lạt, ra trường nhằm lúc chiến dịch Chân Trời Mới đang được phát động, tác giả là một trong ba mươi chín tân sĩ quan được phân phối về Sư đoàn 5 Bộ binh lãnh chức vụ đại đội phó của ba mươi chín đại đội tác chiến của Sư đoàn. Tác giả lại là một trong 4 sĩ quan đầu tiên xin xuất ngành để nắm chức vụ đại đội trưởng chiến đấu. Bài “Chiến Thắng Đầu Xuân 71: Phái Cầm Cờ Việt Nam Trên Làng Thpong Vietnam Trước Lúc Hừng Sáng” là một phóng sự chiến trường hấp dẫn và sôi sục về mặt trận Snuol mà tác giả đã tham dự. Đây là cuộc hành quân Toàn Thắng 71 NB do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 tổ chức đánh thọc sâu vào lãnh thổ Kampuchea trên địa bàn tỉnh Kratie nhằm phá nốt căn cứ hậu cần của cái gọi là Mặt trận Giải phóng Miền Nam, con đẻ của ngụy quyền Hà Nội nhằm xâm lược và xích hoá miền Nam. Kế đến, qua giai đoạn suy vong của đất nước, tác giả đã bị bắt đi cải tạo tại Trại Cải Tạo A-20, Xuân Phước. Tại đây, anh đã nêu cao sự can trường của người chiến sĩ mà “uy vũ bất năng khuất.” Từ bút ký Trại Cải Tạo Xuân Phước A-20, tôi đã chiêm nghiệm thêm những đồng cảm sau: Chín năm tròn dưới chế độ ngục tù Cộng sản đã khắc đậm trong tâm trí tôi những vết hằn sâu thẳm; bởi vì hồi ấy, đã có lúc cơ thể tôi quá kiệt quệ, lại chứng kiến những cái chết tức tưởi của các bạn Trung tá Nguyễn Văn Năm, Hà Sĩ Phong mà tất cả anh em đều biết họ khoẻ hơn tôi nhiều. Tôi đâm ra chán nản và nghĩ quẩn rằng chết thế mà lại hơn sống để khỏi kéo dài sự khổ nhục chẳng biết bao giờ mới thôi. Tuy nhiên, khi thấy anh em chiến hữu trốn trại hoặc chống đối bị chúng tra tấn, biệt giam, cùm kẹp làm cho thân tàn ma dại, tôi cảm thấy xót xa cùng cực rồi suy ra rằng, những anh em ấy còn đau khổ hơn tôi bội phần, tôi tìm thấy lý lẽ để tự trấn tĩnh. Từ niềm cảm thông ấy, tôi đã dành một niềm khâm phục đối với họ, những người vượt thắng cái chết mà Cộng sản muốn giáng xuống đầu họ, một mặt để trừng trị, mặt khác để thị oai cùng toàn thể tù nhân

trong trại. Niềm khâm phục ấy hôm nay được khơi dậy khi đọc bút ký “Trại Cải Tạo A-20 Xuân Phước.” Tác giả viết: “Một buổi chiều trước giờ điếm danh vào phòng giam, chúng lừa tất cả tù ra khỏi phòng cho bọn trật tự xục xạo các túi tư trang gom hết lon nhôm, nồi nhôm, inox. Tôi giả đau không ra, nằm ôm chiếc lon guigoz đựng nước ấm nói là để đắp vết nhức trên vai. Tên cán bộ nhất quyết đuổi tôi ra và cho tên trật tự giằng chiếc lon. Tôi phản đối kịch liệt và ném lon xuống đất, dùng chân dẫm nát với lòng căm hận, rồi ném qua hàng rào. Tôi nói thẳng vào mặt tên cán bộ Luật: 'Các anh đã cướp bóc tất cả tài sản chúng tôi, 10 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về chỉ còn thứ vật dụng sinh hoạt nhỏ bé này cũng không chừa. Tôi không xài được, thì cũng không để các anh xài.' Tất cả anh em tù đều reo lên cổ võ: 'Đồ ăn cướp, đồ ăn cướp!' Thế là chúng đưa tôi vào xà lim, sau khi lột sạch áo quần trên người, cùm hai chân cứng ngắc vào thanh sắt 12 li.” Trong thời gian bị cùm giam, Đỗ Văn Phúc đã làm hai câu thơ nhật ký đinh khắc lên vách nhà giam: Đời có gian lao mới rạng danh hào kiệt, Tù không đầy đọa sao rõ mặt anh hùng. Về điểm này, tôi hoàn toàn đồng ý với tác giả. Tôi xin mượn lời của Giáo sư Terrence des Pres cùng một quan điểm khi ông viết về Aleksandr Solzhenitsyn, một nhà văn, một trí thức, nạn nhân của chế độ Cộng sản Nga xô để nói lên sự biểu đồng tình cùng anh. Giáo sư Terrence des Pres có chân trong hội thân hữu Havard, trưởng bộ môn Anh tại Đại học Colgate. trong tiểu luận “The Heroism of Survival” (Chủ nghĩa anh hùng trong sự sống sót), rút từ nhan đề “The Survivor” (Kẻ Sống Sót, do Oxford University Press xuất bản) để đăng vào tuyển tập “Aleksandr Solzhenitsyn”, nguyên văn như sau: “The survivor is a hero in that by staying alive he becomes an effective agent in the fight against extremity. But just as much, the survivor is a hero because as soon as he chooses not only to live, but to live humanly. he takes upon himself the burden of an extraordinary enterprise, an act requiring enormous will, courage, capacity to bear pain and an unshakable faith in the value of life and human decency.” (p.46) Tạm dịch: Kẻ sống sót là một người anh hùng ở chỗ khi còn sống, họ đã trở thành một tác nhân thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống tình trạng cực đoan. Song chính vì thế, kẻ sống sót quả là người anh hùng bởi vì, ngay khi chọn cho mình không những sự sống, nhưng sống cho ra con người, họ đã chịu nhận lấy cho mình cả cái gánh nặng của một sự nghiệp phi thường, một hành động đòi hỏi một ý chí, một quả cảm vĩ đại, cái khả năng chịu đựng sự đau đớn và một niềm tin không gì lay chuyển nổi nơi giá trị của sự sống và lẽ phải chẳng của người đời Đỗ Văn Phúc viết tiếp: “Hôm sau, chúng đưa tôi ra làm việc lần lượt với tên trực trại, rồi chuyển qua an ninh, sau đó gặp tên trưởng trại Lê Đồng Vũ. Đối chọi với ba tên này, tôi vẫn khẳng khái tuyên bố việc chúng giam giữ chúng tôi là phi pháp, vì chúng tôi chẳng phải là tù binh, chẳng phải tù phản động; chúng tôi là người miền Nam, thi hành luật pháp miền Nam, chiến đấu chống Cộng sản là có chính nghĩa. Tên Vũ gầm gừ: 'Có chính nghĩa! tao cho mày nằm xà lim cho đến rí còng!' Trước sự chứng kiến của một số anh em tù đang làm cỏ ngoài sân, tôi đã nhỏ nước bọt trước mặt nó. Cán bộ an ninh thấy tôi hung hăng quá, bèn kéo tôi đi và nói nhỏ: 'Thôi, bớt bớt, sau này ra làm việc với tôi.'” Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Một lần nữa, tôi lại hoàn toàn đồng ý với tác giả về quan niệm vô tội của tất cả các thành phần bị Cộng sản giam cầm trong các trại cải tạo sau 30-4-1975. Cộng sản đã vi phạm trắng trợn những cam kết của chúng trong hiệp định Paris kết thúc chiến tranh là không trả thù, là thả hết tù nhân bị giam giữ do chiến tranh. Để biện minh cho quan niệm vô tội nơi các chiến sĩ quốc gia bị cộng sản bắt cầm tù, tôi lại xin trích dẫn ý kiến của Terrence des Pres, vì tôi thấy luận thuyết của ông đã được cấu trúc rất có hệ thống và hoàn toàn hợp lý. Về vấn đề vô tội, ông viết nguyên văn như sau: “Innocence is a definitive condition of the human survivor. Innocence within a landscape of total violence has been the condition of millions of people in our century and to withstand this condition without

betraying his innocence is the survivor's particular job.” (p.51) Tạm dịch: Sự vô tội là tình trạng hiển nhiên của người sống sót. Sự vô tội trong khung cảnh một chế độ bạo lực toàn diện chính là tình cảnh của hàng triệu người trong thế kỷ chúng ta đang sống và để đương đầu với tình cảnh này mà không phản bội tính cách vô tội của mình, do chính là hành động đặc biệt của kẻ sống sót. Tóm lại, qua thiên bút ký “Trại Cải tạo A-20, Xuân Phước,” tôi đã chứng kiến một hành động chống đối dũng cảm trong một chế độ tù đầy bất nhân, một quan niệm đúng đắn về tính cách anh hùng của những hành động ấy cùng những niềm tin mãnh liệt nơi chính nghĩa của mình, tình trạng vô tội vì là nạn nhân của một sự tráo trở, vi phạm lời cam kết quốc tế, thể hiện dưới ngòi bút linh động và hấp dẫn của tác giả Đỗ Văn Phúc là một điểm son của văn nghiệp của anh. Đồi điều tâm đắc, tôi đã viện dẫn những biện giải của nhà luận thuyết có uy tín vì tôi tin rằng nó có giá trị thuyết phục mạnh mẽ. Ra khỏi tù, vài năm sau theo chương trình HO đến bến bờ tự do để làm lại cuộc đời, tác giả lao ngay vào hoạt động phục vụ anh em đồng cảnh ngộ trên đường xây dựng cuộc sống mới với tràn đầy nhiệt tình và tâm huyết. Trong môi trường sống mới, tác giả luôn phải đối diện với những vấn đề bức xúc như sự tham gia vào sinh hoạt chính trị của Hoa Kỳ (Người Mỹ Gốc Việt và Sinh Hoạt Chính Trị), nhu cầu vượt thắng sự thờ ơ dửng dưng của những thành phần tiêu cực, nhu cầu trấn áp những tên “đầu cơ chính trị lác đác xuất hiện” hay một số hoạt động “bắt đầu giờ giọng đề ra giải pháp hòa hợp với Cộng sản Một mảnh tình riêng ... Qua hơn ngàn trang của các tác phẩm, người đọc đã chứng kiến một văn phong vững vàng của một chiến sĩ vừa là một nhà trí thức quốc gia có lập trường kiên định. Các vấn đề đặt ra đã được tác giả trình bày với những lý luận sắc bén. Một ví dụ: “Có người hỏi tôi rằng: 'Ngày trước ở miền Bắc, Cộng sản rất liêm chính, vào Nam mới học thói tham nhũng của chính quyền ta?' Câu hỏi hay đấy! Nhưng thử hỏi lại 12 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về rằng: 'Giữa đám ăn mày với nhau thì lấy gì mà tham nhũng? Xã hội miền Nam ta giàu quá, nên các ông to thường ăn của đút bạc trăm ngàn, bạc triệu. - miền Bắc, ăn không có đũa cơm, mặc không có chiếc áo lạnh, thì thử hỏi tên cán bộ muốn vòi điều gì?’” Quan trọng hơn nữa là việc tác giả đã khẳng định lại ranh giới ý thức hệ trong khung cảnh một nước Việt Nam bị xích hoá. “Ranh giới địa lý đã xoá mờ, nhưng ranh giới ý thức hệ, ranh giới của văn hoá, ranh giới của tình người, của sự phát triển vẫn còn kéo dài cho đến nhiều thập niên về sau.” Với hai lối sống Nam Bắc hoàn toàn khác biệt: “Hai mươi năm với hai lối sống khác biệt đã tạo ra một khoảng cách rất xa để gì rút ngắn trong một vài thập niên sau khi tự do, dân chủ vẫn hồi trên quê hương.” Dừng chân để nhận định quãng đường vừa trải qua, đồng thời để chuẩn bị cho hành trình kế tiếp. Những cột mốc của đoạn đường ngày mai và thời gian nối tiếp sau đó sẽ là đối tượng của những công trình và tác phẩm mà chúng ta có thể chờ đợi nơi tác giả Đỗ Văn Phúc. Mong lắm thay!

Cựu Trung Tá Hoàng Minh Hòa, M.A. Nguyễn Văn Hoá Vụ Trưởng Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị, Đà Lạt (Chủ tịch hội Cao Niên VN tại Portland, Oregon) Chú thích: Lời tựa trên viết cho bản in lần thứ nhất năm 1995. Trong bản in lần này có thêm rất nhiều bài mới và loại bỏ vài bài cũ cho phù hợp với tình hình mới Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Điểm Lại Vài Nghi Vấn về Nguồn Gốc Dân Tộc Việt Một dân tộc biết tự hào về nguồn gốc và tổ tiên, thì dân tộc đó có đủ sức mạnh để trường tồn dù qua bao biến cố, dù có bị các cường quốc đe dọa và xâm lăng. Dân tộc đó nhất định sẽ xây dựng được một tương lai tươi sáng, bảo tồn văn hoá và truyền thống riêng của mình trong khi vẫn dung nạp nét ưu tú của các nền văn hoá khác. Dân tộc Việt Nam ta từ khi lập quốc cho đến nay đã trải qua hơn bốn ngàn năm lịch sử. Từ dân số có lẽ chừng vài trăm ngàn vào thời đại Hồng Bàng, đã phát triển lên đến hơn tám mươi triệu vào đầu thế kỷ 21. Từ một địa bàn nhỏ bé ở vùng Vĩnh Yên, Phú Thọ đã mở mang bờ cõi cho đến tận mũi Cà Mau. Dân tộc ta đã chiến đấu liên tục và chiến thắng một cách

anh hùng trước hàng chục cuộc xâm lăng của các triều đại bên Trung Hoa. Dù sau hơn một ngàn năm bị đô hộ, chúng ta đã không để mất đi bản sắc truyền thống văn hoá của dân tộc mình. Dân tộc ta cũng đã từng chứng tỏ sức mạnh với các lân bang. Bản đồ Việt Nam thời vua Minh Mạng bao gồm đất Ai Lao và Cam Bốt. So với các nước lân bang hiện nay, Việt Nam bị đẩy lùi về kinh tế và hệ thống chính trị do sự cai trị ngu xuẩn của bọn cầm quyền cộng sản. Nhưng đây cũng chỉ là giai đoạn đau thương nhất thời mà trong lịch sử nhiều nước có lẽ cũng từng bị trải qua. Bĩ cực thái lai, đó là quy luật chung của tạo hoá. Với sức mạnh và niềm tự hào dân tộc, người Việt ta sẽ chiến thắng và xây dựng lại quê hương phồn thịnh. 14 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Nói về nguồn gốc dân tộc, trước năm 1975, nhiều nhà sử học như Nguyễn Phương, Lê Kim Ngân, Nguyễn Hòa Nhã đã từng tranh luận trên các tạp chí, diễn đàn, nhưng vẫn chưa đi đến một kết luận chung. Vì sự nghiên cứu về lịch sử Việt Nam bị giới hạn bởi tài liệu, di chứng. Sử liệu về Việt Nam thực ra chỉ bắt đầu có từ thời đại Trưng, Triệu, nhưng rất sơ sài, trong Giao Châu Ngoại Vực Ký do người Trung Hoa viết, chỉ có vài đoạn ngắn nói về cuộc chiến tranh giữa quân Hán và Trưng Trắc, dĩ nhiên trên quan điểm hoàn toàn chủ quan của người Tàu. Đi trở ngược lại lịch sử, thì không còn sử liệu thành văn nào nữa. Điều này chúng ta gọi là thời kỳ vô sử, hay huyền sử, mọi chi tiết đều chỉ dựa trên sự truyền tụng và dĩ nhiên không tránh khỏi thêm bớt. Chúng ta nhớ lại bài học lịch sử đầu tiên khi còn ở các lớp tiểu học: “Tục truyền rằng, Lộc Tục là em Đế Nghi, vua nước Tàu, một hôm tuần thú xuống phương nam, đến Động Đình Hồ, kết duyên cùng con gái Động Đình Quân là bà Long Nữ, sinh ra Lạc Long Quân. Lạc Long Quân kết duyên cùng bà Âu Cơ, đẻ ra trăm trứng, nở ra trăm đứa con. Năm mươi con theo mẹ là giống tiên lên núi, năm mươi con theo cha là giống rồng, ra biển...” Từ truyền thuyết đó, chúng ta nhận mình là con Rồng cháu Tiên, gây nên niềm tự hào nòi giống như người Nhật tự hào mình là con cháu Thái Dương Thần Nữ, người Do Thái nhận mình là con cái đức Chúa Trời Giê-Hô-Va. Nhà nước Việt Nam đầu tiên là triều đại Hùng Vương gồm mười tám đời vua được coi là tổ tiên khai sáng ra nước Việt, thời đó gọi là Âu Lạc; do ghép tên hai bộ lạc Âu Việt và Lạc Việt. Các vua Hùng đã tổ chức hệ thống chính quyền gồm các Lạc Tướng coi về binh bị, các Lạc Hầu chăm sóc về hành chánh. Thời Hùng Vương đã để lại cho nền văn hoá nước ta những truyện Trầu Cau nói lên tình nghĩa thủy chung gắn bó của vợ chồng, anh em, truyện Trương Chi My Nương là một thiên tình sử lãng mạn và bi thương. Tục làm bánh chưng bánh dày cúng tổ tiên cũng bắt nguồn từ câu chuyện các người con hiếu thảo của vua Hùng muốn làm đẹp lòng cha. Thử xem lại địa bàn mà các vua Hùng lập quốc và đi trở ngược lại về trước để tìm nguồn gốc lai lịch mình. Động Đình Hồ là một địa danh thuộc tỉnh Hồ Nam bên Tàu. Đế Nghi, anh của Lộc Tục, là vua nước Tàu. Thời hoang sơ, một bộ lạc từ miền tây sông Dương Tử tràn về vùng Hoa Nam, vị thủ lĩnh là Hoàng Đế, đã chiến thắng lần lượt một trăm bộ lạc cùng mang tên Việt (Bách Việt) do Suy Vưu cầm đầu. Hoàng Đế đã lập nên một nhà nước quân chủ hùng mạnh có đầy đủ định chế chính trị xã hội đầu tiên trên đất nước Trung Hoa, mở mang dần lên phương Bắc. Đây là thời kỳ gọi là Tam Hoàng và Ngũ Đế (Ba vị Tam hoàng là Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhân Hoàng; Ngũ Đế là năm vị vua Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn. (Thời này sử sách ghi chép có nhiều điều lộn xộn, vì danh xưng các vua Tàu nhiều sử liệu ghi có khác nhau, cả về thứ tự.) Vậy thì, Bách Việt (một trăm bộ lạc Việt), sau khi bị Hoàng Đế đánh bại đã tan tác đi bốn phương. Hai bộ lạc Lạc Việt và Âu Việt mà nguồn gốc nhân chủng là Mongoloist, chạy về phương Nam (nay là lãnh thổ Quảng Đông) để tạo nên dân tộc Âu Lạc là tổ tiên của Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về chúng ta vậy. Nhiều người phủ nhận nguồn gốc Hoa Nam của dân tộc Việt vì cho rằng như thế mình là gốc Trung Hoa. Thực ra, lịch sử nhân loại là lịch sử của những cuộc di dân vĩ đại. Di dân, pha trộn nòi giống, để rồi

cùng sinh hoạt trên một địa bàn mới trong nhiều thế hệ tạo nên một dân tộc mới, quốc gia mới chẳng là điều lạ lùng gì. Người Aryan từ Tây Nam Á châu di dân về phương Tây, tạo nên một số dân tộc Âu Châu. Người miền tây sông Dương Tử di dân qua Hoa Nam pha trộn với dân bản xứ tạo nên người Trung Hoa. Người Anh và lục địa Âu Châu qua Mỹ tạo nên dân Hoa Kỳ, người Tây Ban Nha pha với dân da đỏ để tạo nên các dân tộc Trung Mỹ, Nam Mỹ. Tổ tiên ta từ Hoa Nam tràn xuống đồng bằng Bắc Việt, pha trộn với dân bản xứ gốc Melanesian (người Mường ở Thanh Hoá được các nhà nhân chủng coi là dân bản xứ "Native Vietnamese") để tạo nên dân tộc Việt có nhiều nét về nhân chủng vừa giống người Bắc Á, lại vừa giống với người Malaysia, Indonesia. Trong các khai quật những di chỉ văn hoá Đông Sơn ngoài Bắc và Ốc Eo ở miền Nam, ta thấy có những trống đồng cũ hàng ngàn năm xưa. Trống đồng là một trong những loại nhạc cụ chính của những dân tộc Nam Á (Cambodia, Indonesia, Malaysia...), nó hoàn toàn khác biệt với nhạc khí Bắc Á (Trung Hoa, Nhật bản, Triều Tiên...). Trong khi trên mặt trống lại có khắc hình chim Việt là tiêu biểu của dân tộc Việt. Vậy chúng ta khó chối bỏ được rằng tổ tiên ta là sự phối hợp của các giống dân Hoa Nam và dân bản địa Melanesian. Trong quá trình khai phá giang sơn, tổ tiên ta đã đi từ miền Hoa Nam, tràn xuống đồng bằng Bắc Việt, lấn vào miền Trung, Nam, tiêu diệt những Vương Quốc Phù Nam, Chiêm Thành vốn hùng mạnh tương đương. Ngày nay, ta thấy có những dân tộc miền núi phía Bắc và miền Trung là còn tương đối thuần chủng (Tày, Nùng, Dao: chủng tộc Trung Hoa; Chăm, Rhade, Stieng, Kơho: chủng tộc Melanesien.) Lịch sử ta cũng có nói về vua Triệu Đà đối phó với sứ giả nhà Hán. Triệu Đà nguyên là một vị tướng nhà Tần, theo Tướng Đồ Thư chinh phục phương Nam. Đó là thời điểm sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa. Thủy Hoàng mất, Tần Nhị Thế lên thay, bị Lưu Bang đánh bại. Lưu Bang thắng quân Sở, lập nên nhà Hán, đế nghiệp kéo dài hàng trăm năm. Về phần Triệu Đà, sau khi thắng vua An Dương Vương đã ở lại Hoa Nam, lập nên nước Nam Việt đóng đô ở Phiên Ngung. Sử Việt đã ghi chuyện Triệu Đà đối phó với sứ nhà Hán là Lạc Giả, chuyện Cù Thái Hậu trông nom ấu vương cương quyết bảo vệ độc lập cho đất nước, như thế đã coi Triệu Đà, Cù Thái Hậu là nhân vật lịch sử Việt dù rằng vào thời này thì trung tâm Việt đã dời về miền Vĩnh Phú nằm trong lòng đồng bằng Bắc Việt. Một điều khó chính xác là từ Động Đình Hồ, nơi Lạc Long Quân lập nước đến miền Vĩnh Phú nơi khởi đầu thời đại Hùng Vương là một khoảng cách địa lý khá xa đối với phương tiện giao thông bấy giờ. Cả hai nơi đều được coi là cái nôi của dân tộc Việt. Tổ tiên ta hẳn phải trải qua một cuộc hành trình vĩ đại lắm. Chính vì không có sử liệu chính xác để khẳng định lịch sử, người ta thường vẽ vời thêm bớt cho thỏa mãn niềm tự hào. Thời đại Hùng Vương mà theo lịch sử không nói rõ 16 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về kéo dài trong bao lâu, nhưng nếu làm phép tính căn bản là lấy bốn ngàn năm trừ đi thời điểm của Bà Trưng (thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch), thì mười tám vị vua Hùng đã sống và trị vì nước ta đến gần hai ngàn năm. Sở dĩ tôi dùng thời điểm Hai Bà Trưng vì chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách được sử ghi là con cháu của một vị Lạc Hầu. Trước đó không lâu là chuyện An Dương Vương và thành Cổ Loa xảy ra cuối thời đại Hùng Vương. Năm bà Trưng khởi nghĩa dành độc lập được ghi chính xác là năm 43 trước Công nguyên. Cứ tính rộng ra mỗi ông vua lên ngôi trị vì trung bình 50 năm, thì mười tám vị vua Hùng chỉ có thể làm vua được nhiều nhất là chín trăm năm thôi. Vậy là có một khoảng trống khó giải thích được. Có vài người không rõ tham khảo từ tài liệu nào, đã nêu thêm từ vài ba đến cả chục vị vua trong mỗi đời vua Hùng. Điều này khó giải thích vì ví dụ nếu vua Hùng thứ nhất truyền ngôi cho vài ba vị nữa, thì các vị này là ai? con hay cháu? và sau đó tại sao lại trở lại truyền cho vua Hùng thứ hai? Có lẽ quý vị đó thấy chuyện 18 đời vua Hùng kéo dài những hai ngàn năm nên phải có hàng chục ông vua chăng? Thật là rối rắm, vì giữa các sử gia Việt Nam vẫn chưa tìm ra lời giải thích hợp lý. Cũng vào thời kỳ này, bên Trung Hoa

là thời Xuân Thu, ở phương Nam có một số nước cũng tên Việt và cũng có mười tám đời vua Hùng của nước Sở. Vậy có thể có sự nhầm lẫn nào đó không? (Chắc ai cũng có đọc chuyện nàng Tây Thi nước Việt được vua Việt Câu Tiễn dâng tặng vua Ngô Phù Sai làm mỹ nhân kế trong thời Xuân Thu). Đây chính là điểm then chốt mà các sử gia tranh luận và có ý kiến dị biệt. Sử học là một bộ môn thuộc khoa học về nhân văn, nó phải dựa trên sự nghiên cứu có tính khoa học như sưu tầm, thống kê, dùng logic để lý giải sự kiện thu góp được qua di chỉ. Sử không thể chuyên chở thiên kiến cá nhân hay của cả dân tộc, vì nó là những chuỗi sự kiện đã diễn ra đúng như thế, trong thời gian như thế. Thiên chức của người làm sử cũng như người thợ chụp hình, ghi lại diễn biến đúng như nó đã diễn ra, vị trí đứng của người làm sử cũng có nhiều ảnh hưởng, như người thợ hình biết xoay ống kính làm cho cảnh sắc thêm hay bớt đi nét đẹp chính của nó. Khi ta nói tới bốn ngàn năm văn vật, và nguồn gốc tiên long là đã có một niềm tự hào sâu sắc về nòi giống ưu tú. Cũng như người Trung Hoa coi các dân tộc khác là man di mọi rợ (Tây di, Nam man, rợ Hồ, khuyến Nhung...), cha ông ta cũng đã từng coi các dân tộc ngoại bang là thấp kém. Ngay cùng sống trên một mảnh đất, ta cũng coi người Thiểu số thượng du là mọi. Đây không còn là niềm tự hào đáng quý mà là sự tự cao đáng tránh. Từ hàng thế hệ qua, nó tạo ra trong dân tộc Việt mối nguy cơ chia rẽ, đổ kỵ, phát triển dần ra chia rẽ Bắc Nam Trung, chia rẽ tôn giáo, tầng lớp xã hội. Nó làm cho dân tộc ta suy yếu để rơi vào vòng nô lệ thực dân hàng chục năm trời, và rồi bị cộng sản lợi dụng để thống trị. Tự hào dân tộc không phải là ngời nhai đi nhai lại truyện bà Trưng, bà Triệu, truyện Bạch Đằng, Đống Đa, mà là làm sao chứng minh trong ngay thời đại mình rằng chúng ta xứng đáng với quá khứ giống nòi. Tự hào phải đi đôi với lòng tự trọng. Người Nhật bại trận bị Hoa Kỳ chiếm đóng, nhưng đã biểu lộ một tinh thần tự trọng cao, biết cái Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về nhục bại trận mà ra sức canh tân để không đầy vài thập niên đã trở thành đối lực của Hoa Kỳ về kinh tế, kỹ thuật. Xưa Khổng Tử cùng học trò trên đường chu du, gặp một đám đông, Khổng Tử không mở miệng hỏi chào. Học trò hỏi : “Thưa thầy, thầy vốn trọng lễ nghĩa, dạy chúng tôi biết chào hỏi nơi đám đông người, sao nay thầy làm ngơ trước đám đông này.” Khổng Tử trả lời: “là người mất nước mà không biết nhục thì không đáng kính trọng.” Chúng ta trải qua một ngàn năm đô hộ của Trung Hoa, mà vẫn quật cường, giữ gìn văn hoá riêng cho đến ngày dành độc lập. Trong khi nhìn trên bản đồ Trung Hoa, hàng trăm quốc gia lớn nhỏ bị các triều đại thanh toán để gom thành một nước Trung Hoa hùng mạnh, nước An Nam bé nhỏ vẫn tồn tại với tiếng nói, tập tục riêng, thì đủ thấy tổ tiên ta anh hùng như thế nào. Ngày nay tổ quốc tuy nằm trong tay bọn việt gian cùng nòi giống, nhưng có khác nào vong quốc. Làm người sống trên quê hương mà không có tự do, không làm chủ được bản thân mình, thì cũng chẳng hơn gì bị lệ thuộc ngoại bang. Hơn nữa bọn Việt gian cộng sản đang đem tài sản, đất đai bán cho nước ngoài, đem những phụ nữ Việt Nam làm trò vui cho bọn du khách lăm dollar, tẩu tán tài sản, quý kim, cổ vật ra nước ngoài. Dân ta trong hai mươi năm đã chứng kiến đất nước càng ngày càng điêu linh, nhìn ra các lân bang để thấy mình thật lụi thảm hại do hậu quả cai trị ngu xuẩn của cộng sản. Thế mà bên cạnh một số nhỏ tiếp tục đấu tranh, chịu tù đầy và bao hy sinh, thì không thiếu kẻ đê hèn không thấy cái nhục phải chui lòn kẻ thù, tìm mọi cách để kiếm chác trong cái cảnh hỗn độn, đói nghèo của đồng bào, hoặc tìm vui bên cảnh đau thương của dân tộc. Có kẻ còn tìm cách bào chữa, tiếp tay nuôi dưỡng cho sự sống còn của bọn quý đỏ vừa về kinh tế, vừa về ngoại giao. Đã đến lúc cùng ý thức niềm tự hào dân tộc mà cùng đoàn kết đấu tranh cho sự Tự do, Dân chủ, Công bình, tận diệt mầm mống chia rẽ để cùng hướng về một tương lai chung. Hãy nghĩ tới lớp thanh niên ưu tú đang mầy mò con đường kiến quốc với tấm lòng trong sạch, nhiệt tình tràn đầy nhưng không được hướng dẫn đúng đắn. Họ nhìn chúng ta với những khuyết điểm mà

chúng ta không thẳng thắn nhận lãnh. Chúng ta chống cộng với lý trí và cả tình cảm riêng qua những mất mát, tù đày đau thương, chúng ta khó áp đặt ý thức chống cộng như thế cho giới trẻ vì họ lớn lên sau này, chưa kinh qua giai đoạn đau thương. Ngày nay họ nhìn thấy nhu cầu giải phóng dân tộc ra khỏi nghèo đói, lầm than mà không truy nguyên căn cơ nào đã tạo ra tình trạng đó. Cộng sản về mặt này có đủ phương tiện, tài chánh, và nhân sự để che lấp, khuyến dụ họ vào tình tự quê hương, dân tộc. Tôi có tiếp xúc với một số em sinh viên đang học tại Đại Học Texas, nhìn thấy họ đang náo nức làm điều gì cho quê hương mà không được cha anh quan tâm hướng dẫn đúng. Bên cạnh, có một số sinh viên do Việt cộng gửi qua du học đang chiếm dần cảm tình của họ qua những mẫu đối thoại nhẹ nhàng, không bày tỏ gì về lập trường quan điểm chính trị cả. Nếu thế hệ chúng ta đã không nắm được vai trò tiên phong chính trị, thì nên chuẩn bị cho lớp đàn em, đàn con chúng ta. Đừng để con Hồng cháu Lạc mãi triền miên trong vòng nô lệ của một chế độ phi nhân, đưa đẩy dân tộc vào thảm họa diệt vong.

18 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Hình trên: Cổ Thành Quảng Trị được sửa lại sau 1975 Chúa Nguyễn Hoàng và Vùng Đất Khởi Nghiệp Ái Tử Mẹ thương con ra ngồi cầu Ái Tử Vợ trông chông lên núi Vọng Phu. Ái Tử là một làng nhỏ thuộc quận Triệu Phong, Quảng Trị. Làng nằm ngay quốc lộ 1 trên đường ra Đông Hà, cách tỉnh lỵ một bãi cát ngắn và một con đò ngang sông Thạch Hãn. Trong chiến tranh chống Cộng (1960-1975) Ái Tử được biết đến nhiều vì đó là căn cứ lớn hàng đầu của quân đội Hoa Kỳ tại miền Trung, nơi đặt bản doanh Sư đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến Mỹ. Ở đó có phi trường quân sự lớn với hàng trăm chuyến bay tấp nập lên xuống mỗi ngày, từ trực thăng chiến đấu cho đến vận tải cơ khổng lồ C-130. Ái Tử cũng là nơi có chùa Sắc Tứ Tịnh Quang nổi tiếng, cảnh sắc tịch mịch nên thơ đượm mùi Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về thiên môn. Nhưng có bao nhiêu người Việt Nam biết đến Ái Tử là một cố đô nơi chúa Nguyễn Hoàng dựng nghiệp? Khi đặt tên Nguyễn Hoàng cho ngôi trường trung học công lập đầu tiên của tỉnh Quảng Trị vào đầu niên khoá 1953-1954, chắc chắn quý vị sáng lập đã có ý nhắc nhở lớp hậu sinh niềm kiêu hãnh của một địa phương từng là kinh đô khởi nghiệp của Chúa Nguyễn Hoàng, vị tiên vương của một Nguyễn triều kéo dài gần 400 năm với 9 đời Chúa và 13 đời Vua (1558-1945). Tuy Nguyễn triều không có những võ công xuất sắc làm rạng rỡ non sông như các tiền triều Lê, Lý, Trần, Hậu Lê và Tây Sơn; nhưng lại có công rất lớn trong việc mở mang bờ cõi về phương Nam, tạo nên một dải giang sơn gấm vóc kéo dài từ ải Nam Quan cho đến mũi Cà Mau. Ngoài ra, chúng ta cũng không quên những đóng góp tích cực về mặt văn học như thi xã Nhi Thập Bát Tú dưới triều vua Tự Đức và bộ luật thời Gia Long làm căn bản tham khảo cho các bộ luật Việt Nam tân tiến về sau này. Ngoài ra, triều Nguyễn cũng để lại nhiều kiến trúc nguy nga tráng lệ có tầm cỡ về nghệ thuật cho hậu thế. Hai quận Gio Linh và Vĩnh Linh, 933 năm trước đây, thuộc châu Ma Linh - một trong ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính - mà vua Chiêm Thành đã dâng cho vua Lý Thánh Tông để chuộc tội quấy phá nhân lúc nước ta suy yếu phải đối phó với nhà Tống bên Trung Hoa. Đến đời nhà Trần, vua Chiêm là Chế Mân lại dâng thêm hai châu Ô và Rý cho vua Trần Anh Tông năm 1306 để làm sách lễ cưới Công Chúa Huyền Trân. Châu Ô sau đổi thành châu Thuận là phần lãnh thổ phía Nam của tỉnh Quảng Trị ngày nay; châu Rý thành châu Hoá sau được đọc trại ra Huế, nay là tỉnh Thừa Thiên. Nhiều sách sử ta ghi châu Rý thành châu Lý; vì ảnh hưởng tiếng Hán Việt, người Trung Hoa không phát âm được chữ R. Họ đọc chữ R thành L (ví dụ: Roma đọc thành La Mã) Khởi đầu thời Lê mạt, họ Mạc làm phản, hùng cứ một phương. Vua Lê phải cậy vào công lao của Nguyễn Kim để lấy lại đất Thanh Nghệ. Sau khi Nguyễn Kim bị hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đánh thuốc độc chết, binh quyền lọt về tay người con rể là Trịnh Kiểm. Con cháu họ Trịnh đã tiếp tục chiến đấu và sau này diệt tan nhà Mạc, thu giang sơn về lại cho nhà Lê. Ý công lớn, họ Trịnh chuyên quyền, lấn áp các vua Lê, tự lập

phủ chúa với quần thần triều nghi không kém cung vua. Nguyễn Kim nguyên quán Gia Miêu, Thanh Hoá (Thanh Hoá cũng là nguyên quán của vua Lê và chúa Trịnh). Ông có hai người con trai là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng. Cả hai đều là tướng giỏi có nhiều công trận. Nguyễn Uông được phong tước Lạng Quận Công; Nguyễn Hoàng (1524-1613) được phong là Thái Úy Đuan Quận Công. Nguyễn Uông bị Trịnh Kiểm ám sát vì lo sợ ông tranh giành quyền bính. Nguyễn Hoàng biết phận mình khó yên, bèn tìm phương kế để thù thân. Ông hỏi ý kiến Trịnh Trình Nguyễn Bình Khiêm và nhận được một câu gợi ý “Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân”. Nghĩa là “Một dải núi Hoành Sơn có thể làm nơi dung thân muôn đời.” (Núi Hoành Sơn thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình, chạy từ Trường Sơn ra đến biển, có đèo Ngang để thông thương giữa hai bên). Nguyễn Hoàng mới nhờ chị mình là Ngọc Bảo (vợ Trịnh Kiểm) xin với Trịnh 20 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Kiểm cho vào trấn nhậm vùng đất phương Nam. Giết đi thì sợ mang thêm tội, mà để bên cạnh thì lại cứ phải lo lắng, Trịnh Kiểm lại thấy đất Thuận Hoá xa xôi, hiểm nghèo nên y lời. Ông xin Vua Lê Anh Tông cho Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hoá. Đó là vào năm 1558. E rằng Trịnh Kiểm có thể đổi ý bất ngờ, Nguyễn Hoàng liền mộ hơn một ngàn dân binh, mua sắm chiến thuyền và lương thực vội vàng giương buồm ra khơi xuôi vào Nam vào ngày 10 tháng 10 năm 1558. Những người theo ông đa số là đồng hương ở Tổng Sơn và các lính nghĩa dũng quê quán Thanh Hoá, Nghệ An. Họ đem theo cả gia đình với ý định ra đi tìm cơ hội vĩnh viễn nơi vùng đất hứa xa lạ. Sau ba ngày giông ruổi trên biển Đông, nhờ thuận buồm xuôi gió, Nguyễn Hoàng và tùy tùng đã vào Cửa Việt và xuôi ngược dòng Hãn Giang, đổ bộ lên làng Ái Tử thuộc huyện Triệu Phong bây giờ. Thế là chim đã sổ lồng. Từ nay, Nguyễn Hoàng sẽ trồng cây vào tài đức của mình để thu phục nhân tâm, bắt đầu xây dựng cơ nghiệp. Tại Ái Tử, Nguyễn Hoàng đã được quan sở tại là Tổng Phước Trị nghênh tiếp. Dân chúng Ái Tử và các vùng lân cận cũng nô nức chào đón. Họ dâng lên Nguyễn Hoàng 7 vò nước trong, mang ý nghĩa dâng “Nước” để lập quốc. Nguyễn Hoàng hạ lệnh đóng dinh cơ tại Ái Tử (sau gọi là kho Cây Khế) là một bãi cát trống trải, thuận lợi cho việc phòng thủ theo quan điểm quân sự cổ điển thời bấy giờ. Ông là người nhân đức, khôn ngoan, dùng lòng khoan ái mà thu phục nhân tâm, kết giao cùng hào kiệt cho nên chỉ trong thời gian ngắn, được tất cả mọi người mến phục. Vì còn thuộc quyền vua Lê, năm 1569, Nguyễn Hoàng phải ra châu vua theo thông lệ. Qua năm 1570, ông được phong thêm đất Quảng Nam sau khi Tổng binh Quảng Nam là Nguyễn Bá Quỳnh được điều ra trấn thủ đất Nghệ An. Như thế Nguyễn Hoàng nay coi cả hai trấn Thuận Hoá và Quảng Nam; hàng năm nộp thuế cho triều đình gồm 400 cân bạc và 500 tấm lụa. Cũng năm 1570, ông thiên đô về thôn Trà Bát, cách Ái Tử khoảng 2 cây số. Nhưng sau thấy bất lợi nên lại dời về Ái Tử vào năm 1590. Năm 1572, Trịnh Kiểm chết. Các con là Trịnh Cối và Trịnh Tùng đánh nhau giành quyền bính. Họ Mạc lợi dụng thời cơ đem quân vây đánh Thanh Hoá. Một mặt vua Mạc sai tướng Lập Bạo đem 60 chiến thuyền vào đóng tại làng Hồ Xá, Lạng Uyển (huyện Minh Linh) chuẩn bị đánh Nguyễn Hoàng. Nguyễn Hoàng dùng mỹ nhân kế và của cải hối lộ để giết được Lập Bạo, đánh tan quân Mạc. Ông cư xử rất nhân đạo đối với tàn binh nhà Mạc, cho họ đất Cồn Tiên để lập nghiệp. Ngoài ra, ông còn cấp phương tiện làm ăn. Do đó, những hàng binh sau này lập miếu thờ ông để nhớ ơn. Sau này, khi Trịnh Tùng tái chiếm kinh đô Thăng Long năm 1593, bắt được vua Mạc Mậu Hợp, Nguyễn Hoàng đã đưa quân binh và vũ khí ra Đông Đô giúp Trịnh Tùng đánh dư đảng họ Mạc trong suốt gần 8 năm trời. Ông bị kẹt lại mà không có dịp trở về Nam vì Trịnh Tùng luôn luôn theo dõi, nghi ngờ. Qua năm 1590, do họ Trịnh quá chuyên quyền, kiêu căng và làm mất lòng người, nhiều quan binh đã nổi lên làm loạn tại Nam Định. Nguyễn Hoàng nhân dịp xin đi dẹp Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về loạn rồi theo đường biển về lại Thuận Hoá. Để được tạm yên, ông đem con gái là bà Ngọc Tú gả cho Trịnh

Tráng là con trai Trịnh Tùng. Trong 46 năm ở đất Thuận Hoá, chúa Nguyễn Hoàng đã chăm lo tổ chức hành chính, phát triển kinh tế dân sinh. Ông cho di dân từ Thanh Nghệ vào thành lập làng xã, xây dựng công sự phòng thủ. Những quan binh và dân đi lập ấp được cấp trâu bò, dụng cụ nông nghiệp và 6 tháng lương thực. Đa số các xã được lập nên do từng họ gia đình, vì thế các tên làng thường bắt đầu bằng tên họ của dân lập nghiệp. Ví dụ: Phan Xá, Mai Xá, Lê Xá, Hoàng Xá, vân vân. Nhờ sự di dân đó, nền văn hoá, phong tục cổ truyền Việt Nam được phát triển thay thế văn hoá Chăm. Nhưng cũng có nhiều sự hội nhập giữa hai nền văn hoá. Có lẽ chiếc áo dài Việt Nam được gợi ý từ áo dài của Chăm? Đặc biệt là về ngôn ngữ, tiếng Việt có thêm nhiều đặc ngữ phát xuất từ ngôn ngữ Chăm. (Răng, ri, mô, tê, rứa, vân vân) Cũng tại vùng Ái Tử, ngoài dinh cơ của Chúa Nguyễn, còn là nơi đặt đại bản doanh của quân đội. Vì thế, sau này có các làng Tả Kiên, Trung Kiên, Tiền Kiên, Hậu Kiên mà tên gọi phát xuất từ các đạo quân theo tổ chức phiên chế thời đó: Tả quân, Hữu quân, Trung quân, Hậu quân, Tiền quân. Điều này cho chúng ta suy đoán rằng các làng trên, nguyên thủy là nơi đặt hành dinh hay hậu cứ của các đạo quân. Chúa Nguyễn Hoàng mất năm 1613, truyền cơ nghiệp lại cho con là Nguyễn Phúc Nguyên (chúa Sãi) với lời dặn dò bảo trọng đạo đức và nhân ái để giữ nghiệp muôn đời. Sau này, năm 1626, chúa Nguyễn Phúc Nguyên dời đô vào làng Phước Yên thuộc châu Thuận (Thừa Thiên bây giờ). Dinh Ái Tử được gọi là cự dinh, vẫn giữ các cơ quan hành chính dưới quyền một vị trấn thủ. Đất Ô Rý, hay Thuận Hoá, tuy đã được khai phá từ trước đây, nhờ công lao các chúa Nguyễn và sức lao động cần cù, sáng tạo của người Việt, đã trở nên phát triển để sau này làm bàn đạp cho dân tộc tiến vào khai phá phương Nam, tiêu diệt Chiêm Thành, lấn chiếm Cao Mên, mở mang bờ cõi cho đến đồng bằng Cửu Long trù phú ngày nay. Những đoàn người di dân từ châu Thuận Hoá đến đâu cũng bảo lưu được tập tục, nếp sống văn hoá của mình. Nhiều họ gia đình dùng tên làng mình để đặt tên làng mới tại vùng đất mới. Chúng ta biết tại vài vùng như Hội An, Qui Nhơn, có làng Bồ Bản mà có lẽ dân làng gốc từ Bồ Bản thuộc huyện Đăng Xương (Triệu Phong sau này) Từ đó trở đi, họ Nguyễn tự xưng chúa, độc lập ở phương nam, lấy sông Gianh thuộc tỉnh Quảng Bình ngày nay làm ranh giới hai miền. Với đề án và sự chỉ huy của nhà 22 Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về thông thái Đào Duy Từ, Chúa Nguyễn cho xây một kiến trúc công sự bằng đất tại Đồng Hới để phòng ngự lâu dài. Đó là Lũy Thầy, một tiền đồn trọng yếu để ngăn quân Trịnh tấn công từ phương Bắc. Từ sông Gianh trở ra gọi là Đàng Ngoài thuộc quyền chúa Trịnh; từ sông Gianh trở vào gọi là Đàng Trong thuộc quyền chúa Nguyễn. Cuộc phân tranh kéo dài gần 200 năm. Hai họ Trịnh Nguyễn từng tranh chiến tương tàn trong hàng chục năm mà không phân thắng bại. Họ Nguyễn truyền nhau được 9 đời chúa trước khi bị nhà Tây Sơn đánh tan. Sau đó, Nguyễn Ánh nhờ sự giúp sức của Giáo sĩ Bá Đa Lộc và vài ngoại viện, lại đánh thắng Tây Sơn, thống nhất đất nước về một mối. Nguyễn Ánh lên làm vua lấy vương hiệu là Gia Long và đóng đô tại Phú Xuân (Huế). Triều Nguyễn truyền được 13 đời vua, chỉ thịnh trị được vài chục năm đầu; sau đó suy yếu, để đất nước loạn lạc và rơi vào bàn tay đô hộ tàn bạo của thực dân Pháp. Nguyễn triều chấm dứt với sự thoái vị của vua Bảo Đại năm 1945 khi Hồ Chí Minh cướp chính quyền nhân dịp Nhật bại trận và đầu hàng Đồng Minh trong thế chiến thứ hai. Như thế, ta đã thấy tên tuổi sự nghiệp của chúa Nguyễn Hoàng đã gắn bó mật thiết với địa danh Quảng Trị như thế nào. Nhưng kể từ khi Cộng sản nắm quyền, do quan điểm độc đoán, tự coi mình là nhất thiên hạ, các nhà lãnh đạo Cộng sản Việt Nam trong một thời gian dài đã phủ nhận lịch sử, lên án tiền nhân. Lịch sử Việt Nam được thay thế bằng lịch sử đảng Cộng sản VN; Họ san bằng các di tích lịch sử nơi cha ông ta đã từng chiến thắng quân Tàu để làm vui lòng đồng chí quan thầy Trung Hoa. Đặc biệt, họ coi triều Nguyễn là phản động và đã xoá tên các vua và công thần nhà Nguyễn trên các công trình, di tích lịch

sử, tên đường phố, trường học. Biết đến bao giờ thiếu niên Quảng Trị lại có một ngôi trường NGUYỄN HOÀNG ngay trên mảnh đất mà 400 năm trước đây, vị chúa nhân từ, tài ba đã bắt đầu một sự nghiệp vĩ đại mang về cho tổ quốc thêm một phần lãnh thổ lớn lao, trù phú. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Dòng Sông Chia Cắt Trong đời người, ít ra ai cũng có một dòng sông kỷ niệm. Thời ấu thơ thì đó là dòng sông nơi ta thường bơi lội nhớn nhạo vui đùa vô tư cùng các bạn. Vào lứa tuổi đôi mươi thì đó là dòng sông nơi hò hẹn lần đầu với người yêu trong những chiều tà hay đêm trăng. Sông ngòi Việt Nam nhiều đến nỗi có đủ để ban phát cho mỗi người ít nhiều kỷ niệm êm đềm, nên thơ hay đắng cay hờn tủi, có khi cả kỷ niệm chia ly, đau buồn. Đối với cả dân tộc thì hai con sông Gianh và Bến Hải là chứa chan bao kỷ niệm chia lìa, nhục nhã của sự phân tranh Nam Bắc. Hai trăm năm trước đây, hai họ Trịnh, Nguyễn cắt đôi núi sông vì tranh giành quyền bính trước một cơ đồ nhà Lê đã đến thời suy kiệt. Hai trăm năm sau, thực dân và cộng sản lại nở đang tâm phân rẽ đại gia đình Việt Nam vì những giấc mộng ngông cuồng của chủ nghĩa Quốc tế Đại đồng của Cộng sản. Chinh chiến điêu linh kéo dài hai mươi năm đã hủy diệt mầm sống của dân tộc: hàng triệu thanh niên ưu tú của hai miền gục ngã trên con đường Trường Sơn, trong rừng già Tây nguyên, sinh lây Đồng 24 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Tháp... Tài nguyên thiên nhiên bị hủy diệt, thành phố, nông thôn tiêu điều; gia đình ly tán, niềm tin mai một. Cũng chỉ vì một dòng sông, cũng chỉ vì một chủ nghĩa ngoại lai phi nhân bản, cũng chỉ vì một loại người vô lương... Tôi sinh ra và sống hết thời thơ ấu bên người mẹ hiền ở một huyện lỵ nhỏ bé nơi vùng giới tuyến phân chia Nam Bắc. Mở mắt chào đời chưa bao lâu, tôi đã mất người cha vào tay bọn Việt Minh trong ngày gọi là tổng khởi nghĩa. Chúng đưa người ra Bắc biệt tăm từ đó. Mẹ tôi không thể tiếp tục cuộc đời làm dâu tôi đòi, dù rằng hai bên nội ngoại tôi đều làm quan rất lớn trong triều. Bà đã bồng bế tôi ra miền Gio Linh lập nghiệp. Ban đầu buôn bán theo những chuyến xe hàng, sau mở cửa hàng bán vải vóc ngay góc phố chính của Gio Linh. Phía sau nhà tôi là cơ quan huyện đường, nơi người cậu của mẹ tôi làm huyện trưởng. Tuổi thơ của tôi hồn nhiên và hạnh phúc, vì mẹ tôi thương con rất mực. Chiến tranh lúc đó cũng cận kề. Quân đội Pháp thì có một tiền đồn trấn giữ ngay đỉnh đèo Ba Dốc do Thiếu Úy Lam Sơn (Phan Đình Thứ, sau này là Chuẩn Tướng Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt). Nơi này nhìn thẳng ra cầu Hiền Lương chỉ cách đó chừng năm cây số. Việt Minh thỉnh thoảng bắn súng cối vào huyện. Có lần hai trái đạn nổ ngay nhà tôi, làm chết mấy người khách xin ngủ trọ. Mẹ tôi may mắn trong đêm đi ra ngoài vườn làm vệ sinh nên thoát chết; còn tôi đang ở cùng người chị ruột tại tỉnh lỵ Quảng Trị. Sau này, nhà vẫn còn giữ những bàn ghế và tầm ván ngựa gỗ trặc bị miếng đạn băm nhiều vết. Tôi sớm thấy Việt Minh. Một đêm, chúng tấn công huyện đường đánh cho đến sáng thì rút lui. Bọn trẻ con kháo nhau đi xem Việt Minh chết. Tôi cũng tháp tùng trong đám trẻ, mon men lại gần xác chết. Đó một người mặc quần áo ka ki vàng, chân đất, nằm sòng soai xéo bên cổng huyện, mặt phủ một tấm khăn trắng. Có đứa dạn tay lật chiếc khăn ra xem thử Việt Minh có mấy mắt mấy miệng. Tuy còn bé, tôi đã ý thức được đây chính là kẻ thù đã bắt cha mình đi biệt. Tôi thù ghét Việt Minh từ đó. Ai có về vùng Gio Linh mới thấy hết cảnh nghèo của thôn quê địa đầu giới tuyến. Đất không nghèo, vì đất đỏ có thể trồng tiêu, chè cho lợi tức cao. Dân không thiếu và thường là dân chăm chỉ, cần cù. Gio Linh nói riêng, hay Quảng Trị nói chung nghèo là vì chiến tranh. Mùa hè, người nông dân làm ruộng dưới cơn nóng hừng hực do ngọn gió Lào thổi về; mùa đông cái rét căm căm cộng với những cơn mưa triền miên kéo dài hàng vài ba tháng làm cho cảnh sắc tiêu điều thêm. Gio Linh với bài hát của Phạm Duy gợi lên hình ảnh bà mẹ già nhăn nhọc: “Mẹ già cuốc đất trồng khoai, nuôi con đánh giặc đêm ngày...” Rồi đêm nghe tin con mình bị giặc chém đầu, “Mẹ già không nói một câu, đem khăn gói đi lấy đầu.” Thê lương thay, hình ảnh “lá vàng khóc lá xanh rơi” mà mãi hàng chục năm sau vẫn còn tiếp

diễn. Ngày đất nước chia đôi, hai bên bờ sông Bến Hải trở thành khu Phi Quân Sự. Cái đờn canh của Pháp trên đỉnh đèo Ba Dốc trở thành trụ sở của Ủy Hội Kiểm Soát (International Control Commission, viết tắt là ICC). Cầu Hiền Lương bắc qua sông Bến Hải được chia hai, phần trong Nam sơn màu xanh, phần ngoài bắc sơn đỏ; giữa là vạch sơn trắng, biên giới của hai miền, của tự do và nô lệ, của dân chủ và độc tài, của cái mỹ Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về danh Tiền đồn chống Cộng của Thế giới Tự do và Tiền đồn phe Xã hội chủ nghĩa. Từ đó bắt đầu cuộc chạy đua, một bên tiến lên phía trước của văn minh phát triển, một bên tụt lại hàng chục năm sau. Đứng trên đèo Ba Dốc nhìn ra phương Bắc, con đường quốc lộ 1 thẳng tắp vượt qua cầu chạy sâu vào lãnh thổ huyện Đồng Hới. Hai bên bờ sông là hai cột cờ mà mỗi năm mỗi được xây cao thêm, vì bên nào cũng muốn tỏ ra hơn hẳn đối phương. Lá cờ rộng có lẽ bằng cả sân làng. Bên kia, nhiều cán bộ đã chết oan ức vì leo lên đỉnh gỡ rối lá cờ những ngày có gió lớn. Tôi có nhiều dịp đến tận sát đầu cầu nhìn qua bên kia. Cũng có vài lần ra đến chợ Cao Xá, nơi khoảng cách hai bờ hẹp nhất. Con sông Hiền Lương bắt nguồn từ núi Trường Sơn đổ ra biển Đông ở cửa Tùng, nước chảy lặng lẽ, sóng gợn nhẹ buồn mênh mang. Trên sông, vài con thuyền trôi êm, không tiếng hò, câu hát. Chợ Cao Xá nằm sát bờ sông. Những ngày phiên họp đông đúc, bày bán đủ thứ hàng phong phú của miền Nam kinh tế tự do. Người qua lại lũ lượt áo quần màu sắc rực rỡ. Dây loa công suất lớn gồm hàng chục cái chia sang bờ Bắc, phát ra những bài ca tình tứ, ca ngợi cuộc sống êm đềm, ấm no của miền tự do. Phía bên kia bờ, cảnh vật đìu hiu. Một ngôi nhà ngói đỏ lác lõng giữa vài căn lều xơ xác. Vài người nông dân đứng âm thầm giữa cánh đồng buồn hiu; trên đường có chiếc xe ba càng nặng nề kêu cút kít. Hàng loa tròn ngoài đó không đủ mạnh để đưa những luận điệu tuyên truyền vượt qua con sông hẹp. Phải những ngày nghịch gió, ta còn nghe văng vẳng vài câu hát the thé toàn chuyện chăn nuôi, sản xuất. Nơi đây, vùng phi chiến. Không có bóng dáng người chiến binh. Chỉ thấy anh cảnh sát mặc đồng phục trắng qua lại. Sau này, chính quyền ta lập ra quận Trung Lương nhỏ bé để đảm trách phần hành chánh của vài ba xã nằm trong vùng. Tôi có dịp ra chơi nhiều lần trong những dịp hè, vì Lễ Môn là quê hương của người anh rể tôi. Những ngày nắng đẹp, chúng tôi chạy đuổi bắt nhau qua những rừng đầy trái sim chín và trái chu môi chua chua, ngọt ngọt. Sáng sớm thì đi săn chuột ở các thửa ruộng vừa gặt xong; những con chuột đồng béo mập, lông vàng hoe, đem về lột da, móc ruột, cho vào hông với lá sả là tuyệt. Thế rồi... Cảnh thanh bình đột ngột biến mất. Ủy Hội Kiểm Soát Quốc Tế rút đi, thay vào đó là toán Hiến binh đội nón cát kết đỏ. Tiếng sáo chiều nhẹ nhàng đã bị thay bằng tiếng đạn cối đêm đêm vọng về. Chiến cuộc bắt đầu từ các vùng Cam Lộ, Hướng Hoá lan dần xuống. Đông Hà trở thành căn cứ quân sự lớn với các chàng trai trẻ Sư đoàn 1 Bộ binh kiêu hùng. Cộng sản phản bội Hiệp định Geneve, thành lập cái gọi là Mặt trận Giải phóng Miền Nam trong kỳ Đại hội Đảng Lao Động Việt Nam (tiền thân đảng Cộng Sản) ngày 20-12-1960 nhằm thôn tính miền Nam. Du kích nằm vùng bắt đầu quậy trở lại. Chiến tranh lớn dần, lan rộng ra tận khu phi quân sự. Đạn đại pháo từ bên kia bờ ngang nhiên bắn phá vào làng mạc miền Nam. A-1, Côn Thiên trở thành pháo lũy kiên cường, nơi những người chiến sĩ Trung đoàn 2 của Đại tá Vũ Văn Giai ngày đêm gian nguy chống giữ. Sông Bến Hải lại lần nữa chứng kiến cảnh huynh đệ tương tàn. Năm 1965, tôi đang làm cho một cơ quan chống khủng bố của Tòa Đại sứ Hoa Kỳ 26 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về tại Quảng Trị. Ngày đưa ba tên Tôn Thất Dương Ky, Cao Minh Chiếm và Phạm Văn Huyền (tôi không nhớ chính xác lắm về tên sau này) tổng cổ ra Bắc vì tội ăn cơm Quốc gia, thờ ma Cộng sản; tôi lại lần nữa ra tận chân cầu Hiền Lương. Vì là vùng Phi Quân Sự nên chúng tôi phải thay đổi thường phục để cùng các Cảnh Sát viên áp giải những tù nhân này. Con sông vẫn chảy lặng lẽ, như vô tình trước cơn binh lửa. Sóng gợn nhẹ lăn tăn, lấp lánh ánh mặt trời như một điệu ru buồn

não ruột. Hai mươi lăm năm sau, đất nước lại thanh bình, tôi qua Hiền Lương trong một chuyến xe dò đi Hà Nội thăm cho biết quê hương trước khi đi Mỹ theo chương trình Tái Định Cư Cựu Tù Nhân Chính Trị do chính phủ Hoa Kỳ bảo lãnh. Cảnh trừ phú nhộn nhịp của những năm “cởi mở” đã thực sự chấm dứt ở Đông Hà, cách đó 15 cây số về phía nam. Từ đó cho đến tận Hà Nội là cảnh tiêu điều hoang sơ, nghèo đói là nghèo. Nghèo ngoài sự tưởng tượng. Chiếc cầu Hiền Lương còn trơ khung sắt đã tróc rỉ. Mặt cầu không còn lớp ván mà thay bằng những cây rừng gác tạm bợ, buộc với nhau bằng đủ loại dây nhợ. Hai móng cầu đã nứt nẻ, người ta dùng dây kẽm gai chằng néo chống đỡ một cách vừa thiếu mỹ thuật, vừa phô bày sự lạc hậu thô sơ. Đã mười lăm năm sau chiến tranh mà cộng sản vẫn chưa vãn hồi được cảnh thanh bình an lạc nơi miền quê đau khổ này. Bên bờ Bắc, vẫn những tấm áo nâu sồng rách bạc, lấm lũi đi trong mưa. Đường lộ không còn nền nhựa mà chỉ đá đất lổm chổm đầy ổ gà. Hai bên, thỉnh thoảng thấy những cụ già, những bé thơ gầy còm đứng xin ăn. Các thiếu nữ thì che tấm chiếu chờ những chuyến xe từ miền Nam ra gạ gẫm bán thân, đổi lấy lon gạo trắng cho bữa cháo ngày mai của gia đình. Con sông Gianh, nơi phân chia thời Trịnh Nguyễn, nước đục ngầu, chiếc cầu bắc qua đã bị phá hủy trong chiến tranh vẫn chưa được xây lại. Xe cô phải qua cầu phà ghép bằng đủ loại ca nô nâng tạm bợ sàen cầu bằng các tấm gi sắt cũ. Người dân xứ Nghệ Tĩnh, cục cưng của chế độ Cộng sản thật khó thương. Họ vừa cục cằn, thô lỗ, vừa bản tính. Xe tôi dừng ngủ đêm chờ sáng. Trước khi qua phà, tôi cầm ca và bàn chải đánh răng bước vào một căn nhà xin nước sạch để rửa mặt, súc miệng. Chưa đặt chân qua cổng, đã nghe cái giọng trọ trẹ dễ ghét: “Khoông cho mô, đừng vô.” Thử tưởng tượng, cái giếng nước thì đầy nhóc, mà lòng người thì quá khô cạn. Thì ra, thống nhất từ lâu, nhưng Nam Bắc vẫn không thể chan hòa được. Ranh giới địa lý đã xoá mờ, nhưng ranh giới ý thức hệ, ranh giới của văn hoá, ranh giới của tình người, ranh giới của sự phát triển vẫn còn kéo dài cho đến cả nhiều thập niên về sau. Còn một con sông Bến Hải mới giữa những người không phương kế, phải ở lại và những người ra đi đến bến bờ tự do trên hàng chục nước khác nhau khắp hoàn cầu. Hai mươi năm với hai lối sống hoàn toàn khác biệt đã tạo ra một khoảng cách rất xa giữa hai nếp suy nghĩ mà dễ gì rút ngắn trong một thập niên nếu một mai kia, khi tự do, dân chủ lại vãn hồi trên quê hương. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Dòng Sông Quê Ngoại Khi còn tuổi thanh xuân, tôi như cánh chim giang hồ; mơ đến những phương trời xa; tìm vui trong những ngày tháng rong chơi, nhớn nhơ như cánh bướm tìm hoa bốn mùa tươi thắm ở những khu vườn lạ. Tôi rời bỏ quê, để lại người mẹ hiền cô đơn ra vào căn nhà bé nhỏ nơi thị trấn nhỏ miền Trung xa xôi lên đường xuôi Nam. Vài năm trú chân thành phố biển Nha Trang cát trắng êm đềm. Nhiều năm tận hưởng ánh đèn màu, vũ nhạc Sài Gòn hoa lệ. Rồi cánh bướm giang hồ ghé chân, thuyền tình ghé bến thả neo bên hồ Xuân Hương giữa mùa xuân ấm áp hoa đào rộ nở của Đà Lạt mộng mơ. Ít khi trong khoảng thời gian này tôi nhớ về quê nhà. Dù rằng nơi miền đất địa đầu này, tôi đã nếm qua hương vị ngọt ngào của một mối tình đầu học sinh mà theo nhà thơ Xuân Diệu thì: “ngàn năm hồ dễ mấy ai quên,” và cả một thời thơ ấu chan chứa bao kỷ niệm. Nhưng đến sau 1972, khi Quảng Trị chỉ còn tên và một đồng gạch vụn sau chiến trận mùa hè, nỗi thương tiếc trở về từng đêm trong giấc mơ của kẻ tha hương. Cả cuốn phim dĩ vãng bắt đầu từ những hình ảnh chắp vá, dần dần được sắp xếp theo thứ tự thời 28 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về gian. Người và việc rõ nét dần trong từng trang chan chứa bao nỗi buồn niềm vui và tưởng chừng như vừa mới xảy ra quanh đây, còn thấm đượm màu thời gian. Tại sao người ta thường nhắc nhở nhiều về quê Mẹ? Trẻ con quê tôi lúc nô đùa thường hát đố: “anh về quê ngoại, tôi về quê nội, bên mô hơn?” Ôi! thật khó kiếm được một câu trả lời cho vừa ý. Bởi vì bên mô cũng tràn ắp tình cảm yêu thương dào dạt mà đã nuôi nấng ta nên người. Khí cha huyết mẹ; bên sinh, bên dưỡng. Bên nào

cũng công ơn trời biển, cũng những hy sinh vô vàn, bao la tình nghĩa, nghiêm khắc hoặc trìu mến nhẹ nhàng; mỗi bên đã tạo nên một phần quan trọng trong sự trưởng thành của đời con. Nhưng có lẽ chân thật mà nói, thì khi còn thơ dại, người ta có khuynh hướng thiên về quê ngoại hơn. Vì khi nói đến quê ngoại, là thường nhắc nhở chịu đựng, khoan thứ và mọi tình cảm ngọt ngào mà ông bà, dì cậu thường dành cho đứa cháu ngoại được coi như khách hơn là cháu nội, người chủ tương lai của gia đình. Quê ngoại, nơi đó tôi từng nhờn như vui đùa cùng đám trẻ suốt mùa hè êm ả trong những năm ấu thơ của tuổi học trò. Những kỷ niệm về quê ngoại và tấm lòng bao dung, trìu mến của Bà cùng các dì, cậu là mối dây thiêng liêng gắn bó tình cảm của tôi với mảnh đất hiền hòa nằm bên khúc sông vừa nhập từ nguồn Hãn Giang và Hiếu Giang, chỗ dòng nước lợ bắt đầu tuôn chảy ra biển Đông. Làng An Cư êm đềm cũng như người dân làng An Cư hiền lành và khiêm tốn. Con đường tỉnh lộ chạy từ thị xã Quảng Trị ngày đó rải bằng đá dăm, chỉ rộng đủ cho hai làn xe. Làng xã hai bên đường ẩn hiện sau những lũy tre xanh, thấp thoáng vươn lên những hàng cau thanh mảnh. Có những tên làng rất nên thơ : Bích La Đông, Bích La Tây, Trà Liên; lại có tên làng rất đơn sơ, mộc mạc: Đầu Kênh, Dương Lộc, Bồ Bản... Làng An Cư có ngót trăm nóc gia. Khu dinh cơ lớn nhất là của cố Quận Công Nguyễn Văn Tường¹, gồm những dãy nhà ngang dọc và khu vườn rậm rạp bao quanh bởi bức tường thành phủ đầy rêu xanh. Đó là nơi tôi cùng đám anh em thích thú tò mò thám hiểm từng góc vườn, từng đống vôi gạch vụn; tìm bắt các chú ếch ương, mò tổ chim; hay leo lên cành ổi chơi trò tarzan đu dây, đuổi bắt với bọn mọi rừng xanh tràn ập trong trí tưởng tượng của tuổi thơ. Ông ngoại tôi cũng là hậu duệ của cụ Quận Công. Đời cố tuy đỗ Cử nhân nhưng không ra làm quan, ở lại quê làng, lo cày cấy ruộng vườn. Đến đời ngoại thi đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thân, triều vua Duy Tân lúc ngoại vừa hai chín tuổi. Mẹ tôi kể chuyện lúc Ngoại được Vua ban áo mào vinh quy. Sau khi về trình diện quan Tuần Vũ Quảng Trị xong, người cởi áo triều, khoác vào bộ y phục nông dân và theo đường tắt đi bộ về làng vì sợ gia đình nghèo không đủ tiền để làm tiệc khao cho làng tổng. Trong lúc đó, cả tổng đã kéo nhau lên trước dinh cơ quan Tuần Vũ, mang theo vông lọng chờ rước quan tân khoa. Chờ đến quá trưa, họ đánh bạo vào dinh hỏi thăm. Khi vỡ lẽ quan tân khoa đã bỏ về từ lâu; họ bèn xếp vông lọng, lếch thếch kéo về làng bắt lỗi gia đình. Ngoại làm quan lớn cho đến đời vua Khải Định, nhưng vẫn sống cảnh thanh bần. Những tấm hình của Ngoại 1 Phụ Chính Đại Thần Nguyễn Văn Tường, đồng triều với Đại Thần Tôn Thất Thuyết, đã phế lập ba vua Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về trong chiếc áo the và tấm bài ngà cũng chứng minh sự khiêm cung thanh bạch của người. Mẹ tôi là con gái đầu của mười một anh chị em. Bà được gả về làm dâu nhà quan Thị Lang bên làng Đầu Kênh giàu có nhưng không được toàn vẹn hạnh phúc vì quan niệm phong kiến thời bấy giờ. Lại rất ít khi được gần gũi chồng. Bà sống âm thầm, lao nhọc và buồn tủi cho đến khi cha tôi bị Việt Minh bắt cóc năm 1948, mới đem con thoát ly nhà chồng tự lập thân. Có lẽ điều này làm cho tôi thân thương hơn đối với bên ngoại. Mỗi năm cứ đến hè, mẹ cho tôi về quê ngoại. Chiếc ca nô rời bến Đông Hà thường vào lúc xế chiều, để đưa khách trở về quê làng sau buổi chợ tan. Thuyền chạy êm trên dòng sông nước trong và xanh biếc. Những con đò dọc khua mái chèo nhẹ nhàng, thanh thản với những tiếng râm ran trò chuyện của bạn hàng hòa trong tiếng cười dòn của những cô gái xuân. Thừa đó yên bình quá. Chưa có tiếng súng các búp quấy phá, chưa có mìn bẫy khủng bố của du kích. Chưa ai nghe đến hai chữ Việt Cộng. Cuộc sống thanh bình hoan lạc trải dài trên khắp các thôn trang. Ca nô cập bến. Đó là gò đất cao bên bờ sông. Dân làng gọi là đống lớn để phân biệt với đống nhỏ cách đó chừng vài mươi thước. Những đêm trăng, bọn trẻ kéo nhau ra đây vui đùa. Ngâm mình bơi lội tung tăng trong giòng nước ấm rồi quây quần nhóm lửa lên, ca hát, đố vui, kể chuyện xưa và chờ mua những tôm cá tươi

ngon từ các thuyền chài đi qua rồi nướng lên trên bếp lửa và tận hưởng hương vị ngọt ngào đồng quê. Cách một con đò ngang, bên kia sông là làng Dương Xuân. Thịnh thoảng có những phiên chợ nhỏ gồm chục gian hàng. Trên những chiếc sạp tre, các bà bày bán lẻ đủ thứ hương hoa vàng mã; kẹo bánh rẻ tiền, hoặc giấy bút cho học trò các trường làng lân cận. Bọn trẻ con thường bơi qua lại hai bên. Sông tuy rộng, nhưng hai bờ đều cạn, ra đến một phần tư sông mới ngập ngang cổ. Do đó, không cần phải là tay bơi giỏi mới đủ sức bơi qua bên kia. Đáy sông đầy cát và sỏi nhỏ. Thú nhất là lặn sâu xuống đáy sông, nhìn ngược lên để thấy ánh mặt trời lấp lánh qua làn nước xanh trong; thấy rõ những đàn cá nhỏ tung tăng đuổi nhau quanh những đám rêu dài. Nhà Ngoại có mấy cây dừa thấp, cho những chùm trái ngọt lịm. Khi bà ngoại còn sống, có dịp các cháu về, bà thường nhờ người mua những con cá ngừ về kho xấp với thơm Hà Nội. Nước cá ngừ kho với ớt tỏi già nhỏ ăn với bún Sòng là thứ đặc biệt quê tôi không đâu ngon bằng. Ngoại cũng sống cô đơn như bà Nội, tuy cả hai đều đông con cái. Các dì đi lấy chồng xa; các cậu, hai người thì đi theo kháng chiến biên biệt từ những năm 40, hai người là sĩ quan quân đội Cộng Hòa trú đóng tận trong Nam. Cậu út được quân đội gửi sang Hoa Kỳ du học năm 1958 và ở lại luôn không về, mà cũng chẳng thư từ gì. Cậu em kế mẹ tôi qua đời trong một tai nạn xe hơi khi đang làm giảng viên trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Trong làng, bà con theo phía bên kia cũng nhiều. Có anh Nguyễn Khắc Ủy làm tỉnh ủy viên đảng Cộng Sản, năm 1966 bị quân ta bắt được trên đường lén về hoạt động. Anh bị trói ké trên chiếc xe jeep cảnh sát chạy bêu khắp phố phường tỉnh lỵ Quảng Trị. Năm đó tôi vừa vào đời, làm việc cho cơ quan chống khủng bố của Hoa Kỳ tại tỉnh lỵ. Tuy biết rằng Cộng Sản đang thi hành chính sách khủng bố đồng bào miền Nam để gây bất ổn nhằm làm suy yếu chính quyền quốc gia, nhưng tôi chưa tưởng tượng được hết sự man rợ, hung bạo của những người đối phương. Do đó tôi nhìn người anh bà con bị trói thúc ké, đứng ủ rũ trên xe mà lòng dâng niềm trắc ẩn dạt dào. Con người hiền lành 30 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về đáng thương là thế. Cũng như hai người cậu ruột mà tôi biết chắc chắn rất hiền lành và nhân đức. Họ đã ra đi trong những năm mà tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc giục già thanh niên yêu nước tham gia vào cuộc kháng chiến chống lại bọn thực dân bạo tàn đang dày xéo quê hương. Sau 1954, họ đã kẹt lại hay chọn lựa với sự lầm lẫn mù quáng để theo phía bên kia, đối đầu lại với cuộc sống an bình, no ấm của đồng bào miền Nam. Đối với tôi, khi lớn lên đã có sự lựa chọn dễ dàng hơn ai hết. Cộng Sản còn nợ tôi một mối thù lớn. Có gì đau tủi hơn thân phận một người con mà từ sơ sinh đã không thấy được cha mình? Đến khi cha được thả về từ trại tù Lý Bá Sơ, chúng cũng không để cho yên thân trở về với vợ con sau bảy năm trời đầy đao. Cộng Sản đã hạ sát và vùi thân cha đâu đó gần thành phố Vinh, bên kia dòng sông chia cắt quê hương. Mẹ tôi chỉ còn giữ một tấm hình độc nhất cả gia đình khi tôi mới lên một, còn chưa đứng vững trên hai chân nhỏ bé. Cha tôi cao, hơi gầy, đứng bên mẹ thấp chỉ đến vai người. Tôi giữ hình ảnh cha và mối thù mang theo canh cánh bên lòng. Tháng Tám năm 1954, cái chắn giữa cầu Hiền Lương hạ xuống vĩnh viễn, ranh giới hai miền chính thức đóng lại sau hơn một tháng cho người ta qua lại tìm nhau. Biết là không còn chút hy vọng gì về người chồng bạc phước, mẹ tôi ôm con vào lòng, để cho giọt lệ trào tuôn cho vơi niềm đau đớn. “Con lớn lên phải làm gì để trả thù cha?” Ngoại qua đời vào năm cuối thập niên 50. Từ đó, tôi ít có dịp về quê ngoại nữa. Căn nhà không còn vui như xưa, cây cối ngoài vườn không ai chăm bón dần dần trở thành hoang phế. Người ta bắt đầu nói tới chiến tranh. Thanh niên bắt đầu lên đường ra chiến trận. Tuy nhiên, quê ngoại vẫn còn bình yên, vì xa miền núi rừng là nơi xuất phát du kích. Xe đò vẫn chạy ngày hai chuyến từ tỉnh lỵ về cửa biển mà không e sợ bom mìn như trên con đường quốc lộ 1. Lần này thì tôi đi xa, thật xa, và cũng thật lâu nữa. Để có hai mươi lăm năm chứ ít! Để rồi trở lại thăm một lần trước khi làm chuyến viễn hành qua bên

nửa vòng kia của trái đất. Dấu vết cuộc chiến, dù sau mười lăm năm ngày đất nước hòa bình như vẫn còn nguyên vẹn. Rải rác trên cánh đồng là những hố bom, những mảnh vỡ nát của chiến cụ. Nhiều nơi còn nguyên vẹn những lô cốt với những câu khẩu hiệu chống cộng mờ mờ sau lớp vôi trắng do những người cán binh phủ quét vôi lên một cách nham nhở. Quê nghèo và ám đạm quá. Chỉ thấy những hình ảnh lam lũ, căm lạng của một cuộc sống thê lương. Những người đi kháng chiến từ miền Bắc trở về đã chiếm hết những căn nhà gạch khang trang và những khoảnh ruộng tốt. Người làng một phần vong mạng vì chiến tranh, một phần tan tác khắp bốn phương. Căn nhà của Ngoại giờ chỉ còn trơ nền gạch đỏ. Không một dấu tích gì để tôi có thể tìm lại chút hình ảnh kỷ niệm xưa. Tôi ghé qua dinh cơ cũ của cậu Phủ Tương. Chiếc cổng đã đổ nát, phải vạch cỏ và cây leo dại mới tìm được một lối đi cũ dẫn vào sân gạch. Hai dãy nhà đã sập hơn nửa, mái xệ xuống gần sát đất. Nơi phòng khách ngày xưa đầy ánh sáng chan hòa và tràn ngập tiếng cười giòn giã tươi vui của các chị em, nay trở thành chái bếp cho một gia đình người thân tạm trú. Cậu có nhiều con gái. Hai chị, một chị lấy chồng là Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, một chị khác là vợ Đại tá Trần Văn Trọng, Cục trưởng Quân cụ. Anh Trọng cũng là nhạc sĩ tài hoa Anh Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Việt, với bài hát Ngây Thơ rất dễ thương qua giọng hát ngọt ngào của Hà Thanh. Ngày xưa, gần như mỗi tháng một lần, trực thăng từ Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn Một đóng ở Đà Nẵng bay đến tận đầu làng và đổ cách sân nhà chừng vài chục mét để cho bà Tướng về thăm nhà. Ngày đó bọn trẻ như tôi thường kéo lại nhà cậu để mong có chút quà thường là kẹo bánh đặc sản xứ Quảng Nam. Các chị rất hào phóng. Sau một vài chén, thế nào cũng dúm cho đàn em chút tiền cơm dẫn túi. Tôi đi lính xa nhà nên không hưởng được ân sủng của ông Tư Lệnh Quân Đoàn. Tôi chết hụt nhiều lần nơi chiến trường miền Đông Nam phần, nhưng nhất định không nghe lời mẹ xin về miền Trung để có thể nương thân nơi một văn phòng nào đó. Chỗ cuối làng, nơi dẫn ra khu mộ gia đình, ngôi chùa cũng hoang phế trừ chiếc sân rộng mà có lẽ nay được dùng làm nơi tụ họp mít tinh của chế độ mới. Tôi lững thững thả bộ ra bờ sông. Cũng còn đồng nhỏ và còn đồng lớn nằm kề bên nhau như hình ảnh gắn bó mẹ và con. Vài trẻ em đang chơi quanh đó. Thấy người lạ, chúng ngừng chơi và nép vào bên nhau, trở mắt nhìn. Tôi cố tìm lại hình ảnh mình hơn ba mươi năm về trước. Con sông vẫn trong xanh và mát mẻ. Làn nước vỗ về nhẹ nhàng vào da thịt. Từ xa, nghe vọng lại tiếng con thuyền máy chở khách. Cũng vẫn những người dân nghèo chen chúc chuyện trò trên khoang thuyền. Những tấm áo đen đã bạc màu nhiều miếng vá; những quang gánh la liệt trên mũi con thuyền. Nhưng sao không khí vẫn yên ắng quá. Cũng cảnh thanh bình, nhưng lại là thứ thanh bình trong tịch mịch thê lương của những khắc khoải, đọa đày trong kiếp sống mới. Biết lần ra đi sắp tới sẽ là vĩnh viễn, vì nếu có mong ngày nào trở lại thì cũng phải chờ một lần đổi đời khác trên quê hương. Tôi thấy lòng mình chùng lại. Tôi uống no nê một bụng nước sông, xong lên bờ mở túi, lấy chiếc máy hình ra ghi vọi vài cảnh làng quê trước khi lên đường. Nắng đã lên cao. Con đường đất trước mặt bụi mù khi có chuyến xe qua. Tôi thông thả vừa đạp xe vừa cố thu cho hết hình ảnh miền quê dấu yêu mà từ nay chỉ còn trong hoài vọng mà thôi. 32 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Nỗi Cô Đơn của Nội Đoạn sông Thạch Hãn khi chảy qua làng tôi thì đổi hướng uốn cong theo một góc khá gắt. Vì thế, sức mạnh của dòng nước cuồn cuộn mỗi mùa mưa lũ thường xói mòn phần đất làng tôi, và bồi qua phía bên kia bờ bắc là địa phận làng Trà Liên. Mỗi năm, khi trở lại làng, thấy các bụi tre già năm trước còn bao bọc trên bờ, sát con đường mòn, nay đã nằm chơ vơ giữa lòng sông. Những bến bạc cấp lở lói, nghiêng ngả chỉ chờ chìm hẳn xuống đáy sông. Bờ sông sâu hoắm rất nguy hiểm cho đám trẻ con và các bà thường ra tắm giặt bên bờ. Trong khi đó, nhìn qua bên kia sông, đất bồi thành một dải rộng mênh mông mà chưa ai kịp khai thác trồng tía. Trong khi bến sông bên này sâu lút đầu, thì

bên kia đám trẻ con có thể lội ra đến quá giữa sông để nô giỡn mà chẳng chút e ngại. Cơ ngơi của ông bà nội gồm nhiều dãy nhà ngang dọc xây trên nền cao gần một mét so với mặt đất. Từ chiếc cổng xây bằng hai trụ xi măng vững chắc, con đường dẫn Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về vào sân khá rộng, có trồng chè tàu hai bên. Sân lót bằng gạch đỏ nhiều nơi rêu phong nhưng kín đến độ không một ngọn cỏ nào chui lên được từ các khe gạch. Căn nhà chính năm gian, mái nhà lợp ngói âm dương được chống đỡ bằng những chiếc cột bằng gỗ trắc đen bóng có chạm trổ ở đầu trên, và được đặt trên những viên đá tròn bên dưới. Ba gian giữa dùng làm nơi thờ phượng với những tủ thờ, bàn đá trên đó những bộ lư đồng lớn bóng loáng và những di vật của các tiên nhân. Trên cột, từng đôi một là các câu đối bằng gỗ sơn son thếp vàng hoặc gỗ mun với các chữ Nho và hoa văn khảm bằng xa cừ. Gian bên phải là phòng ngủ của bà Nội, phía sau có cả một phòng rộng làm nơi chứa các đồ tế nhuyễn. Gian bên trái có kê chiếc sập gụ láng bóng, dùng làm nơi cho các chú, bác nghỉ ngơi mỗi khi về giỗ kỵ. Căn nhà chính được nối đến các căn nhà phụ chứa các nông cụ bằng một dãy hành lang có mái che. Một trong hai căn này đã bị phá sập chỉ còn trơ nền gạch. Dãy nhà ngang bên phải là kho lúa và nhà bếp. Thời đó, bếp đun bằng rơm rạ lấy từ ruộng sau mùa gặt. Một đun rơm cao chừng ba mét nằm ngay góc vườn. Mùi rơm rạ khi nào cũng cho một cảm giác ấm cúng thân thiết của quê nhà. Bà Nội tôi đã già, sống cu ky một mình giữa cái cơ ngơi đồ sộ đó từ sau khi ông tôi qua đời. Các con trai, con gái, người thì bị Cộng Sản sát hại, người qua đời vì tật bệnh, những người ít ỏi còn sống thì do công ăn việc làm, ở các thành phố xa; chỉ những ngày tết hay khi giỗ chạp mới kéo nhau về làng khá đông đủ. Tôi khó hình dung được nỗi cô đơn của những người già trong những ngày dài hay đêm thâu trong căn nhà rộng lớn như thế. Bà Nội đi đứng còn vững tuy lưng đã còm, hai mắt cũng đã mờ. Phía trước căn nhà chính, trước đây chú tôi đã nối thêm một một nhà vò cua và đặt một chiếc sập gỗ bên phải, một bộ bàn ghế ngay giữa để tiếp khách. Hàng ngày, Nội ngồi trên sập gỗ làm những thứ linh tinh và... ngóng tin con cháu. Thím Ba, tuy đã li dị với chú Ba tôi từ hồi nào hồi nao, nay vẫn còn giữ thâm tình với Nội. Lâu lâu, thím ghé qua đi chợ mua thức ăn về kho nấu cho Nội. Thường, thím kho một nồi cá nục treo lên ngay phía trên chỗ Nội thường ngồi. Nội để dành ăn cả tháng trời. Cá kho lui kho tới cho đến lúc xương bên trong mềm rục như xương cá mèi Sumaco, thịt cá săn cứng lại và trở một màu nâu đen. Nội chỉ việc lấy cái nồi đồng bỏ một nhúm gạo thổi cơm ăn trọn ngày. Cần gì gấp, Nội đứng bên này hàng rào, gọi với qua nhà bác Thông Tỷ, nhờ vả mấy anh chị con bác. Ở quê, các nhà lân cận đều là thân tộc, nên khi tối lửa tắt đèn có nhau cũng ấm lòng. Tôi trọ học ở nhà cô dưỡng trên thị xã Quảng Trị. Lâu lâu, nếu không về nhà ở Đông Hà thì cũng đạp xe về thăm Nội. Con đường đất rải đá dăm từ thị xã chạy qua nhiều thôn làng trước khi rẽ trái ở làng Phương Ngạn để vào con đường đất về thẳng quê tôi. Vừa đến đầu ngõ, cất tiếng “Nội ơi!”, là bên trong Nội tôi đã khóc oà lên và cao giọng mắng yêu “Cha mày, không đi luôn đi, về đây chi...” Rồi Nội tắt tả đi ra vườn, tìm hái những trái mãng cầu hay bồ quân vừa chín tới đem vào cho đứa cháu đích tôn. Có khi Nội vào lục các ngăn tủ tìm những chiếc bánh từ lần kỵ giỗ nào đó mà bà đã để dành cả tháng đem ra dúi vào tay tôi. Những chiếc bánh đã khô cứng, đôi chỗ đã mốc lên, nhưng tôi cũng rán ăn cho vừa lòng bà. Có cháu về thăm, Nội vui hẳn lên. Bà bắt tôi phải ngồi hàng giờ nghe bà kể chuyện đời xưa; rồi bà lại bật khóc nhắc đến cha tôi và các bác các chú đã qua đời. Có lúc thật vui, Nội kể lại chuyện hồi xưa, khi ông tôi làm 34 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Tri Phủ Hòa Đa ở tỉnh Bình Thuận. Nào là chuyện bà nào đó tặng tịu với ông và bị Nội đánh ghen thấy này, thế này... Kể xong, Nội quét chút nước tràu nhều xuống góc miệng đã nhăn nheo và cười thích thú, khoe hai cái lợi không còn chiếc răng nào. Cô tôi – thân mẫu của ca sĩ Duy Khánh - là con gái đầu lòng. Đến bác trai thứ hai đã mất khi chưa có gia đình; nên ba tôi được đôn lên

là con trai trưởng. Theo truyền thống, thì con trai đầu của người con trai cả được gọi là đích tôn. Người cháu đích tôn này có vai vế khá quan trọng trong các lễ lạc của gia đình. Vì ba tôi đã bị Việt Minh bắt mất tích, nên tôi trở thành người đại diện cho Ba. Khi cúng giỗ, cháu đích tôn được vào lạy trước các cô chú. Khi ngồi bàn tiệc ở nhà thờ họ, nhà thờ phái, dù còn nhỏ tuổi, tôi cũng được ngồi mâm cao nhất với các bậc trưởng trong họ, trong phái. Khi chia phần xôi thịt, cái đầu heo thuộc về người trưởng tộc, kể đến cái nọng heo (phần cổ) là phần của tôi. Việc chia thịt theo thứ bậc và rất công bằng, không ai bị thiếu phần dù lớn dù nhỏ. Những ai có mặt thì ăn tại chỗ, ai vắng mặt thì có người nhà nhận đem về. Cả những đứa bé còn năm nôi cũng có phần cho chúng. Cái phần thịt tưởng nhỏ nhoi này, thật ra rất quan trọng vì nó biểu trưng cho vị thế của những người trong tộc. Nhiều nơi người ta đã vì tự ái mà sinh ra cãi cọ thậm chí ẩu đả nhau chỉ vì chia không đúng phần thịt của mình. “Một miếng giữa làng, bằng một sàng xó bếp” là thế. Về quê, cái thú vui lớn nhất là đi bắn chim với bọn trẻ đồng trang lứa, hay chạy ra sông bơi lội nhõn nhỡ cả một buổi chiều. Khu vườn phía sau nhà Nội rậm rạp với nhiều loại cây ăn trái, những bụi chuối, bụi dứa, cây mít, ổi, chanh... Đất vườn ẩm, lá cây mục tạo thành một lớp thảm dày và trở thành thứ phân bón tốt cho cây cối tươi xanh quanh năm. Tôi thích leo lên cây mít, lựa một trái vừa chín rồi vặt vẻo trên cành dùng tay mổ trái mít ra ăn. Hoặc chơi trò đu bay trên những cành ổi dẻo dai. Hoặc xách cuốc đào giun đi câu cá ở các ao trong làng. Vài lần trong thời thơ ấu, tôi cũng về làng ở hết mùa hè để vừa săn sóc Nội vừa rong chơi thỏa thích. Hết hè, trở lại trường, tôi gần như trở thành chú bé quê với làn da sạm nắng, hai bàn tay thô nhám và cách ăn nói thô lậu do ảnh hưởng bởi các trẻ nhà quê. Chiến tranh. Trong cả hai cuộc chiến Việt Pháp và chiến tranh Quốc Cộng – cho đến Mùa Hè Đỏ Lửa 1972 – làng tôi hoàn toàn bình yên như không biết gì đến những tang tóc lửa đạn mà hàng ngày diễn ra trên khắp quê hương. Làng tôi không có ai theo Việt Minh trước đây, hay theo Việt Cộng sau này mà trái lại có nhiều người phục vụ trong chính quyền và quân đội Quốc Gia. Khi vợ tôi sanh cháu trai đầu lòng, và cũng là lúc tôi bị chiến thương được chuyển hồ sơ từ Tổng Y Viện Cộng Hòa ở Sài Gòn về Quân Y Viện Nguyễn Tri Phương ở Huế chờ tái khám, chúng tôi đã thuê xe về tận quê, ở lại nhiều đêm mà không thấy lo sợ gì. Đó là dịp cuối cùng mà tôi được gặp bà Nội, được ngủ trên chiếc sập gụ bóng bẩy, mát lạnh kê bên hàng hàng lớp lớp những bàn thờ tổ tiên tôi. Đó là lần cuối cùng tôi được nhìn thấy những hàng cau cao thẳng tắp trồng trước sân nhà, và cũng là lần cuối cùng được tắm trên dòng sông Hãn trong lành. Khi Cộng Sản Bắc Việt xua đại quân vượt sông Bến Hải đánh chiếm một phần lớn tỉnh Quảng Trị, Làng tôi không tránh được thảm họa nằm trong vùng chiếm đóng của Bắc Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về quân. Bom đạn từ chiến đấu cơ Hoa Kỳ dội xuống làng để truy quét địch quân đã không chừa được những khu dân cư. Toàn bộ cơ ngơi của Nội bị đánh tan tành. Và thảm thương thay, Nội tôi, khi đó đã trên 80, bị chôn vùi trong đống đổ nát như bao nhiêu người dân lành vô tội khác trong làng. Những người bà con sống sót đã đưa Nội ra chôn ở khu nghĩa trang của gia đình nơi có mộ phần của cha tôi và các chú, các chị ba, chị tư của tôi. Nói là mộ phần của Ba tôi, nhưng chỉ là mộ giả, vì Ba tôi đã bị thảm sát ở Vinh trên đường từ nhà tù Thanh Hoá trở về quê sau Hiệp Định Geneve 1954. Mất hàng tháng trời để đi tìm trước khi giới tuyến sông Hiền Lương đóng lại, mà không thể tìm ra thi hài của người, Mẹ tôi đã mời quý Thầy làm lễ siêu độ và cử hành một tang lễ như thật để tạm an lòng. Biền biệt cho đến mãi cuối năm 1989, tôi mới có dịp về lại quê làng để thực hiện việc tu bổ, xây lăng, dựng bia cho Nội và những thân tộc khác trước ngày lên đường đi Hoa Kỳ định cư. Không còn chút dấu vết gì của cái cơ ngơi đồ sộ ngày xưa. Trên nền nhà cũ của Nội, một người anh họ đã dựng căn nhà tranh vách đất tương đối khá rộng. Sân gạch ngày nào nay chỉ còn trơ nền đất. Nhà thờ phái bên trái cũng biến mất, nay chỉ còn một cái

chòi nhỏ trong đó kê một chiếc bàn thô sơ với vài bát nhang, chân nến. Tôi đã nằm ngủ trên chiếc giường tre ngay đặt trên chỗ ngày xưa có chiếc sập gụ để mong rằng trong giấc mơ, được thấy lại hình ảnh những ngày xa xưa khi được Nội đến kéo chăn đắp lên mình cháu. Cũng dòng sông Hãn đó, nhưng bến tắm nay đã lùi sâu vào cả hàng chục mét. Căn nhà tranh nghèo và mảnh vườn của một bà cụ ngày xưa bán bánh ướn, nay được biết đã chìm vào lòng sông. Theo đà này, thì chừng vài chục năm nữa, ruộng vườn, mồ mả gia đình tôi cũng sẽ biến mất thôi. Ngoài ông anh họ, tôi không còn nhận ra những người anh em bà con nào khác. Họ đã chết trong chiến tranh, hay tan tác ly hương đến những miền xa xôi của đất nước. Nhưng tuy sống trong chế độ mới gặt gao của Cộng Sản, tôi vẫn không cảm thấy chút gì gò bó nơi quê tôi. Có lẽ vì cái hệ thống xã ấp chưa lan tới làng, hoặc do những viên chức toàn là người trong thân tộc mà chưa bị thấm nhuần cái bản chất Cộng Sản gian ác. Đêm cuối cùng trong làng, các bậc chú bác, anh chị em đã kéo đến đầy sân nhà. Dưới ánh trăng sáng, chúng tôi đã uống rượu trò chuyện vui vẻ cho đến nửa đêm. Đó như là sự gợi nhớ những đêm xưa, khi các bà, các cô, các trai tráng trong làng quy tụ về để mổ heo, làm bò chuẩn bị cho những ngày giỗ lớn của Cao, Cố, Nội chúng tôi. Những lần giỗ này có khi kéo dài cả ba, bốn ngày, với hàng chục mâm cỗ mỗi ngày đãi họ hàng nội ngoại và cả làng gần, làng xa. Sáng hôm sau, trước khi lên đường, tôi đã ra thăm khu mộ lần chót. Tôi nằm sấp mặt, úp choàng lên mộ bà Nội vừa khóc vừa thì thầm những lời xin lỗi muộn màng “Nội ơi, con đã để Nội cuối đời sống cô đơn, chết cô đơn. Ôi đau đớn quá, Nội ơi!” Tháng 11, 2011 36 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Ai Về Chợ Huyện Gio Linh Người trẻ hướng về tương lai, người già nhìn lại quá khứ. Năm nay tôi đã hơn ngũ tuần, tương lai thì chẳng còn bao lâu để phải lo tính, mà quá khứ thì đầy những chuyện đau buồn, cam khổ của những năm chiến tranh, tù đày. Nhưng cũng không thiếu những phần hào hứng lãng mạn của tuổi thanh xuân. Tôi đặc biệt có một trí nhớ tốt. Ký ức tôi còn ghi lại phần nào những hình ảnh hồi mới lên bốn, năm ở một miền đất xa, xa lắc xa lơ, tận địa đầu của miền Nam máu lửa những năm 1950. Ngày đó, Gio Linh chưa phải là huyện cực bắc của tỉnh Quảng Trị. Phía bên kia cầu Hiền Lương lịch sử là huyện Vĩnh Linh, mà dưới triều Nguyễn có tên là phủ Minh Linh. Tỉnh Quảng trị hồi đó chỉ có các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Cam Lộ, Gio Linh và Vĩnh Linh. Sau này vì nhu cầu chiến lược, các chính quyền Cộng Hòa đã đổi cấp huyện thành quận và lập ra thêm các quận Mai Lĩnh, Hương Hoá, Trung Lương. Cách tỉnh lỵ 25 cây số theo đường Quốc Lộ Một, chúng ta đến đốc đầu tiên của đèo Ba Dốc. Gọi là đèo nhưng chỉ có một khúc ngắn chừng cây số là quanh co và dốc đứng khoảng 30 độ. Phần còn lại là hai dốc phía nam chỉ hơi dợn sóng chút đỉnh, nhưng gọi là Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về dốc thì cũng oan cho nó. Huyện lỵ Gio Linh ở sát hướng nam Chợ Cầu. Tôi không còn nhớ là có khúc sông hay đoạn cầu nào để đặt tên cho khu chợ nhỏ bé lụp xụp này. Chợ có hai dãy nhà chừng mười căn vừa lâu vừa trệt hai bên. Phía tây là ngôi đình nằm trên một cao điểm. Đình có chừng 30 bậc cấp đi lên. Cổng tam quan kiến trúc hoàn toàn theo sắc thái Việt Nam xưa, nghĩa là có 4 cột vuông đỡ lấy ba mái che hai tầng bằng ngói đỏ. Mái giữa có hai con rồng đối diện nhau đang tranh một quả châu. Hai góc mái là các các hoa văn uốn lượn vươn ra phía ngoài. Mặt tiền mỗi cột có các trang trí bằng mảnh thủy tinh, mảnh sành đủ màu kết thành đường viền bao quanh một hàng dọc những chiếc đĩa sứ màu xanh có hình sinh hoạt ngư tiều canh điền... Bên trong ngôi đình thì tôi hoàn toàn không nhớ thiết kế ra sao. Những năm tôi còn bé thơ, thường được chú người làm công lên đình để học võ lòng, dù rằng nhà tôi ở ngay bên hông chợ chỉ bước hai mươi bước là đến trường. Mẹ tôi ngày đó còn trẻ, chồng bị Việt Minh bắt khoảng năm 1948. Mẹ tôi bỗng con rời gia đình chồng vì không chịu nổi sự khắc nghiệt của kiếp làm dâu nhà phong kiến. Mẹ có căn nhà ngay góc chợ, sát với hàng rào tre của huyện lỵ. Nhà coi lên một

tầng gác sàn gỗ, phía dưới là sạp bán vải của mẹ. Bên phải là tiệm thuốc bắc của một chú người Hoa có đứa con trai trạc tuổi của tôi. Trong những chủ nhân của dãy nhà đối diện nay tôi chỉ còn nhớ tên của ông bà giáo Huyền. Có lần rắn hổ mang bò vào nhà ông, trở thành một biển cổ sôi nổi trong đời sống buồn hiu của một huyện lỵ chắc chỉ có vài trăm dân cư. Chợ Cầu, sau này gọi là chợ Gio, có lẽ đã được nhắc đến trong câu hát ru con của các bà mẹ miền Trung: Ru em, em thóc cho muối, Để mẹ đi chợ mua xôi ăn trần, Mua xôi chợ Quán chợ Cầu, Mua cau chợ Huyện, mua trầu chợ Dinh. Năm đó tôi lên bốn, còn ngủ với mẹ. Như hầu hết các trẻ miền Trung, tôi gọi mẹ bằng Mẹ. Tiếng Mẹ nghe thô thiển, nặng nề, nhưng ấm áp. Chỉ có một số gia đình tân tiến ở Huế dùng tiếng Mẹ; một phần nhỏ gọi Má; các gia đình quan lại gọi Mẹ đi kèm với Thầy thay cho Cha. Tôi không có ký ức nào về cha tôi; chỉ biết quanh quẩn bên mẹ. Tôi còn một người chị lấy chồng đang ở tỉnh lỵ Quảng Trị. Vì là con một nên tôi được mẹ cưng chiều hết sức. Tôi thường vòi phải có bánh kẹo thưởng mỗi khi học bài. Hàng tháng, mẹ đi Huế để mua hàng. Tôi sợ xa mẹ, nên hễ mẹ lên xe là tôi nằm lăn ra trước đầu xe đồ ăn vặt, không cho đi. Nhà thỉnh thoảng mỗi chiều có các anh lính Việt Binh Đoàn đóng trên đồi Ba Dốc xuống chơi. Ông Đại úy Phan Đình Thứ, tức Lam Sơn, sau này là Tướng Tư Lệnh binh chủng Lực Lượng Đặc Biệt, làm chỉ huy đồn. Phụ tá là Thượng sĩ Cử có chiếc răng cửa bọc vàng. Anh Cử đẹp trai, hiền lành và rất thương tôi. Cuối tuần anh lái xe jeep xuống đón tôi lên đồn chơi; cho ăn chocolat và biscuit tây. Anh dắt ra tận lô cốt; đưa cho ống 2 Théc là tiếng địa phương, có nghĩa là “ngủ” 38 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về nhòm để quan sát về hướng Bắc, nơi có các làng Hà Trung, Lễ Môn đất đỏ phì nhiêu. Ngày đó các anh Việt Binh Đoàn mặc đồ kaki vàng, áo ngắn tay, quần sọc. Trên đầu là chiếc mũ vải đi rừng vành rộng, chân mang giày sắt đá. Các anh Việt Binh Đoàn là tiền thân của người lính Sư Đoàn 1 Dã Chiến, sau này là Sư Đoàn 1 Bộ Binh anh hùng. Đồn Ba Dốc trong cuộc chiến dai dẳng đẫm máu chống xâm lược Cộng Sản, chính là tiền đồn A-1 do một đơn vị của Trung Đoàn 2 Hà Mã trấn nhậm. Một đêm, Việt Minh tấn công đồn, mẹ tôi đưa tôi xuống hầm tránh đạn cối pháo kích vào huyện lỵ. Tôi nghe rõ tiếng súng đủ loại của hai bên bắn nhau suốt đêm. Sáng ra nghe tin Thượng sĩ Cử đã trúng đạn và hy sinh; tôi buồn mất đến cả tháng khôn nguôi. Nhưng tôi vẫn còn các anh Phong, anh Nam đến thăm, bế ngồi lên đùi kể cho nghe chuyện chiến đấu. Người bạn cùng lứa đầu đời, và cũng là địch thủ đáng sợ, là cậu Lê Đình Ân. Ba của Ân là ông Lê Đình Ngoạn, mẹ tôi gọi bằng cậu. Ông Ngoạn làm Huyện Trưởng Huyện Gio Linh. Ân lớn hơn tôi hai tuổi, rất nghịch ngợm. Cậu ý thể con ông Huyện, nên thường tập hợp một đám trẻ con trong vùng ăn hiếp tôi. Có hôm cậu lừa tôi vào sân huyện rồi hô đám trẻ đang phục kích quanh đó nhào ra, vật tôi xuống và nằm đè lên mình tôi cả mười, mười lăm phút. Chỉ có dì Tất là thương tôi. Dì còn trẻ, chưa chồng. Chiều chiều, dì ra nhà tôi chơi; rót cho cháu một ly bia Kronenburg cổ lùn của Pháp mà nay tôi vẫn còn thèm hương vị đậm đà của nó. Sau này khi gia đình tôi dời vô Đông Hà; tôi phải vào học Nguyễn Hoàng tại Quảng Trị, cùng lớp với Ân. Tôi có vài năm ở trọ nhà ông; hai đứa học chung, ngủ chung và cũng kết thành một cặp bài trùng nghịch nổi tiếng. Bên phải ngôi đình huyện, là con đường đất đỏ dẫn ra quốc lộ đi về làng Hà Trung, Hà Thượng. Phía tây con đường số một là làng Gia Môn, Lễ Môn. Nơi đây đất đỏ phì nhiêu. Dân làng trồng tiêu, chè cho lợi tức cao. Vườn nhà nào cũng có ít lắm là chục gốc mít, gốc ổi xá lị. Trái thơm vùng này thì nổi tiếng ngọt vô cùng. Ngoài rìa làng Lễ Môn là một cái bầu lớn. Thỉnh thoảng người ta tát bầu bắt cơ man nào là cá rô, cá trê, cá tràu. Thứ này nướng vàng lên ăn với nước mắm gừng là tuyệt. Con đường xe lửa xuyên Việt trong chiến tranh bị cắt đứt từ ga Đông Hà, nhưng vẫn còn đầy đủ tà vẹt và đường rầy ra đến Trung Lương. Những chiếc cầu xe lửa gãy nhip nằm chơ vơ trên dòng sông nước xanh trong; là nơi bọn trẻ con thấy mọi hứng thú trong việc khai phá thắm

hiếm. Vùng này có nhiều mạch nước lạnh như nước đá. Người ta không phải đào sâu như các giếng thường. Chỉ chùng một hai thước là có nguồn nước tuôn ra. Họ dùng đá tổ ong xây làm hai ngăn. Ngăn trong chứa nước sạch dùng để nấu ăn, ngăn ngoài làm nơi tắm rửa. Chiều chiều sau một ngày làm việc đồng áng mệt nhọc, trai trẻ trong làng kéo nhau ra giếng nhúng mình trong hồ nước lạnh mát vừa đùa cợt với các thôn nữ đang giặt giũ kế bên. Gio Linh đa số dân nghèo, đời sống ảm đạm, thô sơ. Nồi cơm thường có những lát sắn hoặc khoai lang khô hấp trên mặt. Món ăn chính là mắm cá; người ta dùng xơ mít ướt kho với mắm ăn vừa mặn vừa ngọt rất bắt cơm. Thỉnh thoảng có chút cá cơm kho mặn trong cái tộ bằng đất, ăn làm nhiều ngày. Mùa mưa đi bắt cá ngạnh về nấu với măng chua. Mùa nắng đi săn chuột đồng về hấp sả. Những năm bùng nổ chiến tranh Việt Pháp, nhiều Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về thanh niên đã thoát ly gia đình theo Việt Minh. Họ thường trở về lén lút trong bộ áo nâu, đôi dép lố; được gia đình tiếp tế cho chút khoai khô, mắm ruốc. Khi Cộng Sản còn che mình dưới lớp áo kháng chiến chống ngoại xâm, thì Việt Minh dành được một chính nghĩa tuyệt vời. Chính nơi quê nghèo này, mà Phạm Duy đã sáng tác bài ca Người Mẹ Gio Linh bất hủ. Nó diễn tả đến cùng cực nỗi đau xót, bất hạnh của người phụ nữ miền quê Việt Nam. Đau xót chùng chất đến độ mắt không còn nhỏ ra được giọt nước khi nghe tin con bị cắt đầu bêu thây. Nhưng khi Việt Minh bước vào giai đoạn khủng bố nhắm vào dân thường mà lẽ ra một tổ chức nghĩa quân không nên có, hai chữ Việt Minh trở thành một ám ảnh ghê rợn đối với bất cứ người dân lành nào. Nghe đến Việt Minh là hình dung ngay cảnh mổ bụng, moi gan, chặt đầu, trấn nước. Đối với trẻ con nghịch ngợm, cứng đầu, phải dùng đến Việt Minh mới hù dọa nổi. Chỉ cách Huế có 70 cây số ngàn, mà giọng nói người vùng Gio Linh rất khó nghe. Họ có thổ âm nặng, và dùng nhiều từ ngữ địa phương rất lạ. Tỉ như uống nước thì thành ra uống “nác”; Trẻ con miền quê gọi cha bằng “bọ”. Họ thường đệm chữ “hà” theo sau các câu nói rú rê: “đi chơi hà”. Theo đà ngữ âm này, ra đến hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, thì coi như hết hiểu được câu nào. Vào những năm 50, ít người dùng xe đò để đi vào Đông Hà, cách Gio Linh hơn 10 cây số. Sáng tinh mơ, những đoàn người đa số là các bà, các cô gánh những gánh hàng nặng trĩu gồm các thổ sản vùng quê, đi nhanh như người ta lúp xúp chạy. Từng đoàn, vừa đi vừa trò chuyện râm ran cho đến chợ Đông Hà. Trưa, tan chợ, lại gánh những hàng hoá công nghiệp như giấy, vở, kẹo bánh, trà đường... đi nhanh về cho kịp làm bữa cơm tối cho chồng con. Xuân hè thu đông, dù mưa hay nắng, các bà cũng mặc những chiếc áo dài màu nâu hay đen thường là vá hai vai; vì vai là nơi chịu sự cọ xát của chiếc đòn gánh bằng tre đặc nên chóng sờn rách. Ngày mưa thì dân quê mặc chiếc áo tơi đan bằng lá. Áo tơi được đan theo hình một cái hộp tròn không đáy. Phần trên hình vành khăn để tròng qua đầu; phần trước hai mí sát bên trên và hở nhiều bên dưới. Có một sợi dây cũng xe bằng lá để cột ngay cổ. Khi đội thêm chiếc nón lá, và xoay phần lưng về hướng mưa hắt, thì mưa dù to đến đâu, cũng không thể làm ướt nổi người mặc. Dĩ nhiên thì nó trông cồng kềnh và nặng nề lắm; và nó giới hạn các động tác của người nông dân. Sau năm 1954, khi Hiệp Định Geneve về ngưng bắn được ký kết, sông Hiền Lương được ấn định là ranh giới tạm thời giữa hai miền Nam Bắc. Cầu Bến Hải được chia làm hai, sơn thành hai màu phân định: Phía Nam màu xanh thuộc lãnh thổ phe Quốc 40 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Gia, phía Bắc màu đỏ thuộc phe Cộng Sản. Trên đỉnh đèo Ba Dốc là trạm kiểm soát của Ủy Hội Kiểm Soát Quốc Tế 3. Tự nhiên, da thịt Quảng Trị bị chia cắt. Huyện Vĩnh Linh nằm lọt vào bờ Bắc Vĩ tuyến 17. Bài hát đầu tiên nói lên nỗi uất hận chia cắt này là Chuyển Đò Vĩ Tuyến của nhạc sĩ Lam Phương trong đó có câu than thở thật da diết của một cô gái Gio Linh có người yêu bên kia sông nay đành chia loan rẽ thúi: “Sao ta lìa cách bởi dòng sông bạc hai màu...” Phương Nam thanh bình không lâu, Gio Linh lại trở thành những tuyến đầu lửa đạn của cuộc chiến tranh

dài, ác liệt, và đẫm máu máu nhất trong lịch sử đất nước. Gia đình tôi dời vào Đông Hà làm ăn buôn bán. Tôi chỉ trở lại thăm Gio Linh sau này khi quận lỵ và khu chợ đã dời sâu vào phía đông quốc lộ. Tuổi thơ tôi chứng kiến sự đổi chủ của miền Nam khi ông Ngô Đình Diệm tổ chức trưng cầu dân ý để truất phế vua Bảo Đại. Khí thế cách mạng sôi nổi những ngày đầu thu năm 1955. khắp các con đường dán đầy các hình ảnh kết tội vua Bảo Đại, song song với bức ảnh tươi cười của nhà chí sĩ họ Ngô đang giơ cao cánh tay vẫy chào toàn dân miền Nam. Tôi nhớ nằm lòng câu khẩu hiệu: Xanh bỏ giỏ, đỏ bỏ bì. Ý nhắc nhở người cử tri phải vứt lá phiếu xanh của Bảo Đại, và bỏ vào thùng lá phiếu màu đỏ chọn ông Diệm. Thế là chế độ cộng hòa khai sinh. Ngày ngày tiếng loa nơi góc chợ ra rả những bài hát tung hô cụ Ngô “Ngô Tổng thống, người về đây, đưa dân tộc lên vinh quang chiến thắng...” Phải thành tâm mà đánh giá, thì thời đệ nhất cộng hòa thật yên vui, thanh bình và no ấm. Đông Hà trở thành một trung tâm thương mại và quân sự lớn. Vì đây là ngã ba đường nối liền quốc lộ Nam Bắc và quốc lộ 9 đi sang Savanakheth, Lào. Thị trấn Đông Hà trở nên nơi buôn bán sầm uất. Năm 1954, nhà máy điện Đông Hà đã cung cấp điện dùng cho cư dân mỗi ngày từ 5 giờ chiều cho đến 6 giờ sáng. Con đường xe lửa xuyên Việt được tái lập năm 1959 với các đầu tàu bằng Diesel do Đức trang bị. Nhưng ga Đông Hà vẫn là trạm chót. Khu phố buôn bán Đông Hà ngắn, có hai con đường chính song song bắt đầu từ dãy thành đá làm căn cứ quân sự kéo dài đến bờ sông Hiếu Giang. Một đầu là bến xe đò, đầu kia là chợ. Chợ Đông Hà tấp nập gấp chục lần chợ Gio Linh, náo nhiệt suốt ngày. Đặc biệt thực phẩm có đủ loại. Cá tôm từ biển Cửa Việt lên còn tươi rói; cá sông, cá hồ không thiếu thứ chi. Phía trên nhà ga Đông Hà, thời đó có rạp chiếu bóng “33”. Tôi bắt đầu làm quen với thứ văn minh điện ảnh này khởi đầu là phim Viva Las Vegas và Quo Vadis, sau đó là các phim Tarzan, cao bồi. Xứ Đông Hà nhỏ, nên gần như ai cũng biết nhau. Cư dân, dù ở khắp mọi miền đất nước về lập nghiệp, đối xử với nhau thân tình như bà con. Ngay một gia đình người Hoa của ông Đỗ Lợi Sanh (mà người ta gọi là chú Xệng) có các anh chị coi tôi như em út trong nhà. Chú thường hay đùa với tôi: “mi họ Đỗ, tau họ Pê...” Mỗi thâm tình này đến 3 UHKSQT – International Control Commission (ICC) gồm ba nước Ấn Độ (trung lập), Ba Lan (Cộng Sản), và Canada (Thế Giới Tự Do), Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về nay đã gần 60 năm, những người thế hệ hai và ba ở Hoa Kỳ, vẫn còn lưu giữ đậm đà ruột thịt mỗi khi có dịp thăm nhau. Đông Hà đặc biệt có một phi trường dân sự ở Dốc Sỏi, phía Nam thị trấn. Nói là phi trường cho nó oai, chứ thực ra chỉ có một phi đạo dài khoảng một cây số, và một căn nhà gạch nhỏ như cái chòi gọi là trạm đi, đến. Trong phòng chờ vài chiếc ghế đẩu. Khách mua vé trước hàng tuần, tập trung tại một văn phòng nhỏ trong villa của nhà triệu phú Trần Thiện Thành sát ga xe lửa để được xe buýt đưa ra phi trường. Mỗi tuần vài lần có các chuyến bay C-46 hai động cơ chong chóng của hãng Cosara đi, đến từ Huế và Saigon. Dân Quảng Trị phải ra Đông Hà để lên máy bay; thường chỉ có những người giàu có hoặc viên chức chính phủ mới có khả năng sử dụng phương tiện văn minh này. Sau này, Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ mở rộng làm phi trường quân sự cho các loại máy bay lớn lên xuống tấp nập suốt ngày đêm. Tưởng cũng nhắc lại Dốc Sỏi là nơi giải quyết vệ sinh cho cư dân Đông Hà, vì vào những năm đầu thập niên 1950, đại đa số dân chưa có nhà vệ sinh trong nhà. Cứ sáng sớm tinh mơ, từng đoàn người nam có nữ có, già trẻ lớn bé rủ nhau “đi đồng”. Dốc Sỏi rộng, có các lùm cây mà nhiều nhất là sim, tha hồ vừa ngắm trời mây vừa làm công tác vệ sinh. Trường Tiểu học Đông Hà có 5 phòng cho năm lớp. Trước khi vào trường tiểu học, tôi có một thời gian ngắn học với thầy Ban. Thầy dạy tại gia, có chừng mười học trò. Sau đó qua trường lớp đàng hoàng, tôi học lần lượt với cô Nga, thầy Hạnh là những vị khai sáng cho trí tuệ tôi để biết đến thế giới bao la bên ngoài. Đông Hà có một trạm y tế làm bằng nhà vòm tiền chế do Mỹ Quốc viện trợ. Nhưng đa số người bệnh

thường nhờ đến các cô y tá chích dạo trong đó có chị Thảo, mà sau năm 1975 mới vỡ lẽ ra là nằm vùng làm tình báo cho Việt Cộng. Anh Khiết cũng làm y tá chích dạo thân quen với gia đình tôi. Năm 1964, anh mất tích. Cả người lẫn chiếc xe gắn máy biến mất không để lại tăm vết. Chị vợ sau một thời gian tìm kiếm vô vọng bèn mở một gian hàng nhỏ buôn bán nuôi bầy con 5 đứa. Cũng sau này nghe đâu anh Khiết đi theo Việt Cộng, có về lén thăm nhà trong vụ Việt Cộng tổng công kích tết Mậu Thân. 42 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Tôi rời Đông Hà năm 1965, lúc đó thị trấn nhỏ bé này đã trở thành căn cứ tiền phương của Sư Đoàn 1. Quân nhân các binh chủng xuất hiện tấp nập trên các con đường. Tôi thích nhất là nhìn các anh chiến sĩ các toán Lôi Hồ của Lực Lượng Đặc Biệt với vũ khí tối tân, hiên ngang trong các bộ quân phục ngụy trang. Các anh dừng chân nơi đây để rồi nhảy sâu vào lòng đất địch. Các anh như những Kinh Kha, ra đi không hẹn ngày trở lại. Sau khi Hoa Kỳ trực tiếp tham chiến, Thủy Quân Lục Chiến Mỹ lập doanh trại từ Ái Tử kéo dài ra Đông Hà. Phi cơ quân sự ngày đêm lên xuống phi trường, tung bụi đỏ lên mù trời. Cũng từ đây, Đông Hà hàng ngày đêm nhận hàng chục trái đạn pháo của Việt Cộng từ các làng mạc xa bắn vào. Đời sống bắt đầu căng thẳng. Nhà nào cũng làm một căn hầm nổi phủ vài lớp bao cát để tránh đạn. Thế rồi, biền biệt 25 năm sau, tôi mới có dịp ghé qua Đông Hà và ngủ lại một đêm nơi đây. Đông Hà không bị tàn phá như thành phố Quảng Trị. Khu phố nhỏ vẫn như xưa; hình như có vẻ buồn hơn. Nhưng khu chợ thì mở rộng ra rất nhiều. Hàng hoá tràn ngập các thứ. Đa số là đồ dỏm nhập từ đường Lào hay hàng Trung Cộng. Đây là đầu mối bán sỉ đưa hàng ngược vào Nam, ra Bắc. Do làn sóng người di tản từ các làng mạc xung quanh trong thời cao điểm 72-75, khu dốc Sỏi xưa là chỗ đất hoang, nay trở thành những xóm nhà chi chít. Đông Hà trở thành tỉnh lỵ của Quảng Trị khi Việt Cộng tái phân tỉnh Bình Trị Thiên trở lại thành ba tỉnh như thời trước 75. Cảnh cũ thì còn đó, mà người xưa thì tìm mãi không thấy. Qua cuộc chiến mười phần chết bảy còn ba, chết hai còn một... thì một này lại đi lưu lạc xứ nào mất rồi. Tôi tìm qua căn nhà xưa đã nhiều lần thay đổi chủ. Đứng cách một con đường nhỏ, nhìn chăm vào gian nhà tối tăm, tôi như ngỡ ngàng thấy hình ảnh mẹ tôi ngồi tính sổ trên chiếc sạp gỗ mun. Mẹ già ngược đôi mắt nhìn lên và như vui mừng nói: “Con đã về, bao năm xa vắng, con lại về...” Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Mẹ, Biểu Tượng của Quê Hương Hãy cảm ơn Thượng đế đã cho ta trái đất này, đầy hoa thơm cỏ lạ, đầy tiếng chim ca. Cảm ơn Người về những bình minh rạng rỡ, nắng ấm chan hòa; cảm ơn về những chiều tà tịch mịch, khi màu xanh trời hòa dần trong màu tím hoàng hôn. Lại cảm ơn Người cho ta biết yêu, biết sống. Nhưng trên hết, hãy cảm ơn về người Mẹ và những tình cảm bao la âu yếm mà ta không thể tìm được nơi đâu khác. Người ta đã dùng bao giấy mực, viết bao lời ca, bao bài thơ để ca tụng tình Mẹ. Viết hoài, nói hoài vẫn thấy chưa đủ, vì tình mẹ chan chứa dịu hiền quá; vì mỗi người trong từng lứa tuổi của đời mình, cảm nhận tình mẹ một cách sâu sắc khác nhau. Dù cả Mẹ lẫn Cha đều yêu thương con mình hết lòng, đều vì tương lai con mà hy sinh, cam chịu phần thiệt cho mình. Nhưng nếu tiếng Cha thúc dục nghĩa vụ, thì tiếng Mẹ kêu gọi cả hai: nghĩa vụ và yêu thương. Có lẽ bởi tiếng Mẹ là âm thanh mà trẻ bập bẹ đầu tiên trong đời; Mẹ, Má, Mẹ, Mother, Mom, Mère, Maman, Mẫu,... Vì thế, nhiều quốc gia 44 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về trên thế giới đã dùng hình ảnh người Mẹ để làm biểu tượng thiêng liêng của Tổ quốc mình. Bà Mẹ Ấn Độ, Bà Mẹ Nga, Mẹ Việt Nam; Người Nhật nhận mình là con cháu Thái Dương Thần Nữ. Dân Ái Nhĩ Lan, trong suốt hàng trăm năm lịch sử u buồn của họ, cũng dùng hình tượng người mẹ già đau khổ tủi hờn tượng trưng cho đất nước bị bóc lột khô kiệt để kêu gọi đấu tranh chống lại sự cai trị của người Anh. Người Việt Nam ta ưa dùng hình ảnh người Mẹ quê chân lấm tay bùn, mộc mạc chất phác vì hình ảnh đó hợp với sinh hoạt xã hội nông nghiệp và nền văn hoá cổ truyền của chúng ta. Mẹ Việt Nam không son không phấn Mẹ Việt Nam chân lấm tay bùn.

Người Mẹ trong huyền thoại Hòn Vọng phu ôm con thơ đứng trông chồng để rồi biến thành đá là nỗi niềm khắc khoải của quê hương trông chờ người anh hùng đứng lên đập tan nát xiềng xích nô lệ, giải phóng quê hương. Vì khi dùng Mẹ làm biểu tượng của quê hương, thì Cha chính là hình ảnh người anh hùng giải phóng: Raise the veil from Ireland; long hath she sought a spouse, finding no mate for her couch after the happiness of the man of Fal was blasted.⁴ Hoa Kỳ có Founding Fathers là những vị sáng lập ra Hiệp Chúng Quốc trong đó có Georges Washington, Thổ Nhĩ Kỳ có Kemal Atta Turk, Ấn có Gandhi, Egypt có Nasser, toàn là những vị anh hùng giải phóng, đem lại cho Mẹ nhan sắc mặn mà xưa, cùng những ngày thanh bình hoan lạc. Từ đó mà có bốn chữ Cha Già Dân Tộc. Vì Mẹ, các con sẵn sàng hiến thân đời mình, tương lai hạnh phúc mình như bao nhiêu thế hệ đã từng làm và sẽ làm: There were others that died for love of me a long time ago... Some that died hundreds of years ago, and there are some that will die tomorrow.⁵ (Vì tình yêu của ta, biết bao người đã hy sinh từ bao đời xưa, từ hàng trăm năm qua, và sẽ còn nhiều sẽ chết mai sau) Nếu trẻ thơ từng bú hai bầu sữa Mẹ ngọt ngào, thì dân tộc cũng từng được nuôi dưỡng bằng những nguồn tài nguyên khai thác 4 Ohuiginn Tadhg Dall, In Praise of Conn, Son of O Domhnaill. Tác phẩm cổ văn của Ái Nhĩ Lan 5 W.B. Yeats, Cathleen Ni Houlihan. Kịch phẩm tuyệt tác của Ireland. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về từ lòng đất Mẹ. Trả ơn Mẹ là làm sao cho nguồn tài nguyên không bao giờ khô cạn, để thế hệ sau còn thừa hưởng tiếp. Những đứa con hư hỏng phản trắc làm cho Mẹ muộn phiền, héo hắt chính là lũ người bất lương đã cắt từng mảng da thịt Mẹ đem dâng cho ngoại bang sau khi đã vắt kiệt dòng sữa cho những hoan lạc riêng mình. Người Mẹ Việt Nam trong thời chiến tranh, cả hai bên Quốc Cộng đều chịu chung một nỗi khổ đau như nhau. Có bà nhìn các con mỗi đứa một chiến tuyến, bắn giết nhau quên tình máu mủ, chỉ có Mẹ là đứt ruột thương xót cho con mà không hề phân biệt đứa nào chính, đứa nào tà. Những bà Mẹ từng đưa chồng ra đi trận tiền không trở lại, vành khăn tang còn phủ mái đầu; lại tiếp tục đưa những đứa con yêu lên đường ra miền lửa đạn. Những bà Mẹ sau 1975, mắt nhòa lệ trông con biền biệt thảng năm nơi những trại tù heo hút. Ngày ngày, Mẹ nhặt rau, bán chác tài sản, bòn chút tiền mua gửi cho con thẻ đường, thuốc, mong có ngày con về hàn huyên ấm cúng tuổi già. Ngày con ra đi, tóc Mẹ còn xanh; ngày con về, có khi Mẹ đã nằm sâu đáy mồ lạnh lẽo, uất ức vì không được nắm lấy bàn tay con lần sau cùng trong đời. Những bà Mẹ hy sinh cho con vượt biển khơi tìm tự do, những mong có ngày con về đem vinh quang cho Mẹ. Đâu muốn thấy con lại đề hèn quay trở lại chịu đòn roi kẻ thù chực xin chút ơn huệ. Nước mắt Mẹ đã khô rồi, thân xác Mẹ đã xác xơ rồi; hỡi ai làm người, xin đừng vô tình đẩy Mẹ vào đêm dài triền miên tuyệt vọng. Những đứa con lạc lối ở quê hương, xin hãy biết dừng lại trước khi quá muộn màng. Mẹ sẽ sẵn sàng tha thứ vì lòng Mẹ thì bao la vô bờ. vì mẹ là sản phẩm tuyệt hảo của Thượng đế chỉ có tình thương mà không bao giờ oán hận. 46 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Về Một Người Mẹ Mẹ già như chuối ba hương Như xôi nếp mật, như đường mía lau Mới đó mà đã ba trôi qua, từ khi Mẹ từ già cõi đời để về bên kia thế giới. Linh hồn Mẹ nay chắc đã an hưởng đời đời cõi phúc bên cạnh những ông bà tổ tiên; vì Mẹ xứng đáng, quá xứng đáng để được đăng thiên liêng rước về trên miền vĩnh hằng đó. Mẹ tôi là một người đàn bà Việt Nam rất bình thường, là một người con gái trưởng trong một gia đình mà nhiều đời làm quan đại thần trong triều Nguyễn. Một trong những vị đó là cụ Quận Công Nguyễn Văn Tường, dưới triều các vua Hiệp Hòa, Dục Đức và Kiến Phúc, cùng ông Tôn Thất Thuyết nắm giữ quyền hành bao trùm cả triều đình, có khi còn khuynh đảo cả các vị vua. Lịch sử có khen chê gì nữa, thì cụ cũng là tiên tổ của Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về chúng tôi, đã sinh ra nhiều con cháu mà sau này đổ đạt làm quan từ Nguyễn triều cho đến thời Cộng hòa. Ngoại tôi đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất, đời vua Duy Tân, làm Tham Tri Lễ Bộ, nhà thanh bần

vi cụ rất liêm chính, cụ dạy các con theo lễ giáo cổ truyền rất nghiêm ngặt. Khi Mẹ về làm dâu nhà nội tôi, cũng làm quan Thị Lang Công Bộ, Mẹ chịu nhiều khổ sở, đọa đày vì phận làm dâu thời phong kiến. Mẹ nhiều lúc ngồi buồn, kể chuyện đời mình cho con; Kể rằng, bà nội rất khó tính. Có lần, bà nội thích ăn con cá tươi từ nước lợ; Mẹ phải lặn lội gần chục cây số về Cửa Việt trong cơn giá lạnh và mưa dầm mùa đông để mua về nấu cháo cho bà. Hoặc có lần bà sai mang hoa quả trong vườn đi bán và định phải bán được giá như thế này, thế này. Mẹ bưng rổ hoa quả ngồi thu mình ở chợ tỉnh; chẳng ai mua vừa giá. May có người bên ngoại tình cờ nhận diện: “Trời ơi! vợ Hai dâu quan Thị sao ra nông nổi này?” Thế là họ bỏ tiền ra mua giùm cho Mẹ. Nhiều khi không bán được, Mẹ phải mang hàng về An Cư, xin tiền ngoại mới dám về nhà. Ngoại thương con gái, nhưng không giúp gì hơn; vì ngày xưa, một khi con gái đi lấy chồng là đã trở thành con nhà người ta rồi. Cha tôi thì thích cuộc đời phóng khoáng, ham vui bè bạn, rất ít khi để ý tới vợ con. Mẹ có bốn người con thì hai chị giữa bị bệnh chết sớm, vì Mẹ phải làm việc không được để thì giờ săn sóc thuốc men cho con. Chị lớn thì sau những năm thơ ấu lam lũ như con hầu trong nhà nội mình, đã đi lấy chồng sớm. Khi sinh lần thứ tư ra tôi là con trai, thì Mẹ quyết định xin ra riêng để hồng bảo vệ giọt máu quý báu của mình. Cha thì đang gặp rắc rối với bọn Nhật, suýt bị chặt đầu ở Huế, nhờ chú tôi lúc đó làm cảnh sát trưởng Thủ đô Huế can thiệp mà toàn mạng. Chưa kịp hoàn hồn thì Việt Minh nổi lên, bắt người đưa ra giam giữ tận ngoài trại tù Đầm Đùn, Thanh Hoá. Nơi đây, cha tôi đã trải qua 6 năm lao tù khổ nhọc để rồi năm 1954, được thả ra sau Hiệp Định Geneve. Người về cùng chuyến với thân phụ của Tướng Hoàng Xuân Lãm là cụ Hoàng Trọng Thuần, nhưng dọc đường, khi đến Vinh, Cộng sản phục kích thủ tiêu người. Mẹ bỏ bao công sức, thuê mượn người ra tận ngoài Thanh Hoá nhưng không tìm thấy xác cha tôi. Từ lúc cha bị Việt Minh bắt đi, Mẹ vẫn một lòng trung trinh, nuôi con chờ chồng. Khi đó tuổi Mẹ chỉ khoảng trên ba mươi, còn xuân sắc mặn mà, Mẹ có căn nhà mở tiệm buôn bán ở chợ huyện Gio Linh, nơi có đèo Ba Dốc nổi tiếng, nơi quê nghèo khơi dậy hình ảnh Bà Mẹ Gio Linh ôm đầu con loang máu thề quyết rửa hận thù. Mẹ tôi cũng ôm ấp hình ảnh cha tôi và nuôi tôi khôn lớn để rửa hận cho người. Bao ong bướm dập dìu ve vãn, nhưng mẹ đều giữ lòng thanh giá. Mẹ dồn hết tình thương cho con và tìm hạnh phúc của mình trong sự nuôi dạy con, người đã làm trọn đạo Tam Tông, theo con cho đến ngày nhắm mắt lìa đời. Tôi sống bên mẹ hết tuổi ấu thơ êm đềm, được nuông chiều như bất cứ con cái nhà khá giả nào khác. Mẹ nhường chiếc giường êm, mẹ dành miếng ăn ngon, Mẹ lo cho con từng tấm áo để con mình khi ra đường không thua kém ai. Tôi cứ nhớ hoài câu ca dao: “Mồ côi Cha ăn cơm với cá, mồ côi Mẹ liếm lá đầu đường.” Những lời Mẹ ru từ lúc còn thơ với âm sắc nùng nàn của miền Quảng Trị nghe buồn làm sao; như thấm vào trong tâm khảm tôi và trở thành mối dây thiêng liêng kết tụ nên tình mẫu tử bao la. Tôi ít xa mẹ, nên lúc nhỏ cứ cầu nguyện sao Mẹ sống mãi muôn đời với con. Tôi sợ nhất hình ảnh ngày Mẹ 48 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về già phải ra đi, tưởng tượng như cả một thảm họa trong đời. Mẹ muốn con học hành thành đạt. Khi đến tuổi thiếu niên, tôi bắt đầu cảm kích trước những hình ảnh oai hùng của những chiến sĩ Quân Lực VNCH; tôi cắt từ các báo ra nào là anh lính dù đang nắm chặt cây súng tiểu liên bay qua hầm địch, nào là anh phi công đứng hiên ngang bên cạnh chiếc khu trục AD-5, nào là người thủy thủ phát cờ trên chiến hạm đang vượt trùng dương. Tôi yêu tha thiết hình ảnh người trai lính, và quan niệm, thanh niên thời chiến chỉ đẹp trong bộ chỉnh y. Trên vách tường căn phòng ẩm cúng của tôi, biết bao hình ảnh cắt từ những tấm bích chương, những báo ảnh của hàng chục chàng trai trong các sắc áo lính; mà hình ảnh đẹp nhất là người thủ khoa Võ Bị đang giương cung bắn đi bốn phương trời, tượng trưng chí tang bồng hồ thỉ. Năm mười tám tuổi, tôi nộp đơn vào khoá 21 Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, Mẹ khóc, không chịu ký đơn, buộc

tôi phải tiếp tục đi học. Qua năm sau lại thi vào khoá 65A Sĩ quan Phi hành, tôi được chọn sau kỳ thi và đợt khám sức khoẻ, nhưng Mẹ lại khóc và giữ giấy tờ làm tôi trễ trình diện nhập khoá. Mãi khi có khoá đầu tiên CTCT, Mẹ mới cho đi, vì nghĩ rằng CTCT thì chắc mạng sống an toàn hơn. Có ngờ đâu con Mẹ cũng ra sư đoàn, ra tận đại đội bộ binh, cũng cây súng M-16 và hai chục ký quân trang đạn được lặn lội khắp các chiến trường ngập máu miền đông Nam phần. Mẹ lại cô đơn từng ngày ngồi lo lắng, mong chờ tin con an lành. Lần nữa, Mẹ lại theo con, thu xếp việc buôn bán, dọn nhà vào Nam cho gần con. Mẹ cùng con dâu và các cháu nội thuận thảo trong căn nhà bên bờ biển Đông, ngày ngày lên chùa đọc kinh cầu cho đất nước mau thanh bình, cho con mình sớm trở về nguyên vẹn hình hài. Con đã trở về, hình hài nguyên vẹn, ngoại trừ vài vết thương phải mổ bụng, nhiều vết sẹo nơi cánh tay. Chưa kịp vui đoàn viên, thì bày quý đồ cưỡng chiếm miền Nam. Con Mẹ lại ra đi, lần này không phải vào nơi chiến trường hào hùng; mà vào trong các trại tù được gán mỹ danh là trại cải tạo. Nếu Johann Moritz ở bên Romania cũng từ biệt gia đình ra đi, hẹn với gia đình mười lăm ngày sẽ trở về, và anh đã lưu lạc trọn mười lăm năm trong các trại tù từ Romania, Hungaria, Đức Quốc Xã và ngay cả trại tù của Đồng minh Hoa Kỳ, thì ngày nay, người chiến sĩ VNCH cũng bị bọn lang sói lừa gạt, chuẩn bị mười lăm ngày để rồi bị giam giữ hàng chục năm trời, có rất nhiều người không hề trở lại. Lần này đau thương hơn nhiều, vì Mẹ phải sống qua những ngày đánh tư sản, đổi tiền, 6 Johann Moritz, nhân vật chính trong cuốn Giờ Thứ 25 của nhà văn Virgil Gheorghiu, nước Romania Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về kinh tế mới... Mẹ đã già, lại bị cướp trắng tất cả tài sản dành dụm qua hàng chục năm trời làm ăn vất vả. Mẹ phải đương đầu với bao âm mưu muốn đui mẹ ra khỏi ngôi nhà chan chứa bao kỷ niệm yêu thương. Mẹ đã thắng bằng sự lì lợm trước bao đe dọa, rình mò của bọn công an, Mẹ đã giữ được căn nhà và những sách vở, di vật của con trai để rồi ngày ngày cùng con dâu và cháu nội đi nhặt hái rau bên đường ăn cho qua cơn đói lê thê trầm trọng mà toàn miền Nam phải gánh chịu trong giai đoạn cực kỳ đau thương của tổ quốc. Trong trại tù con Mẹ dù đói khổ, vẫn ngày ngày có chút bo bo hay khai mì mục mà ăn; còn Mẹ cũng như đồng bào ta có khi không biết lấy gì cho bữa ăn ngày nay. Chúng nó cướp đem hết ra Bắc, chúng nó cướp đem về ăn xài cho bỏ bao năm thèm khát. Chúng nó ăn và ăn, như chưa bao giờ được ăn. Chúng nó đầy cả một dân tộc vào cơn đói khổ, nghèo nàn mà trong lịch sử chưa hề xảy ra, ngay cả trong thời đô hộ Pháp, Nhật. Thế nhưng Mẹ vẫn kiếm cách bán vật vãnh kiếm chút tiền mua thức ăn cho con. Bán hết đồ đạc trong nhà, Mẹ còn chiếc tủ lạnh, xoay qua làm nước đá bán cho hàng xóm. Mẹ cùng con dâu chặt chiu, nhịn miếng ăn ngon, làm cơm khô, mua mắm ruốc hàng tháng chờ gửi cho con nơi trại tù xa heo hút. Mà nào bọn Cộng Sản có cho con được hưởng hết mùi vị ân tình của Mẹ. Chúng vừa ăn cắp những thức ngon, vừa giữ quà trong kho cho đến khi đem phát ra thì gạo đã mục, mắm ruốc đã có giòi, cá khô chỉ còn trơ chiếc xương và lớp da khô. Mỗi khi con nhận gói quà, bao nhiêu thương yêu pha lẫn hận thù, nước mắt đã khô không khóc ra được, nhưng cõi lòng tê tái; con hình dung hình dáng mẹ già khom khom bên bếp lửa, mắt nhoà đi vì khói cay mà vẫn canh chừng cho thức ăn chín đủ để bới xách cho con. Mười năm tù, tôi chỉ gặp mặt Mẹ một lần vào năm đầu khi còn ở trại tù Long Khánh. Ra đến Xuân Phước, thì chỉ có người vợ thủy chung là lâu lâu thăm viếng. Mẹ đã quá già để có thể đi xa. Mỗi lần nhận thư mẹ, đọc câu đầu tiên hỏi khi nào thì con về? Mẹ kể những khó khăn về cuộc sống, những đồng tiền nhỏ hiếm hoi mà ở tuổi Mẹ phải khổ nhọc mới làm ra. Biết bao lần trong đêm, tôi đã tưởng sẽ không còn nhìn thấy Mẹ trước khi Mẹ qua đời, sẽ không vượt được mắt Mẹ lần cuối. Hay ngược lại, chết đi trong tù mà không có Mẹ bên cạnh. Ai đi tù Cộng Sản sẽ chẳng bao giờ mong ngày về đoàn viên. Mẹ đã sống tương đối thọ, dù tuổi trẻ của Mẹ gian nan, từng bị vi trùng lao đục thủng hai là phổi gầy, dù tuổi già có giai

đoạn không có thứ ăn nói chi đến thuốc men tắm bổ. Mẹ sống lâu vì mẹ thương con, muốn chờ ngày con về. Và con đã về bên Mẹ, như một phép lạ, như một cuộc tái sinh. Từ đây, đói khát không giết nổi con Mẹ, vì con Mẹ phải sống để làm chứng nhân cho một chế độ tàn bạo phi nhân. Vì con Mẹ phải sống để có ngày đưa Mẹ đến đất nước tự do, bù đắp cho Mẹ trong những năm tháng cuối đời Mẹ. Mẹ đã chuẩn bị rất chu đáo cho ngày ra đi lần cuối. Sau ngày Mẹ mất, tôi tình cờ tìm thấy một mảnh giấy nhỏ kẹp trong cuốn kinh Phật. Mẹ viết: “Xin Phật A Di Đà đưa con về cõi Ta Bà”. Mẹ ra đi thanh thản vì đã làm tròn tất cả bổn phận của một người đàn bà Việt Nam: tròn hiếu với gia đình, tròn thủy chung với người chồng tuy sống chung ngắn ngủi, nuôi dạy con trưởng thành khôn lớn, và đối với tổ quốc, tuy Mẹ không biểu hiện ra, nhưng Mẹ đã giữ một lập trường trung thành với lý tưởng tự do, không bao giờ chịu

50 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về.

khuất phục bạo quyền Cộng sản. Những năm cuối đời Mẹ, không lo lắng thiếu thốn gì về vật chất. Bên cạnh hai con và đàn cháu nội ngoại đã khôn lớn, Mẹ vô cùng hài lòng. Nhưng Mẹ vẫn mang một nỗi ưu tư về hài cốt của người chồng bạc phước không biết đâu mà tìm. Mẹ ơi, con người sinh ra từ cát bụi, và trở về cùng cát bụi, nắm xương tàn của cha cũng vùi sâu trong đất quê hương như bao xương cốt tổ tiên, anh hùng tử sĩ. Nằm trong lăng mộ huy hoàng mà chi khi bị cả giống nòi nguyên rửa như một loài ác quỷ. Điều quan yếu là nằm được trong tâm tư nỗi nhớ của người đời. Mẹ ra đi thanh thản như ngủ một giấc dài vô tận. Mẹ đã không phiền lòng ai, không làm con cháu phải lo lắng tiền bạc ma chay. Ngày đi đưa đám anh bạn cùng qua một đợt H-01 với tôi, Mẹ quan sát rất kỹ cách thức tắm liệm, cổ quan tài lót satin trắng, Mẹ tấm tắc hài lòng khen rằng chết như thế cũng êm ấm. Và Mẹ đã âm thầm lo chu đáo cả cho mình và cho gia đình. Suốt đời Mẹ, Mẹ đã lo cho hai họ nội ngoại, trong vai chị cả bên ngoại cũng như dâu trưởng bên nội, Mẹ giữ được uy tín và tạo được sự kính trọng tuyệt đối; nhờ đó Mẹ là trung gian hòa giải các tranh chấp nếu có trong gia đình; bên ngoài Mẹ giúp đỡ các gia đình nghèo khó trong làng. Ở Hoa Kỳ, Mẹ vẫn thường nhin tiền già gửi về khi xây lăng, khi lập đình, cho người này ba chục, biếu người nọ hộp trà. Mẹ đã xây riêng cho Mẹ tòa thành công đức để khi trước mặt đấng tối cao, Mẹ có thể thưa rằng: “Lạy đấng Thế Tôn, xin cho con được ở cõi Niết bàn này.” Hôm nay, nhân ngày giỗ Mẹ, chúng con thấp nén hương kính dâng lên người tất cả lòng thương nhớ, biết ơn. Xin mẹ hiểu rằng, dù hai thế giới cách biệt, Mẹ vẫn ở mãi trong tâm thức chúng con, tưởng như Mẹ vẫn ngày ngày ra vào, ngồi trầm ngâm bên ly trà kể chuyện những ngày gian truân xa xưa, tưởng như Mẹ đang mỉm cười hiền hòa nhìn các cháu khôn lớn. Nếu có ai hỏi về thần tượng trong đời mình, thì con không ngần ngại nói rằng: Đó là mẹ, bà mẹ Việt Nam của chúng con, như trăm ngàn bà Mẹ khác trung trinh và dịu hiền, âm thầm và kiên gan sống trọn một cuộc đời xứng đáng trên mảnh đất đau thương qua hàng chục năm điêu linh, máu lửa. Austin 1996 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Vì ông không phải là mẹ (Kính tặng các bà MẸ) Sáng sớm mai đẹp trời. Ông Tám chợt thấy lòng khoan khoái vô cùng. Nhớ ra chiều nay sẽ có vài bạn từ phương xa đến chơi nhà, ông nghĩ đến việc đi săn kiếm ít mồi về đãi bạn. Ông quay vào nhà, mở tủ lớn lấy ra cây súng săn hai nòng bóng gỗ mít còn thơm mùi verni và một hộp đạn. Xong, ông thay bộ áo quần ngụy trang màu lá rừng có nhiều túi, vợ lấy cái túi xách bằng vải dày vẫn treo trên vách sau closet phòng ngủ. Ông khoá cửa và hướng về phía rừng sau nhà; ông đi. Rừng rậm dần, ánh sáng mặt trời dần bị những tàn cây che khuất. Chỉ còn những sợi nắng mỏng manh toả xuống

xuyên qua khe lá. Hương thơm lừng của vô vàn loài hoa làm tâm hồn ông ngây ngất. Ông nghe tiếng vỗ cánh của những con chim đi kiếm mồi muộn. - Chào ông Tám, lâu lắm mới gặp lại. Hôm nay ông định săn gì? Một con chim mỏ nhát dừng lại hỏi. - Chào chị Mỏ nhát, săn có mấy người bạn sắp đến chơi, lão đi kiếm ít con chim non về chiều nướng đãi khách. 52 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về - Chim non thì cũng khá nhiều. Nhưng tôi có bảy con mới sinh, ông tha cho chúng làm phúc nhé. - Được thôi. Nhưng làm sao tôi biết chim nào là con của chị? - Ông Tám ơi, ông đi vào sâu sâu trong rừng. Trên một cây bằng lăng, có một tổ nhỏ. Những con chim xinh xắn, đẹp đẽ nhất là con của tôi. Mong ông để cho chúng được sống mà lớn lên. - Ồ, gì chứ mấy con chim đẹp thì dù chị không dặn, tôi cũng phải chữa ra chứ. - Cám ơn ông. Chúc ông săn nhiều nhé. Chim mừng rỡ bay đi, còn ngoái lại chào ông Tám một lần chót. Sau gần một ngày vừa săn vừa nhâm nhi bầu rượu mang theo, ông Tám bắt được cả chục con chim con. Toàn những con chim lông đen, lông xám, xấu xí. Vì nhớ lời dặn của chim Mỏ Nhác, nên hề thấy con nào đẹp xinh là ông né đi. Thấy rừng đã trở nên sậm màu, ông xâu những con chim xấu số thành một xâu đeo qua vai và vui vẻ quay về. Ra đến bìa rừng cũng là lúc các con chim bắt đầu trở về tổ sau một ngày kiếm ăn. Có nhiều chim còn mang mồi về mớm cho con. Chị Mỏ Nhác từ xa cũng đang bay về. Gặp ông, chị đỗ lại. - Chào ông Tám. Săn được nhiều không? - Ồ, chỉ cần chục con thôi. Nhà còn mồi mà. - Thế ông không đụng đến các con của tôi chứ? - Chắc là không. Thấy tổ chim nào có các con chim con đẹp là tôi bỏ đi. - Ồ quý hoá thay. Nào cho xem ông bắt được bao nhiêu? - Ông Tám với tay qua vai, lấy xâu chim con lắc lắc khoe: - Đây nè, toàn mấy con xấu hoắc như ma trời không hà. Chợt ông nghe một tiếng kêu náo lòng, uất nghẹn từ miệng chị Mỏ Nhát: - Trời ơi! Các con xinh xắn của tôi. Ông đã giết hết bầy con tôi rồi. Ông già cúi xuống nhìn lại các con chim con xám xịt, xấu xí đang ghé đầu, cụp cánh trong tay mình - Thì chị bảo đừng giết con chị, là những con chim xinh đẹp cơ mà. Chị coi đây, toàn những con chim xấu xí thôi. Chim mẹ nấc lên: - Ông không phải là mẹ. Ông không hiểu được lòng mẹ. Đối với bất cứ bà mẹ nào, con cái của mình cũng đẹp nhất trên thế gian. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Một Bà Mẹ Dịch từ truyện A Mother trong Andersen's Fairy Tales (Truyện Cổ Tích của Hans Christian Andersen.) Kính tặng các bà Mẹ nhân ngày Mothers Day Có một bà mẹ đang ngồi âu sầu bên đứa con nhỏ. Bà rất buồn vì con bà đang hấp hối, em bé xanh xao đã nhắm nghiền đôi mắt thơ và lồng ngực đang thoi thóp những hơi thở cuối cùng. Thình thoảng em rên rĩ qua hơi thở thều thào, bà mẹ cúi sát tận mặt em mà lòng se thắt đau đớn vô cùng. Bỗng có tiếng gõ cửa. Một ông lão nghèo khổ bước vào. Người ông trùm kín trong tấm chăn mà người ta chỉ dùng khoác cho ngựa. Bên ngoài trời rất lạnh, tưởng chỉ có thứ chăn này mới đủ che ấm tấm thân già. Băng tuyết xuống dày, phủ kín cả một vùng; những cơn gió như những lưỡi dao cắt vào da thịt. Ông già bước vào, run cầm cập. Thấy con đang ngủ thiếp đi, bà mẹ nhen lửa hâm chút rượu. Ông lão ngồi xuống đu đưa đứa bé với tiếng ru buồn. Bà mẹ ngồi vào chiếc ghế cạnh ông lão, nhìn con đang thoi thóp mà hỏi: - Liệu có sao không hả cụ? Đức Chúa lòng lành có bắt nó đi không cụ? 54 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Ông lão lắc đầu, chẳng ai hiểu rõ là cách trả lời hay biểu hiện sự bất lực. Bà mẹ gục đầu khóc nấc lên. Em bé đã qua ba ngày hấp hối và bà thì đã kiệt sức lo lắng cho con, không hề chớp mắt được một giây, Ba thấy đầu óc trĩu nặng và thiếp đi một chốc. Cơn rét làm bà rùng mình thức dậy. Không thấy con và cả ông già, bà la hét lên: -Trời ơi, cái gì thế này? Con tôi đâu rồi? Cộp! Một tiếng động vang dội trong nhà. Chiếc đồng hồ quả lắc vẫn từng gõ nhịp nay ngưng lại, quả lắc rơi bộp xuống sàn nhà. Bà mẹ đáng thương vùng chạy ra khỏi nhà, miệng gọi tên con không ngừng. Một bà cụ mặc áo đen đang ngồi trên đồng tuyết chặn bà lại và mách: -Tôi thấy thần Chết vào nhà bà và mang đứa bé đi mất. Lão ta chạy nhanh hơn gió. Một khi lão đã mang đi thì chớ hòng lão mang trả

lại. Bà mẹ thiếu não khẩn cầu: -Cụ ơi, xin vui lòng chỉ cho tôi biết đường nào mà đi tìm lão. -
Đồng ý, nhưng bà phải hát cho ta nghe một bài mà bà từng hát ru con để đổi lấy sự chỉ đường
của ta. Ta từng nghe nhiều bài hát, nhưng chỉ thích nghe giọng bà hát cơ. Ta là thần Đêm,
từng ở bên bà và nghe bà hát ru con nã ruột, chan hòa nước mắt. Bà mẹ lại năn nỉ: -Tôi xin
hát đây, hát bất cứ gì cụ muốn nghe, nhưng cụ phải chỉ đường cho tôi đi tìm thần Chết đòi lại
con tôi. Bà mẹ hát, lời ca làm não lòng người, nước mắt bà chảy dài chan hòa trên hai gò má
gầy. Bà vừa hát vừa nức nở, nấc lên từng hồi. Thần đêm nghe xong bèn chỉ đường: -Ta thấy
thần Chết mang con chị biến vào khu rừng tối kia. Cứ đi theo hướng đó mà tìm. Bà mẹ lao
vào bóng đêm theo hướng thần Đêm vừa chỉ. Đến một ngã ba giữa rừng già, bà phân vân
không biết nên theo lối nào. Bà hỏi một bụi gai bên đường đang trơ trọi những cành khô bám
đầy tuyết: -Gai có thấy thần Chết mang một đứa bé chạy qua đây không? -Thấy, có thấy,
nhưng bà phải ôm tôi vào lòng, ấp cho tôi được chút hơi ấm rồi tôi chỉ đường cho. Tôi lạnh
cóng gần chết đây. Bà mẹ không ngần ngại kéo bụi gai ôm sát vào ngực mình. Những cây gai
nhọn đâm vào khuôn ngực trắng mịn của bà, đau điếng, máu từ tim bà nhỏ giọt nhưng bà cố
nén cơn đau. Cành gai thấm máu trở nên tươi tốt, đâm chồi trở ra những bông hoa đẹp. Nhờ
bụi gai chỉ lối, bà mẹ đến một hồ lớn. Nhưng bà không tìm thấy một chiếc thuyền để đi qua
bờ bên kia. Mặt hồ đã đóng thành một lớp băng, nhưng quá mỏng để có thể bước lên đó. Hồ
thì lại quá sâu, khó lòng lội qua được, nhất là nước lạnh giá. Nhưng bà quyết lòng phải vượt
qua, bà cúi xuống uống dần nước hồ. Đúng là việc làm chẳng thể nào thành được, nhưng
biết làm sao, lòng thương con vô bờ làm cho bà mẹ không suy tính lý lẽ nữa. Bà chỉ cầu xin
Thượng đế sẽ làm một phép màu như Người đã từng ban cho nhân loại trong những phút
giây khổ đau cùng cực. Hồ nước thấy thế, khuyên bà: -Bà không uống cạn được nước hồ
đâu, đừng làm chuyện điên rồ. Này nghe ta bảo, chúng ta trao đổi với nhau đi. Ta thì khoái
chơi ngọc, mà bà thì có đôi mắt long lanh đẹp Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về tuyết, có giá trị
hơn cả những hòn ngọc trong suốt. Bà hãy khóc đi, khóc cho đến khi nào với nước mắt và hai
con mắt bà sẽ rơi xuống. Cho ta đôi mắt ấy, ta sẽ đưa bà đến tận nơi ở của thần Chết. Đó là
một khu vườn ươm hoa mà mỗi cây hoa là một linh hồn con người đã do thần Chết mang về.
Bà mẹ nức nở: - Tôi có tiếc điều gì của tôi đâu, chỉ mong tìm thấy con thôi. Thế là bà khóc,
nước mắt tuôn rơi đầm đề cho đến lúc đôi mắt đẹp theo giòng nước mắt rơi xuống tận đáy
hồ và hoá thành hai hòn ngọc tuyệt đẹp. Hồ giữ lời, mang bà đặt vào trong một ngôi nhà lồng
kín to lớn. Bà mẹ, nay đã mù, không nhìn được gì xung quanh, nên chẳng thể đoán được đây
là đâu. -Thần Chết ở đâu để ta còn đòi lại con thơ? Một bà lão coi vườn bảo bà: -Thần Chết
chưa về đâu. Làm sao bà có thể vào tận đây được? -Thượng đế đã đưa ta đến đây vì lòng
người khoan ái vô cùng. Bà hãy vì Chúa, tỏ lòng thương xót mà cho ta hay con ta hiện ở đâu.
-Tôi làm sao biết được mặt mũi con bà ra sao. Mà bà thì lại chẳng nom thấy gì. Ở đây có hàng
triệu triệu cây hoa, nhiều cây đã chết héo đêm qua, chờ thần Chết về trồng lại. Mỗi gốc cây
là một sinh mệnh con người. Hoa ở đây khác hẳn hoa trên trần thế. Mỗi hoa có một trái tim
biết đập theo nhịp sống hẳn hoi. Có những cây hoa là linh hồn con trẻ, cũng biết đập nhịp.
Bà cứ đi mà tìm, chắc bà sẽ nhận ra nhịp tim của con bà, vì bà là mẹ cơ mà. Nhưng nếu bà
muốn tôi giúp cho, thì hãy đền ơn cái gì đi. - Bà thấy ta còn gì để cho bà chẳng? hay ta sẽ
theo hầu hạ bà tận cùng nơi thế gian này. - Ta cần gì nơi tận cùng kia, hãy cho ta mái tóc óng
ả của bà, ta thích những sợi tơ vàng óng kia. Đổi lại ta cho bà mái tóc bạc của ta. Bà Mẹ đồng
ý, trao đổi mái tóc vàng óng lấy mái tóc bạc phơ của bà lão. Họ bước vào căn nhà lồng kính
của lão thần Chết. Trong đó có biết bao muôn vạn cây hoa, đủ loại, đủ màu. đủ hương sắc.
Mỗi cây tượng trưng cho một sinh mạng con người, có cây cho kiếp người bên Trung Hoa, có
cây là kiếp người bên Ấn Độ... Có cây xanh tươi mơn mớn, có cây héo uá khô cằn. Bà mẹ cúi

xuống tận từng cây hoa, nghe nhịp tim của chúng, và giữa hàng triệu nhịp tim đó, bà đã nhận ra nhịp tim của con mình. - Đúng là con tôi đây, làm sao có thể quên được nhịp tim mà mình hằng nghe bao năm dài. Bà chỉ vào một cây hoa màu xám nhạt, nhỏ bé yếu ớt, thân cây không đủ sức đứng vững, quấn quèo qua một bên. - Chớ đụng vào cây. Lát nữa thần Chết trở về, đừng cho thần nhổ cây hoa này. Thượng đế trao cho thần giữ vườn hoa này; mỗi cây hoa còn mạnh là một người trên thế gian còn sức sống. Cây nào yếu là biểu hiện của một người thế gian đang bệnh hoạn, nếu nhổ lên là linh hồn người kia sẽ lìa khỏi thể xác đấy. Bà cứ dọa rằng bà sẽ phá tan vườn hoa này để thần Chết sợ mà làm theo ý bà. Thần Chết về, mang theo hơi lạnh âm ty rừng rợn. Thấy bà mẹ, thần quát lên hỏi: - Làm sao người có thể đến đây được? 56 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Bà mẹ vươn ngực đồng dục trả lời: - Ta là một bà mẹ. Thần Chết đưa cánh tay dài chộp lấy cây hoa ốm yếu; nhưng bà mẹ, bằng hết sức mình, ôm kín lấy cây hoa không cho thần Chết đụng vào. Thần Chết hà hơi vào bà, bà cảm thấy lạnh buốt đến tận cùng tủy xương. Thần Chết dọa bà. - Người không đủ sức chống lại ta đâu. Chớ dại. - Thượng đế sẽ tiếp sức cho ta. - Ta làm theo lệnh Thượng đế, ta chăm sóc khu vườn sinh mệnh này là làm theo ý Người. Ta nhổ cây ở đây là để đem lên trồng trên Thiên đàng cho linh hồn được hưởng cõi hạnh phúc vô biên hằng hữu. Bà mẹ quỳ xuống van xin: - Hãy trả lại con ta. Nếu không, ta sẽ nhổ hết cây trong vườn này. Vừa nói, bà vừa quơ tay vợ lấy một chùm cây. - Chớ, chớ. Chớ làm thế. Người là một bà mẹ đau khổ, sao người lại muốn làm các bà mẹ khác đau khổ theo người? Bà mẹ ngơ ngác, bàng hoàng. Những bà mẹ khác? Sẽ có những bà mẹ khác đau khổ vì ta nhổ lên những cây sinh mệnh của con họ sao? Thần Chết ôn tồn nói: - Đây là đôi mắt của người, ta thấy chúng long lanh dưới đáy hồ nên vớt lên. Hãy nhận lại đi. Đôi mắt ấy trong sáng hơn xưa nhiều, hãy theo ta nhìn dưới đáy giếng kia, ta sẽ cho biết tên hai trẻ mà người vừa định nhổ đi cành cây sinh mệnh. Bà mẹ nhận lại đôi mắt, nhìn xuống đáy giếng, thấy từ một trong đoá hoa toả lên niềm hạnh phúc thơ ngây; một đoá hoa khác thì u sầu ảm đạm. Thần Chết nói: - Tất cả đều do ý của Thượng đế, ai hạnh phúc, ai trầm luân đều do Người sắp xếp cả. - Tại sao lại có hoa hạnh phúc, hoa bất hạnh? - Ta không thể trả lời người được. Nhưng cần biết một trong hai hoa đó là linh hồn của con người, là hình ảnh tương lai của nó. - Trời ơi! Hãy cho ta biết hoa nào trong hai kia là hoa linh hồn của con ta. Nếu đời nó về sau sẽ đau khổ thì xin hãy mang nó đi, mang nó về chốn thiên đàng cho nó được hưởng chút phúc trời. Xin hãy quên những điều ta đã nói ra, xin hãy quên cả những dòng nước mắt khổ đau của ta. Bà quy xuống chìa đôi bàn tay ra khẩn cầu: - Xin Thượng đế vô cùng nhân ái hãy rước con tôi về bên người. Xin đừng nghe những lời cay đắng oán than của tôi. Xin hãy thương xót lấy con thơ... Thế là thần Chết mang đứa bé ra đi, đưa nó đến nơi xứ sở mà bà mẹ ước nguyện. Bà mẹ gục đầu xuống che giấu niềm đau thương nhưng thầm cảm ơn rằng con mình đã được an phần nơi vĩnh phúc. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Quảng Trị, Tuổi Thanh Xuân Trong Nỗi Nhớ Đã từ lâu, tôi vẫn có ý định viết một tập hồi ký về thành phố Quảng Trị mến yêu, nơi tôi đã sống qua trọn tuổi thiếu niên đầy hoạn lạc. Thế mà không phải dễ đâu, vì mỗi lần ngồi trước máy vi tính, gõ được vài dòng chữ là thấy tắc nghẽn. Chẳng phải thiếu chuyện để viết ra, mà ngược lại vì có quá nhiều điều muốn nói nên không biết phải bắt đầu từ đâu. Bây giờ mùa hè Texas đã sắp qua; cơn nóng hơn 100 độ đã dịu lại. Những ngày đi làm về chỉ muốn ngồi thưởng thức các bản nhạc tình, những cuốn phim hay đã mua dần trong gần mười năm qua mà chưa có dịp sử xem tới. Đời sống quay cuồng, thời gian trôi nhanh. Mới đó mà đã xa Quảng Trị gần nửa thế kỷ. Những kỷ niệm tuổi thanh xuân nơi đất Quảng mến yêu vẫn theo đuổi trong những giấc mơ chờ dịp được trang trải 58 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về ra trên những tờ giấy trắng. Mà hễ là kỷ niệm thì phải có chuyện của riêng mình gắn liền theo từng biến cố, địa danh. Vì mỗi góc phố, mỗi con đường

trong thành phố mến yêu đó đều gọi cho mình một vài ký ức dạt dào tình cảm lãng mạn tuổi thanh xuân. Do đó, khi quý vị đọc qua, đừng than phiền là tác giả nói về cái tôi đáng ghét nhiều quá. Tôi rời Quảng Trị năm 1966 lên đường theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc. Rời quân trường đổi về chiến đấu tại Sư Đoàn 5 Bộ Binh trấn nhậm 3 tỉnh Đông Nam phần, nơi có các địa danh lầy lừng và đẫm máu nhất chiến trường miền Nam. Cuối năm 1969, lại về Quảng Trị nhờ vết thương bụng phải giải phẫu và được nghỉ phép 3 tháng dưỡng sức trước khi trở lại đơn vị. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy thành phố còn nguyên vẹn hình hài, phố phường tấp nập và dĩ nhiên mang đậm hình ảnh chiến tranh. Xe nhà binh chạy qua lại với những người lính da rám đen và ánh mắt rần rỏi can trường. Trên khuôn mặt lớp trẻ đã thấy nhiều ưu tư hơn là nét hồn nhiên của tuổi học trò. Năm 1989, trước ngày từ giã Việt Nam ra đi theo chương trình Định Cư Cựu Tù Nhân Chính Trị, tôi đã thực hiện một chuyến về quê săn sóc lại mồ mã ông bà lần chót. Quê nội tôi làng Đâu Kênh bên hữu ngạn con sông Thạch Hãn đổ ra biển tại Cửa Việt. Từ tỉnh lỵ đi theo đường sông thì có những chuyến đò dọc đưa khách thương buôn lên xuống vào mỗi buổi sáng. Theo đường bộ thì đi qua Sải trên con đường rải đá rộng đủ cho hai xe tránh nhau. Từ khi thành phố Quảng Trị bị san bằng trong trận mùa hè đỏ lửa 1972, tỉnh lỵ tạm dời vào Hải Lăng. Dù Quảng Trị là tỉnh lỵ, sinh hoạt buôn bán tấp nập lại ở Đông Hà, nơi giao lưu của đường quốc lộ 1 và quốc lộ 9 đi sang Lào. Tôi đã theo đường sông từ bến đò Đông Hà để về quê qua ngã ba sông ở Gia Độ. Khi chiếc xe đò từ trong Nam ra Trung chạy quá Hải Lăng chừng vài cây số, tâm hồn tôi bắt đầu rạo rức, cố tìm lại chút gì quen thuộc ngày xưa. Hai mươi năm xa cách nay trở lại quê xưa. Tôi yêu cầu anh tài xế cho dừng xe lại phía bên này cầu ga vài mươi phút để cố nhìn lại thành phố thân yêu mà nay chỉ là cảnh hoang tàn đổ nát. Đây là con đường đất dẫn lên làng Tích Tường, Như Lệ. Con đường này ngày xưa xe đò từ Đông Hà sau khi qua cầu ga gập ghềnh, rẽ sang trái để chạy vào trung tâm thị xã. Cũng trên con đường đất này, năm 1965, tôi đã cùng cố vấn Mỹ đến đón toán kích đêm và chứng kiến tận mắt xác vài du kích Việt Cộng khi mò về quấy nhiễu dân làng. Các anh này đã bị toán thám báo bắn nát như, thân hình lỗ chỗ hàng trăm vết đạn. Tôi thả tâm hồn theo ký ức bắt đầu từ đây vậy. Tôi bước ra khỏi xe, tìm một khoảng đất cao nhất nhìn về hướng thị xã. Chẳng có thứ gì còn lại mà cao hơn một thước, ngoại trừ những lùm cây mới mọc lên sau này. Ngược vào phía Nam chừng trăm thước là bệnh viện Quảng Trị, dĩ nhiên nay chẳng còn gì ngoài đồng gạch vụn. Đối diện là Ty Công Chánh, trong đó có căn nhà đơn sơ của di tôi, nơi tôi đã ở trọ trong năm đầu học lớp đệ thất tại trường trung học Nguyễn Hoàng. Ngày hai buổi đạp xe đi học. Từ đây đến trường chắc chỉ vài cây số, đi qua phố chính Trần Hưng Đạo. Gần ngã tư Hưng Đạo Quang Trung là tụ điểm của ba nhà sách Lương Giang, Tùng Sơn, và Văn Hoá. Nhà sách Tùng Sơn có hai chị em cô Mai nhỏ nhắn, mუმ Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về mím, dễ thương; phải nói là đẹp. Học trò các trường Trung Học Nguyễn Hoàng, Bồ Đề, Thánh Tâm cứ chiều chiều lượn qua lượn lại, làm bộ xem sách để được nhìn ngắm các nàng. Đối diện là nhà sách Lương Giang của ông Nguyễn Quang Trình, dạy Pháp văn trường Thánh Tâm. Ngày đó, cô Thanh Tâm, con thầy Trình cũng là một trong những hoa khôi của Quảng Trị. Có lẽ vì sắc đẹp của cô có vẻ kiêu sa, lại thuộc lớp đàn chị, nên các chú học trò chẳng dám nhìn lên. Thầy Trình có óc tổ chức, trang trí, nên tiệm sách của thầy đầy đủ mọi thứ sách báo, văn phòng phẩm hơn hết. Những ngày Noel, tết. bước vào nhà sách Lương Giang là chẳng muốn bước ra, vì thấy thứ gì cũng thích cả: từ những tấm thiệp lóng lánh kim tuyến cho đến các tờ lịch có tranh cảnh hay hình ảnh các cô gái đẹp. Tại ngã tư chính này của thị xã, thường có một ông cảnh sát già đứng điều khiển lưu thông, dù những ngày đó chẳng có mấy xe hơi trên đường phố Quảng Trị. Ông đứng trên cái bục tròn không mái che, miệng ngậm tu huýt, hai tay chỉ phải chỉ trái suốt ngày. Con đường

Quang Trung bắt đầu từ bờ sông, nơi các ghe thuyền đỗ khách lên về từ các vùng quê đi nhóm chợ. Đường chạy thẳng đến tận trường Nguyễn Hoàng và sân vận động tỉnh. Sau đó chệch về nam thêm chừng cây số để gặp lại quốc lộ 1; đi tiếp là đến La Vang nơi thánh địa 200 năm xưa Đức Mẹ đã hiện xuống che chở cho đám giáo dân đang bị truy nã vì luật cấm đạo thời Tây Sơn. Con đường Quang Trung phải được đặt tên là con đường học trò. Trên một khoảng đường ngắn mà có đến mấy trường học: trường trung học Thánh Tâm, trường tiểu học Teresa, trường Nữ Teresa, cả ba trường tư này thuộc giáo hội Công Giáo. Hai bên đường là hai hàng phượng vĩ già. Cứ hè về, hoa phượng nở đỏ rực cả khoảng trời. Phượng rơi xuống lót đường học trò qua lại, phượng nằm ép trong những tập lưu bút ngày xanh đầy những lời thân ái hoa mỹ các bạn trao cho nhau trước khi tạm xa. Trên những cây phượng già đó, bọn ve sầu ngân nga những cung điệu u buồn của mùa chia tay. Chính trên con đường này, những cậu trai si tình theo lẻo đẻo sau các tà áo dài, ngấp ngừng trao vội lá thư kẹp trong cuốn sách học. Tôi cũng đã đếm hàng ngàn bước trên con đường đi học về để ngắm tấm lưng thon của VLH mà chưa hề dám mở miệng nói một câu làm quen. Ngày đó học sinh Nguyễn Hoàng nữ mặc áo dài trắng, nam áo trắng quần xanh; ngày lễ thì toàn trắng. Trên nắp túi hàng trên thêu tên họ, hàng dưới hai chữ viết tắt NH. Lớp đệ tam có vạch đỏ hai bên chữ NH, đệ nhị hai vạch, và oai nhất là lớp đệ nhất anh cả, có tới ba vạch. Đệ Nhị và đệ Nhất cách nhau một tấm bằng, bằng Tú tài một. Cả hai bằng Tú tài 1 và Tú tài 2 học sinh phải vào tận Huế để thi. Gia đình tôi chỉ có hai mẹ con. Mẹ có tiệm bán hàng ở Đông Hà, ngay gần chợ. Tôi đi học sớm một năm, phải vào toà Hòa giải Rộng quyền làm lại khai sinh tăng thêm một tuổi để được thi vào lớp đệ thất Nguyễn Hoàng. Sau mùa hè 1957, tôi già từ chần nệm êm ấm và hơi hám mẹ lên đường vào Quảng Trị “du học”. Những năm đầu ở trọ nhà dì, sau đó dọn về nhà cô. Cô dưỡng tôi nghiêm lắm, thương con cháu nhưng chẳng bao giờ biểu lộ ra mặt. Vì thế tôi cứ né gặp cô dưỡng, trừ phi giờ ăn cơm phải chường mặt ra, len lén chờ xem có câu la mắng nào không. Cô tôi là mẹ của ca sĩ Duy Khánh, dưỡng cũng vừa là cậu bên ngoại. Những ngày ông Duy Khánh kéo các ban nhạc về Quảng Trị hát Đại Nhạc Hội là nhà trở nên thật tương bừng và tươi mát. Tôi có dịp thoải mái trò 60 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về chuyện cùng Thái Thanh, Thanh Thúy, Trần Văn Trạch... hay nhìn tận mặt các cô đào múa nở nang xinh đẹp trong ban vũ Lưu Bình Hồng. Tôi còn nhớ cô Kiều Oanh, em gái nghệ sĩ Linh Giang, lúc đó là người yêu của Duy Khánh. Cô Kiều Oanh thích mặc áo dài màu hoàng yến; gái Bắc kỳ giọng nói nhẹ nhàng và ngọt ngào. Trong cái nhìn niên thiếu của tôi, chẳng có ai trên đời này đẹp hơn cô được. Sau cô lấy chồng là người hùng Biệt động Nguyễn Thừa Du, một thần tượng của tôi lúc còn thiếu niên. Cũng khoảng thời gian này, Duy Khánh đang theo đuổi tán tỉnh Thanh Thúy, người được giới hâm mộ đặt biệt danh là Tiếng hát Liêu trai. Tôi trở thành cánh chim xanh đi lại trao thư tình cho anh. Thanh Thúy có cô em là Thanh Mỹ, da hơi ngăm ngăm không đẹp bằng chị. Đưa thư qua lại nhiều lần rồi tôi cũng đâm liêu tán cô em nhưng chẳng đi đến đâu. Tôi thường thích đứng hai bên cánh gà để xem trong các đêm văn nghệ. Cả đến về sau này, khi làm lính biên cương những ngày phép từ đơn vị có dịp về Sài Gòn đến rạp Quốc Thanh, Hưng Đạo, cũng chỉ khoái vào nơi hậu trường, nhìn ngắm, tán tỉnh các cô hơn là ngồi hàng hoàng trong đám khán giả để nhìn lên chiêm ngưỡng cánh sắc huy hoàng của sân khấu trong những ánh đèn màu rực rỡ. Năm Tuý Phượng đã lừng danh là Nữ hoàng Twist, tôi mới 18. Cậu em đã si tình mua hoa đến gõ cửa nhà nàng ở số nhà 147 đường Bùi Hữu Nghĩa Gia định để tỏ tình. Nàng thương tình thỉnh thoảng ban cho chút cầm tay, bá cổ, và cho làm tà lọt đi theo những lúc trình diễn. Thế đã là hạnh phúc tuyệt vời, cậu em chẳng còn dám mơ ước chi hơn. Năm đệ thất, chúng tôi còn học Hán Văn với thầy Trần Công Hiệ. Kỷ niệm nhớ đời với thầy là tiếng “bôi tấp lô” mỗi khi thầy sai học trò lên lau

bảng. Con trai đầu của thầy, anh Trần Công Linh, ngày đó cũng là một trong những thần tượng của chúng tôi. Anh dáng cao cao, đánh bóng chuyền giỏi, lại có máu văn nghệ. Anh đóng vai Kinh Kha xuất sắc trong vở kịch Kinh Kha sang Tần. Tôi thì đóng vai người lính chỉ xuất hiện một lần khi mang một chiếc hộp trong đó có đựng đôi bàn tay ngọc ngà của nàng Ly Cơ do Thái Tử Đan gửi tặng Kinh Kha. Anh Linh đúng là một loại Kinh Kha cho chúng tôi thán phục. Sau này, gặp lại anh trong trại tù Hàm Tân Z30C, cùng bị chuyển ra Xuân Phước chung đọt, chia sẻ cùng nhau trọn 10 năm cay đắng. Anh vẫn khí khái, hiên ngang, nhưng trí óc có phần hơi bất thường do một tai nạn chấn thương vào sọ não. Anh Linh dường như bị nhốt xà lim biệt giam gần trọn khoảng thời gian tù cải tạo, thân hình tàn tạ, rách nát, nhưng tính khí vẫn can cường. Cô giáo dạy Việt văn là Trần H. H., tốt nghiệp đại học sư phạm Huế. Cô tròn trịa, đẹp và hiền lành. Cô thương tôi nhất lớp, vì tôi viết văn hay. Những bài luận của tôi thường được cô cho đọc lên cả lớp nghe. Cô thường gọi tôi đến phòng trọ, cho ăn bánh hay dẫn đi ăn kem. Có lẽ vì được cô thương nên đời học sinh của tôi mới ba chìm bảy nổi. Từ một học sinh ngoan ngoãn, học hành chăm chỉ, tôi biến thành một trong những học sinh cứng đầu cứng cổ nhất trường. Số là có thầy A. cũng dạy Việt văn các lớp trên; lúc đó chẳng hiểu thầy có yêu cô H không, nhưng rõ ràng là thầy không ưa tôi, nói cho đúng là ghét cay ghét đắng vì tôi được cô thương, cho gần gũi mỗi ngày. Thầy tìm mọi cách hành hạ, xử phạt oan ức tôi nhiều lần. Bản tính tôi thì không chịu được sự oan trái, nên lâu dần tôi đâm ra lì lợm và dám chống lại thầy. Lần tôi hỏng thi, cùng các bạn đến nhà cô trên đường Nguyễn Huệ, nội thành Huế. Cô bỏ đám bạn tôi lại trong phòng, dắt tôi ra Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Vê sau vườn hái đào cho ăn và trách nhẹ rằng vì tôi quá ham mê theo đuổi chuyện yêu đương mà thi hỏng. Ngày cô H đi nghỉ hè xa, cô gửi cho tôi tấm ảnh lớn chụp cô đứng tựa một gốc cây. Phía sau tấm ảnh là những dòng chữ chi chít nhỏ kể nỗi niềm nhớ nhung đến cậu học sinh thân yêu nhất. Tôi giữ tấm ảnh mà lòng phân vân, không biết đo lường tình cảm như thế nào đây. “Mais tu n'es trop jeune encore, pour jouer les amoureux”. Sau này, khi đã ra đời làm việc cho cơ quan tòa Đại sứ Mỹ, tôi tình cờ gặp cô cùng chồng đi xem phim ở rạp Châu Tinh, Huế. Tôi đánh bạo bước đến, lợi dụng bóng tối lúc bước vào rạp cầm tay cô bóp nhẹ. Thế thôi. Trường Nguyễn Hoàng thời đó là bề thế nhất tỉnh. Thầy hiệu trưởng Thái Mộng Hùng hiền lành, thầy giám thị Nguyễn Ích Xuân thì nghiêm khắc. Tôi nhớ thầy dạy Vạn vật Nguyễn Cửu Triệp rất khéo tay. Thường thầy dùng phấn màu vẽ lên bảng các loại thú rừng rất sinh động. Thầy Phạm Hòa, thầy Nguyễn Văn Thị dạy toán rất hấp dẫn. Hai đặc ngữ của thầy Thị mà chúng tôi không bao giờ quên là “ước số chung lớn nhất” và “bội số chung nhỏ nhất” được thầy đọc là “ư-xê-lờ-nờ” và “bê-xê-nờ-nờ”. Sau thầy bị động viên Thủ Đức ra trường phục vụ binh chủng pháo binh. Ngoài Hán văn, chúng tôi đã học cùng lúc hai sinh ngữ: Anh văn và Pháp Văn. Thầy Lê Đình Ngân dạy Pháp văn; thầy Nguyễn Hứa Thảo. dạy Anh văn. Chúng tôi học từ sách L'Anglais Vivant của Pháp. Bài học đầu tiên là This is Jack, Jack is a boy; this is Jane, Jane is a girl. Ngoài thầy Thảo, còn thầy Hồ Đình Mai cũng dạy Anh văn các lớp trên. Thầy Mai cao lớn, giọng nói ồm ồm. Thầy thường khoe rằng thầy nói tiếng Anh hay hơn Mỹ. Thửa đó, chúng tôi có biết người Mỹ nào đâu mà so sánh xem thầy nói hay hơn như thế nào. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn phục thầy sát đất vì mỗi khi đọc Anh văn, thầy cứ trương gân cổ lên phát âm, nghe mà không thể nào bắt chước được. Vào những năm đầu 60, các thầy giáo Trung học là có mức sống tương đối cao nhất. Tốt nghiệp Đại học sư phạm 3 năm, lương hàng tháng khoảng hơn 4000 đồng, trong khi giá chiếc xe Vespa mới toanh chỉ cỡ 25000; mười tháng lương của thầy đã có thể mua được một xe hơi Peugeot 203 cũ nhưng còn le lói chán. Đa số các thầy còn đi xe đạp mà giá cao nhất cho loại xe tốt nhất chừng 2500, vài thầy chạy Vespa, Lambretta. Ở một thành phố nhỏ như Quảng Trị, thầy giáo trung

học là đối tượng của các gia đình có con gái đến tuổi cập kê. Thời này người lính chưa có được một vị trí xã hội thích đáng. Học trò đi học thường mơ ước trở thành bác sĩ, kỹ sư. Nhưng cả trăm người mới có vài người 62 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về ngoi lên đến các học vị này. Còn đa số thì thích ra làm thầy giáo, cuộc sống an nhàn và trung lưu, được mọi người kính nể. Ngoài ra, thầy giáo còn là một khuôn mẫu đạo đức trong xã hội. Do thế, các thầy phải sống vào vòng nề nếp mà những người ngưỡng mộ thầy đã khoanh lại cho; chỉ bước chịch ra một chút là mọi dư luận đổ lên đầu, chỉ còn cuốn khăn gói mà đi xứ khác làm ăn thôi. Lớp học chung nam nữ. Các cô ngồi các hàng ghế trước, sát bàn thầy. Các cậu lớn sồn sồn thì ngồi các bàn sau cùng. Những giờ ra chơi, chúng tôi đẩy bàn ra hai bên, chừa một khoảng trống ở giữa diễn trò đánh lộn. Có anh chàng bắt đầu chập tập hút thuốc lá, thở khói ra trong học bàn rồi dùng cuốn vở quạt lia quạt lia. Tuổi học trò đó anh nào không từng làm thơ, và tự đặt những bút hiệu thật bay bướm. Lớp tôi có Trần Đình Bé, tức thi sĩ Thạch Nhân. Tôi còn quen Lê Văn Chính, bút hiệu Sương Biên Thủy, sau này lại đổi là Lê Mai Linh. Hai anh có thơ đăng trên các tạp chí giá trị như Thế Kỷ Hai Mươi, Sáng Tạo, Hiện Đại, Văn Học, Nghệ Thuật, Bách Khoa... Thạch Nhân hình như đã chết trong một tai nạn chiến tranh, Lê Mai Linh thì nay râu ria xồm xoàm đang làm thơ chữ Việt Cộng ở tận Connecticut. Tôi phụ trách làm bích báo cho lớp nhiều năm liên tục, cố rặn đẻ ra một số bài thơ mà nay nếu có nhớ lại thì cũng chẳng dám xướng lên vì e không gian sẽ mất đi phần thanh khiết ngay. Tuy thế thơ của tôi cũng từng được nắn nét viết lên trang giấy xanh, giấu trong tập sách toán để trao cho Thiên Xuân mỗi lần tôi ghé vào tiệm thuốc tây Quảng Trị làm bộ mua thuốc cảm cúm để thăm nàng. Thiên Xuân dáng người cao gầy và khuôn mặt thanh tú. Nàng đẹp, nhất là đôi bàn tay trắng muốt và thon thả. Khi mới quen nàng, tôi thường đứng trông cây si bên kia đường, nhìn lên căn phòng ở lầu trên của tiệm thuốc tây. Đứng mãi cho đến khi nàng nhìn xuống thấy, cảm động quá, ném xuống cho mấy chữ: “Xuân thấy rồi, về học bài đi.” mới chịu ra về. Xuân dường như lớn hơn tôi ít lắm là ba bốn tuổi. Mặc kệ, có hề chi, tình yêu không biên giới mà. Những chiều sau giờ học, tôi thường ra gặp nàng, đi cùng nàng ra bưu điện gửi thư. Có lần, Thiên Xuân viết vào bàn tay tôi hai chữ hán “Ái Xuân”. Tôi về nhà, thức trắng một đêm để tìm hiểu coi nàng muốn gửi gắm điều gì qua thông điệp ngắn ngủi kia. Phải chi nàng đặt cho một dấu hỏi sau hai chữ Ái Xuân thì có ngu lắm cũng phải hiểu là nàng muốn hỏi tôi có yêu nàng không. Lẽ nào nàng còn một tên khác là Ái Xuân? Hai chúng tôi cứ lơ lửng con cá vàng như thế cho đến ngày tôi chuyển thuyền tình qua bến khác. Năm 1965, khi tôi về Nha Trang, gặp Đính là bạn cùng làm chung tiệm thuốc tây với Xuân. Đính nhắc lại: “Xuân thường theo dõi tin tức Ph. luôn. Xuân bảo muốn Ph. làm thơ cho Xuân đọc mãi thôi” Ôi, hoá ra thơ con cóc của mình mà cũng có được một người đẹp như Xuân thích thú. Con đường Trần Hưng Đạo song song đường bờ sông. Thị xã Quảng Trị nằm bên bờ hữu ngạn sông Thạch Hãn. Giòng sông hiền lành vào mùa xuân, hè, trở nên hung hãn vào thu đông; dòng nước chảy mạnh uốn xói lở phía bên này, đem đất cát bồi cho Nhan Biều ở phía bên kia. Thanh niên Quảng Trị thường ra tắm sông ngay bến dinh Tỉnh Trường. Có người đi xa hơn, lên tận cầu ga để biểu diễn màn nhào lộn. Ngay bến, mực nước đã sâu quá đầu. Nhưng chịu khó bơi ra giữa sông thì chỉ cạn đến bụng thôi. Những chuyến dò dọc chen chúc người với mái chèo khoan nhạt trên sông làm cho sông thêm Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về nhiều sinh khí. Con đò từ đây sẽ đưa hàng hoá về các thôn quê tận cửa Việt. Sông Hãn gặp sông Hiếu ở ngã ba Gia Độ, nơi đó sông trái rộng ra, nước đã bắt đầu lơ lợ, hai bên bờ đã nhiều cát hơn đất. Trên bờ sông, đi qua dinh Tỉnh trường là toà Hành Chánh hai tầng bề thế. Kế đó, chúng ta đến ty Học Chánh, trường Nữ Tiểu Học, và cuối cùng là chùa Tỉnh Hội trước khi đi qua một vùng đất thấp, một chiếc cầu sắt về đến Sải. Chùa Tỉnh Hội có truyền thống tu tỉnh, hành đạo, nơi sản

sinh ra nhiều vị cao tăng lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất như Thượng Toạ Thiện Minh. Cậu tôi, ông Trợ Triển lúc đó làm Chánh Đại Diện Phật Giáo. Năm 1965, khi biến cố Phật Giáo xuống đường xảy ra trên toàn quốc, tôi đang làm thông dịch cho một cơ quan chống khủng bố thuộc toà Đại sứ Mỹ có trụ sở trên đường Quang Trung, sát nách trường Nữ Trung học Teresa. Tôi trực tiếp làm việc với ban chỉ huy Biệt Chính mà các thành viên nòng cốt thuộc đảng Đại Việt. Dĩ nhiên chúng tôi đối lập hẳn với phe Phật Giáo đấu tranh. Thế rồi Phật tử đem bàn thờ ra đường ngăn chặn lưu thông. Buổi trưa tôi lái xe jeep đi ăn cơm, lách né sao đó quẹt làm đổ một bàn thờ. Hú vía. Tôi bèn tìm ngay tấm khiên che chắn tốt nhất là chạy về nhà cậu trốn biệt mấy ngày. Bên ngoài, các chú thiếu niên quyết tử khăn đỏ buộc cánh tay hàng ngày hăm hở đi truy tìm cho ra anh chàng Đại Việt “phản động” đã đập đổ bàn thờ, bên trong nhà, tên Đì Vi ngồi thản nhiên nghe các lãnh tụ đấu tranh bàn kế hoạch đối phó với lính Thiệu Kỳ. Đất Quảng Trị nhỏ, nghèo, nhưng dân Quảng Trị kiên cường, có lập trường chắc chắn. Theo ai là theo hết lòng, không vì sang giàu mà phản bội anh em, không vì chết chóc cực hình mà phản bội lý tưởng. Khoảng thời gian này, Đại Việt và Việt Nam Quốc Dân Đảng có sự tranh chấp nghiêm trọng. Đại Việt đang nắm guồng máy chính quyền, có lực lượng quân sự là hàng chục trung đội Võ trang Tuyên truyền (tức Biệt Chính), có các đoàn Xây dựng Nông thôn, trang bị vũ khí đầy đủ. VNQDD chỉ mạnh ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Con đường chạy qua cổng trường Nguyễn Hoàng hình như tên đường Duy Tân. Nó chạy qua làng đạo Trí Bưư, nơi có nhà thờ cổ kính mà chúng tôi mỗi Noel thường về ăn rề vây đông với gia đình thầy Hiệu dạy Hán Văn. Thêm một con đường nối làng Trí Bưư đến chùa Tỉnh Hội mà tôi đã quên tên, cùng ba đường Lý Thái Tổ, Duy Tân, Trần Hưng Đạo làm thành một tứ giác bao bọc cổ thành Đỉnh Công Tráng nổi tiếng, nơi quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã viết nên trang chiến sĩ hào hùng nhất của mình trong chiến tranh Việt Nam. Thời đó chưa có Địa Phương Quân. Tỉnh đoàn Báo An là một tổ chức bán quân sự thuộc quyền bộ Nội vụ. Trong thành là các cơ sở quân sự tiểu khu, dân thường ít ai vào đây. Thành vuông vức mỗi bề một cây số, xây bằng gạch, cao hơn 3 mét, có hào sâu bọc chung quanh. Ra vào bằng bốn cửa ở bốn hướng. 64 Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về Năm 1972, Việt Cộng, vì muốn tạo áp lực tại hòa đàm Paris, đã xua đại quân vượt sông Bến Hải, chiếm Quảng Trị. Hai Sư đoàn Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến đã tiếp sức nhau đánh một trận tuyệt vời tái chiếm lại cổ thành và thị xã đã tan nát vì bom đạn của cả hai bên. Hàng ngàn thanh niên miền Nam đã đổ màu nơi đây cho lá cờ vàng tung bay trên bầu trời Quảng Trị lộng gió. Quảng Trị ít trò vui. Rạp ciné Đại Chúng nằm cuối đường Phan Thanh Giản là rạp hát độc nhất của thị xã. Mỗi ngày thường có xuất tối lúc 7 giờ, thứ bảy có xuất chiều, chủ nhật thêm xuất sáng. Phim tình cảm Pháp thịnh hành nhất. Sau đó là phim cao bồi Mỹ và nhiều phim Ấn Độ lúc nào cũng ca múa han-ca-ri, han ca-ra, ướt mềm nước mắt. Mỗi buổi tối, cứ đến giờ ăn cơm là rạp bắt đầu mở nhạc quyến rũ khách xem. Nhà cô tôi ở gần rạp. Tiếng hát của Paul Anka, Andy William, Elvis Presley, Patti Page... văng vào tận phòng, lôi kéo tâm trí tôi ra khỏi những trang sách đầy công thức tẻ nhạt. Nghe mãi đâm thuộc từng bài hát, nhớ in từng tên tài tử. Lâu lâu lén cô tôi đi xem phim. Vé mua thì không đủ tiền, chúng tôi thường chờ cho đến khi phim bắt đầu chiếu, dúm vào tay anh soát vé mấy đồng để được cho vào. Thường khi, buổi chiếu bắt đầu bằng lễ chào quốc kỳ; trên màn ảnh hiện lên hình lá cờ vàng bay phất phới, ngay giữa là cờ là ảnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Sau đó là phim thời sự do bộ Thông Tin thực hiện, vài quảng cáo phim kỳ tới rồi vào phim chính. Khán giả đủ loại, mà phần nhiều là trẻ con. Ghế gỗ bật lên bật xuống lách cách. Khói thuốc toả ra mù mịt. Trong rạp nhiều khi không đủ tối. Nhất là các xuất ban ngày, ánh sáng bên ngoài cứ ngoan cố ùa vào. Một năm vài lần, các ban nhạc từ thủ đô Sai Gòn ra tổ chức nhạc hội, có đủ các món: ca, kịch, vũ, hài, ảo thuật. Dân Quảng

Trị đã khóc theo tiếng nước nở của kỳ nữ Kim Cương trong vở kịch Trà Hoa Nữ, đã cười theo từng câu chuyện vui của quái kiệt Trần Văn Trạch trong các màn độc diễn hài hước, hay sững người, tròn xoe mắt, nín thở qua màn vũ sexy của nữ thần Thu Thủy, Kim Vui. Thịnh thoảng các đoàn cải lương cũng chịu khó gồng gánh ra địa đầu giới tuyến để trở tài. Những ngày có nhạc hội hay cải lương, thị xã Quảng Trị sống động hẳn lên. Đây là dịp để các giới, các thành phần dân chúng có dịp quần là áo lượt, gác qua một bên những ngày chật vật theo cơm áo để tụ hội về một khoảng không gian nhỏ bé, ồn ào, bụi bặm, nồng nặc hơi người, nhưng vô cùng đầy màu sắc, linh động. Mùa đông Quảng Trị buồn lắm. Mưa chi mà mưa mãi, kéo dài hàng hai ba tháng không ngơi. Đất thấm ướt đẫm, nhà cửa cũng thấm ướt mốc meo. Thế nhưng vẫn cứ sinh hoạt như thường. Thầy trò cứ đi đến trường, công chức cứ đi làm, chợ búa cứ nhóm đông đủ vì chả lẽ ở nhà miết hai ba tháng trời. Có thương chẳng là thương người trai lính chiến đấu nơi sa trường. Học trò Nguyễn Hoàng là nguồn bổ sung sĩ quan cho chiến trường giới tuyến, nhiều người lừng danh trong quân sự. Thanh niên hậu duệ Chúa Nguyễn Hoàng ít ai đi lính mà chịu về làm văn phòng. Lê Huấn lên cố Đại Tá chưa đầy ba mươi tuổi. Võ Toàn, Hoàng Mão làm trung đoàn trưởng sư đoàn 1 ở lứa tuổi hăm... Hùng móm sư đoàn nhảy dù chiến trường dày dặn rồi cuộc về để chết trên chính quê mình khi tiến quân vào Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về gần đến thị xã. Đường phố Quảng Trị những năm thập niên 60 đầy sắc áo trận. Tiếng đại bác từ hướng núi phía Đông vọng về thành phố mỗi đêm, đem lại nỗi lo âu cho các gia đình có chồng, con đang trấn thủ phương xa. Khăn trắng đã thêm nhiều trên mái đầu các thiếu phụ và các em thơ. Đầu năm 1966, Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Chính nằm ngay làng Sỏi ở cuối thị xã bị Việt Cộng tập kích lúc nửa đêm về sáng. Tôi theo Cố Vấn Kenwood Foster cùng ông Đại Tá Nguyễn Ấm, Tiểu Khu Trưởng, đến thị sát lúc mặt trời vừa lên. Cả một không khí kinh hoàng bao trùm căn cứ. Xác anh em Biệt Chính nằm la liệt đó đây, không một ai toàn thây. Việt Cộng dùng chất nổ plastic nhỏ bằng bao thuốc lá, ném vào các lô cốt kiên cố xây từ thời Pháp. Cả tấm mái dày ba tấc bê tông cốt sắt bị hất tung lên trời, thành vách bể nát, thì nói cho đến thân người bằng da thịt. Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm là Thiếu Úy Vũ Đức Vọng may mắn thoát chết. Sau này anh là trung tá trưởng khối CTCT tiểu khu. Anh Vọng có tài, có tư cách đảng hoàng. Sau 75 anh bị tù ngoài Bắc được chuyển về Xuân Phước ở cùng nhà với tôi trong những năm chót trước ngày ra trại. Anh nghèo. ít được thăm nuôi nhưng khi nào cũng giữ gìn tác phong gương mẫu và ý chí bất khuất. Thương thay, anh không còn sống để được đi định cư Hoa Kỳ như các anh em tù cải tạo khác. Quên. Nói về Quảng Trị mà quên nói tới cái ăn là thiếu sót lớn. Ai nói bún bò Huế ngon? Tôi vẫn ưa sợi bún Quảng Trị thanh nhỏ mà mềm mại hơn nhiều. Quán bún bò đường Lý Thái Tổ gần trường là một gian nhà tranh lụp xụp. Học trò, bồ bịch thường trốn học kéo nhau vào ăn. Tô bún đỏ au những ớt là ớt. Lại kèm thêm một trái ớt xanh, vỏ dày, cắn vào dòn tan và cay đến tận óc. Đặc biệt, bún ăn với các củ hành ngâm dấm thì tuyệt. Quảng Trị còn có dấm nuốt. Đó là một loại sữa biển, trong suốt và dòn tan. Con sữa cắt thành miếng bằng ngón tay cái. Ngâm vào nước phèn cho nó khỏi tan thành nước. Một tô bún có chan nước tôm kho đánh, trộn với ít rau, giá sống, rải con sữa lên cùng ít đậu phụng rang giả nhỏ, kèm bánh tráng nướng và đặc biệt không thể thiếu trái ớt xanh cay nồng. Chịu khó đi về Sỏi sẽ được ăn các món nem nướng đặc biệt. Chỉ ngửi mùi nem đang cháy xèo trên bếp than, thì dù có cháy nhà đến nơi cũng phải dừng lại làm vài lụi mới chịu đi. Quảng Trị nhỏ, đi một vòng là hết. Nhưng khi còn lứa tuổi thiếu niên, chúng tôi vẫn thấy có nhiều kỳ thú phải khám phá hàng ngày. Từ một gốc cây hện hò hay góc phố chờ nhau; từ đêm Noel hoa đăng lạnh mát đến ngày hội thể thao tương bừng ánh nắng. Từ con đường quê ngoằn ngoèo trong làng Thạch Hãn cho đến chiếc cầu sắt lốt vằn gập ghềnh. Tất cả đều có chút gì để cứ vấn vương mãi

trong lòng người viễn xứ. Người xứ khác còn có nơi để về, thị dân Quảng Trị chẳng còn gì ngoài hoang tàn, chỉ còn nơi để nhớ. Nhưng hình như trong lòng mỗi người vẫn tái dựng lại hình ảnh của một thành phố nhỏ, hiền hòa và ấm cúng. Nơi đó đã chan chứa bao niềm tin yêu và hy vọng của tuổi thanh xuân. 66 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Còn Chút Gì Để Nhớ Có những ước mơ rất đơn giản mà chẳng bao giờ thành hiện thực dù rằng trong cuộc đời, chúng ta đã thành đạt trong nhiều lãnh vực to lớn và quan trọng hơn. Tình nghĩa, đạo lý của người Việt Nam thường gắn bó với thầy cũ, trường xưa. Ai trong đời cũng mong có ngày trở lại thăm ngôi trường đầy kỷ niệm tuổi thanh xuân và gặp gỡ lại thầy cô, bè bạn. Chiến tranh Việt Nam gần một phần tư thế kỷ đã cướp đi hàng triệu sinh linh, tàn phá hàng chục thành phố lớn nhỏ trong đó Quảng Trị thân yêu của chúng ta chịu sự hủy diệt nặng nề nhất. Trường trung học Nguyễn Hoàng cùng chung số phận với cả thành phố, chỉ còn là đống gạch vụn sau chiến cuộc tàn khốc năm 1972. Con dân Quảng Trị, phần nào may mắn sống sót sau những cơn bão lửa thì đều ly tán đi muôn phương, xuôi Nam vào Bình Tuy, Long Khánh; hay lên cao nguyên Pleiku, Lâm Đồng, Đắk Lắk. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Không ít người vượt biên qua tận những bến bờ xa xôi nửa vòng trái đất đến hàng chục nước trên năm châu. Lúc tuổi xế bóng hoàng hôn, có mơ về quê hương tuổi nhỏ, thì chẳng qua để mà mơ thôi. Vì ngoài cái tên gọi thân thương, Quảng Trị chẳng còn lại gì ngoài một đống hoang tàn mà nay có lẽ đã bị lấp kín với lớp cỏ bụi thời gian. Tôi đã theo học trường Nguyễn Hoàng suốt bảy năm từ 1957 đến 1964. Nguyễn Hoàng là trường trung học công lập độc nhất của tỉnh thời đó. Ngay Đông Hà với hơn chục ngàn dân và là một địa điểm giao thương sầm uất cũng chỉ có một trường bán công với dăm lớp học đệ nhất cấp. Vì vậy hàng năm, sau khi học xong lớp nhất bậc tiểu học, cả ngàn học sinh từ các quận huyện đổ về thành phố để dự thi tuyển vào lớp đệ thất Nguyễn Hoàng mà chỉ có chừng hơn trăm là may mắn lọt qua được cửa ải cam go này. Học sinh Nguyễn Hoàng hãnh diện với tên gọi của vị Tiên Vương Nguyễn Triều, người đã chọn Quảng Trị làm kinh đô khởi nghiệp, từ đó khai phá giang sơn vào tận cuối đất ở mũi Cà Mau, dựng một miền Nam trù phú. Trường nằm ở phía Nam thành phố. Trước cổng chính cách một con đường bên phải là Ty Thông Tin, bên trái là bến xe đò với khoảng vài chục xe chạy vào Huế hay ra Đông Hà. Sau lưng trường là sân vận động đơn sơ một khán đài chục băng ghế bằng gỗ mái tôn. Xa hơn là những khoảnh ruộng hay bãi cỏ hoang chạy dài đến quận Hải Lăng. Có sáu con đường dẫn đến trường: Nam từ Hải Lăng, Đông từ Trí Bưu lên, Tây từ La Vang xuống, và ba con đường song song dẫn vào mặt Bắc của trường. Trong sáu con đường đó, đường Quang Trung mới chính là con đường học trò. Nó bắt đầu từ bến sông Thạch Hãn, cắt ngang phố chính Trần Hưng Đạo và chạy qua ba trường học khác mới đến góc trái của Nguyễn Hoàng. Mỗi sáng tinh mơ hay lúc xế chiều, hàng trăm học trò của các trường tiểu học và trung học Thánh Tâm, trường Nữ Teresa, trường Nguyễn Hoàng tấp nập lúi lo trên con đường mà hai bên là những hàng cây phượng vĩ già với những bông hoa đỏ thắm và đầy tiếng ve sầu mỗi lần hè sang, đánh dấu mùa ly biệt. Trường được bao quanh bởi một hàng rào xi măng kiên cố có ba cổng lớn nhỏ. Cổng chính có hai cửa dẫn thẳng vào sân cờ. Chếch qua phía bên phải sát hàng rào hướng nam là nhà chơi và quán bán bánh kẹo của ông cai trường. Nhà chơi chẳng có trang bị gì ngoài hai bàn ping pong. Năm học đầu tiên của tôi, 1957, ngôi trường chỉ mới có một dãy nhà lầu hai tầng gồm tám phòng và một dãy nhà trệt lợp tôn đối diện có năm phòng học. Văn phòng và phòng Hiệu trưởng chiếm hai phòng tầng trệt cạnh cầu thang. Một chiếc trống lớn đặt ngay dưới cầu thang mà mỗi sáng sớm người phu trường đánh ba hồi dài báo hiệu lúc ngày học bắt đầu và sau đó từng hồi ba tiếng cho những lúc đổi giờ. Thời đó học sinh nam nữ học chung. Lớp tôi có khoảng 50 trong đó chừng bảy tám chị. Các chị ngồi hai dãy bàn đầu sát bàn giáo sư. Tôi còn nhớ tên vài chị như Dung, Cẩm, Lê

Diệu Minh, Trần Thị Vinh, Lê Thị Như Hoàn, và chị lớn tuổi nhất có lẽ là chị Cung Thị Biên. Bạn học nam thì chỉ còn nhớ vài anh như Lê Đình Ân, Nguyễn Trung Thu, Lê Thọ Giáo, Tám, Dũ, Kháng và Lạc. Tuy ở độ tuổi mười một, mười hai (dĩ nhiên có vài anh chị lớn hơn dăm ba tuổi), chúng tôi đã biết ăn mặc rất chừng chặc. Đồng phục 68 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về áo trắng quần xanh, đa số mang sandal, vài anh mang giày da hay giày vải. Các chị thì áo dài trắng và đi guốc gỗ. Những ngày lễ, chúng tôi mặc toàn trắng. Học sinh đến trường bằng xe đạp hay đi bộ nếu nhà gần trường. Chỉ đến khoảng năm 60 trở về sau mới có vài anh đi xe gắn máy mà thịnh hành nhất là xe Goebel và Ischia. Các thầy cũng vậy, phần lớn đi xe đạp. Dường như chiếc xe lambretta độc nhất thời đó là của thầy hiệu trưởng Thái Mộng Hùng. Sau này thêm vài xe của thầy giám thị Trần Ngọc Xuân, thầy Hồ Đình Mai. Học trò thời đó rất kính sợ thầy cô. Thầy Lê Đình Ngân dạy Pháp văn, thầy Trần Công Hiệu dạy Hán văn thuộc thế hệ cha chú. Thế hệ sau là các thầy cô trẻ tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế như cô Trần Thị Hoắc Hương (Việt văn), Phạm Lộc (Sử), Nguyễn Cửu Triệp (Vạn vật), Nguyễn Hứa Thảo, Hồ Đình Mai (Anh văn), Phạm Hòa (Toán), Nguyễn Văn Thị (Toán), Tống Viết Mẫn, Lê Nghiêm Kính, Lê Văn Chính, cô Hoàng Thị Sa Đa, cô Phi Nga, thầy Duyên và thầy Minh. So với học trình middle và high schools của Mỹ, thì học sinh Việt Nam học nhiều hơn và khó hơn. Chúng ta đã học hai môn toán (Đại số và Hình học) trong 4 năm đệ nhất cấp. Lên đệ nhị cấp, ngoài Đại số và Hình học, phải học thêm Lượng giác, Cơ học, Số học và Thiên văn. Lý hoá thì bao gồm các môn Quang học, Điện học, Hoá học. Có thể nói là chương trình toán, lý hoá đệ nhị cấp trung học Việt Nam ngang cỡ Calculus, Physics, Chemistry của năm đầu Đại học Mỹ. Từ năm đệ thất, học sinh đã học hai sinh ngữ là Anh và Pháp văn, cộng thêm Hán văn chỉ học viết, đọc theo âm Hán Việt mà không học nói. Điều đáng nói là lớp học sinh chúng tôi học Anh văn bằng sách của Pháp (L'Anglais Vivant) do thầy Việt Nam dạy, nên chỉ khá về đọc và viết mà không nói đúng giọng. Sau này, Bộ Giáo Dục đổi sách (Let's Learn English và Life with the Taylors) nên có phần sát thực tế hơn. Nhưng sau bảy năm học với Anh văn là sinh ngữ chính, dường như chỉ có một hai người trong lớp tôi có khả năng nói chuyện với người Mỹ một cách thoải mái và tự tin (trong đó có Lê Thọ Giáo). Lên lớp đệ tam, bắt đầu chương trình đệ nhị cấp, học sinh phải chọn một trong ba ban: Vạn vật (A), Toán Lý (B) hay Văn chương (C). Sự lựa chọn này sẽ ảnh hưởng lớn đến việc hướng nghiệp trong tương lai. Các thầy mà chúng tôi thích nhất là thầy Hòa dạy toán rất hay và có phương pháp. Vào lớp với độc nhất một viên phấn trong tay, thầy có thể giảng thao thao bất tuyệt về đạo hàm, quỹ tích; phương trình nhị thức hay tam thức, vô tỷ hay hữu tỷ; và không hề ngập ngừng mỗi khi chúng tôi đặt các câu hỏi. Thầy Phạm Lộc dạy sử. Tính thầy xuề xòa, hay cười đùa. Đặc biệt thầy có biệt tài kể chuyện rất hay và sinh động. Tôi còn nhớ như in câu chuyện anh chàng Trung úy phi công Đức Quốc Xã Frank Von Verra khi bị quân đồng minh bắt làm tù binh; giải giao trên một chuyến xe lửa canh gác cẩn mật. Anh ta đã vượt thoát một cách thần kỳ. Giọng kể của thầy lôi cuốn làm chúng tôi như sống theo từng động tác và tình cảm của từng nhân vật. Chúng tôi nhớ đôi giày cao gót của cô Sa Đa đi gõ cộp cộp rất oai vệ trên nền xi măng. Chúng tôi yêu mến giọng Huế ngọt ngào và khuôn mặt dịu dàng của cô Hoắc Hương dạy Việt văn. Cô rất thương tôi vì có lẽ tôi viết văn hay và lại nhỏ tuổi nhất lớp (và than ôi! cũng thuộc loại nghịch ngợm và cứng đầu nhất!!!) Học sinh, ngoài các môn học chính còn có các môn nhiệm ý như thể thao, hội họa, âm nhạc và nữ công gia chánh. Chúng tôi còn chia nhau tham gia vào các ban Văn nghệ, Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Báo chí, Khánh tiết và Trật tự. Ban Văn nghệ các lớp hợp lại thành ban Văn nghệ toàn trường, hoạt động sôi nổi nhất. Những lần tổ chức văn nghệ lớn như mùa tan trường, Tết, vân vân, chúng tôi thường ở lại đêm để tập dượt các màn kịch, múa. Khuya, thế nào thầy hướng dẫn cũng đưa chúng tôi ra

phổ ăn cháo lòng hay bún bò. Tôi cũng tham gia được hai tiết mục. Một là vũ khúc của người Thượng trong đó các vũ viên đóng khố, bôi mặt nhảy tưng tưng theo tiếng trống dồn dập và rống lên một bài hát gồm những chữ lạ tai chẳng ai hiểu nội dung. Hai là vở kịch Kinh Kha sang Tần mà tôi đóng vai chú lính bưng cái tráp có đôi bàn tay ngọc ngà của nàng Ly Cơ trao cho Kinh Kha, là một món quà độc đáo mà Cao Tiệm Ly dùng để mua chuộc và tiễn đưa anh chàng vũ dũng này đi vào cõi chết Ban Báo chí thì hoạt động riêng, làm bích báo hàng tháng cho lớp mình. Lâu lâu mới tham gia làm đặc san cho trường. Lê Đình Ân và tôi thay nhau làm trưởng ban Báo chí liên tục suốt bảy năm học ở trường nhờ tài vẽ đẹp, chữ tốt và văn chương cũng có thứ. Thờ đó chúng tôi đã biết cách dùng keo và kim tuyến hay cát mịn nhuộm nhiều màu sắc để vẽ cho thật sinh động. Ăn cơm tối xong là hai anh em cúi người trên bộ ván ngựa để viết nắn nét các bài văn, thơ lên thẳng tờ giấy croqui khổ lớn, hoặc viết trên giấy tập rồi đóng vào từng ô. Ô này dành cho thơ, ô kia truyện ngắn, ô nọ chuyện cười, vân vân. Mỗi tờ báo là cả một công trình mà chúng tôi rất hãnh diện khi hoàn tất, đem đến lớp, treo lên vách tường trước sự khâm phục của các bạn. Chắc chắn chẳng có ai lúc đó biết được rằng trong lớp mình có một hòn ngọc quý. Đó là anh Trần Đình Bé, sau này là nhà thơ Thạch Nhân, có nhiều thơ đăng trên các tạp chí văn học nổi tiếng như Sáng Tạo, Hiện Đại, Thế Kỷ Hai Mươi. Anh Bé lớn tuổi nhất lớp, hiền từ, trầm tĩnh. Hình như Lê Văn Chính (tức nhà thơ Sương Biên Thùy, và sau này lại đổi thành Lê Mai Lĩnh) cùng học chung một lớp. Những anh chị nổi tiếng nhất trường vào thời đó là Hùng móm (thủ môn đội bóng, sau đi Võ Bị Đà Lạt tử trận ngay trên quê mình ngày anh dẫn đại đội thuộc Tiểu Đoàn 8 Dù về tái chiếm Cổ thành năm 1972), Trần Công Linh (cây văn nghệ và thể thao xanh dờn), Lê Thị Thu Vàng (hát bài Đường Xưa Lối Cũ rất tuyệt), Nguyễn Thị Trợ (được đặt tên là Lý Lệ Trợ nhờ dáng đi rất ư là Lý Lệ Hoa), hai chị em cô Thiếu Oanh và Ngọc Bích (đẹp và hấp dẫn), Lê Văn Xinh (khó nói ra!), và cũng đừng quên tác giả bài này về tội nghịch ngợm và các mối tình lãng nhãng mà hậu quả là thi rớt khóa đầu Tú tài II năm 1964. Bảy năm dưới một mái trường, chúng tôi đã chứng kiến sự thay da đổi thịt từng ngày của ngôi trường thân yêu. Căn lầu hai tầng được nối dài thêm. Hai dãy nhà gạch mái ngói mọc thêm ở hai phía Đông và Tây. Sân cờ được xây bệ, có các lối đi tráng xi măng dẫn ra 4 hướng. Các dãy nhà không vách mái tôn để chứa xe đạp học sinh. Đáng kể nhất là phòng thí nghiệm với nhiều dụng cụ tinh vi phía trái nhà chơi; nơi đó chúng tôi biết thế nào là các phản ứng hoá học; biết đường quỹ đạo của trái đất quanh mặt trời, và mặt trăng quanh trái đất để hiểu về hiện tượng nhật và nguyệt thực. Khoảng năm 1960, khi phái đoàn Cố vấn quân sự Hoa Kỳ đặt bản doanh tại phần đất phía đông của trường đối diện với góc tường Nam của cổ thành, thì đạn cối của Việt 70 Quê Mẹ Xuân Chứa Về Cộng cũng bắt đầu nổ bừa bãi vào các khu dân cư làng Trĩ Bưu cạnh đó và nhiều lần lọt vào sân vận động. Tôi không nhớ có trái nào rơi vào khuôn viên nhà trường không. Nhưng chắc chắn là gây kinh hoàng cho thầy trò không ít. Cũng vào những năm chiến cuộc tăng cường độ ở các vùng quê Hải Lăng, Triệu Phong, Mai Lĩnh; thì trường trở thành trung tâm tiếp nhận đồng bào tạm cư lánh nạn đao binh. Trừ một số ít có điều kiện theo học tiếp bậc đại học và thành đạt về mặt chuyên môn, đa số học sinh Nguyễn Hoàng đã phải tham gia cuộc chiến ngay sau khi rời mái trường. Trường là nguồn tài nguyên sĩ quan hùng hậu cho Sư đoàn 1 Bộ binh trách nhiệm hai tỉnh Trị Thiên. Những người con ưu tú này đã đổ máu ngay trên phần đất quê hương trong nhiều năm cho đến ngày miền Nam bị thất thủ. Lần cuối cùng tôi được thấy lại trường vào cuối năm 1969 khi rời quân y viện Nguyễn Tri Phương đi phép về thăm nhà. Tôi gặp thầy Hiệu trưởng Thái Mộng Hùng một lần trên chuyến xe bus của Air Vietnam từ phi trường Phú Bài về Huế cũng cuối năm 69. Từ sau thời gian đó, chẳng còn dịp nào nữa cho đến khi nghe tin Quảng trị thất thủ và sau đó quân ta đã dũng cảm tái chiếm lại một thành

phố hoang tàn, mà không một kiến trúc nào còn cao hơn nửa thước trên mặt đất. Khi qua Cali mùa hè năm 1993, tôi có tìm thăm thầy giám thị Xuân và thầy Lộc. Bạn học cũ thì tình cờ gặp lại vài anh trong ngày họp mặt Tân niên hội Đồng hương Quảng Trị tại Houston. Nhưng nếu không nhắc thì không thể nhận ra nhau. Gần bốn chục năm bao nhiêu vật đổi sao dời, trách sao được. Cửa đáng tội, đối với mấy chị thì mình lại nhớ rất rõ và rất lâu. Chị Dung, chị Cẩm có đọc được bài này thì xin nhận nơi đây lời tạ lỗi trễ tràng của chú bé này ngày xưa đã quậy phá hai chị nhiều nhất. Cả chị Vinh, chị Diệu Minh nữa nhé. Mong sao những cựu học sinh Nguyễn Hoàng thấy qua những trang giấy này những ảnh hình vụn vỡ để ghép lại gần toàn vẹn hình ảnh ngôi trường mà chúng ta sẽ trong đời, chẳng bao giờ còn thấy lại. Những thầy cô, anh chị còn ở lại Việt Nam cũng qua đây, thấy tình cảm gắn bó của những người xa xứ với những kỷ niệm hoa niên mà “ngàn năm hồ điệp mấy ai quên”. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Chút Tâm Tình về Hương Đạo Quảng Trị, Đạo Ái Tử Làm sao có thể quên được những kỷ niệm đẹp của thời niên thiếu trong sáng và hồn nhiên. Nhưng cũng khó mà nhớ hết từng chi tiết của những biến cố, những con người đã từng gặp gỡ sau gần ba bốn mươi năm theo diễn biến quá thăng trầm của lịch sử; mà trong đó bản thân ta cũng chịu nhiều cuộc đổi đời chua chát và khổ nhục. Tôi vừa viết xong một bài hồi ký dày 7 trang về Quảng Trị cho tờ đặc san Xuân của hội Đồng hương Quảng Trị, thì Trưởng Nguyễn Trung Thoại từ Canada nhắn nhe tôi viết bài về Hương Đạo Quảng Trị cho Đặc san Quảng Thừa. Sao ngày xưa chúng ta gọi Trị Thiên, mà nay các bạn đổi ra Quảng Thừa? Có phải các bạn né chữ Bình Trị Thiên nghe có vẻ Vi Xi chăng? Thôi, Trị Thiên hay Quảng Thừa gì gì nữa, thì hai tỉnh chúng ta đã cùng có nhiều điểm chung gắn bó trong một quá trình lịch sử lâu dài. Ngày nay, than ôi, Thừa thì còn đó mà Quảng thì đã bị cuộc chiến ác liệt dày xéo thê lương. Trái tim thân yêu là thành phố Quảng Trị đã bị băm vằm nát như 72 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về chẳng còn chi ngoài đồng gạch vụn đang bị cỏ cây lấp dần mất dấu tích xưa. Những người con Quảng Trị giờ tha phương khắp mọi miền đất nước, lưu lạc ra khắp năm châu. Có phút nào ngồi bên tách trà tìm ghép lại những vụn vỡ kỷ niệm để hoài tưởng cho những ngày thân ái xa xưa, lúc thanh bình an lạc cũng như trải dài theo chiến cuộc đau thương. Nơi tình lý địa đầu hoá tuyến đó ngày xưa cũng có những đoàn Hương Đạo với đủ các lứa tuổi: Ấu sinh, Thiếu sinh, Tráng sinh dưới mái nhà chung của Đạo Ái Tử. Người anh đầu đàn lúc đó là Trưởng Nguyễn Đức Phúc, dong dỏng cao, hơi gầy, có dáng dấp của một nhà giáo nhưng luôn tươi cười, cởi mở. Trưởng Phúc nay đã bước qua tuổi 90, như thế là đại phúc. Tôi tham gia hương đạo vào khoảng năm 1960, sau kỳ trại họp bạn Trắng Bom kết thúc. Thiếu đoàn Lam Sơn, nơi tôi hân hoan và vinh dự được mang chiếc khăn quàng màu hồng viền xanh lúc đó dưới sự hướng dẫn của trưởng Nguyễn Xuân Tăng. Đoàn chỉ có hai đội: Hồ và Voi. Một thời gian ngắn sau khi tuyên hứa, tôi làm đội trưởng đội Hồ, đeo tua vai hai màu đen vàng. Hình như tôi có máu nhà binh sẵn trong người, nên tôi đã điều hành đội có kỷ cương, nghiêm trang và thành thật mà nói, hơi cứng rắn. Suốt tuần lễ cặm cụi sách đèn, chúng tôi những mong chóng đến ngày cuối tuần để khoác lên chiếc áo màu nâu, đeo khăn quàng, cầm chiếc gậy 1.6 mét để đến đạo quán sinh hoạt. Đạo quán là một căn nhà gạch đơn sơ cuối đường Lý Thái Tổ gần trường trung học Nguyễn Hoàng. Bên trong trống trải chỉ có các tranh ảnh sinh hoạt treo trên tường; bên ngoài là một khoảnh đất vừa đủ rộng cho hai thiếu đoàn cùng vui chơi. Trong cái không gian bé nhỏ thân thương này, chúng tôi từ xa lạ đã trở thành bạn chí thiết, cùng học cách thắt các nút dây, sử dụng bản đồ và các dấu hiệu. Chúng tôi cùng nhắc nhở nhau về luật Hương Đạo, những mong sau này lớn lên sẽ trở thành những thanh niên hữu dụng và có tư cách, lòng tự trọng và nhiệt thành phục vụ xã hội. Những ngày đó, tâm hồn chúng tôi hồn nhiên, thơ thới, như những trang giấy trắng tinh mà sinh hoạt Hương đạo đã từng ngày đã vẽ lên những hình ảnh

tươi sáng, thấp cho chúng tôi ngọn đuốc soi đường đi vào một tương lai, trên đôi chân vững chắc và một lòng tự tin mãnh liệt. Chỉ cần ra khỏi thành phố vài cây số, là không biết bao nhiêu địa điểm thích hợp cho những chuyến trại bay, trại dài ngày. Đạp xe về hướng Bắc, chúng tôi đến Ái Tử, nơi dựng nghiệp của Chúa Nguyễn Hoàng. Chúa Nguyễn sau khi nghe lời khuyên của cụ Trạng Trình nhằm tránh sự đổ kỵ của chúa Trịnh Kiểm, đã đưa tùy tùng xuôi Nam; vượt qua đèo Ngang “Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân”, dừng chân tại Ái Tử và thấy nơi này cảnh sắc xinh tốt, thích hợp cho việc khởi sự một vương nghiệp lâu bền. Trên con đường quốc lộ 1, hai bên là vùng đất thấp tương đối màu mỡ. thỉnh thoảng pha những vùng đất cát. Làng mạc lúa thừa kéo dài cho tới Đông Hà. Dân quê hiền lành, chất phác và chăm chỉ nhưng muôn đời vẫn nghèo vì đất ít mà lại lắm thiên tai. Bên kia sông, từ toà hành chính tỉnh đường nhìn qua, là ngôi chùa lịch sử Sắc Tứ, có nghĩa là chùa đã có nhiều công đức và nhiệm màu nên vua nhà Nguyễn đã ban phong Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về phẩm hàm cao cấp. Chùa nằm giữa những tàng cây cao, đều đặn và thẳng tắp. Không khí tịch mịch và đượm mùi thiền môn. Ai đã ghé vào sẽ không thể thấy lòng mình dịu xuống, man mác một nỗi tiêu dao đạo khí. Nhìn về hướng đông là dãy Trường Sơn hùng vĩ, nơi con sông Thạch Hãn bắt nguồn chảy qua thành phố đổ nước ra biển Đông tại cửa Việt. Có phải vì nắng lửa miền Trung cộng với các ngọn gió nóng hừng hực từ Hạ Lào thổi về đã làm cho đá cũng phải toát mồ hôi, nên mới có danh từ Thạch Hãn chăng. Nắng như thế mà người dân quê tôi vẫn đứng vững trên những cánh đồng, đem sức cần lao đổi lấy hạt cơm cho gia đình. Con đường từ cầu Ga đi lên Tích Tường, Như Lệ. Đó là đi vào hướng núi rừng, nơi ẩn chứa bao thiêng liêng huyền bí. Những năm 60, Cộng quân chưa hoạt động, chúng tôi có nhiều dịp đi trại miền này, học hỏi bao điều kỳ thú từ thiên nhiên. Đêm trên rừng Trường Sơn nghe tiếng thú rừng gọi nhau, tiếng lá cây xào xạc. Con trăng rằm treo trên mảng trời xanh, để những tia vàng xuyên qua khe lá rọi trên tấm tent. Đốt lửa lên, cùng nhau quây quần nháy múa bên bếp nòng. Có biết đâu chỉ vài năm sau, có những anh em trong chúng ta gục ngã trên con đường mòn này, máu thanh xuân chảy xuống thấm đất quê hương cho tự do hạnh phúc của đồng bào. Những ngày tương bưng nhất của Hướng Đạo Ái Tử có lẽ là trong dịp rước kiệu Đức Mẹ La Vang. Từ khắp các tỉnh thành miền Nam, hàng vạn giáo dân lũ lượt kéo nhau về thánh địa để làm lễ tôn vinh Đức Mẹ Vô Nhiễm. La Vang chỉ cách thành phố chừng 5 cây số về hướng Đông Nam. Nhà thờ La Vang được tôn phong Vương Cung Thánh Đường thời Giáo Hoàng Gioan do những phép lạ mà Đức Mẹ đã thể hiện. Ngôi thánh đường nguy nga, cổ kính nằm gọn giữa rừng thông già. Vào những năm đầu thập niên 1960, người ta đã xây lên một tổ hợp kiến trúc vĩ đại: tượng Đức Bà Maria bằng Chúa Hải đồng đứng dưới vòm cây, đoạn đường Thánh giá gồm hàng chục tượng đài trên con đường dẫn vào cổng chính thánh đường, ... rất nhiều kiến trúc khác mà ngày nay chắc đã bị bom đạn phá hủy. Lễ kiệu kéo dài hàng tuần lễ. Trong thời gian chuẩn bị, Hướng Đạo Ái Tử dựng một căn nhà sàn trên góc một chiếc ao sâu. Nơi này trong những ngày hội là quán bán giải khát, quà lưu niệm lấy tiền gây quỹ. Bọn thiếu sinh chúng tôi chia nhau đi dựng lều cho đồng bào các nơi xa về. Một số anh em chúng tôi sắp bước qua tuổi Tráng sinh, nên việc đi dựng lều cũng có nhiều điều thú vị và lãng mạn. Hên cho chú nào được rớt vào giữa những gia đình có các thiếu nữ xuân xanh; thế là chú hăng lắm, vừa làm vừa biểu diễn, lấy le với người đẹp. Rồi cũng không tránh được cảnh xin địa chỉ, trao khăn ước hẹn hay những tấm hình lưu niệm. Kỷ luật Hướng Đạo tuy không khắt khe, nhưng lòng tự giác được đề cao; vì thế chúng tôi biết giữ khoảng cách để không hề có gì đáng tiếc xảy ra. Coi như chút kỷ niệm hồn nhiên tươi đẹp của thời niên thiếu. Dù không là con cái Chúa, anh em chúng tôi cũng tham dự đủ các lễ trong những ngày hội. Chúng tôi làm hàng rào danh dự đón tiếp bà Cố Vấn Ngô Đình Nhu, nhìn rõ tận khuôn mặt xinh đẹp và

sắc sảo của bà che sau tấm lưới voan màu đen; hoặc đứng nghiêm trang dưới lễ đài trong khi đức Tổng Giám Mục ban hành Thánh lễ; hoặc đi theo hai bên 74 Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về kiệu Mẹ, lòng sung sướng tự hào. Thời gian này làm cho chúng tôi trưởng thành lên nhiều. Những ngày đông dài lê thê, mưa tầm tã hàng tháng không ngơi, thành phố chìm vào một màu xám xịt, buồn ơi là buồn. Nhưng khi ngồi trong căn phòng êm ấm tưởng đến các em bé lang thang co rúm trong tấm áo mỏng manh, đi khắp các con đường nhầy nhụa bán bánh mì trong đêm. Tôi nảy sinh sáng kiến cho đội mình đi bán bánh mì vài đêm, vừa kiếm tiền cho đội vừa học bài học thực tế của lao động để biết cảm thông sâu sắc với các em bé nghèo. Tôi không báo cho các trưởng biết ý định của mình. Đi rao bán quanh co một hồi đến gần nửa đêm, chúng tôi gõ cửa nhà Đạo trưởng Nguyễn Đức Phúc. Anh đã vô cùng sửng sốt khi thấy các em Hương Đạo của mình vai đeo túi bánh mì, đầu đội nón lá xụp xuống che hết nửa mặt, và cái miệng... cái miệng cố rao lên cho lớn “Mì ừ ... nóng dòn đ â y y y.” Dĩ nhiên chúng tôi không tài nào bán hết bánh mì, phải đem trả lại cho chủ lò. Nhưng ngược lại, chúng tôi thâm hiểu được nỗi cơ cực của các em bé đáng thương, đi làm lủi trong đêm dài mà khó mong kiếm đủ chút tiền mọn. Ngày ấy, các thành phố nhỏ (hình như ngay cả Huế) cũng chưa có xe cứu hỏa. Mỗi lần cháy nhà, chỉ mong bà con hàng xóm góp vào một tay: kẻ dội nước , người chuyển đồ, bồng bế các em bé, người già... Dù đang làm bất cứ việc gì, mỗi lần nghe có lửa cháy, nhìn thấy khói bốc lên từ những căn nhà, anh em chúng tôi không hẹn trước, đều nhanh chóng chạy đến. Dĩ nhiên là không quên khoác vội chiếc áo Hương Đạo. Phải cho đồng bào biết có Hương Đạo đến cứu nạn đây, lấy điểm về cho phong trào chứ (và dĩ nhiên cho cả bản thân nữa!) Và cũng dĩ nhiên (lại dĩ nhiên) các chú Hương Đạo là can đảm nhất, tháo vát nhất, dám xông vào ngọn lửa đang hừng hực đe dọa để trị cho nó phải dừng lại, biết cách bảo vệ tài sản cho đồng bào, và cũng biết cách săn sóc vết thương cho người bị nạn. Những năm đầu thập niên 60, Quảng Trị hưởng cảnh thanh bình hoan lạc. Hương Đạo có nhiều hoạt động hứng thú và tương đối phát triển. Thị trấn Đông Hà cách đó 14 cây số về hướng Bắc cũng thành lập một thiếu đoàn mà tôi không nhớ tên. Đa số Hương Đạo sinh là học sinh các trường trung và tiểu học. Việc sắm sửa trang phục cho các con cái để đi Hương Đạo không tốn kém bao nhiêu cho các bậc cha mẹ. Những ngày đi trại, chúng tôi mang theo gạo và chỉ góp tiền đi chợ mua thức ăn. Bữa ăn thường là trứng vịt chiên, canh rau; tối có thêm nồi chè đậu. Nấu nướng cách gì ăn cũng rất ngon miệng, vì ngoài cái đói sau một buổi sinh hoạt hang say còn có niềm vui tập thể. Lều thì ghép hai tấm tent nhà binh làm mái, thêm một tấm che sau, một tấm che trước, đủ chỗ chen chúc 5, 6 mạng. Gặp ngày mưa thì ghép thêm một tấm làm nền. Chúng tôi biết dùng báo để lót lưng tránh hơi ẩm của đất xông lên. Những điều học hỏi từ sinh hoạt Hương Đạo đã giúp chúng tôi rất nhiều sau này khi vào quân ngũ, nhất là các bạn phải ra chiến trường dãi nắng dầm mưa. Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về Từ những năm 1965 về sau, chiến cuộc gia tăng mức độ đến nỗi các khu quanh thị xã đã trở thành các điểm nóng. Làng mạc xung quanh đã trở thành chiến trường, thì Hương Đạo không còn đất để hoạt động thoải mái nữa. Tôi vì việc học hành phải vào Huế, đã gia nhập Tráng đoàn Bạch Mã thuộc Đạo Thừa Thiên từ năm 1963, ít có dịp về gặp lại anh em cũ. Lúc đó trưởng Viễn Bồn đã thành lập Tráng đoàn tại Quảng Trị (cấp Kha đoàn đã bị bãi bỏ). Trưởng Bồn làm họa sĩ vẽ đồ thị tại ty Công Chánh, là một thanh niên độc thân cao lớn, vui vẻ bộc trực. Tôi nhớ trưởng ở trong căn phòng phía sau dãy nhà hành chánh của ty, trưởng có chiếc xe đạp thể thao rất chiến. Hàng ngày trưởng đem các bản vẽ trên giấy mờ, đặt lên trên những tờ giấy thuốc màu nâu nhạt, cho vào khung để dưới ánh sáng mặt trời làm photocopy. Chúng tôi rất thích quan sát công việc của trưởng, say sưa hàng giờ và khâm phục lắm. Ngày nay nghề của trưởng bị các máy HP, Xerox cạnh tranh mất rồi, nên trưởng ở nhà tại Garden

Grove đuổi gà cho vợ. (Đùa chút cho vui, đừng giận em nghe trường) Tôi viết bài này kính tặng trường Nguyễn Đức Phúc, mừng trường bước vào tuổi Thượng, Thượng Thọ, mong các anh em đoàn viên “Lam Sơn vùng non cao ngất khí thiêng” ngày xưa đọc đến và tìm lại được nhau. Vì Hương Đạo một ngày là Hương Đạo trọn đời, vì tình Hương Đạo có khác chi tình anh em ruột thịt, anh em Quảng Thừa sẽ nhận ra người đồng đội từng mang bên vai phải những băng chữ Đạo Ái Tử và Đạo Thừa Thiên cùng phù hiệu có in hình chùa Linh Mục. Các bạn Quảng Thừa ơi, biết ngày nào chúng ta về lại quê hương thăm lại La Vang, Sắc Tứ, đồi Vọng Cảnh, núi Bạch Mã... Những nơi mà bước chân chúng ta từng in vết trong những ngày trại sôi nổi đầy thân ái? Biết đến bao giờ chúng ta trở lại cố thành, đặt một bó hoa lên nền đỏ nát để tưởng niệm hàng ngàn anh hùng quân dân miền Nam đã ngã xuống cho tự do, mà trong đó có không ít anh em Hương Đạo chúng ta. Quảng Trị ơi, từng tấp đất đều đầm máu đồng bào chiến sĩ, xin khí thiêng núi Mai sông Hãn hãy tích tụ lại trong từng chồi non để có một ngày sẽ vươn mầm sống tái dựng quê hương. 76 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Cái Tình Chung Thủy của Nàng Kiều Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như Thừa cụ Tố Như Tiên Điền Nguyễn Du, Chúng con không mong gì sống cho đến giữa thế kỷ 21 để xem thiên hạ còn có ai khóc thương cụ không (cụ Tiên Điền Nguyễn Du sinh năm 1765, thời Trịnh Nguyễn phân tranh và sống cho đến thời vua Minh Mạng nhà Nguyễn, mất năm 1820), riêng thế hệ Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về chúng con thì đã khô cạn dòng nước mắt từ lâu. Sau tám mươi năm đô hộ giặc Pháp, hai mươi năm chiến tranh Quốc Cộng tương tàn, cộng thêm hai mươi năm đất nước đắm chìm trong bóng đêm dài của chủ nghĩa Xã hội, chúng con, bao thế hệ đã khóc cho cả dân tộc điêu linh, bao người thân ngã gục nơi chiến trường, bao bà mẹ, trẻ thơ bất hạnh chết oan ức do bom đạn cả hai phía, bao chiến sĩ miền Nam tức tưởi trong trại tù, bao thiếu nữ xuân xanh bị dập vùi trong cơn lốc thô bạo của xã hội, bao thuyền nhân bị cưỡng hiếp, đập nát đầu quăng vào biển xanh; lại khóc cho chính thân phận mình cũng bị xô dạt trong chìm nổi lênh đênh của cả giống nòi. Thì cụ ơi, ai còn “khéo dư nước mắt khóc người đời xưa” Cụ còn may mắn hơn chúng con rất nhiều. Vì triều đại nhà Lê mà cụ tôn thờ, phục vụ đã đến hồi suy kiệt, thì tiếc làm chi hỡi cụ. Dù triều nhà Nguyễn mà cụ ép mình dung thân “triều đình lơ láo, phận mình ra sao?” chẳng mấy vinh quang nhưng không đến nỗi tệ hại như cái trào Cộng sản mà bảy mươi triệu đồng bào Việt Nam phải gánh chịu. Cụ còn được dung thân cho tuổi xế chiều, thì cụ tiếc chi cái ông vua bù nhìn bán nước cầu vinh Lê Chiêu Thống. Cụ thấy, chúng con vong thân ngay chính trên quê hương mình, sống với loài ác thú không chút tính người, bị xô đẩy vào con đường cùng cực để hoặc trở thành “phản động”, hoặc trở thành lưu manh cho qua hết cuộc đời đắng cay tủi nhục. Nói thế không phải tâm hồn chúng con chai đá hết đâu. Trong tận đáy con tim, chúng con vẫn còn tình cảm chứa chan dành cho những mảnh đời tan vỡ đau thương. Chúng con vẫn còn bồi hồi khi đọc Trà Hoa Nữ, băng khuâng nhìn ra khoảng trời xa, nhỏ thẳm giọt nước mắt khóc cho nàng Marguerite Gauthier tóc vàng mắt xanh bên trời Tây, hoặc thổn thức theo từng tiếng nấc nghẹn ngào của nàng Hồng Mai Quế bên trời Tàu thời loạn ly. Thì làm sao chúng con không biết cảm thông nỗi niềm mà cụ gửi gắm qua hình ảnh Vương Thúy Kiều trong Đoạn Trường Tân Thanh. Cụ Nguyễn Du ơi, Đã đành hồng nhan bạc mệnh, “chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau” Ngày nay đây, phải đọc ra là “chữ tài chữ Cộng nó thù ghét nhau” mới đúng. Cái bọn chần trêu ở đợ ba đời nó thù ghét những ai có chút tài, có chút trí, có chút giàu sang. Trí, Phú, Địa, Hào là bốn đối tượng mà chúng “đào tận gốc trốc tận ngọn”. Chúng con nào phải “có tài mà cậy chi tài”, chúng con chỉ mong đem chút tài mọn dâng hiến làm giàu mạnh cho tổ quốc dân tộc thôi. Nàng Kiều của cụ tài sắc vẹn toàn, mà phải gánh lấy cái tai ách mười lăm năm đoạn trường thì cũng chưa chắc vì 78 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về “trời xanh quen

thói má hồng đánh ghen” đâu. Chỉ đáng trách ông trời già oái oăm ban cho thị cái tính nết lẳng lơ để gắn liền thân phận bèo dạt hoa trôi của mình như bất cứ phụ nữ nào trên thế gian có tài hoa mà thiếu bản lĩnh, có nhan sắc mà thiếu đức hạnh. Cụ tính, nàng Kiều biết chuyện yêu đương quá sớm so với tuổi tác và gia phong của nàng vào thời đại mà lễ giáo Khổng Mạnh còn trị vì trên mọi giá trị xã hội. Chỉ một lần gặp gỡ qua đường với chàng Kim Trọng mà nàng đã từ cảnh êm đềm trướng rủ màn che, tường đông ong bướm đi về mặc ai bước một bước nhảy vọt nửa đêm hẹn hò tình tự với trai Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mé tường. Nàng vượt vòng lễ giáo, đối cha đối mẹ cùng chàng trai thề non hẹn biển, trao khăn thề rằng trăm năm cũng từ đây, của tin gọi một chút này làm ghi. Ai mà biết được trong những đêm trăng thanh gió mát, hai tâm hồn khao khát yêu đương làm sao cầm cự cho được thôi thúc của thể xác mà để cho chàng Kim lần tay mở khoá động đào, rẽ mây trông tỏ lối vào thiên thai. Thế thì quá quắt thật, vì theo cụ, nàng Kiều chỉ đang độ tuổi mười lăm, mười bảy thôi. Người ta chê Thúy Vân vô tình, trong cơn gia phong nguy biến đã không có hành động gì, để cho chị phải bán mình chuộc cha. Cụ ơi, trong cái xã hội phong kiến của thời cụ, để gì một viên ngoại mà gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung lại có thể bị bọn người hạ đẳng tống tiền trắng trợn như thế. Thôi cũng đành cho rằng sự việc đã xảy ra, có thể mới đẩy nàng Kiều vào thanh lâu để cho ông Thanh Tâm Tài Nhân có hứng viết ra truyện Vương Thúy Kiều, và chúng ta có chuyện bàn ra tán vào chứ. Thế là tấm thân vàng ngọc của Kiều bị trăm kẻ trần tục nó dày vò đích đáng. Mười lăm năm trời lưu lạc, hết thanh lâu này đến nhà chứa kia, tính ra nàng tham chiến với cả Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về hàng ngàn người là ít. Cái của mà Kim Trọng tốn bao nhiêu thời giờ, bao lời âu yếm mới chiếm được, nay đem ra bán rẻ cho bất cứ ai. Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây. Câu than thở tức tưởi nào lòng này như mũi dao bén, đâm thọc vào tim chúng con mỗi khi đọc đến. Ai đã qua một lần yêu đương và bị tình phụ thì mới thấm hết nỗi đoạn trường. Nhưng rồi, cũng như hàng triệu triệu nàng Kiều khác, cơn lốc của cuộc sống lôi kéo tàn khốc để cho tâm hồn nàng mau đổi thay. Từ người con gái thơ ngây, chóng trở thành cô gái giang hồ dày dạn, chai đá, tiêm nhiễm đối trá, mưu mô. Gặp Thúc Sinh, nàng yêu Thúc Sinh; gặp Từ Hải, nàng yêu Từ Hải. Đây là bằng cứ rành rành: khi Thúc Sinh lên đường về thăm vợ nhà, nàng Kiều đã ní non trong đêm Vàng trăng ai xé làm đôi, nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường. hoặc Ba thu dọn lại một ngày dài ghê. Đố ai không yêu thương da diết mà có tâm trạng như trên! Sau này, phút đầu tiên chạm mặt chàng Từ Hải, Kiều bị ngay tiếng sét ái tình : Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa Cô gái giang hồ vì tiền thì chỉ biết nằm xoải người ra, vừa làm tình vừa nghe cái lương, chẳng hề máy may cảm hứng gì với khách làng chơi. Chứ đâu có như Kiều. Rồi cho đến khi vì bả vinh hoa quyến rũ, Kiều đã đưa chồng vào chỗ chết oan khiên. Trong cái đêm bọn vua quan thắng trận tổ chức liên hoan mừng thắng trận; chè chén ăn nhậu, chúng bắt Kiều đánh đàn mua vui, rồi gạ ép Kiều cho tên thổ quan răng đen mã tấu. Xác chồng còn nóng hổi chết đứng ngoài kia với hàng trăm mũi tên găm như lông nhím, Kiều đã đem tấm thân cho kẻ thù dày vò. Tại sao nàng không tìm ngay cái chết để đền đáp tình yêu mà kẻ anh hùng đã vì mình mà bỏ mạng? Hay ít ra cũng biết cự tuyệt cho phải đạo? Nước sông Tiền Đường chỉ có thể rửa được vết nhơ trên thân thể, mà khó xóa nỗi sự nhầy nhụa của tâm hồn nàng. Vả lại, nếu không có Đạm Tiên dự mộng là mười lăm năm đoạn trường sẽ chấm dứt ở sông Tiền, liệu nàng có can đảm nhảy xuống trầm mình hay chẳng? Người anh hùng thật ra hơn kẻ tầm thường ở chỗ biết làm đúng lúc, bước qua sự khó khăn trong cái phút quyết định mà kẻ khác lưỡng lự. Trước sau cũng tìm cái chết, mà không chịu nhảy xuống lầu Ngưng Bích, không cắn lưỡi ngay khi vừa bước xuống thuyền của Hồ Tôn Hiến. Nàng phải chờ cho đến khi biết rõ đây là sông Tiền Đường, đang có kẻ chờ cứu nàng nên mới nhảy xuống! 80 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Trong

Trà Hoa Nữ, nàng Marguerite còn biết nói với Armand đại khái là không nên đi đến hôn nhân; vì sau này, khi tình cảm yêu đương nhạt nhoà, có ngày chàng sẽ đem cả cái dĩ vãng nhuộm nhơ mà quăng vào mặt nàng, hạnh phúc hai người sẽ luôn bị ám ảnh bởi thời kỳ buồn hương bán phần của nàng. Nàng không muốn tình yêu chết đi trong viễn tượng đó. Thôi thì xa nhau cho trọn vẹn. Marguerite biết hy sinh, chịu để thân xác bị xói mòn bởi vi trùng lao, nằm trên giường bệnh mà luôn nhắc nhở tên chàng cho đến khi trút hơi thở cuối cùng. Tài sản, tư trang bị tịch biên mà vẫn còn nhớ gửi gắm lại cho chàng chút kỷ vật cuối cùng. Nàng Kiều chúng ta cũng biết nói câu : Chữ trinh còn một chút này; chẳng gìn cho khéo, lại vầy cho tan. hoặc Yêu nhau thì cũng bằng mười phụ nhau nhưng nàng lại không dám hy sinh cho tình yêu, cho hạnh phúc em gái. Dù rằng nàng cũng đáng được đền bù, nhưng việc đòi chia sẻ hạnh phúc với em mình thì khó chấp nhận được. Nàng sẽ để cho gia đình tam tam chế này bị cái dĩ vãng mười lăm năm làm dĩ của mình ám ảnh. Cho dù anh Kim Trọng có yêu nàng đến đâu, đã chắc gì người đàn ông của thời phong kiến nặng nề đó chịu xoá đi trong suy nghĩ vẫn vợ những hình ảnh mà Kiều cùng khách làng chơi vui vầy giao hoan. Rồi Kiều sẽ già đi, sẽ hết xuân sắc. Ai bảo là anh Kim Trọng này không có ngày ném hết dĩ vãng nhuộm nhơ của nàng vào mặt nàng mà nặng lời sỉ vả. Ngoài hạnh phúc, thì đường công danh của chàng chắc chắn sẽ bị khó khăn; vì xã hội nặng thành kiến không chấp nhận cho một cô gái giang hồ leo lên địa vị phu nhân. Còn danh giá gia đình chàng mà chi? Trong thời buổi Cộng sản ngự trị ở miền Nam ngày nay, có biết bao “chàng Kiều” còn kẹt lại đem thân phục vụ cho bọn người từng sỉ nhục mình. Họ cũng lên tiếng minh oan, dù rằng thực tế là vì chút bả lợi danh, chút cơm thừa canh cặn đã làm cho sỉ diện họ Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về đầu hàng. Cũng còn những “chàng Kiều” ở quốc ngoại, suốt đời đánh đĩ mười phương, nay cũng lăm le về ôm đàn mua vui cho con cháu Hồ tặc. Cụ Nguyễn Du ơi, Nàng Kiều xinh đẹp ơi, Làm thân đàn ông, ai không mê nhan sắc! Chúng con biết yêu mến cái đẹp lắm chứ. Kìa một bông hoa mới nở trong vườn xuân, nụ đào mơn mớn. Kìa gợn mây hồng vẫn lơ lửng trên bầu trời xanh trong. Kìa cánh chim lập lờ trong nắng mới. Chúng con cảm nhận tất cả cái đẹp như tận hưởng món quà quý báu mà thượng đế dành cho; thì ngược lại, chúng con cũng biết ghét cái xấu xa, đối trá. Thượng đế sinh ra trên cõi đời hai đặc tính đối chọi để quân bình sự sống. Có cái xấu mới nhận ra cái tốt, có kẻ ác mới đánh giá được người lành. Ví thử trên đời này hoàn thiện thì ai đi tôn thờ Phật Chúa nữa. Chúng con cũng thương Kiều, như từng để tâm hồn mình thông cho những nàng kỹ nữ mình từng gặp qua trong tuổi thanh xuân. Tâm sự các nàng cũng bi đát như của Kiều, dù thật hay vẽ vờ ra. Trời đã sinh nàng như thế, thì nàng phải hành xử như thế thôi. Đã mang lấy nghiệp vào thân, cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa. Âu cũng là Thiên Mệnh. Tuy nhiên “tận nhân lực, tri thiên mệnh”, Kiều chưa tận nhân lực mình đâu. Chẳng ai Bất phong trần, phải phong trần; cho thanh cao mới được phần thanh cao. Trách trời oán đất chẳng bằng trách mình vậy. 82 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Duy Khánh (1938-2003) một giọng ca vàng truyền cảm đầy tình tự dân tộc, không còn nữa Viết nhân ngày giỗ lần thứ 2 của Duy Khánh, Phát thanh trên đài VOA; sửa chữa lại năm 2007, Phát thanh trên đài Việt Nam Hải Ngoại để thấp nén hương tưởng nhớ người nghệ sĩ tài hoa nhất của nền tân nhạc Việt Nam những thập niên 50 đến 70. Trên mảnh đất Quảng Trị nhỏ bé nghèo nàn hai mùa nắng cháy mưa dầm đó, đã sản sinh biết bao nhân tài nổi tiếng trên các lãnh vực tôn giáo, học thuật, văn hoá, văn nghệ. Các lãnh tụ hàng đầu các tôn giáo lớn, các lãnh tụ đảng phái chính trị cầm vận mệnh cả nước cũng từ chiếc nôi Quảng Trị mà thành danh. Đặc biệt trong hậu bán thế kỷ 20, Quảng Trị đã đóng góp cho nền văn nghệ tân nhạc Việt Nam nhiều nhân tài lỗi lạc mà sự nghiệp của họ đã vững vàng trong cả hơn nửa thế kỷ qua. Đó là các nhạc sư Nguyễn Hữu Ba, các nhạc sĩ Hoàng thi Thơ, Nguyễn Hữu Thiết, Đỗ Kim Bảng, Hoàng Nguyên,

Trần Hoàn, và ca sĩ kiêm nhạc sĩ Duy Khánh. Thân Thế: Duy Khánh tên thật là Nguyễn Văn Diệp, sinh năm 1938 tại Quảng Trị. Anh khởi Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về nghiệp là một ca sĩ từ năm 1954 rồi mới chuyển qua viết nhạc từ những năm đầu thập niên 60. Anh là một người con Quảng Trị chân chính. Khi đã thành danh, nổi tiếng toàn quốc với hàng triệu thính giả ái mộ, chàng ca nhạc sĩ đẹp trai cao lớn này đã không những không chối bỏ mà còn rất hãnh diện về gốc tích quê hương nghèo khổ của mình: “Tôi sinh ra giữa lòng miền Trung, miền thù dương, ruộng hoang nước mặn đồng chua; thôn xóm tôi sống đời dân cày” (Tình Ca Quê Hương). Anh đã nói chuyện, tiếp xúc báo giới, truyền thanh truyền hình với một giọng nói hoàn toàn Quảng Trị dù đã sống xa quê hàng 50 năm dài trên các thành phố, thủ đô miền Nam, hay trên mảnh đất tạm dung Hoa Kỳ. Đúng như lời nhạc sĩ Phạm Duy đã phát biểu trong ngày đưa tiễn anh về bên kia thế giới: “Trong giọng ca Duy Khánh, nghe âm hưởng tiếng trống cổ thành, tiếng thông reo trên đồi Vọng Cảnh” Ca nhạc sĩ Duy Khánh, mà suốt một cuộc đời và sự nghiệp gắn liền với nền tân nhạc miền Nam, đã trở thành biểu tượng cho lòng chung thủy tha thiết yêu mến quê hương; là niềm hãnh diện cho những con dân núi Mai sông Hãn dù ở thế hệ nào, dù ở bất cứ địa bàn nào trên năm châu bốn biển. Là con áp út trong một gia đình vọng tộc, gốc làng An Cư, Triệu Phong (dòng dõi Quân Công Nguyễn Văn Tường, Phụ chánh Đại thần có uy quyền tối thượng trong nhiều đời vua triều Nguyễn). Duy Khánh đã lớn lên trong một nền giáo dục cổ truyền nặng ảnh hưởng Nho và Phật giáo. Thân sinh anh là cụ Nguyễn Văn Triển, từng dạy học trước khi làm Trưởng phòng Hành chánh tỉnh QT. Cụ Triển (thường được biết dưới tên ông Trợ Triển) lại là Hội trưởng hội Phật giáo tại tỉnh nhà, từng là dân biểu thời đệ nhị công hòa, có nhiều uy tín lớn trong tỉnh. Thân mẫu Duy Khánh là con gái của cụ Thị Lang bộ Công Đỗ Văn Diêu, chánh quán làng Đâu Kênh, Triệu Phong, là một phụ nữ mẫu mực, nghiêm khắc. Gia đình Duy Khánh có 6 anh chị em, ba trai, ba gái, mà hiện nay chỉ còn một chị đầu còn sống tại Canada. Khởi nghiệp: Sau khi đỗ tiểu học năm 1949, Duy Khánh, cũng như các con nhà giàu quyền thế trong tỉnh, đã được cha mẹ cho vào Huế để học chương trình Trung học. Lúc bấy giờ, tại Quảng trị chưa có trường Trung học. Chính tại cố đô trầm mặc này, Duy Khánh đã tìm cho mình con đường tiến thân đúng với khả năng thiên phú của mình. Tưởng cũng cần nhắc lại một chi tiết nhỏ: trong một dịp nghỉ hè năm 1952, Duy Khánh đã về Quảng Trị tham gia một nhạc hội tại chùa Tĩnh Hội. Anh diễn và hát bài Nhớ Người Thương Binh của Phạm Duy, trong đó có câu: “Chàng về nay đã cụt tay.” Duy Khánh đã sửa lại: “Chàng về nay đã cụt chân,” và nhảy cò cò trên sân khấu. Duy Khánh, khi đó lấy biệt hiệu là Tăng Hồng, đã lần vào Saigon tham gia các chương trình phụ diễn tân nhạc trong các rạp chiếu bóng. Anh hát song ca với nữ ca sĩ Tuyết Mai những bài ca rất đậm tình quê hương. Trong một chương trình phụ diễn tại rạp Thanh Bình, trên đường Phạm Ngũ Lão, cạnh chợ Hòa Bình, anh đã tiếp xúc lần đầu với nhạc sĩ Phạm Duy. Năm 1955, anh đã đoạt giải nhất tuyển lựa ca sĩ của đài Pháp Á tại Huế qua bài hát Trăng Thanh Bình. 84 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Sự phản đối của gia đình không làm anh chùn bước. Anh chuyển hẳn vào Sài Gòn; bắt đầu hát trên các sân khấu đại nhạc hội, đài phát thanh, và bắt đầu thu đĩa nhựa. hay hợp tác với đại ban của Hoàng Thi Thơ đi lưu diễn khắp nước. Lúc này, anh là nam ca sĩ nổi tiếng nhất. Anh Ngọc, Duy Trác cũng là những nam ca sĩ nổi tiếng nhưng chỉ hát giới hạn cho các hãng thu băng, đài phát thanh với những bản nhạc tiền chiến rất chọn lọc, trong khi Duy Khánh thì lựa chọn nhạc có khuynh hướng dân ca, rất thành công vì dễ dàng hợp với thị hiếu của đa số khán giả hơn. Anh lần lần nổi tiếng qua các bản: Tiá Em Má Em, Vợ Chồng Quê, Ngày Trở Về, Nhớ Người Thương Binh, Tình Nghèo, Quê Nghèo, Về Miền Trung. .. Sau một lần đổi biệt danh thành Hoàng Thanh, cuối cùng anh chọn tên Duy Khánh. Chữ Duy Khánh lấy từ tên một người bạn rất thân Phạm Hữu Khánh (con trai cụ Phạm Tri, từng làm

Phó Tỉnh trưởng Quảng Trị) đã tử nạn tại Pháp. Anh giữ tên này đến cuối đời. Thành Danh: Nhìn thấy tương lai rục rờ của chàng ca sĩ mầm non này, nhạc sĩ Phạm Duy mời anh tham gia vào chương trình Hoa Xuân trên đài phát thanh Sài Gòn cùng với Nhật Trường, Mai Trường, Trần Ngọc, Y Vân. Duy Khánh là giọng Tenor chính của ban nhạc nhờ tiếng hát trong sáng, mạnh và giàu sức ngân. Anh có thể ngân dài đến 21 nhịp và chuyển từ thấp lên cao vượt hai bát độ một cách nhẹ nhàng như cánh diều lướt êm ái vào không gian. Có lần, anh trình bày bản Vọng Ngày Xanh của nhạc sĩ Khánh Bằng, anh đã ngân đoạn kết lâu đến nỗi khán giả vỗ tay tán thưởng đến lần thứ tư mà tiếng ngân của anh vẫn còn nhẹ nhàng dần dần đi vào tan biến. Quả thực Phạm Duy - và cả các nhạc sĩ sau này như Trầm Tử Thiêng, Nhật Ngân, Phạm Thế Mỹ - đã thổ lộ: “Chính nhờ giọng ca truyền cảm của Duy Khánh mà các nhạc phẩm của chúng tôi được mọi người biết tới và nhiệt liệt tán thưởng.” Hai bản trường ca Con Đường Cái Quan và Mẹ Việt Nam chỉ có thể trở thành bất hủ qua hai tiếng hát tuyệt vời nhất Việt Nam. Đó là Thái Thanh và Duy Khánh. Phạm Duy đã lần nữa công khai bày tỏ sự biết ơn thầm kín của ông với hai tài danh đó trong ngày tang lễ của Duy Khánh tại quận Cam tháng 2-2003 vừa qua. Ông đã cho rằng chính Duy Khánh và Thái Thanh đã tái tạo hai bản trường ca của ông. Những năm đầu thập niên 60, Duy Khánh thường hát các nhạc phẩm của Y Vân, Lê Thương, Hoàng Thi Thơ, Lam Phương, Trúc Phương. Ba bản Hòn Vọng Phu của Lê Thương đã đưa anh lên tột đỉnh của sự ái mộ trong lòng hàng triệu khán thính giả miền Nam. Giọng anh khi thì rộn ràng như tiếng trống trận đưa đoàn quân nườm nượp lên đường theo tiếng gọi của quê hương; khi thì nhẹ nhàng thấm đượm sự cảm xúc của người thiếu phụ bồng con đứng giữa trời mưa gió kiên nhẫn chờ đợi chồng đến nỗi hoá thành tượng đá; khi thì ghen ngào tức tưởi hình ảnh người chinh phu trở về tưởng tìm lại vợ con thân yêu, nhưng chỉ là tan vỡ trong tâm hồn khi nhìn thấy người vợ hoá đá của mình. Duy Khánh không chỉ hát mà còn diễn đạt hết tình cảm của mình theo từng nội dung bản nhạc làm cho người nghe phải hòa điệu theo từng cảm xúc rất sống động của lời ca và âm Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về thanh tuyệt vời của anh. Cái tài năng đó, thượng đế chỉ ưu ái ban cho rất ít nhân tài. Tác phẩm: Từ cuối năm 1959, Duy Khánh bắt đầu viết nhạc. Những bản nhạc đầu tay của anh viết về quê hương miền Trung: Thương Về Miền Trung, Ai Ra Xứ Huế, Bao Giờ Em Quên; tiếp theo là các bản: Giã Từ Đà Lạt, Tình Ca Quê Hương, Sao Không Thấy Anh Về, Sầu Cố Đô, Huế Đẹp Huế Thơ, Vùng Quê Tương Lai, Đi Từ Ruộng Đồng Bao La. Nhạc của anh mang âm điệu rất Huế, đôi lúc thiết tha, náo nùng; đôi lúc uyển chuyển tươi sáng. Lời ca tuy không trau chuốt bóng bẩy như lời ca của các nhạc sĩ tiền chiến, nhưng chân thành, tha thiết đi thẳng vào lòng người với những cảm xúc bồi hồi rung động nhẹ nhàng. Hai bản nhạc sáng tác đầu tay của anh là bản Thương Về Miền Trung và Ai Ra Xứ Huế nhắc nhở nhiều về hình ảnh con đò bồng bênh trên sông Hương trong những đêm trăng hay những tiếng thông reo khi chiều buông trên núi Ngự Bình. Lời ca nồng nàn lòng trong âm điệu buồn náo ruột rất Huế làm chạnh lòng bao khách lữ thứ xa quê. Lời nhạc anh trong sáng, thiết tha, chan chứa một tình quên hương nồng nàn, chân thật. Anh không sử dụng sáo ngữ, những chữ thời thượng thật kêu mà chỉ dùng đơn sơ ngôn ngữ của người dân thường. Nhạc của anh không khó hát, nhưng chỉ hát hay được khi hát bằng một tâm hồn rất Trung, rất Quảng Trị, rất Huế. Anh không viết những bản nhạc ca tụng tình cảm trai gái thông thường; mà thường lồng vào bối cảnh một quê hương chinh chiến điêu tàn (Biết Trả Lời Sao, Thư Về Em Gái Thành Đô, Mưa Bay Trong Đời, Mùa Chia Tay, Đêm Bơ Vỡ, Màu Tím Hoa Sim, Ngày Xưa Lên Năm Lên Ba). Tôi đoán rằng sau khi chị Kiều Oanh, em gái của tay trống Linh Giang từ giã anh đi lấy chồng, anh đã sáng tác bản Bao Giờ Em Quên. Tôi có gặp chị Kiều Oanh một lần tại Quảng Trị khi hai người sắp chia tay. Chị Oanh rất đẹp, đẹp như cô gái trong tranh. Chị người miền Bắc, ăn nói

nhỏ nhẹ, khổ người thanh tú, rất duyên dáng. Hôm đó chị mặc chiếc áo dài màu vàng tươi sáng. Đôi mắt buồn nhìn xa vời vợi, chị nói với anh: “Bây giờ, ai có phận nấy, thôi đừng thương tiếc nữa.” Sau thời điểm này, anh có đeo đuổi ca sĩ Thanh Thúy nhưng không rõ mối tình đi về đâu. Chỉ biết chị Thanh Thúy đã hát rất xuất sắc bản nhạc Bao Giờ Em Quên của anh. Chị vẫn giữ mối giao hảo với anh, vẫn hát cho băng nhạc Trường Sơn đều đặn. 86 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Duy Khánh: Người lính trên mặt trận văn hoá: Không như những nhà chính trị viết ra những tuyên ngôn nặng nề chém đinh chặt sắt, nhạc và lời ca của anh có sức mạnh hơn ngàn lời cổ vũ đánh thức lòng tự hào quê hương, thôi thúc bao thế hệ thanh niên lên đường làm tròn nghĩa vụ với quê mẹ (Người Anh Giỏi Tuyển, Mừng Anh Chiến Sĩ Giữ Ấp, Lối Về Đất Mẹ, Vùng Quê Tương Lai). Anh nhắn gửi người lính biên cương bằng những lời chân thành hơn ngàn tờ truyền đơn chiến tranh tâm lý (Người Anh Giỏi Tuyển, Xin Anh Giữ Trọn Tình Quê, Khúc Trường Ca Lốp Lốp Phù Sa). Ngoài những bản nhạc anh sáng tác, anh cũng chọn hát các bản nhạc mang tình tự quê hương, gửi những an ủi chân tình đến các chiến sĩ biên cương; vì chính anh cũng là một người lính của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Anh đã chiến đấu tích cực và có hiệu quả trên mặt trận tâm lý trong suốt chiều dài cuộc chiến chống Cộng Sản Việt Nam. Anh đã không phục vụ các khán giả thường tình, ăn chơi phù phiếm nơi đô thành bằng các bản nhạc yêu đương nhằm nhí, than khóc đờn đau vì tình phụ. Anh phục vụ một đại đa số quần chúng đau khổ vì phân ly, tan vỡ, chết chóc do hậu quả của chính sách xâm lược của Hà Nội. Anh làm nhạc, ca hát để phục vụ quê hương, trong đó có quê nghèo Quảng Trị nơi anh mở mắt chào đời và lớn lên giữa mùa ly loạn. Vì thế, khán thính giả yêu mến anh bao gồm tất cả mọi tầng lớp quần chúng. Lời ca của anh luôn luôn được phát trên các băng tần các đài phát thanh, truyền hình, từ thủ đô cho đến các tỉnh thành xa xôi hàng chục năm trời; Cả cho đến ngày nay trong lòng chế độ Cộng sản, người Việt Nam vẫn lén lút nhập và thưởng các CD của anh làm tại hải ngoại. Phạm Duy đã không quá lời khi nói rằng Duy Khánh là nhạc sĩ của quê hương. Anh đã để lại cho đời trên ba mươi bản nhạc giá trị vừa mang âm hưởng dân ca vừa mang nội dung nhân bản và đầy dân tộc tính. Những năm giữa thập niên 60, anh tự phát hành tuyển tập nhạc 1001 Bài Ca Hay, mỗi tháng ra vài bản. Bìa nhạc phần lớn do họa sĩ Kha Thuỳ Châu trình bày với nét vẽ tân kỳ độc đáo hoàn toàn khác hẳn với lối trình bày cổ điển của họa sĩ Phi Hùng. Đích thân Duy Khánh chọn mẫu bìa và màu sắc. Anh sử dụng kỹ thuật in offset trên giấy láng nên các bản nhạc 1001 Bài Ca Hay thường bắt mắt khách hàng hơn các bản nhạc khác. Cũng thời gian này, anh phát hành các cuốn băng nhựa Trường Sơn dùng cho máy thu băng lớn rất thịnh hành. Khi về ở chung cư đường Trần Hưng Đạo, anh mở lớp luyện ca cho để gầy dựng một lớp mầm non ca sĩ mới. Các ca sĩ trong nhóm Trường Sơn của anh, ngoài một ít ca sĩ thượng thặng như Thái Thanh, Hoài Bắc, Thanh Thúy; số còn lại thường là ca sĩ bậc nhất nhì như, Hoàng Oanh, Thanh Tuyền, Phương Dung, Xuân Thu, hoặc các ca sĩ mới lên do anh dạy dỗ và lắng xê như Băng Châu. Qua 1001 Bài Ca Hay và các băng nhạc Trường Sơn của anh mà nhạc sĩ Dũng Chinh, ca sĩ Phương Dung được nổi tiếng qua bản Màu Tím Hoa Sim. Trong thời gian này, Duy Khánh rất thân cận với nhạc sĩ Trúc Phương và tay sáo nổi tiếng Nguyễn Đình Nghĩa. Hầu như tất cả các bản nhạc do Trúc Phương sáng tác đều được Duy Khánh giới thiệu trong 1001 Bài Ca Hay và băng nhạc Trường Sơn. Duy Khánh cũng rất tâm đắc các bản Mưa Nửa Đêm, Con Đường Mang Tên Em của Trúc Phương. Khi Duy Khánh tổ chức các buổi đại nhạc hội, anh không bao giờ bỏ quên phần Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về cổ kim hòa điệu, với tiếng đàn tranh và sáo đi theo tiếng đàn guitar, trống. Lời ca Duy Khánh thu băng thường được mở đầu bằng điệu sáo trầm bổng ngân nga của Nguyễn Đình Nghĩa. Nghĩa cũng là một lực sĩ thẩm mỹ có thân hình đẹp, cơ bắp nở nang nhờ luyện tập công phu. Nhạc Trúc Phương đôi

lúc nghe cũng tình lắm, nhưng lời thì hơi lạ tai. Về sau, Duy Khánh thường hát những bản nhạc tình tứ giai điệu Bolero, Tango Habanera của các nhạc sĩ Trúc Phương, Châu Kỳ, Anh Bằng, Lê Dinh, Phạm Thế Mỹ. Chuyện riêng tư: Cuộc đời anh là một mẫu mực của lòng nhân ái, khoan dung, chung thủy độ lượng với bạn bè, thân quyến. Dĩ nhiên đời nghệ sĩ thì phóng khoáng về tình duyên. Anh luôn được bao quanh bởi các cô gái đẹp sẵn sàng dâng hiến hết cho người mình ái mộ. Nhưng anh chung thủy với vợ khi còn chung sống. Mỗi tình đầu của anh là với ca sĩ Tuyết Mai, người cùng hát đôi với anh lúc khởi nghiệp. Chị Tuyết Mai sinh cho anh hai người con. Khoảng năm 1964, anh cưới chị Ấu Phùng, một nữ vũ công xinh đẹp trong ban vũ Lưu Bình Hồng. Chị Ấu Phùng người Hoa, cao, đẹp và rất chiều chồng. Hai anh chị thuê căn phố hai tầng đường Trần Quang Khải, Tân Định, và sinh hạ được hai người con. Anh chị lại dọn về một căn nhà nhỏ trong hẻm đường Nguyễn Trãi. Đây là thời gian anh bị rắc rối với quân cảnh và bị đưa lên Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung để trở thành binh nhì Nguyễn Văn Diệp. Anh phục vụ tại Biệt Đoàn Văn Nghệ Trung Ương thuộc cục Tâm Lý Chiến. Ngày ngày, anh cỡi chiếc xe Suzuki cộc cạch đến đường Hồng Thập Tự, gần cầu Thị Nghè, để làm việc. Cuối tuần lại tổ chức nhạc hội, khi thì tại rạp Quốc Thanh, khi tại rạp Hưng Đạo. Mỗi lần có dịp về Sài Gòn, tôi thích đến ở với anh chị để hàng ngày đi theo anh đến các rạp hát chờ anh hát xong là kéo nhau đến quán Ba Thừa trên đường Phạm Ngũ Lão hay quán thịt dê đường Minh Mạng nhậu nhẹt. Đám bạn theo anh là các nhạc sĩ, nhạc công có đến 5, 7 người. Anh không hút thuốc nhưng uống nhiều bia, có lần hai anh em uống thi, đếm đủ mỗi người 21 chai. Thường thì anh ngà ngà, ngồi tựa vào thành ghế để mặc cho mấy anh bạn móc túi anh ra thanh toán tiền ăn uống và kêu taxi đưa anh về. Tôi rất ưa giọng ca điêu luyện của anh nhưng không thích những bản nhạc anh hát sau này và giọng ca một số ca sĩ trong nhóm Trường Sơn. Anh biết điều này và có vẻ không vui. Gần anh nhiều nhưng tôi chưa hề thấy anh biểu lộ sự tức giận quá mức với ai. 88 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Anh hiền lành và nhỏ nhẹ. Giận lắm thì chỉ hứ một tiếng là cùng. Có lần tôi đem cả lô bạn vào xem cạp tại rạp Quốc Thanh, bọn này không chịu ngồi ở ghế khán giả một cách đàng hoàng mà đòi vào trên sân khấu, đứng hai bên cánh gà để tán tỉnh các cô ca sĩ. Họ đã làm cản trở các nghệ sĩ ra vào trình diễn. Anh chỉ háy tôi một cái rồi thôi. Thế nhưng cũng đủ làm tôi lo sợ lắm. Trong cái nhìn của một thanh niên mới lớn chỉ biết đời qua những hào nhoáng bên ngoài, Duy Khánh là một người rất hạnh phúc. Anh có đủ cả: danh vọng, tiền tài và luôn được bao quanh bởi các cô thiếu nữ trẻ đẹp. Căn phòng anh ở tại một chung cư đường Trần Hưng Đạo sau khi ly thân với chị Ấu Phùng, lúc nào cũng có vài ba cô gái đứng ngồi chờ chực được anh cho chút ái ân. Có cô thậm chí lén vào phòng ngủ của anh, đuổi mấy cũng không ra. Khoảng thời gian này anh kết bạn với ca sĩ Băng Châu. Anh chẳng có nhiều tiền như người ta tưởng đâu. Đời nghệ sĩ, có đồng nào là hết đồng đó. Phải chi tiêu hậu hỉ, bao biện bạn bè và đám châu rìa. Những châu rìa nhậu nhẹt cả bạc ngàn. Bia chẩy như suối, thức ăn thừa mứa trên bàn. Có những anh châu rìa thường léo đéo theo anh hay ở lì trong phòng anh cả tuần lễ nửa tháng. Một lần vào năm 1971, khi tôi từ đơn vị về thăm anh, anh đi công tác xa. Trong phòng có anh nhạc công C. đang nằm bẹp trên giường, lộ vẻ mệt mỏi. C. bảo tôi: “Thằng Khánh nó bỏ tao lại cả tuần nay không còn gì ăn cả. Mà đưa tao đi kiếm chút gì bỏ bụng rồi nói chuyện sau.” Hoá ra anh chàng này đang đói lả người và gần như không lết nổi xuống lầu để đến quán ăn trước đó vài chục mét. Sau khi anh ly thân cùng chị Ấu Phùng, anh dọn về một apartment 3 phòng trên đường Trần Hưng Đạo, nơi anh tiếp tục mở lớp nhạc Trường Sơn và hoạt động mạnh trong việc sản xuất băng nhạc. Duy Khánh ăn mặc rất đúng mốt và lịch lãm. Nhờ thân hình cao, đẹp và cân đối, nên thứ gì khoác vào người anh cũng làm cho anh đẹp thêm ra. Áo quần anh rất nhiều và thường rất chọn lọc. Anh chỉ mặc những chiếc áo độc đáo mà khó

kiếm ra một chiếc thứ hai tại Sài Gòn. Áo anh may ở La Ligne, quần ở Văn Quân, giày đóng ở Trinh; là các cửa hiệu may, đóng giày đẹp nhất nước thời đó. Trong các bản nhạc hay nhất về Đà Lạt, có ba bản do các nhạc sĩ Quảng trị sáng tác: Hoàng Nguyên với Ai Lên Xứ Hoa Đào, Hoàng Thi Thơ với Mối Tình Màu Hoa Đào, và Duy Khánh với Giã Từ Đà Lạt. Tôi biết nhiều chuyện tình duyên của anh, nhưng không biết anh có vấn vương nào với các cô gái má hồng môi đỏ nào không. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Lưu đây trên quê nhà: Sau biến cố 30 tháng tư 1975, tôi gặp anh một lần tại nhà anh Nguyễn Văn Dục, là người anh kế Duy Khánh. Sau đó, tôi vào trại tù cải tạo rông rã 10 năm, còn anh ở lại lẩn lóc với cuộc sống mới không lối thoát. Xin đừng ai trách anh đã sáng tác bản Sao Đành Bỏ Quê Hương để Việt Cộng dùng làm lợi khí tuyên truyền khi những làn sóng người bỏ nước ra đi tìm tự do. Là một ca sĩ chuyên nghiệp, là một người lính Chiến tranh Chính trị, lại thuộc một gia đình mà Việt Cộng đánh giá đại phản động; tất cả anh chị em, người thì đã ra đi, người thì bị tù cải tạo lâu dài, mọi phương kế sống của anh bị phong tỏa hoàn toàn. Anh cô đơn và tuyệt vọng thực sự. Khi các đoàn ca nhạc được phép hoạt động lại, Duy Khánh mượn danh Thông Tin Văn Hoá địa phương lập đoàn Quê Hương, quy tụ nhiều nghệ sĩ tài danh miền Nam trước 1975, như các nhạc sĩ Châu Kỳ, Nhật Ngân, và các ca sĩ Ngọc Minh, Nhã Phương, Bảo Yến v.v... rất thành công. Lúc đó anh làm được rất nhiều tiền, đời sống có phần khá hơn trước nhiều, nhưng tâm trạng vẫn là buồn. Anh uống quá độ và có lẽ do đó gây ra bệnh tình hôm nay. Tôi có nghe nói đến bản nhạc Điệu Buồn Chia Xa nhưng không rõ ra đời tại Mỹ vào năm nào. Nhưng khi xem anh hát bài Người Lính Già Xa Quê Hương, tôi thấy hình ảnh của chính mình trong tương lai. Ngậm nhấm nỗi căm hờn mà nhìn ngày tháng đi qua nhanh trên đất khách quê người; tưởng lại một thời oanh liệt xưa và ước mong một ngày về tươi sáng. Tôi gặp lại anh năm 1988 tại Vũng Tàu. Khi này anh đã thành hôn với chị Thúy Hoa. Anh ra Vũng Tàu tổ chức nhạc hội rất thành công. Người miền Nam vẫn hâm chuộng giọng ca tuyệt vời của anh. Anh cũng thăm dò đường vượt biên nhưng thấy vô cùng hiểm nguy. Lúc đó đã có chương trình đoàn tụ và HO, nên tôi khuyên anh nán chờ. Những ngày cuối đời: Duy Khánh đã đến Hoa Kỳ vào ngày 10-8-1988 qua sự bảo lãnh của người em là Nguyễn Thị Giáng Tuyết. Trên đất tự do, lần cuối cùng tôi đến thăm anh trong một căn nhà nhỏ ở Anaheim, Orange County, năm 1994. Ở đây anh sống hơi chật vật cùng chị Thúy Hoa và ba con, một trai và hai gái. Anh đã trông xuống sắc lắm. Nhiều người cho rằng đó là hậu quả của những năm dài sống trong chế độ Cộng sản. Buồn và vô vọng, anh đã uống nhiều rượu. Các loại rượu quốc doanh toàn là chất độc hoá học mà các công ty nhà nước làm ăn cầu thả miễn sao thu được nhiều lợi nhuận. Anh có vài lần nảy ý muốn đi Austin hát, và nhờ tôi tổ chức giùm các chương trình nhạc hội. Tôi phần không có khả năng tổ chức, phần e rằng giọng hát của anh không được giới trẻ ưa chuộng nên chỉ ăm ừ qua chuyện. Nghệ sĩ sân khấu hay điện ảnh khi về chiều, còn có thể đóng các vai lão. Còn ca sĩ khi đã lớn tuổi, làn hơi không còn phong phú, thì khó kiếm được chỗ đứng cạnh tranh cùng các ca sĩ mới lên tươi tắn và giọng ca trong trẻo. Người nghệ sĩ biết dừng lại vào lúc mình đạt đến tột đỉnh vinh quang của nghệ thuật là hay nhất. Vì luôn luôn để lại trong lòng người hâm mộ hình ảnh huy hoàng nhất, tươi đẹp nhất của mình. 90 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Tôi có nghe anh hát trong vài băng nhạc Asia và đĩa CD. Nghe anh mà lòng cứ tê tái, nước mắt cứ chực tuôn trào vì giọng ca của anh vẫn còn còn phong phú và truyền cảm như xưa. Nghe anh mà hình dung hình ảnh quê nghèo và những người nông dân tả lơi lam lũ trên cánh đồng đã cằn cỗi vì nắng hạ mưa đông. Nghe anh để tưởng như những âm thanh trầm bổng của chuông chùa Thiên Mụ vang lên trong buổi chiều tịch mịch bên dòng sông Hương. Nhưng ngoại hình anh thì không còn ăn ảnh nữa. Khuôn mặt anh đã nhiều nếp nhăn nhọc nhằn năm tháng chông chênh. Anh vẫn phải hát, vì ngoài tình yêu

gắn bó của nghệ thuật, đó còn là sinh kế của anh. Con tằm đến thác vẫn còn vương tơ! Bạn bè đã hết lòng vì anh. Một tháng trước ngày anh mất, ngày 10 tháng 1, họ đã tổ chức một nhạc hội khiêu vũ mang chủ đề Tạ Tình Tiếng Hát và Giọng Nhạc Duy Khánh với sự góp mặt của các nam, nữ ca sĩ như: Thanh Thúy, Thanh Mai, Kim Tuyến, Nguyễn Hưng, Hoàng Oanh, Phương Hồng Quế, Trần Quốc Bảo, Bảo Yến... thu hút khoảng 600 khách mộ điệu tại vũ trường Majestic, Huntington Beach. Đêm nhạc hội thành công vượt ngoài sự mong ước của ban tổ chức. Sau nhiều năm thàng ra vào bệnh viện vì những căn bệnh trầm kha, Duy Khánh đã từ giã gia đình và bạn bè, khán giả hâm mộ để đi vào miền vĩnh hằng vào lúc 12 giờ trưa ngày 12 tháng 2 năm 2003 tại bệnh viện Fountain Valley, Orange County, California. Anh hưởng thọ 65 tuổi (1938-2003). Tang lễ của anh đã quy tụ hầu như tất cả giới văn nghệ sĩ Việt Nam tại hải ngoại; trong đó Phạm Duy đã nói lên những tâm tình đầy yêu thương triu mến và khâm phục đối với anh, một người em, một người bạn mà nhờ đó nhạc của Phạm Duy và nhiều nhạc sĩ khác đã đi vào bất hủ. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Nhân Tính Trong Thơ Trần Trung Đạo Phát Biểu của Đỗ Văn Phúc trong Buổi Thơ Nhạc, Ra Mắt Tác Phẩm của Trần Trung Đạo tại Houston ngày 15 tháng 1, năm 2006 Muốn giới thiệu cho hết về nhà thơ trẻ tài hoa này, ít lắm phải viết cả cuốn sách và trình bày trong một buổi tròn. Nhưng hôm nay, vì thời gian hạn hẹp, tôi sẽ xin phép trình bày ngắn gọn những điểm chính Tôi biết Trần Trung Đạo trước hết là một Trần-Trung-Đạo-nhà-thơ. Một trong những nhà thơ có khả năng làm cho tâm hồn chai đá của tôi phải mềm đi, làm cho đôi mắt đã từ lâu khô lệ phải nức nở nhoà đi khi đọc đến những câu thơ diễn tả nỗi đau thương của những bà Mẹ, những em gái, những bé thơ lưu lạc trong giòng đời đen bạc của xã hội Việt Nam. Vốn ít nhạy cảm với thơ, chúng tôi đọc thơ rất chọn lọc của những nhà thơ nổi tiếng sẵn. Nhưng với Đạo, lại là một ngoại lệ, một hiện tượng đặc biệt. Ngay lần đầu tiên 92 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về tình cờ đọc bài thơ Đối Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười, tôi đã tìm thấy nơi Đạo một sự đồng cảm sâu xa, và yêu thơ Đạo từ đó. Sau này, lại phát hiện ra một Trần Trung Đạo nhà văn, nhà lý luận vững chắc, dày tính thuyết phục qua các tác phẩm Tâm Bút, Giấc Mơ Việt Nam. Tôi đã chưng các tác phẩm này vào nơi trang trọng của tủ sách nhà và lần lượt trích đăng giới thiệu đến các độc giả của nguyệt san Lửa Việt, Thạch Hãn, US-Viet Times ... mà tôi chủ biên hay cộng tác. Nhà thơ Trần Trung Đạo quê quán Duy Xuyên Quảng Nam. Mất mẹ từ ấu thơ, Cha buồn rầu rồi cũng ra đi sớm khi Đạo còn tuổi thiếu niên. Đạo vào nương nấu dưới bóng từ bi ở chùa Viên Giác (Hội An) theo học trường Trung Học Duy Xuyên, sau đó là Trung Học Trần Quý Cáp, Hội An. Vào Sài Gòn năm 1968, Đạo theo học ban Kinh Tế tại Đại học Vạn Hạnh và ban Luật, Đại Học Sài Gòn. Năm 1981, Anh thành công trong chuyến vượt biên lần thứ hai bằng đường biển và đến được trại Palawan, sau đó đi định cư tại Mỹ trong cùng năm. Vừa đi làm vừa đi học, Đạo tốt nghiệp Kỹ sư Điện toán tại Wentworth Institute of Technology và Boston University. Hiện Đạo làm việc cho một công ty đầu tư tài chánh tại Boston. Là một thanh niên đầy nhiệt tình yêu nước, anh đã khởi động các sinh hoạt văn hoá cho tuổi trẻ trong mạng lưới Internet từ cuối thập niên 80. Đồng thời, anh cũng đóng góp tích cực vào nỗ lực xây dựng các phong trào trẻ tại hải ngoại từ đầu thập niên 90 đến nay. Anh hy sinh nhiều thì giờ để đi nhiều nơi, thuyết trình về các chủ đề tuổi trẻ tại các cộng đồng Việt Nam, các hội nghị nhân quyền, đại học, tổng hội sinh viên, trại hè. Trần Trung Đạo xuất sắc cả hai lãnh vực làm thơ và viết văn. Điểm đặc biệt là anh đã trưởng thành khi chiến cuộc Việt Nam ở giai đoạn chót mà kết thúc bằng sự chiếm đóng của quân Bắc Việt và sự thiết lập nền chuyên chính vô sản tại miền Nam. Anh chưa hề tham gia chính quyền hay quân đội miền Nam, vì thế, anh là một chứng nhân trung thực khả tín của thời đại chuyển biến đau thương từ chế độ Cộng hòa qua chế độ Cộng sản tại miền Nam sau 1975. Anh theo dõi rất sát các diễn

biến chính trị xã hội để kịp thời lên tiếng - tiếng nói người Việt Nam yêu nước, luôn thao thức vì vận mệnh quốc gia - làm tròn chức năng của một kẻ sĩ có nhân cách, có lập trường vững chắc. Đến nay, Trần Trung Đạo đã in và phát hành các tập thơ, văn: Thơ Trần Trung Đạo Đối Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười (thơ) Thao Thức (thơ) Giấc Mơ Việt Nam (văn) Tâm Bút (văn) Khác với chúng tôi, những người cầm bút gốc quân nhân mà lời văn thơ đầy mùi thuốc súng, sắc bén như \"chém đinh chặt sắt\" (lời của nhà văn Phạm Ngũ Yên), thơ văn Trần Trung Đạo như một nguồn nước nhẹ nhàng, mềm mại mà có khả năng làm cho đá Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về phải bị xói mòn, gợi cho chúng ta hình ảnh Đại vực Grand Canyon, một kỳ quan thiên nhiên tại Arizona. Trong lúc bao thanh niên, ngay cả nhiều người tị nạn (tự gọi là HO) đã chấp nhận đứng bên lề cuộc đấu tranh chính trị, văn hoá để văn hồi tự do dân chủ cho quê hương, Trần Trung Đạo vẫn kiên trì, dành hết phần đời mình vào các tác phẩm mà sức thuyết phục sẽ vô cùng mãnh liệt, nhức nhối cho nhà cầm quyền Hà Nội. Trần Trung Đạo vào cuộc với một hành trang \"Bi, Trí, Dũng\" hun đúc từ những năm thơ ấu sinh hoạt trong gia đình Phật Tử và năm năm của tuổi thiếu niên nương thân ở chùa Viên Giác. Dưới cây đa già chùa Viên Giác, chú bé Đạo đã chiêm nghiệm nỗi cô đơn của một em bé mồ côi để sau này, Đạo đã dành phần lớn các trang thơ cho những người đồng cảnh ngộ. Mỗi buổi sáng tôi một mình ôm chổi Quét lá vàng như quét nỗi cô đơn Lá vẫn rụng khi mỗi mùa thu tới Như đời tôi tiếp nối chuyện đau buồn Tôi sẽ đến ngôi chùa xưa Viên Giác Nhật mảnh đời rơi rớt ở đâu đây Ôi thằng bé nghèo nàn xưa đã lớn Đi làm người du thực ở phương tây Nhớ Cây Đa Chùa Viên Giác (trang 52) Bé thơ ơi cuộc đời em viên sỏi Khóc một lần nước mắt chảy thiên thu Em Bé Việt Nam và Viên Sỏi (trang 95) Trong thơ, văn của Đạo không có những mối tình trai gái bình thường, hoan lạc, hờn ghen, hay đau đớn chia xa. Thơ của Đạo cũng không là mây gió, trăng sao của một tuổi thanh thiếu niên lãng mạn. Thơ văn của Đạo chan chứa tình thương con người, trước hết là khổ nạn của đồng bào Việt Nam sau chiến tranh và sống trong chế độ Cộng Sản. Những thân phận khổ đau theo từng vận mệnh nổi trôi của đồng bào, đất nước, Đạo không bỏ sót một đối tượng nào, một hoàn cảnh nào. Thơ văn của Đạo dành một phần lớn cho quê hương mà Đạo cũng như hàng triệu người đã gạt nước mắt lia xa để tránh sự áp bức, tìm cho mình cuộc sống tự do, xứng đáng với thân phận con người. Tôi viết bài thơ gửi về Hà Nội Đâu anh linh hùng khí của năm nào, Hà Nội bây giờ đứng giữa thương đau Nghe máu rỉ tự trong lòng lịch sử 94 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về ... Tôi viết bài thơ cho Sài Gòn cay đắng Bao nhiêu năm không thấy bóng mặt trời Sài Gòn bây giờ uất nghẹn kín muôn nơi Không lâu lắm sẽ vỡ thành cách mạng Bài thơ Cho Quê Hương (Thơ Trần Trung Đạo, 192) Huế âm thầm ở lại với thương đau, Em ở lại trời quê hương mây xám Một Chút Tình Cho Huế (239) Từ tận cùng sâu của trái tim mình, Đạo đã không nguôi nghĩ về một quê hương đã mất: Hai tiếng quê hương sao vô cùng tha thiết Học lâu rồi nhưng mới hiểu ra đây Quê hương là những gì tôi không có hôm nay. Bài Thơ Tháng Tư (145) Trần Trung Đạo đã đến với tôi bắt đầu bằng hai câu thơ mà tôi cho là hay nhất trong các bài thơ về Mẹ giữa lúc nỗi đau mất Mẹ còn ray rứt trong tim từng đêm từng ngày trống trải. Vâng, chúng ta đã có những bà Mẹ tuyệt vời, thương và hy sinh cho con vô bờ bến. Nhưng những đứa con vô tình, vì vui chơi bè bạn, vì công danh sự nghiệp đã để Mẹ sống những ngày cô đơn dằng dặc. Một Mẹ nuôi bầy con khôn lớn Con chưa nuôi nổi Mẹ một ngày Lớn lên trăm giòng sông trăm hướng Mẹ một mình vò vò nơi đây Mẹ, thơ Huy Phương Đến khi Mẹ qua đời, mới thấy phút giây bên Mẹ tuyệt vời mà sẽ không còn bao giờ tìm lại được, Đạo đã thổn thức: Ví mà tôi đổi thời gian được Đối cả thiên thu tiếng mẹ cười. Đối Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười (Thơ TTĐ, 21) Đạo \"đã mang vào thơ hình ảnh đau thương của những bà Mẹ Việt Nam thời chiến tranh đang chen sống giữa một quê hương đầy đọa của thời bình\" (Giấc Mơ Việt Nam, 58) Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về

Lợi dụng thời buổi nhiễu nhương trong nước, biết bao bậc cha anh đã quên căn cước tị nạn chính trị của mình ở quốc ngoại, quên lý tưởng quốc gia chống cộng, kéo nhau về nước tung tiền ăn chơi hưởng thụ trên thân thể các em, các cháu gái. Trần Trung Đạo đã cảm cảnh cho một thiếu nữ Việt, tiêu biểu cho hàng trăm ngàn phụ nữ khác vì đói nghèo phải bán thân làm nô lệ tình dục trên quê hương cũng như trên đất nước người: Bay phơ phát giữa phố phường xa lạ Mười sáu tuổi kiếp giang hồ chung chạ Trời lang thang như những bọt bèo Đất nước nghèo không giữ nổi chân em Nên xứ người em làm thân gái khách Người Con Gái Việt Nam Trên Đại Lộ Sri Ayuthaya (87) Chính nhờ ảnh hưởng đạo lý nhà Phật, Đạo nhìn thế sự, phán đoán về cuộc đời bằng một đôi mắt mở lớn, nhìn theo bề rộng, xoáy vào chiều sâu và với một tấm lòng nhân hậu để xót xa hết nỗi khổ đau của đồng bào, ngay cả rất khoan dung độ lượng, thông cảm sâu xa những bứt rứt của những người phía bên kia mà khó tìm thấy trong suy nghĩ của nhiều người quốc gia hải ngoại. Văn thơ của Đạo, không là lời văn hoa bóng bẩy, hoặc những lời cổ động đầy sắt thép. Mà là những giản dị chân thành xuất phát từ đáy tim một thanh niên yêu nước. Vì thế, không lạ khi Đạo phán đoán rất nhân bản về những người đã chiến đấu trong hàng ngũ Việt Minh: "Tôi nghĩ đến các cụ và thương các cụ rất nhiều. Không phải từ khi đọc những lá thư được gửi từ các khu nhà tập thể, không phải sau khi đã được ra nước ngoài, nhưng ngay cả từ thời mới lớn tại miền Nam trước năm 1975. Hình ảnh các cụ vẫn rất đẹp trong lòng tôi." (Tâm Bút, 22) Cũng như khi anh cảm thông với sự mất mát của người lính miền Bắc sau chiến tranh: Tôi cầm lấy tay anh Đôi bàn tay lạnh giá Mắt nhìn nhau như đã nói nghìn câu Tôi thấy trong vô cùng hun hút đêm sâu Chảy trong chúng tôi chung một dòng máu đỏ Đời chúng tôi đời những đứa con hoang Tim chúng tôi rung một nhịp Việt Nam Hồn chúng tôi hồn bốn nghìn năm cũ. Anh Bộ Đội Thương Binh Tôi Gặp (76) Những năm gần đây, Đạo đã để tâm trí và thì giờ đến sinh hoạt với giới trẻ để nối một nhịp cầu thông cảm giữa những thế hệ mà kinh nghiệm sống, giá trị xã hội giữa giới cha anh lớn lên chịu nhiều khổ nạn tại Việt Nam và các em trưởng thành trên đất tự do 96 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về làm cho cách biệt nhau. Đạo đã thôi thúc các em trong sinh hoạt phục vụ cộng đồng, và hướng dẫn các em con đường đúng để phục vụ quê hương mà không bị lợi dụng, lừa gạt của nhà cầm quyền Cộng Sản. "Các thế hệ trẻ dù muốn hay không cũng phải nhận lãnh trách nhiệm của mình trước lịch sử. Đất nước Việt Nam là của thế hệ trẻ. Tương lai Việt Nam có được vinh quang hay tiếp tục chịu đựng lầm than tủi nhục cũng là từ những hành động của các thế hệ trẻ..." (Tâm Bút, 197) Dù chế độ bạo tàn còn ngự trị trên quê hương, và dù các phong trào đấu tranh hải ngoại chưa đánh nổi cú dứt điểm, Đạo vẫn lạc quan về tương lai vì tin vào quá khứ lịch sử, vào lòng yêu nước của dân tộc. Chẳng còn ai ngăn tiếng hát của em Tiếng hát tự do Giữa núi rừng đang chuyển động Ôi mùa xuân, em, quê hương, và hy vọng Anh mơ hoài một tổ quốc hôm nay Ôi mùa xuân, em, quê hương, và hy vọng (203) Chắc chắn thế, rồi dân chủ tự do sẽ vẫn hồi Hát đi em bài ngợi ca dân chủ Rừng lâu rồi bật cả tiếng chim ca Hoa tự do đường như vừa mới nở Khắp non sông chung mạch sống chan hòa Hoa Tự Do Đường Nhai Vừa Mới Nở (186) Với tình đồng cảm chân thành của một người bạn chiến đấu, và với một sự trân trọng đặc biệt, tôi xin giới thiệu đến quý vị một nhà thơ rất Việt Nam: Trần Trung Đạo, và những tác phẩm giá trị của anh. Tôi xin mượn hai câu trong bài thơ Người Về Phương Ấy (trang 226) để kết thúc bài viết hôm nay: Đời ta dù ngược xuôi trăm ngã, Xin hẹn về qua một nẻo đường.. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Nói với thanh niên: Tìm Một Hướng Đi Người ta thường nói đến chữ Biến Đời khi chỉ đến cuộc sống trên thế gian. Đời người coi như một dòng sông, một đại dương mênh mông hay một cánh rừng bát ngát, trong đó có bao nhiêu điều kỳ thú mà con người đã và sẽ còn khám phá; cũng trong đó có bao điều bất trắc sẵn sàng chờ đón chúng ta. Biết bao người lạc lối, đi mãi mà

không tìm thấy bến bờ; có bao người không đủ tài trí nghị lực chới với giữa dòng và bị cuốn hút đi bởi làn sóng nhấn chìm. Con đường đi đến nơi đến chốn gọi là sinh lộ, nơi người đời tìm thấy được an sinh và hạnh phúc cho mình và đem khả năng phục vụ cho tha nhân. Các bạn thanh niên đang sắp bước vào đời cũng như người thủy thủ đang chuẩn bị chuyến hải hành đầy thử thách để tìm đến bến bờ, là mục tiêu cuộc đời mình. Ngày xưa, khi tôi còn là một Hướng Đạo sinh, được dự lễ lên đường dành cho Tráng sinh; coi đó như một biển cố lớn trong cuộc đời thanh niên bước vào cuộc sống. Kỷ niệm lên đường gắn bó vào ký ức và luôn là điều nhắc nhở trong thâm tâm phải làm sao trở thành con người hữu dụng. Người Tráng sinh chuẩn bị cho mình đủ hành trang cho một chuyến đi dài ngày, tự lập trong rừng sâu. Trước các bạn trong đoàn, anh ta đứng tự tin trước lá cờ Tổ Quốc và cờ Hướng Đạo, người Tráng trưởng trao ta cho anh cây gậy 98 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về dài 1.2 mét, đầu gậy có hai nhánh cắt cụt hình chữ V và nói: “Đây là chiếc gậy rừng, có hai nhánh tượng trưng hai điều Thiện và Ác, anh hãy chọn một con đường mà đi.” Tất cả cùng hát: “Vùng hồng lên ai ơi, nào mà rêu rờ; rèn cho mau tâm trí. Nam nhi cao chí khí. Hoa tươi trên trường đua nhau săn đón. Ta quyết phen này ra đi. Ai kia đi mau! đi mau! Thôi không nghi ngờ, thôi chớ lo lường... Hẹn cùng nhau chung tay đắp xây. Tai lắng hồi chiêng, cùng tiến lên đường...” Chàng dự tráng mạnh mẽ bước đi lên đường, tự mưu sinh cho mình trong một chuyến du hành vài ngày trong rừng để khi trở ra sẽ hãnh diện nhận phù hiệu RS (Rover Scout), trở thành một tráng sinh thực thụ. Thực ra, chuyện tráng sinh lên đường chỉ là một sự thực tập và có ý nghĩa trong một phần của muôn vàn phần khác trong cuộc sống. Người thanh niên ngoài trách nhiệm với chính bản thân mình, gia đình mình; còn nhiệm vụ cao cả hơn với tha nhân, với tổ quốc, nhân loại. Mười mấy năm đèn sách, nhà trường và gia đình chỉ mới tạo cho anh ta hành trang căn bản. Cộng với ý chí, nghị lực, sự tháo vát, anh ta sẽ có khả năng chống chọi để đi trên con đường gian nan. Một khi kiểm soát lại trên con thuyền mong manh kia, nào thừng chèo, nào lương khô, nước ngọt, nào phao cấp cứu, đèn tin hiệu... đủ cả rồi, còn chờ chi? Vấn đề là biết mình sẽ đi đến đâu? đó là phương hướng cho người đi biển, đó là lý tưởng, mục tiêu sống cho người đi trên đường đời. Sẽ có nhiều bạn coi mục tiêu của mình là đỗ đạt, có việc làm lương cao, lập gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái. Sẽ có nhiều bạn mong muốn thành công trên một lãnh vực nào đó, phát huy được khả năng bẩm sinh của mình trong thơ, nhạc, họa, kỹ thuật.... Có bạn nguyện hiến đời mình cho việc giúp ích người bất hạnh, có bạn theo đuổi con đường xã hội, chính trị để tạo an sinh cho đồng bào. Tất cả đều là mục tiêu đáng trân trọng, đáng theo đuổi. Bạn có mục tiêu, như người thủy thủ có la bàn, sẽ biết được hướng đi mình sẽ đến, không để cho con thuyền chới với trên dòng, phó mặc cho sóng gió muốn tấp vào đâu thì vào. Nhưng đã đủ chưa nhỉ? Chưa đâu bạn ơi! Điều quan trọng nhất trong cuộc sống hiện nay là trí phán đoán. Khi bạn đi vào rừng sâu, khi cúi lòng nhìn vào trái cây chín đỏ trên cành, phải biết trái cây đó lành hay độc. Trong cuộc đời, nhiều con người đầy mưu trí, đem những chiêu bài hay đẹp ra, dùng giọng lưỡi ngọt ngào thuyết phục những kẻ phân vân. Tôi chắc các bạn cũng đồng ý là nhiều thế hệ thanh niên đã từng bị lừa mị đem cống hiến cả tuổi thanh xuân của mình cho những mưu đồ bất chính, cho tham vọng cá nhân và tập đoàn. Cộng sản đã thành công trong việc lôi cuốn hàng triệu thanh niên đầy lý tưởng lao vào cuộc chiến đấu che đậy dưới nhãn hiệu cứu quốc để rồi khi tình thế thay đổi thì cuộc đời đã về chiều, bị xiết chặt trong vòng kiềm toả của bạo lực trấn áp hay danh vọng, đặc lợi bất chính, phù du trên đầu thương tan tác của đồng bào, trên sự suy thoái của tổ quốc. Đó là vấn đề lựa chọn giữa hai con đường Thiện và Ác. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Con đường Thiện là con đường tìm đến cho mình hạnh phúc, ấm no. Là góp phần vào trong tập thể, cộng đồng. Là mưu cầu an sinh cho đồng bào. Là tranh đấu cho độc lập, tự do,

thịnh vượng cho tổ quốc. Hạnh phúc cá nhân phải lồng trong khuôn khổ hạnh phúc của những người xung quanh. Muốn đi trên con đường đó và đạt đến mục tiêu mà sẽ không bao giờ bị mặc cảm, ân hận, là biết người đồng hành là ai, người Hướng Đạo là ai, người cộng sự là ai. Dùng công việc quá khứ và hiện tại để đánh giá cho tương lai. Dùng trí phán đoán, phân tích, đối chiếu để thấy giữa lý thuyết và thực tiễn có phù hợp hay mâu thuẫn, thấy sự đúng sai do hiện tượng cá biệt hay từ bản chất vốn có. Nhiều bạn thanh niên tránh không muốn nói đến hai chữ Chính trị. Họ chỉ mong đem nhiệt tình đóng góp cho quê hương, xoa dịu nỗi đau của đồng bào, hay mưu cầu sự xây dựng cho tổ quốc được kịp tiến bằng người mà không lưu tâm đến việc phải làm việc trong một hoàn cảnh chính trị nào, trong một chế độ nào. Chúng tôi không phản đối lý tưởng cao quý đó. Nhưng chúng tôi mong các bạn cần nhắc kỹ để nhiệt tình của mình không bị lợi dụng. Chúng tôi cũng nhắc rằng các bạn hãy hỏi vì ai mà đất nước trở nên suy thoái, đồng bào trở nên đói nghèo, các em bé trở nên thất học, lang thang... Nếu chế độ Cộng sản đã thực sự làm hết mình mà không cải thiện nổi, thì việc chúng ta đóng góp bàn tay giúp sức là điều đáng ca ngợi. Nhưng nếu những thảm cảnh đó là hậu quả của chính sách ngu dân, bần cùng hoá? nhưng nếu tài sản của tổ quốc, đồng bào bị vắt kiệt và đổ vào đầy túi bọn cầm quyền? Nhưng nếu Cộng sản đã từ khước chức năng xây dựng xã hội của một nhà cầm quyền hợp pháp? Hoá ra các bạn đang làm công việc đem một xuồng cát đắp vào cái nền phía bên này mà trong khi có người dùng xe để xói mòn phía bên kia!! Tận diệt nguồn gốc của bất công là phương thức hữu hiệu hơn cả để tái lập an sinh xã hội. Biết rằng công việc đang làm của các bạn ít có hiệu quả và phần nào thì nó làm nhẹ gánh cho chế độ Cộng sản. Về phương diện chính trị mà nói, thì quả nó vô tình làm đẹp cho cái chế độ phi nhân đó. Thôi thì các bạn hãy tận dụng điều mình đang làm để cố xây một nền móng cho cuộc cách mạng nhân bản trong tương lai Các bạn thanh niên mới đến Hoa Kỳ thời gian gần đây, ở độ tuổi dưới 30 chưa hề được sống trong chế độ Cộng Hòa Việt Nam mà lớn lên trong sự tuyên truyền, giáo dục của chế độ Cộng sản. Các bạn không có cơ sở để so sánh sự khác biệt rõ rệt giữa hai chế độ. Phụ huynh các bạn vì quá lo sinh kế mà không có thì giờ chỉ bày cận kề, hoặc nếu có thì giờ, thì cũng chẳng dám hở môi khi còn sống trong sự kềm kẹp của công an cộng sản. Chẳng trách các bạn không hề biết rằng có một chế độ tương đối tốt đẹp đã từng hiện hữu ở miền Nam và bị Cộng sản thôn tính do những sắp xếp của các siêu cường. Chẳng trách các bạn không biết đến lá cờ vàng biểu tượng cao quý của Tổ quốc Việt Nam, vì lá cờ đó, cha anh các bạn đã đổ bao máu xương để bảo vệ, nhằm cho cuộc sống các bạn tươi đẹp hơn, nhưng đã thất bại giữa chừng. Thôi thì cứ cho rằng thế hệ cha anh đã không làm được trách nhiệm giáo dục các bạn về mặt chính trị, hay đã không nêu lên được những tấm gương tốt đẹp để các bạn theo. Và các bạn đã lạc lối trong sự mê hoặc của chế độ Cộng sản.

100 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về

Nhưng tôi tin ở độ tuổi mười tám đôi mươi, trí tuệ các bạn đã phát triển đầy đủ để tự mình phán đoán. Các bạn hãy đặt lấy câu hỏi đầu tiên: Vì sao gia đình mình có mặt trên đất Hoa Kỳ này? Vì sao gia đình mình phải đổi trăm phần chết lấy một phần sống trên đường vượt biên để rời khỏi mảnh đất Việt Nam thân yêu? Các bạn có lẽ cũng trách rằng chế độ Cộng Hòa Việt Nam chẳng mấy tốt đẹp. Biết làm sao hơn, khi một đất nước vừa thoát qua hàng ngàn năm phong kiến và đô hộ, lại lâm vào tình trạng chiến tranh một mất một còn với cộng sản phương Bắc; những người xây dựng chế độ dân chủ chỉ mới biết dân chủ tự do qua sách vở, và với một tấm lòng yêu dân chủ tự do, họ đã thực thi được trăm lần tốt đẹp hơn cái chế

độ Cộng sản miền Bắc. Sự thành công đó được chứng minh qua đời sống tương đối dồi dào, dân trí tương đối cao mà ngày nay người miền Nam vô cùng nuối tiếc. Các bạn đã sống trong không khí tự do, dân chủ trên đất nước Hoa Kỳ này, hãy nhìn lại về miền đất xa xôi bên kia bờ đại dương, tự hỏi rằng đồng bào mình đang sống ra sao? Thanh niên như mình đang sống ra sao? Hãy nhìn về nông thôn, nhìn về những người dân lao động chân chính chứ không phải những cán bộ Cộng sản nhà cao cửa rộng, không phải những người trục lợi do hợp tác với chính quyền, không phải những người sống nhờ tiền bạc thân nhân nước ngoài gửi về. Tôi tin rằng bạn sẽ phải tìm thấy câu trả lời tích đáng nếu các bạn không quá ngoan cố, bảo thủ cho những sai lầm mình lỡ có. Bởi vì chúng ta đang sống trong chế độ tự do, và chúng ta học hỏi, hấp thụ nếp sống tự do, tôi tôn trọng quyền tư tưởng của một số bạn nếu thực sự họ tôn thờ chế độ Cộng sản và quyết đi theo con đường phục vụ cho chế độ đó mà vẫn tin rằng con đường đó có lợi cho tổ quốc và nhân dân. Xin hãy thẳng thắn trong sự lựa chọn và biểu lộ. Xin đừng làm việc mà ngày xưa chúng tôi gọi là: “ăn cơm Quốc gia, thờ ma Cộng sản” Nghĩa là vẫn ham chuộng lối sống tự do dân chủ phương tây mà đi làm tay sai cho độc tài cộng sản. Đó là con đường Ác mà chúng tôi mong các bạn sẽ không chọn nó trên biển đời mê mông này. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Các bạn thanh niên Việt Nam du học, Chúng tôi biết các bạn là thành phần ưu đãi của chế độ, mới được đặc ân đi ra nước ngoài du học. Dù các bạn là con cái cán bộ nhiều năm trong đảng, các bạn cũng là thanh niên Việt Nam có truyền thống yêu nước thương nòi tiềm tàng từ hàng ngàn năm để lại. Các bạn cũng tìm cho mình một lý tưởng sống. Đời các bạn đang như tờ giấy trắng chờ vẽ lên những cành hoa đầy hương sắc. Không ai trong các bạn muốn nó bị bôi đen nhem nhuốc. Thì đây, đây là cơ hội để các bạn cân nhắc so sánh. Các bạn hãy nhìn nếp sống của người dân bản xứ mà đối chiếu với nét ưu tư khổ lụy của đồng bào mình bên nhà. Các bạn hãy đọc báo để thấy bên đây, người ta được quyền ăn nói ra sao, so với sự bịt mắt che tai của đồng bào bên nhà. Các bạn thấy cơ hội thăng tiến của người dân trong chế độ tự do ra sao, so với sự đè nén có tính giai cấp do Cộng sản đặt ra để bảo vệ quyền lợi của một nhóm nhỏ đảng viên, đè bẹp sự thăng tiến của hàng chục triệu người dân thường. Chừng nào trong lòng các bạn còn dâng lên nỗi thương xót cho kiếp sống cơ cực lầm than của đồng bào thì không lo các bạn sẽ cứ nhắm mắt đi phục vụ tập đoàn Cộng sản vô lương. Các bạn may mắn được đến đây học về dân chủ, thấy người ta sống trong chế độ dân chủ như thế nào, người ta được quyền ăn nói ra sao. Các bạn hãy đem hạt giống dân chủ tự do đó về cấy lại trên đất quê hương. Đem điều tai nghe mắt thấy kể lại cho bất cứ ai, đem sở học tân tiến bên này mà đóng góp xây dựng quê hương. Thực hiện ưu tư làm cho dân giàu nước mạnh của mình bằng sự xoá tan những cội rễ của sự bất công đàn áp. Có lẽ sự trở mình sẽ mang lại nhiều cay đắng. Nhưng cay đắng bản thân, gia đình sao so nổi với hạnh phúc lớn lao của cả toàn thể đồng bào, của sự tồn vinh của Tổ quốc. Các bạn chắc sẽ có nhiều lưu luyến với cái chế độ trong đó, nhờ ân sủng của nó mà gia đình bạn sống sung túc vượt trên hàng triệu gia đình khác, nhờ đó mà các bạn được học hành đỗ đạt. Là người chân chính, xin hãy đừng tiếc chi một chế độ mà gần nửa thế kỷ qua, chẳng thấy làm được điều gì hay tốt mà trái lại chỉ đưa đất nước vào cảnh lầm than. Chúng tôi không mong các bạn khôi phục lại chế độ Cộng Hòa Việt Nam, nhưng hãy khôi phục lại một nước Việt Nam Dân Chủ, Tự Do, và Phú Cường. Chúng tôi biết các bạn là những người yêu nước. Xin hãy chọn con đường Thiện mà đi. Không có bến bờ nào mà chúng ta không đến được nếu chúng ta có một tấm lòng, và tấm lòng đó là tấm lòng trong sáng thương yêu Tổ quốc, nhân dân. 102 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về The Nation's Existence Power and The Duty of the Youth Michael Do speaks to the Vietnamese American Students Association/University of Texas at Austin and the Vietnamese Youth League at

Austin in its first meeting and on Channel 10/ACTV. Dear young fellow Vietnamese Americans. It is my great pleasure to be attending this very important event as your new Executive Board is introduced to the community and is beginning its new term with full strength and hope. I would like tonight to talk about one subject that you might be very interested in: "The Nation's Existence Power and The Duty of the Youth." Then you and I will be discussing things to decide upon the best solution for the future to save our people. A people that, for decades, have been oppressed and exploited by the Communists. *Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về* The basic law of nature that affects all living creatures proves that whoever, whatever is stronger will survive; likewise, the weaker will be overcome or even exterminated. That is the fierce struggle for existence. Plants and animals have to stand against nature, fight against other species, and even battle among themselves. There are three vital factors in an effort to survive: physical strength, strong will, and the ability to adapt to new circumstances. Over thousands of years, the history of humankind is that of unceasing struggles: struggle against nature, struggle between peoples and nations; civil struggle domestically within nations, as well as the internal struggle within one's self. During these times of struggle, there has never been a long lasting peace where the Vietnamese people have been able to enjoy a harmonious, friendly co-existence. Since the early years when our forefather King Hung founded the kingdom of Van Lang, our people, the Vietnamese people, have grown from a small tribe lodging along the Red river in Southeast Asia to become a powerful nation whose influence has spanned over the entire Indochina peninsula. During its expansion to the south, seeking colonies to survive and develop, Vietnam eliminated two other kingdoms that were no less powerful. In turn, Vietnam faced the threat of extinction by its great neighbor to the north, China. After Vietnam declared its independence in 937 A.D., ambitious Chinese dynasties, claiming Vietnam to be a district of China, sent troops to invade our country dozens of times only to be bitterly defeated and driven away. Because of their patriotism and courage, our forefathers were able to defend the country we should inherit all today. Our forefathers not only achieved the brilliant military victories, but also protected our country's distinguished culture, adapted the essence of other cultures to create a unique cultural bed of multicolored flowers. Such brave people deserve to exist, to develop, and to last forever. After 80 years under the French domination followed by nearly half century under Communism, our country today is at the brink of decadence. Tens of millions of our people exist at the lowest living standard in the world. Without human rights, civil liberties, they have become slaves in their own homeland ruled by the iron hand of the Communists. There have not been any freedom movements that have been strong enough to overthrow the tyranny even though Communism was denounced and has collapsed in its birthplace Russia as well as other Eastern European nations. The Vietnamese Communist mobsters have clung to the rotten and outdated Marxism to maintain their power, their privileges, disregarding the misery of their fellow people. Many may speculate that our people lack vitality for allowing themselves to be oppressed and exploited for decades without uprising. I do not believe that to be the case. My answer to such speculation would be that the hidden potential that has accumulated in thousands of years of struggling throughout our people's history needs only a chance and favorable conditions for a revolution to begin. *104 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về* Throughout world history there are valuable lessons of nation revival. Germany after being defeated in WW1 (1914-1918) was bound by disadvantageous international treaties and a totally exhausted economy. Within 20 years of persistent efforts, the Germans

rebuilt their country to be the most powerful one in Europe. In 1939, Germany started World War II, occupying most of the countries of Europe and establishing the 3rd Reich Empire. After thousands of years of being dispersed throughout the world and suffering the mass extermination attempt of the holocaust in Nazi concentration camps, the Jewish people returned to their promised land with bare hands. On this poor land of only sand, scarce water, and scorching temperatures, the state of Israel was rebuilt and has survived numerous attacks by its more populous and wealthy neighboring Arab countries. Very close to us is the example of Japan's revival after WW II to become the number one economic competitor to its conqueror, the United States. Those three peoples - the Germans, the Israelis, and the Japanese – were able to achieve their extraordinary goals because of their high spirit of nationalism, unity, sacrifice, and responsibility. Giving credit where credit is due, we must also take in to account the talented leadership that placed the national interests above all else. Their young men and women were well educated and equipped with just cause and ideology. Compared to the peoples above, the Vietnamese people are no less capable in terms of patriotism, initiative, persistence, and responsibility. During the 20-year bloody war against the aggression from the Communist North Vietnam, hundreds of thousands of South Vietnamese young men and women responded to the call of the motherland to join the armed forces. They left behind their loved ones and happy life to face the daily dangers of the battlefields. They left, knowing full well that the war would be long lasting and there would be no safe return. The youth from North Vietnam, indoctrinated by the Communist party, engaged in the war with their hot blood and patriotism believing they were fighting to liberate the country as well. The truth they did not understand was the dream of the expansion of Communism in Southeast Asia. Unfortunately, the confusion about the right and wrong causes of the war resulted in pro-communist beliefs among the common Vietnamese countrymen as well. The war was lost because of the corruption in the governmental system that degraded the fighting potential of our troops. Once fallen into the Communist control, it has been very difficult to overturn. Of all the dictatorship regimes, Communism is the most barbarous one; of all the Communist regimes, the Vietnamese Communism is the cruelest one. Its control system is so sophisticated; its prison system so ruthless that no individuals could retain their physical and mental strength. Every resistance movement is smashed from its beginning. Our people keep struggling with whatever capacity: sometime as violent as Quynh Luu uprising and the Buddhist movement; other times as quiet as uncooperative manners in economic and cultural fronts. The people of South Vietnam have won in the later fronts but yet have not been able to overthrow the tyranny. The ultimate strike in a revolution is military action but the international community does not support that course of action. We already know the Achilles' heel of the Communist regime, but so far, we are lacking of a unified front and a charismatic leadership. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về For nearly one hundred years through different regimes, political leaders of all sides have conducted deceitful acts to gain power and then betray our people. The Vietnamese people have no faith in such so-called leaders. The older generation (our parents) grew up and educated in a feudal society, and was helpless. There were too few good men to successfully lead the nation in overcoming such a difficult situation. Our generation was a bit better but also could not overcome the corruption. There were too many factors that were out of our control. Today, in this country, Vietnamese American community has become a notable group. Hundreds of organizations have been founded; but it is hard to know who are truly patriots. Some have gained good reputations

and have been attacked by competitors; others were faced off due to their use of deception for their own interests. Many of the activists and their supporters have become disappointed and almost given up. The destiny of a nation is never to be seen as a thing for people to sell and buy on market but is ultimately sacred to everyone that inherits the same history and tradition. Once devoted to it, we must sacrifice ourselves to serve it with all of our hearts and capabilities. Dear young men and women, you are the hope and future of our country. You have achieved a high level of education with an understanding of high technology that is needed for the development of our country. You have learned and have exercised the freedom and democracy that is vital to the building of our future regime. You have nothing bad to be blamed for. We know each of you are eager to get involved in the 106 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về redemption and reconstruction of our motherland. You are the true mighty force our people are seeking. To overthrow Communism will not be easy, but the reconstruction of the nation in the post-Communist era will be much more difficult. We will have to start from a negative balance since all traditional values have been uprooted; the Communists have brutally transformed generations of our people into slaves rather than proud citizens contributing to a just cause. National resources have been heavily exploited; whatever could be made available has been sold to foreigners. The Communists have taught only hate and vengeance rather than love and care. Any future leader of a free Vietnam will have to deal with dangerous and complicated multi-tasks. We have learned from Russia and other former-communist countries in Eastern Europe that, once freed of communist repression, the people place the desire for material comforts ahead of other things. This can be done only with a magic wand. The foremost task in rebuilding the country is to educate a new generation to replace those indoctrinated by the inhumane Communists. To us, the free Vietnamese people, every man and woman in our society is both a valuable subject and a master of the society. All social and political institutions are meant to serve the citizens who bear in their hearts the tradition of love, unity, and patriotism. We must shape the new model citizens as free and responsible men and women to fit the new, free society. I believe you have all that our forefathers wanted you to have. I know that you are living a happy, abundant life, enjoying all the liberties and human rights provided by a true democratic way of life. You have obtained the most advanced sciences and technologies known to the human species. The Vietnamese people want to experience these same liberties and are looking to you as their liberators. You have to revive the survival strength of our country in order to break the chain of the communism, and bring to the people, freedom, prosperity, and happiness. Please, go forward bravely and take the responsibility to be a liberator of our country. You will succeed. Thank you. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Sức Sống của Dân Tộc và Nhiệm Vụ của Thanh Niên Bài nói chuyện tại Đại hội ra mắt Ban Chấp Hành Đoàn Thanh Niên Dân tộc Việt tại Austin ngày 6-11-1993 Kính thưa quý khách, Thưa các bạn thanh niên, Thật là một vinh dự lớn lao cho tôi, hôm nay được Đoàn Thanh niên mời dự lễ ra mắt tân ban Chấp hành và cho phép tôi được có vài điều tâm sự với các bạn. Thay mặt ban Chấp Hành hội Cựu Quân nhân QLVNCH tại Austin, tôi xin gửi lời chào mừng tân ban Chấp hành và chúc quý bạn thành công trên con đường lý tưởng mà các bạn đã chọn để phụng sự và cống hiến tài năng cho trước hết là cộng đồng Việt Nam tại địa phương và xa hơn là cho đất nước và dân tộc mến yêu. Thưa toàn thể quý bạn thanh niên, Hôm nay tôi muốn thưa chuyện với quý bạn về đề tài: Sức sống của Dân tộc và Nhiệm vụ của Thanh niên để chúng ta cùng suy ngẫm xem thử trong tương lai sẽ tìm ra được biện pháp nào hay ho để cứu vãn một dân tộc vốn đã bị suy kiệt sau hàng chục năm dài bị Cộng

sản ra sức đàn áp, bóc lột. 108 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Luật cơ bản của thiên nhiên áp dụng cho muôn loài là: trong cuộc đấu tranh sinh tồn, loài nào, giống nào đủ sức mạnh thì sống còn, loài nào suy yếu thì bị diệt vong. Cây cỏ, muông thú phải tranh nhau để sống, chúng phải chiến đấu với thiên nhiên, với loài khác, và ngay cả trong đồng loại. Có sức mạnh và biết thích ứng với hoàn cảnh là hai điều kiện quan trọng nhất. Quan hệ của con người mà hàng triệu năm lịch sử đã chứng minh là quan hệ đấu tranh không ngừng: đấu tranh với thiên nhiên, đấu tranh giữa các dân tộc, đấu tranh trong nội bộ và cả đấu tranh với bản thân. Chưa hề có một thời kỳ hòa bình lâu dài trên trái đất trong đó mọi người vui sống chan hòa an lạc. Thượng đế không sinh ra hoàn toàn những con người tốt lành để có thể cùng nhau chung sống hòa bình, nhân nhượng. Dân tộc Việt Nam ta, khởi từ ngày quốc tổ Hùng Vương lập quốc, vốn từ một bộ lạc nhỏ bé ở địa bàn châu thổ sông Hồng, đã phát triển thành một quốc gia có uy thế bao trùm vùng bán đảo Đông dương, tiêu diệt hai dân tộc có nền văn minh hùng mạnh không kém, lấn đoạt đất đai, bành trướng về phương Nam để có đủ điều kiện phát triển hơn. Dân tộc ta nằm ngay trong tầm tay của một đế quốc to lớn có tham vọng vô bờ, từng xua quân xuống Nam xâm lược nhiều phen. Cha ông chúng ta đã chiến đấu và chiến thắng vẻ vang, bẻ gãy cuồng vọng thôn tính của họ, để lại cho chúng ta một dải giang sơn gấm vóc ngày nay. Trứng chọi đá, nhưng rất nhiều lần, cái trứng mỏng manh đó đã chứng minh cái sức mạnh tuyệt vời qua sự đoàn kết, dũng cảm hy sinh, tinh thần quyết chiến quyết thắng để bảo vệ non sông. Một dân tộc không những chiến thắng lấy lòng về quân sự, mà còn có sức mạnh tinh thần bảo tồn nét văn hoá độc đáo của mình, biết thu nhập và biến cải các nền văn hoá khác để tạo cho văn hoá mình thêm đa dạng. Dân tộc đó xứng đáng bền vững và phát triển muôn đời. Thế nhưng, qua hơn một trăm năm bị đô hộ bởi giặc Pháp, bị cai trị tàn khốc bởi chế độ Cộng sản, dân tộc ta, đất nước ta đang đứng trước bờ vực thẳm, đối diện với sự suy vong. Nhân dân ta, hàng chục triệu người cam chịu nếp sống thấp kém nhất so với các dân tộc trên thế giới, cam chịu mất nhân quyền, dân quyền để làm nô lệ ngay trên quê hương cho bọn người đồng chủng hung tàn. Năm mươi năm qua, không tạo được một phong trào đấu tranh đủ sức để lật đổ bạo quyền. Và ngày nay, khi trên thế giới, cái ung nhọt Cộng sản đang được tẩy trừ, thì bọn cầm quyền Hà nội lại đang bám lấy cái chủ thuyết thối tha để duy trì quyền lực, vơ vét ăn chơi mặc tình cho dân tộc điêu linh. Dân tộc ta đã mất hết sinh lực chẳng mà đành cam chịu đoạ đày? Thưa rằng không. mà chỉ vì cái sinh lực tiềm tàng hàng ngàn năm qua chưa có đủ một cơ hội, một điều kiện để khởi phát mãnh liệt thôi. Thử nhớ lại, nước Đức sau thế chiến thứ nhất (1914-1918), vừa bị suy yếu về kinh tế, vừa bị ràng buộc bởi nhiều hiệp ước, vừa bị dòm ngó từ mọi phía. Chỉ trong vòng hai mươi năm thôi, họ đã trở thành một quốc gia hùng mạnh nhất châu Âu. Năm 1939, Đức xua quân xâm chiếm gần như toàn bộ châu Âu, lập nên một đế quốc Đại Đức dững mãnh. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Họ chỉ bị đánh bại khi chính sách diệt chủng tàn bạo của họ đã làm cho thế giới phải lo ngại mà đoàn kết chiến đấu. Dân Do Thái, sau hàng ngàn năm lưu lạc, vừa bị Đức tiêu diệt hàng chục triệu trong các lò thiêu, và bị đàn áp, bạc đãi ở nhiều nơi, đã trở về cố hương với hai bàn tay trắng, trên một mảnh đất khô cằn, thế mà họ đã biến sa mạc thành nơi màu mỡ, tạo dựng một quốc gia vững mạnh chống chọi với cả một khối Ả rập đông giàu gấp hàng chục lần. Ở Á châu, dân tộc Nhật bản là một tấm gương cho sự hồi phục. Sở dĩ ba dân tộc Đức và Do Thái và Nhật Bản làm được những sự nghiệp vĩ đại này, trước hết là do tinh thần dân tộc cao độ, tính đoàn kết và một ý chí kiên cường, sau là do sự lãnh đạo tài ba của những người chỉ biết đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết thảy. Những tầng lớp thạc niên của họ được trang bị bởi một lý tưởng chân chính, biết hy sinh vì đại nghĩa dân tộc. Các điều trên, dân ta nào có thua kém gì. Ròng rã hai mươi năm đấu tranh chống Cộng

sản, thanh niên miền Nam đã lên đường, từ giã hạnh phúc gia đình, từ giã những ước vọng tuyệt vời của cuộc sống thanh xuân, lên đường tòng quân hăng hái, dù biết rằng cuộc chiến sẽ vô cùng gian khổ, lâu dài, có đi mà khó có ngày trở lại. Thanh niên miền Bắc cũng vì lòng yêu nước mà bị Cộng sản tận dụng vào cuộc chiến xâm lăng miền Nam thoả mãn tham vọng thôn tính của chúng. Buồn thay, tính chất ý thức hệ của cuộc chiến chống Cộng đã bị cộng sản làm cho mập mờ, chính tà khó phân tỏ, nên nhân dân miền Nam đã có bộ phận bị làm lạc, tiếp tay cho kẻ thù xâm chiếm miền Nam. Tiềm năng chiến đấu của chiến sĩ ngoài sa trường cũng phần nào bị suy giảm dẫn đến thảm họa 30 tháng 4 năm 1975. Một khi đã rơi vào nanh vuốt cộng sản, thì quả khó lòng xoay sở. Có thể nói, trong các chế độ độc tài từ cổ chí kim, thì chế độ Cộng sản là dã man nhất, trong các chế độ Cộng sản, thì Cộng sản Việt Nam là tàn bạo, khát máu nhất. Hệ thống kìm kẹp, khủng bố của chúng đạt đến mức tinh vi, hệ thống lao tù thì thật man rợ, làm cho con người một khi đã rơi vào đó, sẽ dễ đánh mất ý chí đấu tranh. Mọi phong trào đấu tranh do đó đều dễ bị dập tan từ trong trứng nước. Dân ta vẫn âm thầm chiến đấu. Có khi bùng nổ như vụ Quỳnh Lưu, phong trào Phật Giáo... Có khi âm thầm như những thái độ bất hợp tác, phá hoại trên các lãnh vực kinh tế, văn hoá. Riêng hai mặt trận sau này, nhân dân miền Nam đã hoàn toàn thắng lợi. Nhưng chúng ta không thể khuynh đảo được chính quyền, vì chiến tranh vũ lực, cú đòn tối hậu lật đổ chúng ta không thực hiện được. Thế giới ngày nay không ủng hộ cho cuộc chiến tranh dù là cho chính nghĩa; mà chúng ta lại không đủ sức tự trang bị cho mình để đối đầu với một lực lượng quân sự khổng lồ của Việt Cộng. Chúng ta cần biết ở phương diện nào, cộng sản suy yếu để mở ngay mặt trận tấn công nơi đó. Đó là điều mà người dân Việt Nam đã và đang làm, nhưng thiếu một sự lãnh đạo thống nhất. Có thể nói, dân tộc ta đã quá ê chề vì bao lần bị lừa bịp và hầu như đã mất niềm tin vào lãnh đạo. Chế độ phong kiến để ra một tầng lớp sĩ phu chỉ biết quyền lợi riêng cho mình. Người tốt quá ít và không đủ khả năng cứu vãn tình thế nguy ngập. Thế hệ chúng tôi vừa được giáo dục để có thể khá hơn thì chưa thực sự thi thố gì đã phải chịu cảnh lưu 110 Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Vè vong. Ngày nay, tổ chức hội đoàn quá nhiều khó lòng biết ai chân giả. Người có lòng vừa tạo được chút uy tín đã bị những kẻ xấu dèm pha, triệt hạ bằng những đòn ma mãnh hèn hạ. Nhiều người lợi dụng lòng tin yêu của đồng bào để mưu lợi riêng tư, những mặt trận tan vỡ làm thối chí những người đấu tranh và những người ủng hộ. Than ôi, vận hội của một dân tộc nào phải là món hàng để mặc cả, mưu cầu công danh, tư lợi! Đó là một thứ gì thiêng liêng mà mỗi người, khi đã dấn thân cho sự nghiệp là phải quên mình, đem hết tài năng, nhiệt huyết ra phục vụ. Chỉ có thanh niên, chỉ có tuổi trẻ, mà tâm hồn còn như tờ giấy trắng, chưa bị hư danh làm sa đọa. Chỉ có giới trẻ là sẵn sàng hy sinh, nôn nao làm việc nghĩa, là những người được trang bị kiến thức tân tiến, tinh thần dân chủ tự do trong xã hội văn minh là những cánh tay đắc lực để xây đắp quang phục quê hương. Cuộc chiến để thắng Cộng sản tuy khó khăn, nhưng cuộc chiến xây dựng trong thời hậu Cộng sản còn khó khăn muôn vàn. Vì chúng ta không phải xây dựng từ con số không to tướng đâu, mà từ con số âm. Có nghĩa là từ sự suy thoái đổ vỡ của cả một hệ thống luân lý đạo đức, sự tha hoá của hàng mấy thế hệ do hậu của cai trị ngu dân. Từ một nền kinh tế mà tài nguyên đã bị khô cạn và nhiều phần đang nằm trong tay bọn ngoại nhân. Từ một hệ thống giáo dục chỉ dạy cho con người biết căm thù và thủ đoạn. Nhiệm vụ của các nhà lãnh đạo trong tương lai sẽ vô cùng phức tạp và nguy hiểm. Kinh nghiệm ở Nga, Đông Âu cho thấy, sau thời kỳ Cộng sản, người dân không những đòi hỏi ngay tự do dân chủ mà là cuộc sống đầy đủ tức khắc do lòng quá khao khát sau bao năm dài đói khổ. Khó lòng mà cải thiện ngay điều kiện làm việc và nhân sự vì con người trong chế độ Cộng sản chỉ biết mách mung, bon chen đối trá. Chỉ có đũa thần may ra mới thoả mãn được. Vì thế trước mắt là phải tái giáo

dục lại con người, Cộng sản nói đến xây dựng khuôn mẫu con người mới của họ, đó là mẫu người không có tính người, chỉ là một đơn vị lao động. Với chúng ta, con người là chủ thể của xã hội, con người là mục tiêu phục vụ của mọi định chế, vì thế con người phải mang tính nhân bản, kế thừa truyền thống yêu thương, đoàn kết, yêu nước, biết vì lợi ích chung trong đó có lợi ích bản thân và gia đình. Đó là mẫu người hoàn toàn tự do và tự giác. Thừa các bạn thanh niên, Các bạn đang sống trong một xã hội tự do, dân chủ thực sự. Các bạn đang sống cuộc sống sung mãn về vật chất, các bạn đang được hấp thụ nền khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất của nhân loại. Chắc chắn quý bạn có đủ khả năng làm những điều lợi ích cho dân tộc. Tổ quốc Việt Nam, Dân tộc Việt Nam đang kỳ vọng vào các bạn. Sức sống tiềm tàng của dân tộc đang chờ tấm lòng và bàn tay các bạn để trỗi dậy, xoá tan xiềng xích cộng nô, tái tạo một đất nước phú cường hạnh phúc. Đã đến lúc thế hệ thanh niên nhận lãnh trọng trách, xin đừng chần chừ, e ngại. Xin chân thành cảm ơn quý khách và các bạn thanh niên. Chúc các bạn thành công. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Nhân Quyền, Lợi Khí Sắc Bén Nhất Hiện Nay để Giải Thể Chế Độ Cộng Sản Việt Nam Washington DC đang vào giữa mùa xuân. Tuy giữa trưa mà ánh mặt trời vẫn dịu dàng chứ không gay gắt như mặt trời Texas. Hai bên đường những phố chính chạy qua toà Bạch Cung, Quốc hội Lưỡng viện, những cây anh đào nở hoa trắng hồng làm du khách thấy lòng nhẹ nhàng, thơ thới. Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt chúng ta khi đi qua cầu trên dòng sông Potomac để đi vào khu trung tâm là Tháp bút tưởng niệm vị Tổng thống đầu tiên Washington, mà dân địa phương gọi là cây bút chì, đang ở trong giai đoạn tu bổ, Giàn giá kim loại bao quanh tháp để thợ làm việc, tuy vậy không làm mất đi vẻ mỹ quan của kiến trúc. Từ tháp bút này, đi qua hai công viên lớn là đến toà Bạch Cung, nơi Tổng thống Hoa Kỳ làm việc, và cũng là nơi Ủy ban Tổ chức Vận động Quốc tế cho Nhân quyền VN đang tổ chức tuyệt thực và biểu tình ngày Chủ nhật 9 tháng 5 vừa qua. Tiếc thay, chúng tôi không phải là du khách để có thì giờ chiêm ngưỡng những công trình tráng lệ, đầy tự hào của thủ đô một nước siêu cường hàng đầu trên thế giới. Chúng tôi, 30 người từ Austin, đã vượt hơn 1500 dặm xuyên bang về đây đóng góp phần nhỏ bé của mình vào phong trào đấu tranh cho Nhân quyền cho Việt Nam, diễn ra ở Thủ 112 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về đô vào trung tuần tháng 5 này. Cách đây 5 năm, Quốc hội Hoa Kỳ đã chấp thuận chọn ngày 11 tháng 5 là ngày Nhân Quyền cho Việt Nam. Đạo luật này đã được Tổng thống Bill Clinton ban hành; từ đó làm cái mốc cho người Việt Nam chúng ta thúc đẩy các hoạt động đấu tranh hướng về quê hương, nơi hơn bảy mươi triệu đồng bào ta đang sống rên xiết trong sự đàn áp cùng cực của bạo quyền Cộng sản. Chỉ vì hai chữ Nhân Quyền, dân tộc ta đã phải đổ xương máu không phải chỉ trong thế kỷ 20 này chống lại thực dân và Cộng sản, mà triền miên từ bao đời trước chống lại các ách thống trị phong kiến hoặc xâm lược từ Trung Hoa. Những ngày đó ít ai biết tới hai chữ Nhân Quyền dù rằng nó phải gắn liền với cuộc sống chúng ta ngay từ khi lọt lòng mẹ. Nhân Quyền là Căn Bản. Con người khi sinh ra, không lựa chọn được môi trường của mình. Có người sinh ra trong gia đình giàu sang, trong một xã hội tốt đẹp; lại có kẻ sinh ra trong bần cùng, nơi một nước nghèo nàn, lạc hậu. Đó là sự bất công đầu tiên mà con người phải gánh chịu. Nhưng dù ở môi trường nào, thì con người vẫn bình đẳng trong quyền sống. Đó là quyền thiêng liêng, bẩm sinh theo quan niệm của chúng ta ngày nay. Phạm vi của Nhân quyền rất rộng lớn. Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc liệt kê ra trong 30 điều khoản các chi tiết về nhân quyền mà trước hết, đó là quyền tự do và bình đẳng về nhân phẩm cũng như về quyền lợi. Nói chung là quyền được sống như một con người. Được có những điều kiện thăng tiến như nhau. Được suy nghĩ theo ý mình và phát biểu điều mình suy nghĩ. Được theo đuổi, hành xử theo điều mình tin tưởng là đúng, là hay. Được chọn nơi cư trú, được đi lại theo ý muốn của mình. Được theo đuổi công việc do

sở thích và khả năng của mình. Được yêu điều mình yêu, ghét điều mình ghét. Có lẽ trong cái xã hội thô sơ của con người thời khai thiên lập địa, họ đã thụ hưởng hoàn toàn nhân quyền của mình. Không ai tự cho mình có quyền hơn người khác cho đến khi có một tổ chức ra đời để cai quản sinh hoạt của các nhóm người sơ khai đó. Quyền con người sau đó đã bị tước đoạt bởi kẻ dưng mãnh. Những kẻ này dùng sức mạnh của mình để chiếm lấy quyền cai trị và tự đặt ra luật lệ để trói buộc những người trong tập thể đó. Đó là hình thức đầu tiên của chính quyền mà thông thường là độc đoán. Cũng có khi những nhóm người tự họp nhau lại, đặt ra một kế ước xã hội để cùng nhau sinh hoạt và tồn tại. Họ chọn ra người cầm đầu và ấn định những điều khoản về Dân quyền. Nhân quyền chắc chắn không thể nào là vô hạn khi con người phải sống chung trong một tập thể. Nhân quyền cũng bị hạn chế khi chính bản thân con người vi phạm thỏa ước xã hội. Sự giới hạn này là nhằm vào việc bảo vệ quyền lợi rất chính đáng của những người khác. Và đó là sự giới hạn trong công chính và thiện mỹ. Ai Tước Đoạt Quyền Con Người. Từ khi củng cố quyền bính, các nhà lãnh đạo chuyên chế tự dành lấy quyền cho Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về mình, coi nhẹ quyền của tha nhân. Nhưng để cho người dân mất dần ý thức về nhân quyền, giai cấp lãnh đạo đã đề ra những triết thuyết đánh lạc hướng con người vào những quan niệm thiên mệnh, sự khép kín của giai cấp. Bỏ qua một bên những khía cạnh tích cực của Nho Giáo về đạo lý xã hội, chúng ta sẽ thấy về phương diện chính trị, quan điểm của Khổng tử rất phản động. Ông phân biệt ba hạng người trong xã hội: hạng Thánh nhân, rất hiếm, là bẩm sinh; hạng Quân Tử, chiếm một tỷ lệ nhỏ trong xã hội, và hạng Tiểu Nhân thuộc đại đa số. Hạng Tiểu Nhân có thể tu tâm dưỡng tánh để thành người Quân Tử. Nhưng cả Quân Tử và Tiểu Nhân thì chẳng bao giờ trở thành Thánh Nhân. Vua Chúa theo ông có quyền lực là do thiên mệnh. Cả cuộc sống người dân cũng là do thiên mệnh đã an bài. Được an vui hạnh phúc hay khổ đau thì phải chấp nhận cuộc sống đó. Tuy ông chủ trương vua phải hiền đức, lo cho trăm họ, nhưng ông không ban phát một chút quyền nào cho người dân đen bị trị. Chúng ta không lên án Khổng Tử như bọn Trung Cộng, vì đó là sự hạn chế của lịch sử. Chỉ có Mạnh Tử, học trò của ông là còn có chút khái niệm về dân quyền khi ông chủ trương người dân có quyền lật đổ bạo quyền. Trải qua hàng ngàn năm, nhân loại đã chấp nhận cuộc sống bị trị mà chỉ biết cam tâm, than thở cùng trời đất chứ ít có mầm mống quật khởi để dành lại quyền thiêng liêng đó. Người ta đã mặc nhiên thừa nhận quyền của một hay nhiều người khác cao hơn quyền của chính mình, thậm chí còn đem sinh mạng ra để bảo vệ cho thứ quyền phi lý đó!!! Những cuộc khởi nghĩa, đấu tranh tuy diễn ra với sự tham gia và ủng hộ rộng rãi của quần chúng bị áp bức, thực ra là chỉ để tranh giành quyền lực cho một người, hay một nhóm người. Hoặc nếu xa hơn là để giải thoát khỏi sự áp bức cùng cực. Chưa hề có cuộc đấu tranh thực sự cho nhân quyền một cách rộng rãi, mà kết quả là đem lại quyền sống và bình đẳng cho tất cả mọi người. Cuộc khởi nghĩa của nông dân thời Hậu Hán, cuộc khởi nghĩa của anh hùng áo vải Lê Lợi, Nguyễn Huệ cũng chẳng mang khái niệm nhân quyền nào. Khi Nhân Quyền Được Tái Xác Nhận Khi những người tị nạn từ các nước Âu Châu đặt chân lên mảnh đất Hoa Kỳ ngày nay, họ đã mang theo hạt giống của tự do và dân chủ. Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ đã được khai sinh trên căn bản của quyền con người. Trong đoạn mở đầu bản Tuyên Ngôn Độc Lập (1776) có câu: "That all men are created equal, that they are endowed by their Creator with certain unalienable rights; that among these are Life, Liberty, and the pursuit of Happiness." (Tất cả mọi người sinh ra bình đẳng, được Thượng đế ban cho những quyền bất khả di nhượng, trong đó có quyền Sống, Tự do, và quyền theo đuổi hạnh phúc.) Cách mạng Dân chủ Pháp đã dựa trên tinh thần bản Tuyên Ngôn Độc Lập này để soạn ra Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền, trong đó nhấn mạnh quyền Tư Hữu, quyền Cá Nhân; và chính quyền Dân Chủ.

Quyền Tư Hữu mở đầu cho chế độ Tư bản, thị trường tự do. Quyền Cá Nhân có các quyền tự do căn bản, tự do tín ngưỡng, bình đẳng trước pháp luật. Quyền Dân chủ, quan trọng nhất, là quyền lựa chọn thể chế và tiến hành cách mạng để giải thể chế độ độc tài. 114 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Qua bao thăng trầm tiếp theo đó, mà máu đã đổ ra nhuộm đỏ nhiều địa danh giữa một bên là ngoan cố bảo vệ đặc quyền thống trị của giai cấp, một bên là cương quyết giành lại quyền con người, cuối cùng hàng loạt chính quyền dân chủ ra đời tại Âu Châu. Nhân Quyền đã thắng, được trả lại về tay người dân. Tại Hoa Kỳ, nhân quyền và tự do dân chủ chỉ dành cho người da trắng và những giới mày râu. Phụ nữ phải tiếp tục đấu tranh, người da đen phải tiếp tục đấu tranh. Nhân quyền bình đẳng trên lý thuyết, chỉ mới được cải thiện vào thời Tổng thống Kennedy khi người sinh viên da đen đầu tiên bước chân qua ngưỡng cửa trường Đại học, và người da đen không bị phân biệt đối xử tại các nơi công cộng. Mãi đến năm 1948, khi Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đưa ra bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Về Nhân Quyền, nhân loại mới thức tỉnh ý thức về quyền sống của mình mà từ lâu họ tưởng như là một thứ ân huệ được ban phát hạn chế bởi các nhà cầm quyền. Việt Nam: Còn Nhiều Vi Phạm Nhân Quyền Nghiêm Trọng Tuy nhiên, tại các nước Á, Phi, Mỹ Latin, ánh sáng nhân quyền chưa thấy rọi đến. Đa số các nước này còn chìm đắm trong màn đêm của chế độ nô lệ thuộc địa. Những tên thực dân phương Tây coi người bản xứ còn tàn tệ hơn súc vật. Tầm biển “Cấm Chó và người Trung Hoa” được thấy tại các công viên trên lãnh thổ Trung Hoa bị người Tây Phương chiếm đóng. Người Việt Nam, đau thương hơn, trải qua các trào Phong Kiến, Thực dân, lại đến Cộng Sản. Người Việt ta hầu như mất hẳn ý thức về nhân quyền. Câu ca dao: Con Vua thì lại làm vua, Con sãi ở chùa thì quét lá đa. Nói lên sự chấp thuận một thân phận của mình mà không hề than van, thắc mắc. Xã hội Việt Nam đã tạo ra một tâm lý phó thác và vô can trước sự đàn áp của bạo quyền. Một phần cũng do guồng máy cai trị quá khắc nghiệt với các hệ thống đàn áp tinh vi và tàn bạo làm con người phải chùn bước đấu tranh. Từ năm 1954 đến khi Cộng sản chiếm đoạt miền Nam, người dân miền Bắc không hề biết nhân quyền là gì. Họ không hề được nghe, được thấy điều gì của thế giới bên ngoài cái xã hội đóng kín của Cộng Sản. Họ không biết đến sự so sánh để thấy nỗi đau khổ của mình to lớn dường bao. Họ cam phận cho cuộc sống ràng buộc của một nô lệ mà không mơ điều tốt đẹp hơn. Người miền Nam ngược lại, do đã sống 21 năm tập tành dân chủ tự do, mới nhận chân cái thứ quý sứ Chủ Nghĩa Xã Hội là tòi tệ đến tận cùng trong các chế độ từng diễn ra trong lịch sử loài người. Nhiều người đã than tiếc trả giá quá đắt cho một hòa bình sau 21 năm chiến tranh máu lửa. Đó là cái giá mất nhân quyền. Nhưng làm sao bây giờ, khi một dân tộc đã quá kiệt quệ sau hơn một trăm năm chiến tranh. Tâm lý an phận vẫn thắng thế. Dù bị Cộng sản đối xử như kẻ thù, như tội đồ, thậm chí như súc vật, người Việt trong nước cũng khó lòng quật khởi khi miếng ăn lại là nhu cầu khẩn bách nhất. Thành phần ưu tú để lãnh đạo đấu tranh thì một phần lớn đã ra nước ngoài, một phần nhỏ thì vừa chớm lên đã bị cho vào tù. Cái hệ thống tư pháp vô luật lệ và chế độ khắc nghiệt của nhà Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về tù đã thành công phần nào trong việc đàn áp các phong trào đấu tranh. Dân chúng chỉ còn nhìn ra hải ngoại, nghe ngóng từng tin tức để nuôi một hy vọng. Ai Đấu Tranh, Đấu Tranh Như Thế Nào? Buồn thay, tôi phải lập lại câu nói của Cộng Sản: “Nơi đâu có áp bức, nơi đó có đấu tranh” Đúng thế, chính bản thân người bị áp bức phải phát khởi sự đấu tranh. Dù thành tâm đến đâu, người ta không thể đấu tranh dùm mà đem lại hiệu quả mong muốn được. Nhân Quyền không phải là thứ ân sủng để xin xỏ, đó là quyền tối thượng phải dành lại bằng đấu tranh, có khi bằng máu xương. Chúng tôi phải ca ngợi những sự dấn thân của nhiều nhân vật Việt Nam hải ngoại đã không ngừng cổ vũ phong trào đấu tranh cho dân tộc. Bản thân họ không cần gì phải đấu tranh, vì cuộc sống tại nước ngoài đã cho họ đủ điều kiện

an vui, hạnh phúc. Họ đã bỏ thì giờ, tiền của, an vui hạnh phúc riêng để đi vận động Nhân Quyền cho Việt Nam chỉ vì tấm lòng yêu thương đối với đồng bào bất hạnh của mình. Dù ai có phê bình họ mang ít nhiều tham vọng, thì tôi vẫn ngưỡng mộ họ và sẵn sàng cùng tham gia. Nhưng họ không thể là nỗ lực chính. Chúng ta cũng không thể là thành phần xung kích trong cuộc chiến. Hãy dành trách nhiệm vinh quang này cho chính đồng bào ta tại nội địa. Ông Nguyễn Đan Quế đã làm đúng khi chấp nhận ở lại Việt Nam để tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh. Nói như thế không phải là cho rằng ông Nguyễn Chí Thiện, Đoàn Viết Hoạt là không đúng khi chấp nhận ra đi khỏi nước. Mỗi người, trong vị thế và điều kiện của mình sẽ có những đóng góp lớn lao cho sự nghiệp, miễn là họ biết tận dụng thứ vũ khí, phương tiện sẵn có của mình một cách có hiệu quả. Chính các ông là chứng nhân sống, hùng hồn về một chế độ bạo tàn Cộng Sản Ngày nay, Nhân Quyền là lợi khí sắc bén và nhạy cảm nhất để triệt hạ chế độ Cộng Sản. Đã là Cộng Sản, thì chắc chắn là đối lập với Nhân Quyền và Dân Quyền. Những kẻ tiếm đoạt quyền bính bằng vũ lực, khủng bố và thủ đoạn; thì hẳn chẳng bao giờ chấp nhận nhượng bộ cho ai một chút nhân và dân quyền. Vì làm thế thì có nghĩa là tự chặt chân chiếc ghế thống trị của mình. Đối với các dân tộc văn minh, thì chỉ một chút hình ảnh đàn áp nhân quyền cũng đủ làm cho họ xúc động mãnh liệt. Trong cái xã hội mà con chó, con mèo còn có bác sĩ riêng, bệnh viện riêng, thì họ khó thể hình dung được hình ảnh con người bị chết vì không có miếng ăn hay bị ngược đãi như tại Việt Nam. Chúng ta thức tỉnh lương tâm họ, và làm cho họ thấy đồng tiền thuế của họ không thể dùng để giúp đỡ cho chính quyền vi phạm nhân quyền. Cộng sản Việt Nam sống lây lất cho đến ngày nay là do sự giúp đỡ của các nước. Nào cho vay không lãi, nào đầu tư, nào viện trợ nhân đạo... Chúng cũng sống nhờ vào đồng tiền chúng ta gửi về cho thân nhân. Nếu các nhà kinh doanh tư bản đặt vấn đề lợi nhuận cao hơn lòng nhân đạo và ý thức chính trị, chúng ta hãy cho họ thấy rằng doanh thu của họ nhắm vào hai triệu người Việt ở hải ngoại cao gấp chục lần doanh thu mà họ 116 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về mong muốn từ 70 triệu dân nghèo tại Việt Nam. Hãy tạm ngưng gửi tiền về cho thân nhân trong một năm. Chúng ta sẽ thấy ngay cái hiệu quả của việc này trên nền kinh tế què quặt của Cộng sản. Cho thân nhân 100, 500 dollars chỉ giải quyết cái nhu cầu trước mắt mà không thể thoả mãn ước vọng lâu dài. Hãy chứng minh cho các vị dân cử thấy rằng lá phiếu của chúng góp phần quyết định vào sự thắng bại của họ trong việc tranh cử. Hãy làm cho các nhà hoạt động xã hội, chính trị thấy rằng đứng về phía đồng bào bị áp bức là điều chính đáng. Chúng ta đã có sự yểm trợ của Quốc Hội Hoa Kỳ, của Liên Hiệp Quốc trong vấn đề Nhân Quyền. Ngoài ra, chúng ta đang thấy sự tham gia càng ngày càng tích cực của giới trẻ trong các hoạt động đấu tranh, công tác cộng đồng. Họ không có hận thù sâu sắc, mất mát lớn lao với Cộng Sản, nhưng họ đã đến với đấu tranh qua con đường Nhân Quyền là một phạm trù nhạy bén và dễ gây xúc cảm nhất. Hãy trao ngọn lửa đấu tranh Nhân Quyền cho họ và tin tưởng vào khả năng cũng như nhiệt tâm của họ. Cộng Sản sợ giới thanh niên hơn sợ chúng ta. Người Việt tị nạn có mặt khắp nơi trên toàn thế giới thừa sức là một lực lượng hỗ trợ tích cực cho công cuộc đấu tranh giải phóng đồng bào. Chuyển đi Washington vừa qua tuy có nhiều điều chưa đáp ứng lòng mong muốn, nhưng ít ra là một bài học lớn về một phương thức đấu tranh mới, có hiệu quả hơn và rộng khắp hơn. Một vài ngày sau đó, Việt Cộng đã thả ông Nguyễn Thanh Giang, là người có tên trong danh sách phái đoàn Austin chuyển đạt đến Quốc hội Hoa Kỳ qua dân biểu Lloyd Doggett của Tiểu bang Texas. Dù đó là hiệu quả tức khắc hay chỉ là sự ngẫu nhiên trùng hợp, chúng ta cũng hân hoan thấy rằng phương thức của chúng ta hợp thời hơn là việc cứ quanh quẩn tại địa phương, trong cộng đồng, hô hào la hét mà không làm cho Cộng Sản máy may e ngại. (Tháng 5 - 2000) Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Người Mỹ Gốc Việt và Sinh

Hoạt Chính Trị Địa Phương Trong phần mở đầu của bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Hoa Kỳ, có đoạn: “Mọi người sinh ra bình đẳng, được đấng Tạo hoá ban cho những quyền bất khả nhượng, trong đó có quyền Sống, quyền Tự Do, và quyền Mưu Cầu Hạnh Phúc.” Điều đó xác nhận những quyền căn bản của con người vốn gắn bó ngay từ khi con người sinh ra, góp mặt với đời. Nhưng thực tế nó không đơn giản và dễ dàng tự nhiên có được. Kể từ khi nền Cộng hòa La mã, Hy Lạp nhường chỗ cho các đế quyền, những quyền con người này bị giới thống trị tước đoạt trong hàng ngàn năm và chỉ được dần dần tái xác nhận sau các cuộc cách mạng Anh do Oliver Cromwell lãnh đạo (thế kỷ 17), cách mạng Pháp năm 1789, đưa đến bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Để có được một bản Tuyên ngôn như thế, hàng vạn người bao thế hệ đã phải hy sinh mạng sống của mình, bao nhiêu chiếc đầu đã rơi trên pháp trường, bao nhiêu vạn con người khác phải chịu đày đọa trong các trại tù từ Âu sang Mỹ. Ngay cả sau khi Bản Tuyên ngôn Độc lập ra đời, không phải mọi người sống trên mảnh đất Hoa kỳ đều được hưởng đầy đủ quyền tự do. Dân chủ, tự do chỉ 118 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về áp dụng cho người da trắng; còn dân da đen, da đỏ vẫn cam kiếp sống nô lệ, bị chèn ép, tước đoạt từ của cải, đất đai và ngay mạng sống. Phải đến sau cuộc nội chiến (1814- 1861), nô lệ da đen mới được giải phóng và chỉ mới thực tế được hoàn toàn bình đẳng trong khoảng ba mươi năm nay thôi. Dĩ nhiên không phải giới cầm quyền tự ý trao trả cho dân quyền Tự do Dân chủ; dĩ nhiên không phải người da trắng thương mến người da đen mà cho họ bình đẳng. Khởi đi từ những nhà lý luận thời xa xưa như như Platon, Aristote, cho đến Montesquieu, Jean Jacques Rousseau, Benjamin Franklin..., những nhà hoạt động, đấu tranh như Cromwell, Danton, Saint Just, Martin Luther King..., những phong trào với hàng vạn hàng trăm ngàn người cùng nhất tề đứng dậy. Khi bùng mãnh như ngọn cuồng phong, khi ôn hòa như cơn gió thoảng; nhưng đã biểu lộ một quyết tâm “Sống tự do hay là chết” để văn hồi những quyền cơ bản của mình. Vậy, Tự do dân chủ không tự có được, cũng không do xin xỏ, van nài mà có được. Nó phải do một quá trình đấu tranh lâu dài, bền bỉ, thấm nhiều xương máu, hao tổn nhiều tài lực, hy sinh. Dĩ nhiên con người phải luôn luôn duy trì đấu tranh để bảo vệ nó, làm cho nó thăng hoa, đáp ứng mưu cầu vì hạnh phúc của bản thân, gia đình và của tất cả mọi người trong thế hệ này hay cho các thế hệ mai sau. Dân tộc Việt Nam đã đấu tranh trong hàng ngàn năm để dành độc lập chủ quyền cho đất nước. Quá trình dân chủ hoá chỉ mới được bắt đầu từ khi thiết lập chế độ Cộng hòa năm 1956 với bản hiến pháp theo khuôn mẫu Tây phương ấn định tam quyền phân lập và ghi rõ đầy đủ quyền tự do dân chủ của công dân. Dân miền Nam mới tập tễnh đi vào nếp sống dân chủ và dĩ nhiên có nhiều điều trắc trở. Trước hết là do sự giáo dục chính trị chưa rộng khắp, ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ chưa được phát huy, sự hiểu biết và áp dụng tự do có khi còn hạn chế hay sai lạc đi đến quá trớn. Kế đó là nguyên do của một chính quyền mới tiếp thu từ chế độ quân chủ, thuộc địa còn mang nặng tư tưởng phong kiến. Giới lãnh đạo còn xem dân như là giới bị trị, nên nạn lộng hành và xâm phạm tự do đã trở nên nghiêm trọng dẫn đến biến cố 1-11-1963, thiết lập nền đệ nhị Cộng hòa do nhóm tướng lãnh vô tài nắm vai trò lãnh đạo đất nước. Từ đó, nền chính trị Việt Nam trở nên rối ren hơn bao giờ hết. Người dân hưởng một chế độ dân chủ tự do, nhưng không tròn nghĩa của nó, mà là thứ tự do vô trật tự, Dân chủ bị lạm dụng từ nhiều phía. Bên cạnh, sự đe dọa của xâm lăng Cộng sản làm cho dân chủ tự do bị hạn chế trên nhiều mặt. Điều này ta không trách cứ chính quyền được, vì cần bảo vệ an ninh trật tự trước sự xâm nhập phá hoại, khủng bố của Cộng quân. Khi Cộng sản chiếm miền Nam, người dân Nam mới thấy hối tiếc những ngày tháng tự do dân chủ trước kia, thì đã muộn. Tuy nhiên, trong thất bại mà lại thấy nhiều điều lợi về chính trị; đó là sự mở mắt cho đồng bào, cán bộ miền Nam thấy được sự khác biệt giữa chế độ Cộng hòa miền Nam và chế độ Cộng

sản miền Bắc. Hệ quả của sự khai hoá chính trị này là Cộng sản đã không thành công trong việc áp đặt các biện pháp thô bạo nhằm kềm kẹp dân chúng theo khuôn khổ mà chúng đã thành công ở miền Bắc từ 1954. Hệ quả cũng là những tầng lớp cán bộ trước đây vì lòng yêu nước mà lầm lỡ theo Cộng sản đã thức tỉnh thấy mình bị lừa dối cho một bọn người vô lương bịp bợm. Những Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Nguyễn Hộ, Hà Sĩ Phu, Dương Thu Hương viết lên những bản án sâu sắc về tội ác mà Cộng sản đã gieo rắc trên quê hương, đồng bào trong hơn nửa thế kỷ qua (tuy những người này vẫn chưa nhìn nhận cái sai trái của chủ nghĩa Cộng Sản). Phong trào đấu tranh trong nước lên cao mạnh mẽ xuất phát từ nhiều tầng lớp dân chúng, tôn giáo. Hàng ngàn trại tù khắc nghiệt không làm chùn bước chân những chiến sĩ đấu tranh cho tự do dân chủ. Nền tự do dân chủ Việt Nam đã phải mua bằng quá nhiều máu xương của nhiều thế hệ mà cho đến nay vẫn chưa thành công. Đó không phải là vì nhân dân thiếu tinh thần, thiếu quyết liệt hay vì chế độ Cộng sản hay ho mà bảo toàn được chuyên chính của chúng. Để chống lại một lực lượng quân sự, công an hàng triệu tên võ trang đến tận răng, dựa trên một chính sách cực kỳ tàn bạo, nhân dân ta cần có nhiều hỗ trợ bên ngoài. Đó là lực lượng những người quốc gia đã may mắn đến bến bờ tự do và thành đạt. Buồn thay, người quốc gia hải ngoại, dù có nhiều đoàn thể đảng phái chân chính hết lòng vì lý tưởng chung, thì cũng không thiếu bọn đầu cơ, trục lợi, bọn đón gió trở cờ và lũ người vô luân chuyên phá hoại bôi bẩn lẫn nhau. Vô tình hoặc cố ý, những hành vi này làm cho sự yểm trợ của đồng bào vào công việc chung lơi dần, lòng tin bị mai một. Và tâm trạng chán chường đã đưa đến việc đại đa số người đứng tách ra bên lề, làm kẻ ngoại cuộc đối với khổ đau của đồng bào; làm ngơ trước những khát vọng tự do của ngay chính bạn bè, thân nhân mình nơi quê hương xa xôi kia. Cũng chính vì hậu quả của những năm sống trong chế độ hỗn loạn miền Nam, khi mà công việc điều hành quốc gia bị coi là việc của người cầm quyền; hoặc trong những năm dưới chế độ Cộng sản, người dân bị tước đoạt hết tất cả dân quyền, ngay cả nhân quyền, người Việt tha hương khi đến Hoa Kỳ định cư cũng đã đứng bên ngoài mọi sinh hoạt chính trị địa phương. Họ tận hưởng những tự do dân chủ vốn sẵn có mà không hề thắc mắc về công lao ai đã đấu tranh cho được như ngày hôm nay, hoặc thắc mắc làm sao để có thể bảo vệ nó, hoặc phát triển thêm dân chủ tự do cho sắc dân mình trong xã hội đa chủng này. Người Việt chỉ mới bắt đầu những hoạt động dịch vụ nhỏ như mở tiệm ăn, siêu thị, sửa chữa xe cộ ... Họ chưa đụng chạm đến những vấn đề cạnh tranh lớn cần có sự hỗ trợ của pháp luật và những nhà hành pháp, lập pháp. Vì thế nên ý thức tham gia để có tiếng nói của cộng đồng Việt Nam trong nghị trường chưa được phát triển. Người Việt tại nhiều thành phố đã tạo nên một tỷ lệ khá cao so với các dân khác, chỉ đứng sau người da đen và Mexico. Nhưng cộng đồng lại không mạnh, thiếu tổ chức, thiếu hướng dẫn. Mà dù có chẳng nữa, thì cũng chỉ gói gọn trong phạm vi sinh hoạt riêng, chưa 120 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về bung ra trong sinh hoạt chung với các cộng đồng bạn, và nhất là chưa tham gia sinh động vào chính trị Hoa kỳ. Người Mỹ tham gia chính quyền qua sử dụng quyền cử tri, dùng lá phiếu để biểu lộ chính kiến, chọn người vào trong guồng máy công quyền. Vì họ có sức mạnh của lá phiếu, nên tiếng nói của họ luôn luôn được lắng nghe và tôn trọng bởi những người do họ bầu ra. Dân chủ cũng có luật chơi của nó. Đó là Cho và Lấy. Có sẵn sàng cho người ta lá phiếu, thì sau này mới mong lấy được những quyền lợi mà người đại biểu tranh đấu hết lòng cho mình nơi nghị trường. Trong mỗi mùa bầu cử, từ cơ quan nhỏ như thành phố, county cho đến cơ quan trung ương, người công dân Mỹ bỏ tiền ra hàng trăm triệu dollars để ủng hộ cho người tranh cử. Họ bỏ cả những ngày làm việc để đi cổ động, tham dự tại các cuộc nói chuyện, biểu dương... Họ sẵn sàng đi xa hàng ngàn miles để dự một cuộc tụ họp lớn nói lên tiếng nói của họ. Cứ lấy gương những người Cuba tị nạn thì thấy rõ do đâu mà trong hàng chục năm

qua, Hoa Kỳ vẫn còn giữ các biện pháp nghiêm ngặt đối với chế độ Cộng sản do Fidel Castro cầm đầu. Chúng ta không chối bỏ sự kiện là một nước Cuba cộng sản bên hông Hoa Kỳ là một cái gai nhọn, ảnh hưởng đến cả chính sách Mỹ tại châu Mỹ. Nhưng phải thấy sự đoàn kết chặt chẽ của người Cuba chống cộng và những nỗ lực của họ để duy trì sức mạnh làm hậu thuẫn cho các chính sách của Hoa Kỳ hướng về Cuba trong ba mươi lăm năm qua. Khi cần có chục triệu dollars để lobby chính quyền, dân Cuba quyên góp ngay trong thời gian rất ngắn. Khi cần có hàng ngàn người biểu tình, dân Cuba triệu tập ngay làm thành một làn sóng khổng lồ để cho giới cầm quyền Mỹ thấy rằng không thể bỏ qua nguyện vọng của họ là đấu tranh cho một Cuba tự do. Vừa qua, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua đạo luật cho phép người Cuba tị nạn kiện tụng quyền Castro để đòi lại toàn bộ tài sản mà họ đã bị Castro chiếm đoạt. Tại tiểu bang Florida, cử tri người Cuba đi bầu chiếm một tỷ lệ rất cao. Đó chính là trọng tâm của sức mạnh chính trị của họ. Trong những lần tiếp xúc với các nhà cầm quyền địa phương, chúng tôi đã được họ ngay thẳng cho biết người Việt Nam ít được họ quan tâm, vì họ không thấy sự đặc cử hay thất cử của họ có phần đóng góp của những lá phiếu Việt Nam. Không đi bầu phiếu, Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về nhưng khi cần đến thì gõ cửa kêu gào. Năm trước đây, trước khi Hoa Kỳ quyết định bãi bỏ cấm vận, rồi tiến đến bang giao với Cộng sản Việt Nam, nhiều đoàn thể, cộng đồng Việt Nam đã viết thư đến Quốc hội, Tổng thống Hoa Kỳ để áp lực cho việc duy trì cấm vận, nhưng vô hiệu quả. Trong khi Việt Cộng bỏ ra hàng trăm triệu dollars qua tay tên phản bội Nguyễn Văn Hào để mua chuộc bộ trưởng Thương mại Ron Brown thúc đẩy nhanh chóng việc bỏ cấm vận. Chúng ta chắc chắn có thể vận động được hàng triệu dollars nếu như ai cũng ý thức quyền lợi tối thượng của tổ quốc - Máu xương còn đóng góp được, phương chi là đồng tiền để kiếm ra- Dù chúng ta không đủ tài lực, thì chúng ta cũng có dư nhân lực. Trong bầu cử, nhiều khi một lá phiếu, một thôi nhé, cũng đủ làm nghiêng phần thắng bại của ứng cử viên. Đã đến lúc phải mạnh dạn tham gia vào công quyền qua việc ghi danh và đi bầu. Đã đến lúc người Mỹ gốc Việt phải là một lực lượng chính trị có tầm vóc tại địa phương. Đã đến lúc người Việt sẽ có những hoạt động kinh doanh, dịch vụ có tầm cỡ công ty, đại công ty và chắc chắn cần có sự bảo vệ của pháp luật Hoa Kỳ. Chúng ta không cần phải bày tỏ sự ủng hộ đối với đảng Cộng Hòa hay Dân Chủ, đó là quyền của mỗi cá nhân. Chúng ta chỉ cần bày tỏ mối quan tâm đến việc sử dụng quyền tự do dân chủ, và quan tâm đến việc bảo vệ cho những quyền đó. Chúng ta không thể cứ thừa hưởng công sức đấu tranh của người khác mà không đóng góp cho chính bản thân và thế hệ mai sau. Hãy bắt đầu tham gia đông đủ vào các cuộc bầu cử trong năm 1996, xây một nền móng cho sinh hoạt chính trị để sắp tới đây có thể cử đại diện người Việt vào công quyền bắt đầu từ địa phương mình. Có thể mới mong có ngày đóng góp thiết thực vào sự nghiệp đấu tranh cho nền dân chủ tự do của Việt Nam qua những chính sách đối ngoại cần thiết từ chính phủ và quốc hội Hoa Kỳ. 122 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Một Vấn Đề Nhỏ trong Văn Hoá: Xây Dựng Khuôn Mẫu Con Người Văn hoá là những gì còn lại sau khi đã mất. Văn hoá là kết tinh của quá trình sinh hoạt, lao động, xây dựng xuyên suốt chiều dài lịch sử; để sau từng thời kỳ, gạn lọc lại những gì tinh túy trong các sản phẩm trí tuệ, hòa đồng với văn hoá ngoại nhập tạo thành một bản sắc riêng biệt cho một dân tộc và truyền lại cho đời sau. Văn hoá đóng góp phần tích cực trong việc tạo thành tinh thần dân tộc, xây dựng tư duy và cách sống của con người. Vì thế nó cũng là tiêu chuẩn để đánh giá một dân tộc. Một dân tộc văn minh hơn chưa hẳn là có văn hoá cao hơn dân tộc khác; ngược lại dân tộc có văn hoá lại có thể còn chậm tiến về mức độ phát triển. Trong văn hoá, văn chương là một phần quan trọng nhất. Văn chương có hai lãnh vực: Văn chương bác học và văn chương bình dân. Văn chương bác học là các tác phẩm văn học, thi, ca có tính ước lệ và có giá trị tâm hồn. Văn chương bình dân là

những ca dao, truyền khẩu, truyện cổ tích, tục ngữ, di sản và phục vụ đời sống quần chúng, phản ảnh trực tiếp đến sinh hoạt, tâm lý nhân dân. Văn chương bình dân phát xuất từ trong dân gian nên còn được gọi là văn học dân gian. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Dân tộc Việt Nam ta, nếu tính từ khi bắt đầu được ghi chép qua sử ký (thời hữu sử) là lúc hai bà Trưng khởi nghĩa lập vương quyền (năm 43 trước Tây lịch), đến nay đã hơn hai ngàn năm. Nhưng tính luôn cả thời vô sử (huyền sử), thì ta luôn hãnh diện khoe mình có bốn ngàn năm văn hiến. So với nhân loại, thì chiều dài lịch sử của dân tộc ta cũng có hạng lắm. Nhưng dân tộc ta vẫn cứ triền miên chìm đắm trong đói nghèo, chậm tiến; hết bị đô hộ giặc Tàu, đến nô lệ giặc Tây. Hết phong kiến bóc lột lại bị cộng sản áp bức. Đến cuối thế kỷ 20 mà chưa vươn lên để sánh vai cùng các lân bang, nói chi đến các quốc gia cường thịnh khác. Mà dân ta nào có thua kém ai. Đi ra nước ngoài học hành thì đều nổi tiếng học giỏi, thông minh; trong lao động thì cần cù, nhẫn nại, lại khéo tay và nhiều sáng kiến. Đất nước ta thuộc miền khí hậu ôn hòa, giàu tài nguyên. Trên rừng nhiều cây quý, dưới biển lắm cá tôm, phong phú cả về khoáng sản. Thế thì vấn nạn then chốt là ở đâu? Trong bao khó nguy, dân ta từng biểu lộ tinh thần đoàn kết cao độ để thắng quân thù. Hội nghị Diên Hồng nơi toàn quân toàn dân một lòng đã ngăn chặn được làn sóng quân Mông Nguyên. Giữ vững giang sơn trước đe dọa thường trực của chính sách bành trướng Trung hoa trong hàng ngàn năm mà vẫn bảo tồn văn hoá đặc thù không phải dân tộc nào cũng làm được. Thế nhưng có vài điều chưa ổn trong tâm thức, trong tư duy mà gây nên trở ngại lớn cho sự đấu tranh vươn lên đến chân lý. Hình như chỉ trong hoàn cảnh thật nguy nan, dân ta mới thực sự đoàn kết, quên cái riêng mà lo cho đại sự; bỏ qua tị hiềm cá nhân, địa phương, tôn giáo mà nghĩ đến tổ quốc. Còn ngoài ra, khi có chút an sinh, những luồng tư tưởng cá nhân lại nảy mầm sinh ra tính tự kiêu, sinh ra tranh chấp nhỏ nhặt. Ngay tại hải ngoại, hai mươi năm qua sau ngày mất nước, phải vượt đại dương tìm đường lánh nạn, chịu cảnh ly hương đau lòng mà người Việt vẫn chưa thực sự đoàn kết đùm bọc nhau để cùng hướng về một mục tiêu quang phục quê hương. Các phong trào có nhóm lên, thì một phần có thực lực, có khả năng uy tín; phần khác thì tầm thường tạp nham chỉ mưu cầu tư lợi, danh vọng hảo huyền. Trong quần chúng thì nhiều người ủng hộ nhiệt tình, nhưng cũng không thiếu kẻ đứng bên lề, hoặc chệch lạc, phá hoại ngầm hay công khai. Có người mới tạo được uy tín, liền bị tìm cách bôi nhọ, chụp mũ. Có người mới thành công về thương trường, công danh, liền bị những bài tởm tấp phủ lên bao lời nhục mạ vu khống. Xét cho cùng, những điều không hay trên cũng là do ảnh hưởng của phần tiêu cực trong văn hoá. Bởi vì không phải văn hoá ta hoàn toàn hay đẹp đâu. Có rất nhiều điểm tiêu cực trong văn hoá dân gian mà phong kiến và thực dân cố tình nuôi sống và đề cao để ru ngủ, đồi trụy hoá nếp tư duy của dân chúng thay vì phát triển điểm tinh hoa. Trong phạm vi ngắn ngủi của bài viết, cũng như trong tình trạng thiếu tài liệu để tham khảo và minh chứng, tôi chỉ xin đưa ra vài dữ kiện trong lãnh vực văn chương bình dân để chúng ta cùng suy gẫm. Nếu chúng ta từng đọc truyện cổ tích Tây phương, Nhật bản... chúng ta thấy đa số truyện đều có chủ đề nêu lên tấm gương đấu tranh vươn lên chân, thiện, mỹ; ca ngợi tình nhân ái, lòng vị tha, những hy sinh vì nghĩa lớn. Truyện cổ Andersen của dân tộc Bắc Âu 124 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về gồm hàng chục câu chuyện có giá trị giáo dục nhân bản; truyện Nhị Thập Tứ Hiếu của Trung Hoa dạy lòng hiếu kính với các đấng sinh thành; truyện thần thoại Hercule của Hy Lạp dạy lòng dũng cảm, nghĩa khí.... Đó là những bài học tuyệt vời về nhân cách, đạo đức. Truyện cổ Việt Nam có thiếu chi những tấm gương anh hùng, hiếu đạo, cao vời nghĩa khí: truyện Trầu Cau ca ngợi tình anh em, vợ chồng keo sơn gắn bó; truyện Hòn Vọng Phu, về lòng chung thủy của người vợ; truyện Bánh chưng Bánh dày, về lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ. Nhưng bên cạnh lại có nhiều câu chuyện vô tình (hay cố ý) đề cao một loại

nhân cách tầm thường, bất xứng. So với truyện Cinderella, chúng ta có truyện Tấm Cám với nội dung tương tự, nhưng hậu truyện lại hoàn toàn khác. Cả hai nàng Cinderella và Tấm đều sống trong cảnh mồ côi, cơ cực vì bị mẹ ghê đày đoạ; cả hai cùng đều có cô em gái cùng cha khác mẹ đố kỵ, nham hiểm. Về sau, cả hai đều lấy chồng hoàng tử và cùng hạnh phúc vô biên. Truyện nàng Cinderella kết thúc ở đám cưới nàng con gái nghèo khổ xinh đẹp với chàng trai quý tộc. Nàng Tấm đi xa hơn, đến giai đoạn báo thù tàn độc với cô em gái và bà mẹ ghê. Nàng gạt người em cùng máu mủ nhảy vào chảo nước sôi và lấy thịt làm mắm gửi về gạt cho mẹ ghê ăn. Đó có thể nào là hành vi của một phụ nữ Việt Nam tầm thường nhu mì, đôn hậu? Huống chi đây lại là một cô gái trẻ đẹp, nhân vật trọng tâm của câu chuyện, có hoàn cảnh đáng thương ngay từ đầu truyện. Trước đó, khi nàng Tấm bị Cám lập mưu giết chết, biến thành con chim, thấy Cám phơi áo quần hoàng tử trên hàng rào, nàng đã bay đậu trên cây và nói: Phơi áo chồng tao thì phơi bằng sào, Chớ phơi hàng rào rách áo chồng tao Lối xứng hô mày tao này thật không xứng đáng tí nào với cửa miệng một thiếu nữ xinh đẹp đoan trang. Nếu cho rằng vì sống mồ côi thiếu tình mẹ, thiếu sự giáo dục căn bản đạo đức, và nàng phải nói năng hành xử phù hợp với nhân cách như vậy; thì rõ ràng Tấm chẳng thể nào có được một phẩm hạnh cao quý để xứng đáng được đền bù bằng hạnh phúc tuyệt vời như ở cuối truyện. Ngoài những truyện nêu cao gương phấn đấu, thành đạt bằng tài năng, trí tuệ và đạo đức, liệu ta có thể thừa nhận loại người như Trạng Lợn, Trạng Ếch, Thằng Cuội tiêu biểu cho thành phần hạ đẳng của xã hội, vô tài bất trí, ngoi lên bậc cao của xã hội chỉ nhờ con đường bịp bợm rẻ tiền, hay những cơ may, ngớ ngẩn đến thương hại, nhờ những hành vi do sự dốt nát mà được hiểu lầm thành có ý nghĩa cao siêu!!! Trạng Ếch trên đường đi sứ sang Tàu, thấy người đàn bà ngồi tiểu tiện, tức cảnh đọc lên: Hai tay dí bẹn đỏ hăng hăng. Khi được quan Tàu thử sức, ra câu đối: Nam bắc lai triều du tể tể. Anh ta nào có biết gì chữ nghĩa, thơ văn mà đối đáp, nên cứ đọc bừa câu trên, liền được quan Tàu nghe thành: Đông tây chí biện đồ hân hân. Rõ ràng là đối rất chỉnh, vua Tàu nghe được, khen tặng cho danh hiệu Lương quốc Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Trạng nguyên. Trạng Quỳnh, Ba Giai Tú Xuất là gì nếu không phải loại người chuyên lừa đảo, toan tính những chước lưu manh rẻ tiền. Nếu cho rằng đây chỉ là những chuyện để cười, mua vui chốc lát; thì cái vui trong những điều xấu xa cũng không đáng lưu hành. Có người biện minh cho rằng những truyện trên nói lên phản ứng của dân gian đối với giai cấp thống trị trong một giai đoạn không tốt của đất nước. Cũng tạm chấp nhận được, nhưng rõ ràng nó đã tiêm sâu vào trí óc con người những nọc độc phi luân, phi nhân bản. Con người dễ dàng học theo những điều xấu hơn những điều hay. Những phản ứng tiêu cực này không thể đóng góp để cấu thành ý thức cách mạng thay đổi cuộc đời và đưa chế độ đến tốt đẹp hơn. Trái lại, nó đưa đến tình trạng buông lơi, phó mặc, nói theo kiểu nôm na là cứ ngồi mà chửi cho sướng miệng, thế thôi, khó có thể có những hành động quyết liệt, hữu ích. Đây phải chăng là những vi trùng nằm sẵn trong tâm thức đồng bào ta, cho đến khi cái mọt ghê Cộng sản phát khởi, thì nó như cá gặp nước, kết hợp với nhau tác hại trên cơ thể gầy còm của một dân tộc vốn quá nhiều tai ách đau thương. Cứ nhìn tư cách bọn cán bộ Cộng sản, thì thấy rõ ràng chúng đủ tiêu biểu cho những Trạng Ếch, Trạng Lợn, thằng Cuội những tên cặn bã xã hội nhờ bịp bợm, dối lừa mà nên danh phận, ngồi xồm trên đầu chúng dân hàng chục năm qua. Chúng chỉ biết bòn rút mà không có kế sách làm cho đất nước mạnh giàu. Ai còn nhớ những ngày đầu chúng vừa từ Bắc vào Nam, miệng mồm huyên hoang, nói khoác một bước đến trời, nói mà không biết ngượng, không biết đối tượng đang nghe là ai. Thời kháng chiến, đồng bào ta đã có câu: “nói láo như Vẹm” (Vẹm là tiếng gọi tắt của hai chữ Việt Minh) Chúng đã cư xử như thế nào với người đã ngã ngựa, những người miền Nam không hề động chạm đến tài sản an nguy của chúng ở Bắc? Lừa gạt đẩy hàng

trăm ngàn anh em quân nhân, chiến sĩ ta vào hàng trăm trại tù khổ sai; nói mười lăm ngày, mà giam giữ triền miên hàng chục năm trời, dày dịa, sỉ nhục cho thoả mãn nỗi tự ti đê hèn của chúng. Như thế có khác gì nàng Tấm làm mắm em mình để gửi cho mẹ ghẻ ăn. Cộng sản thành công ở miền Bắc trong việc lôi cuốn một bộ phận nông dân theo chúng. Đó là những người thấp bé, chịu nhiều thiệt thòi trong xã hội phong kiến thực dân, thêm những người thiếu năng lực, chây lười, thiếu cơ may; tự nhiên nhờ theo Cộng sản trở nên những chủ tịch, bí thư, giám đốc mà uy quyền tưởng như tuyệt đối. Trong cái cách ruộng đất ở một xã nọ ngoài Bắc, chúng cho một tên chần trêu 15 tuổi ngồi ghế chánh án cái gọi là toà án nhân dân, biểu quyết xử tử hình hàng chục người dễ dàng như ta ăn một miếng bánh. Vừa thoả mãn khát vọng quyền lực, vừa đổi đời để có cuộc sống xa hoa, hoàn toàn không phù hợp với khả năng thực của chúng, bọn này ắt phải bám vào chế độ Cộng sản để tồn tại mà tiếp tục hưởng thụ. Chúng không bao giờ chấp nhận một sự thay đổi nào khác có thể trả chúng trở về địa vị cũ. Trong xã hội tự do, quan niệm chức vụ chỉ là một sự phân công tạm thời, khi nhà cầm quyền từ bỏ địa vị vì hết nhiệm kỳ, họ trở lại đời sống bình thường nhẹ nhàng, thơi thới, sẵn sàng làm bất cứ một công việc gì hợp khả năng, mà 126 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về không hề so bì rằng ngày trước ta đã làm chức này chức nọ. Thực ra thì họ vẫn tìm được một địa vị xứng đáng, vì họ có thực học, thực tài. Do đó, ít có chuyện tham quyền cố vị; và ngay cả khi có quyền, họ vẫn hành xử đúng mực trong chức năng mà cử tri giao phó. Kể từ 1930 khi đảng Cộng sản ra đời cho đến nay, chúng không ngừng nêu lên câu khẩu hiệu: “Xây dựng con người mới Xã hội chủ nghĩa”. Kết quả là sau 65 năm, chúng đã tạo ra trong xã hội những lớp người nghi kỵ nhau, lừa đảo nhau, khoác lác, bịp bợm, sẵn sàng đạp lên đầu nhau mà sống. Chúng ngớ ngẩn vì bị bưng bít trăm bề, chỉ nghe đọc một luận điệu cộng sản. Chúng hiểm độc, thô bạo làm băng hoại cả nhiều thế hệ. Cho đến khi nào dành lại chính quyền, người quốc gia chúng ta sẽ phải đối đầu với nan đề xã hội này; phải mất hàng chục năm để thay đổi tư duy con người cho phù hợp với yêu cầu của một xã hội tân tiến, nhân bản. Văn hoá là sản phẩm của con người; vì thế văn hoá cũng có thể được san định lại do con người. Gạn lọc những điều tiêu cực, duy trì và phát triển những điều hướng thượng, đầy tính nhân bản dựa trên những tín niệm: Trí, Nhân, Dũng, Thành. Một nền văn chương xứng đáng là nền văn chương cổ vũ cho tình tự dân tộc, tình thương yêu giữa những con người, biết tự trọng, tương kính, có tinh thần đấu tranh tự lực, công bằng, hy sinh, dựa trên trí tuệ, tài năng và sự chuyên cần. Không có phép màu nào đưa dân tộc đến quang vinh, cường thịnh ngoài chính nỗ lực của dân tộc đó. Chúng ta thà san định lại, có ít mà tinh túy hơn có nhiều mà tạp nhạp. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Văn Học Chiến Đấu Việt Nam Trong thư của nhà thơ Lê Mai Lĩnh đề nghị thành lập Hội Ái Hữu Những Người Cầm Bút trong Quân Lực VNCH, có nêu lên vấn đề tại sao Việt Nam ta không có những tác phẩm chiến tranh lớn có tầm cỡ dù rằng có đến hàng chục năm chinh chiến. Trước hết, xin ghi nhận thiện chí và nhiệt tình của bạn trong việc đề nghị thành lập Hội Ái Hữu Những Người Cầm Bút Trong QLVNCH. Không ngờ anh chàng thi sĩ Sương Biên Thùy ba mươi lăm năm trước đây mảnh mai, hiền lành chuyên làm thơ trữ tình và thơ tự do thời thượng mang tính hiện sinh rất Camus nay lại là Lê Mai Lĩnh với những 128 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về tập thơ rục rủa đấu tranh và một bầu máu nóng rất lính khiến tôi phải khâm phục. Việc lập một hội Ái Hữu NNCBTQLVNCH sau gần 25 năm định cư tại hải ngoại kể ra đã quá muộn, nhưng muộn còn hơn không. Vì cuộc chiến vẫn còn đó thôi; vẫn kẻ thù ngoan cố và hiểm độc, vẫn bọn thời cơ háms tiền háms danh đang quậy phá, vẫn những kẻ ngây thơ không bao giờ chịu hiểu thấu đáo bản chất kẻ thù, vẫn những đứá phản bội dưới nhiều hình thức làm cho chúng ta xốn mắt. Vậy thì tôi xin là một trong những người đồng ý đầu tiên, dù rằng ngày xưa, tôi chỉ là một cây cỏ non mọc ké trong rừng già cổ thụ của

các nhà văn, thơ quân đội. Có vài điều có lẽ cần góp ý với bạn, như đã nói sơ trong cuộc điếu đàm cuối tháng qua. 1.- Bạn thắc mắc rằng cuộc chiến Việt Nam tầm cỡ như thế mà chúng ta không có lấy một tác phẩm vĩ đại ngang mức Chiến Tranh Và Hòa Bình của Leo Tolstoi. Như bạn đã nêu lên trong một bài viết giới thiệu Hạ Sĩ Kinh Binh Phan Hội Yên, muốn viết lên một tác phẩm có giá trị, người viết không thể ngồi trong văn phòng tưởng tượng ra tình huống, mà phải thực sự sống trong biến cố đó. Chất liệu thực của nhà văn hay nói chung nhà làm văn học nghệ thuật không phải là những hình ảnh do người ta vẽ lại hay kể lại cho mình nghe mà đủ. Vì thế anh chàng Bảo Quốc khi đóng vai người sinh viên Võ Bị trông thô bỉ dếch chịu được (khả năng anh ta chỉ làm hề rẻ tiền là hết mức!). Phải đi, phải sống, phải rung cảm như chính nhân vật chính thì máu trong tim mới chịu nhỏ ra cho những giòng chữ sinh động, đánh thẳng vào tâm tư người đọc. Ernest Hemingway phải ba lô lặn lội chiến trường tây Ban Nha để cho ra đời A Farewell to Arms, Eric Maria Remarques dành giật từng giờ sống chết trong những ngày chiến tranh đẫm máu để viết lên A Time To Love and A Time to Die. Vậy, sống thực trong hoàn cảnh để có chất liệu và rung cảm cho tác phẩm là điều ắt có của một nhà văn. Nhưng chưa đủ, vì còn phải có thiên tài để đem những chất liệu thực trên vào trong từng câu, từng chương, sao cho nó hợp lý, dẫn dắt người đọc đi vào những biến cố với sự xúc động chân thành. Vậy chưa chắc một tác phẩm chiến tranh nặc mùi bom đạn, tử khí và các hành động dũng cảm đã hay hơn những tác phẩm chỉ nêu lên một khía cạnh tâm lý do ngòi bút tài hoa biết nhắm vào tận đáy của sự rung cảm người đọc. Trong Doctor Zhivago không có nhiều cảnh chém giết hay cảnh tra tấn tàn khốc trong trại tù cải tạo Nga, nhưng cái tâm trạng bất ổn, sự phân ly vô vọng, khắc khoải trong chiến tranh của những đôi lứa yêu đương đã làm cho tác phẩm trở nên vĩ đại và đã đem lại giải Nobel Văn Học cho Boris Pasternak. Nếu nói rằng vì cuộc chiến Việt Nam bi thảm, khốc liệt gấp trăm lần cuộc chiến khác mà chúng ta phải có những tác phẩm lớn thì hơi ép. Chúng ta có hàng triệu người cầm súng của cả hai phe, tập tành, rình bắn nhau một cách thiện xạ, sử dụng đủ loại súng từ gần 30 năm mà chúng ta có ai đi thi đem về giải vô địch bắn súng quốc tế nào đâu! Khả năng thể lực chúng ta thua kém thì rõ ràng có thể biện giải được, nhưng những khả năng tinh thần chúng ta cũng chẳng đứng lên so tài với thế giới trong nhiều lãnh vực không đòi hỏi vai u thịt bắp (như các lãnh vực hội họa, điện ảnh, kịch nghệ, âm nhạc...) Mà nào phải dân tộc chúng ta thiếu thiên tài! Thiên Thai, Bến Xuân của Văn Cao, Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Tình Hoài Hương của Phạm Đình Chương, Tình Ca của Phạm Duy so ra có thua gì Serenata, Les Feuilles Mortes, Green Leaves, Ave Maria ... của phương Tây. Giọng ca Thái Thanh khi hát bài Beau Danube Bleu hoặc những bài tiết tấu phức tạp thì chắc chắn không thua sút Edit Piaf, Juliette Greco. Ấy thế mà có ai trên thế giới biết đến đâu. Thời còn đi học, chúng ta được dạy các triết thuyết, văn hoá Ấn Độ, Trung Hoa, Hy La... coi đó là tinh hoa của nhân loại. Chúng ta vẫn ngồi nhai đi nhai lại các câu vớ vẩn trong các tác phẩm Rig Veda, Bravagad Gita của Ấn Độ, mà khi lớn lên, mới nghiệm ra rằng nó chẳng cao siêu, văn hoa hơn gì trường ca Đam San của người thiểu số Việt Nam. Nếu Văn Cao, Thái Thanh sinh ra ở một nước nào đó bên Âu Châu, chắc chắn tên tuổi họ đã được in trong bộ Bách khoa Từ điển về Danh nhân Thế giới. Chung qui cũng vì nước ta nghèo, nhỏ bé, khi bắt đầu được thế giới biết đến thì qua hình ảnh một dân tộc “nhược tiểu man rợ” đang nhận sự “khai hoá” của Thực dân Pháp. Sau đó, lại là hình ảnh một nước chậm tiến, ham giết chóc ở một góc xa nào đó thật xa so với thế giới văn minh. Tôi dám cá với bạn là ngay chính vào thời điểm ngày nay, trong nhận thức của nhiều người Mỹ -từng có 21 năm đồng minh với chúng ta- Việt Nam cũng như một nước man rợ nào đó như bên Phi Châu. Vậy ra vị trí, uy tín của một nước, một dân tộc đóng một vai trò quyết định trong việc hoàng dương nền văn hoá của nước đó trước cộng đồng thế giới hơn là

chân giá trị của các tác phẩm mà dân tộc đó tạo ra bằng trí tuệ và rung cảm. Đây là công việc của chính quyền và các cơ quan chức năng. Thương thay, suốt chiều dài cuộc chiến, nhà cầm quyền đã phải dốc lòng đương đầu giải quyết chiến tranh là ưu tiên số một. Ti như có thì giờ để chú ý tới ưu tiên văn hoá, thì tôi e rằng với trình độ hạn chế của các lãnh tụ miền Nam, trình độ bần nông của bọn Việt Cộng, chính quyền miền Nam hay ngụy quyền miền Bắc (mà nay là bọn lãnh đạo Cộng sản Việt Nam) chẳng thể có khả năng. Bên cạnh đó là chính sách bồi dưỡng nhân tài. Nhân tài Việt Nam có nhiều, nhưng thực tế tài năng thiên phú của họ chỉ loé lên như ngọn lửa rơm rồi tắt lịm đi dần. Lê Văn Tiết, Nguyễn Văn Inh, thủ môn Rạng, đội bóng đá vô địch giải độc lập Mã Lai Merdeka là các bằng chứng. Trong một xã hội coi trọng bằng cấp khoa bảng, giá trị xã hội không dành cho những nhân vật thuộc lãnh vực nghệ thuật thì làm sao có ai chịu bỏ sức đầu tư cho họ. Văn học tuy có khá hơn, nhưng giới cầm bút chạy cơm từng bữa chưa xong, lại lo vấn đề quân dịch bên nách, còn năng lực đâu mà sản sinh ra các đại tác phẩm. 2.- Đúng như bạn nói, chúng ta, những người lính không hề có mặc cảm kaki. Chúng ta hãnh diện đã cầm súng chiến đấu, vì đó là hình ảnh đẹp nhất của người thanh niên thời ly loạn. Văn của Phan Nhật Nam, Nguyễn Vũ thể hiện lòng tự hào người quân nhân chứ không hề chịu nhận tự ti mặc cảm trước xã hội. Nhưng tầm cỡ của Mùa Hè Đỏ Lửa chỉ dừng lại ở mức một phóng sự chân thật, sống động, mà chưa có chiều sâu của tâm hồn gửi gắm vào. Tôi vẫn còn nhớ Đêm Nghe Tiếng Đại Bác của Nhã Ca, nó hay và cảm động vô cùng dù Nhã Ca không phải là người lính. Tuy câu chuyện ngắn ngủi, nhưng nó mang tầm vóc của một thông điệp lớn kêu gọi chấm dứt cuộc chiến vô lý do phe Cộng phát động trên mảnh đất miền Nam thân yêu. Bài thơ Ta Về của Tô Thùy Yên đọc lên 130 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về nghe vừa xúc động, vừa kiêu hùng, đầy tình người và chí nguyện. Nhưng lại buồn thay, trong một xã hội mà thị hiếu của 95% dân chúng nhắm về những Bên Dòng Sông Trẹm của Dương Hà, Cậu Chó của Trần Đức Lai; Yêu, Sống... của Chu Tử, thì Nhã Ca, Mai Thảo, Viên Linh, Trần Dạ Từ làm sao có chỗ chen chân. Ông bạn Nguyễn Hưng Quốc thất vọng vì không thấy những nhà văn nổi tiếng, những nhà thơ tuyệt vời, bề thế qua Mỹ không làm được điều gì. Và bạn thì cho là vì nô lệ cơm áo. Tôi xin vừa đồng ý vừa không đồng ý với cả hai. Đúng là hàng chục ngàn cựu tù nhân cải tạo mà chưa có ai có tác phẩm nào đủ nói lên cho thế giới và đồng bào thấy hết sự tàn bạo phi nhân của chính sách cải tạo của Cộng Sản. Phía chúng tôi, xin thú nhận có nhiều hạn chế như phải lo bươn chải để thích nghi với cuộc sống mới, nhiều anh em chỉ còn tàn lực sau từ 15 đến 20 năm trong lao tù và ngược đãi ngoài xã hội khi còn ở Việt Nam. Cái chất thơ, văn nó đã nhường chỗ cho sự bon chen để đối phó với công an mà sống còn. Qua Mỹ thì tuổi về chiều, đúng là có nợ cơm áo. Nhưng bạn Lê Mai Lĩnh nói hơi quá về nô lệ áo cơm, xe nhà. Đúng ra vì người Việt Nam làm văn học tại Mỹ nó khác xa với người Mỹ làm văn học hay chính người Việt ngày xưa làm văn học trên quê hương mình. Nơi đây, có tác phẩm in ra, là do muốn có sự góp mặt, trình làng đũa con tinh thần, chứ hoàn toàn thất bại về tài chánh. Người Việt sống rải rác nhiều thành phố, phát hành một cuốn sách dù hay đến đâu cũng chỉ mong lấy lại vốn in qua các cuộc giới thiệu sách do thân hữu tổ chức giùm. Lê Mai Lĩnh đừng buồn, thơ các cậu hay các loại sách không phải là chuyện hấp dẫn ly kỳ, thì chỉ có cách đem ra tặng bạn bè mới mong tiêu thụ vài trăm cuốn. Vậy dù yêu văn nghệ đến đâu, thiện chí đến đâu, cũng chỉ để ra những tác phẩm vội vàng trong lúc vừa nuốt vội tô cơm, vừa chuẩn bị cho ca làm sắp tới. Tôi không biết bài thơ Ta Về của Tô Thùy Yên làm trong khoảng thời gian nào, ở Việt Nam hay tại Mỹ, nhưng rõ ràng nó mang hào khí của Tống Biệt Hành, đọc lên vừa cảm động vừa tự hào. Ôi thân phận của chúng ta nó gói trọn trong mấy chục câu thơ tuyệt vời đó. Có ai có khả năng Anh ngữ thật trác tuyệt để dịch ra cho người ngoại quốc đọc chưa? Nhưng nói cho cùng, cái

tâm lý xã hội, sự khác biệt văn hoá và thiếu hiểu biết về Việt Nam cũng sẽ làm cho người ngoại quốc (hay ngoại cuộc) chẳng thấy xúc cảm gì đâu. Bạn Lê Mai Linh, tôi mong ý nguyện của bạn sớm thành hình, nhưng những điều bạn vẽ ra về viễn ảnh kinh tế của hội Ái Hữu có vẻ xa vời quá. Bạn gần gũi các nhà làm báo, sẽ thấy việc báo chí ở đây chỉ là để có tiếng nói bảo vệ lập trường, chứ không thể coi như một hoạt động kinh tế. Chẳng thể mong hội AH nuôi sống hội viên và tác phẩm qua việc phát hành tờ báo định kỳ được đâu. Nhưng dù thế nào, chúng ta cũng phải làm. Vì ngoài cơm áo, chúng ta còn có lòng tự hào, danh dự của người chiến sĩ QLVNCH. Mà chỉ có những tác phẩm do chính chúng ta viết ra, dù tầm thường hay vĩ đại, sẽ làm sáng lên vai trò người lính Quốc gia trong 21 năm chiến đấu can trường và gian khổ. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về The truth must be respected Ref: Ngo Dinh Diem: Washington's Frankenstein Monster?" by ex-Col. Herbert Schandler. Vietnam Magazine, Vol. 19, Number 3, July 2006 Dear Editor, I am very surprised when reading the article :\"Ngo Dinh Diem: Washington's Frankenstein Monster?\" by ex-Col. Herbert Schandler. Very soon after the end of the Vietnam War in 1975, Vietnamese Communists themselves published hundreds of books and documentations in which they proudly confessed that they had initiated and commanded the war in Vietnam since its beginning. Such information helped us to understand the true nature of the war and what happened during the wartime are different to the information that had been distorted by the Communists and the American mass media. 132 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về ** Schandler wrote \"the Vietnamese concept of \"People's War\" had evolved over more than a millennium of invasion and occupation by foreign powers\" This is a big mistake. The People's war (Chinese language: 人民战争), also called protracted people's war, is a military-political strategy invented by Mao Zedong. The basic concept behind People's War is to maintain the support of the population and draw the enemy deep into the interior where the population will bleed them dry through a mix of 'Mobile Warfare' and Guerrilla warfare. The term is used by Maoists for their strategy of long-term armed revolutionary struggle. (http://en.wikipedia.org/wiki/People's_war) The Vietnamese inherit the Art of War by their hero Marshall Tran Hung Dao who three times defeated the \"invincible\" Mongolian army in 13th century to defend the independence of the Dai Viet Kingdom. In the Indochina War as well as in the Vietnam War, the strategy of people's war was used heavily by the Communists. ** Schandle said:\"[Diem] believed he ruled with the \"Mandate of Heaven...\" I am not defending his weakness in ruling the new born republic with some feudalist manners; but the concept Mandate of Heaven was totally rejected by the people since they unseated the emperor Bao Dai and chose Ngo Dinh Diem as the Chief of State. ** The author argues that Ho Chi Minh had no intend to invade South Vietnam but suggesting a \"pure political struggle\" to reunite the country. This is proved totally wrong. By the time the Geneva Accord was about to be implemented, Ho Chi Minh left thousands of cadres behind in South Vietnam as sleeping cells for later use. These Communist cadres hid and blended to the villagers at remote areas, married local women to build a strong bond awaiting for the order from Hanoi to rise up. The Communists during their terror campaign, killed about 4000 South Vietnamese civilians each year. Is this what Mr. Schandler called \"pure political struggle\"? ** Schandler blames Diem for \"refus(ing) to allow American combat forces into his nation.\" As a nationalist, Diem had done the right thing. The presence of the US troops would justify the enemy's cause \"Anti-American Aggression\". Thanked to this patriot act, Diem and his brother were murdered by their coward generals when his \"supporting allies\" (you must know who!) secretly switched the green light. Today, 31 years after the end of the

war, communist ex-colonel Bui Tin (Editor-in Chief of North Vietnam Army's Quan Doi Nhan Dan newspaper) praises Diem "was much better than Ho Chi Minh in terms of patriotism and virtues" (40 years after the coup d'etat to unseat Ngo Dinh Diem: The View From Hanoi; 2003 Conference on Vietnam, Lubbock Oct. 2003). A man like Diem doesn't deserve to be called "the maniac who sucked us into war." *Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về* ** Except for a very few of South Vietnamese dissidents who joined the Communist forces in the Hanoi-made National Liberation Front, the majority of those who opposed Diem regime were democratic-freedom loving people. After the 11/1/1963 incident, they came back to their normal life or joined the Armed Forces of the Republic of Vietnam to fight against the Communist invasion. Mr. Schandler's viewpoint on the NLF matches the deceitful argument of Hanoi during the war time in order to gain the support from the American public. I only point out a few. There are more things in the article to be discussed when I have more time. I suggest Mr. Schandler to spend more time to read recently published materials (even from Communist Vietnam) to fix his misunderstanding on Vietnam War and accept the truth that has been covered for the past half century. Yours, very sincerely Note: Words in italic are from Mr. Schandler's article. *Hãy Tôn Trọng Sự Thật Thư gửi tạp chí Vietnam, phản ứng về bài Ngô Đình Diệm, quái vật Frankenstein của Hoa Thịnh Đốn? do Cựu Đại tá Herbert Schandler viết, đăng trên tạp chí Vietnam, số 3, bộ 19, phát hành trong tháng 7, năm 2006. Thực là một sự ngỡ ngàng đến bàng hoàng khi tôi nhìn thấy một tấm ảnh nhỏ của Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm trên góc trái tạp chí Việt Nam ra tháng 7-2006, kèm một câu giới thiệu độc ác: Diem, The Maniac Who Sucked Us Into War. Bên trong, từ trang 32 đến trang 45 là hình ảnh và bài viết của cựu Đại tá Schandler nhan đề Ngô Đình Diệm: Washington's Frankenstein Monster? Trong suốt tám trang giấy, ông Schandler đã trình bày diễn biến dẫn đến chiến tranh Việt Nam một cách sai lạc, dựa hoàn toàn trên các tài liệu tuyên truyền của Cộng sản Hà Nội trong thời kỳ chiến tranh để đổ lỗi cho chính quyền miền Nam đứng đầu là cố Tổng thống Ngô Đình Diệm. Đây là một thiên lệch có ác ý khi ông Schandler chỉ trích dẫn những lời dối trá của Hồ Chí Minh và các viên chức Cộng sản Hà Nội mà không đếm xỉa đến những ý kiến của giới lãnh đạo và nhân dân miền Nam. 134 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Ngay cả từ sau khi chiếm đoạt miền Nam tháng 4 năm 1975, chính Cộng sản Hà Nội đã in ra hàng trăm tựa sách truyện, lịch sử... để thú nhận rằng họ đã chuẩn bị và điều khiển cuộc chiến tại miền Nam ngay từ sau khi Hiệp Định Geneve vừa ký kết và ở giai đoạn thi hành. Từ những chứng cứ đó và những dữ kiện lịch sử của miền Nam, mọi người đều thấy rõ bản chất thực của cuộc chiến tranh, và khám phá ra rằng thông tin trong suốt thời chiến tranh đã bị Cộng sản (cũng như bọn nhà báo phản chiến Mỹ) xuyên tạc, bóp méo, che đậy để đánh lừa dân chúng và dư luận quốc tế, cũng như lừa gạt công luận Hoa Kỳ. ** Schandler viết rằng: "Khái niệm Chiến tranh Nhân dân của người Việt đã có từ hơn một ngàn năm do các cuộc xâm lăng và chiếm đóng của ngoại nhân." Đây là một sai lầm do sự cầu thả, thiếu nghiên cứu sử liệu. Chiến Tranh Nhân Dân là một hình thái chiến tranh do lãnh tụ Cộng sản Trung Hoa Mao Trạch Đông đề xướng trong cuộc chiến kháng Nhật và cuộc chiến Quốc Cộng tại Trung Hoa. Căn bản của Chiến tranh Nhân dân là dựa vào khái niệm chiến tranh lưu động và du kích, dùng dân chúng làm điểm tựa để cô lập và tiêu hao tiềm lực kẻ thù trong một kế hoạch lâu dài của đấu tranh võ trang cách mạng. (http://en.wikipedia.org/wiki/People's_war) Người Việt Nam ta, trong quá trình lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, đã tự học được các hình thái chiến tranh mà vị anh hùng Trần Hưng Đạo - 3 lần đại thắng đoàn quân bách chiến Mông Cổ của Hốt Tất Liệt - đã cô đọng trong cuốn Binh Thư Yếu Lược. Hình thái Chiến Tranh Nhân Dân do Cộng sản Bắc Việt áp dụng trong hai cuộc chiến Đông Dương và Xâm lược Miền Nam. ***

Schandler viết: "[Diem] tin rằng ông cai trị dựa trên thuyết Thiên Mệnh (Mandate of Heaven)...". Điều này sai. Tôi không cố gắng bào chữa cho những sai lầm của cố TT Diệm khi điều hành quốc gia, còn có những phong thái còn sót lại của ảnh hưởng chế độ phong kiến mà ông từng làm quan Thượng Thư. Nhưng khi nhân dân miền Nam truất phế vua Bảo Đại để bầu ông Diệm làm tổng thống đầu tiên của nước Việt Nam Cộng Hòa, là đã khai trừ thuyết thiên mệnh ra khỏi nền chính trị quốc gia. ** Ông Schandler nói rằng Hồ Chí Minh không có mưu đồ thôn tính miền Nam, mà chỉ muốn có một diễn trình đấu tranh chính trị thuần túy để thống nhất đất nước. Thực tế lịch sử đã chứng minh luận điểm này là sai trái. Ngay khi Hiệp định Geneve vừa ký xong, thay vì rút hết quân của họ ra Bắc, Hồ đã để lại miền Nam hàng ngàn cán bộ nằm vùng, hòa nhập vào trong dân chúng những miền quê hẻo lánh, lấy vợ miền Nam, sinh con đẻ cái để tạo cơ sở để chờ lệnh của Hà Nội, mở màn chiến tranh du kích tại miền Nam. Trong suốt một thời gian trước khi nổ ra cuộc chiến Nam Bắc, bọn nằm vùng này đã thi hành một chiến dịch khủng bố mà mỗi năm sát hại khoảng 4000 thường dân vô tội. ây có phải là điều mà tác giả Schandler gọi là "pure political struggle"? Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về ** Schandler đã trích dẫn câu nói của một nhân vật Cộng sản Hà Nội Nguyen Khắc Vien: "Chúng tôi buộc phải từ bỏ sách lược đấu tranh chính trị, mà đã thất bại do những chiến thuật tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với dân chúng... Chúng tôi bị ép buộc phải cầm súng ở miền Nam vì Hoa Kỳ và ông Diệm đã ép buộc chúng tôi phải cầm súng. Chúng tôi muốn một giải pháp hòa bình, nhưng không thể thống nhất đất nước nếu không đấu tranh quân sự." Tác giả đồng thời trích câu nói của Hồ Chí Minh khi kêu gọi chính quyền miền Nam: "đặt quyền lợi tổ quốc trên quyền lợi địa phương." Có lẽ ông Schandler không học kỹ chủ thuyết đại đồng của Cộng sản. Kể từ khi chế độ CS được xây dựng tại Liên Xô, họ đã đề ra mục đích xuất cảng cách mạng bạo lực đến các nước nhằm xich hoá toàn cầu. Có ông Diệm hay không, có sự can thiệp của Mỹ hay không, thì miền Nam cũng là một mục tiêu xich hoá của của Cộng sản Hà Nội, tay sai của khối Cộng sản quốc tế, chứ chẳng phải vì "quyền lợi tổ quốc" như lời đường mật của Hồ Chí Minh. ** Schandler trách ông Diệm đã từ chối không cho Hoa Kỳ đổ quân chiến đấu vào miền Nam. Là một nhà ái quốc, ông Diệm đã làm đúng khi không nhận quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam. Vì làm thế, chẳng khác nào giúp cho Cộng sản có chính nghĩa khi họ trưng ra khẩu hiệu "Chống Mỹ Cứu Nước" Chính do hành động ái quốc này, ông Diệm và người em Ngô Đình Nhu đã bị đám tướng lãnh phản bội thăm sát theo lệnh của bạn đồng minh (chắc ông Schandler biết rõ ai rồi!) Ngày nay, 31 năm sau ngày cuộc chiến kết thúc, chính cựu Đại tá Cộng sản Bùi Tín (Từng là Tổng Biên tập báo Quân Đội Nhân Dân) đã ca ngợi tinh thần ái quốc và tác phong đạo đức của cụ Diệm hơn hẳn ông Hồ Chí Minh. Xin tìm đọc bài 40 năm đảo chính chế độ Ngô Đình Diệm - 1/11/1963: Cái nhìn từ Hà Nội (40 years after the coup d'etat to unseat Ngo Dinh Diem: The View From Hanoi; 2003 Conference on Vietnam, Lubbock Oct. 2003). Một lãnh tụ như ông Diệm không thể bị bôi nhọ bằng cách gọi "the maniac who sucked us into war." ** Rất ít người từng chống đối chính quyền ông Ngô Đình Diệm tham gia vào Mặt trận Giải phóng Miền Nam, là công cụ của Cộng sản Hà Nội. Đa số đã trở lại đời sống công dân bình thường hay tham gia vào hàng ngũ quân dân miền Nam chống Cộng. Những hiểu biết về Mặt trận Giải phóng trong bài của ông Schandler's tỏ ra trùng hợp với những luận điểm tuyên truyền mà Hà Nội đã sử dụng trong thời gian tiến hành chiến tranh để lừa bịp công luận Hoa Kỳ nhằm tranh thủ sự ủng hộ để chấm dứt chiến tranh theo chiều có lợi cho họ. Trong một giới hạn của bức thư, tôi chỉ nêu ra một vài điểm chính. Còn rất nhiều sai lầm trong bài của ông Schandler mà tôi sẽ đào sâu khi có thời gian. Tôi đề nghị ông Schander dành thêm thì giờ nghiên cứu các tài liệu ấn hành sau này, ngay cả những sách báo do Cộng sản

Việt Nam xuất bản sau 1975, để chấn chỉnh lại những hiểu biết sai lầm, lỗi thời của ông và chấp nhận những sự thật mà phía Cộng Sản 136 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về đã che đậy trong nửa thế kỷ qua. Mỗi Tuần Một Câu Chuyện Thế Hệ Thứ Hai HLC: Xin trân trọng giới thiệu đến quý thính giả Truyền Thanh Mạch Sống một tiết mục mới “Mỗi Tuần Một Câu Chuyện” do Hoàng Lan Chi và Đỗ Văn Phúc biên soạn và trình bày với sự tham gia của những khách mời thuộc các thế hệ, các thành phần trong Cộng đồng Người Việt Hải Ngoại. Mục “Mỗi Tuần Một Câu Chuyện” sẽ lần lượt bàn về những vấn đề chính trị xã hội liên quan thiết thực đến cuộc sống hàng ngày và cuộc đấu tranh của Người Việt Tị Nạn chống lại bạo quyền Cộng sản Việt Nam. Hôm nay, chúng tôi xin mời quý vị cùng nghe qua vấn đề “Giáo Dục chính trị cho Thanh Niên Thế Hệ Hai” với sự tham gia của thế hệ Hai tại Austin là cô Kiều Phạm, thuộc Hội Sinh Viên Việt Nam tại trường Đại Học Texas ở Austin. Trong ngày Tưởng Niệm 30 tháng 4 vừa qua tại Austin, Kiều vừa là MC, vừa có một bài phát biểu rất xúc động để chia sẻ với các cha chú những suy nghĩ của mình về ngày Quốc Hận 30-4. Vì thế, chúng tôi hân hạnh mời cháu Kiều tham gia buổi phát thanh đầu tiên này. ĐP: Chúng ta phải thẳng thắn và khách quan thừa nhận rằng giữa hai thế hệ 1 và 2 của người Việt hải ngoại đã có một khoảng cách khá lớn. Hai phạm trù lớn nhất là kinh nghiệm sống và cách nhìn trước các vấn đề chính trị. Thế hệ một đã sống hơn nửa đời mình trong một đất nước chiến tranh, chậm tiến. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Chúng tôi đã không có tuổi trẻ đúng nghĩa mà là những chuỗi ngày bom đạn, chạy loạn, tránh pháo. Đa số thanh niên đã theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc để cầm súng chiến đấu ngăn quân xâm lược Cộng Sản hàng chục năm dài. Rồi sau đó, là những năm lao tù, khổ sai, khủng bố, đói khát, bệnh tật. May mắn sống sót sau cuộc chiến và sau những năm tù, thế hệ chúng tôi đã học quá nhiều kinh nghiệm cay đắng. HLC: Kinh nghiệm sống đau thương này dường như thế hệ Một ít khi chia sẻ cho con cháu mình. Họ viết ra hàng ngàn trang sách, báo, nhưng lại ngại ngùng khi kể cho con cháu nghe. Mà đa số các cháu thì gần như không đọc sách báo Việt; nhất là các bài nặng về chính trị, thời sự. Có khi các cháu cũng muốn học hỏi nơi cha anh, nhưng e ngại vì thái độ của cha anh có khi khá gay gắt. Đó cũng là tâm lý dễ hiểu của những người chịu quá nhiều đau khổ, chất chứa bao uẩn ức; nên thường gay gắt mỗi khi các cháu lỡ lời trái với quan điểm của cha anh. ĐP: Đúng thế, Các cháu thích học nơi bạn bè nhiều hơn nơi cha anh mình, dù rằng các cháu luôn xem cha anh mình là mẫu mực để mình có thể noi theo. Janny và Kiều có đồng ý phần nào không? Kiều: Vì không sống trong lúc đất nước loạn ly, không chứng kiến sự kiện nào trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, nên thật sự chúng con không thể nói là hiểu được hoàn toàn tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ. Nhưng chúng con rất thông cảm hoàn cảnh cũng như nỗi lòng của những người đã trải qua sự mất mát, đau đớn trong những ngày rời xứ xa quê, và tiếc thương cho những người chưa tìm được đến bến bờ tự do thì đã phải dừng chân phơi thây nơi đất khách, ngậm ngùi mang theo giấc mơ chưa thành. Chúng con luôn biết ơn vì những mất mát mà thế hệ trước đã gánh lấy trong suốt bao năm qua cũng chỉ mong cho thế hệ sau một cuộc sống an lành, bình yên. HLC: Kinh nghiệm chính trị, thì dứt khoát phải trải qua mới có. Không thể nghe truyền đạt là đủ. Cũng ví như các cô gái thơ ngây, phải bị lỡ lầm một lần mới thấy kinh sợ suốt đời. Phương chi đối với Cộng Sản là loại người tàn nhẫn và thủ đoạn. Tôi xin đơn cử một ví dụ cho chính cá nhân tôi. Tôi đọc sách, nghe gia đình kể và tôi biết VC xảo quyệt nhưng chỉ khi sống với VC, tận mắt chứng kiến các hành vi của VC, tôi mới thấy thấm hơn. Trong các bài xã luận của ô DVP, gần như bài nào về Cộng Sản, ông cũng thường nhắc đến các tỉnh tù: Ranh ma xảo quyệt, trơ trẽn, đều cáng... Các cháu nhỏ có thể cho là chúng tôi hơi cực đoan nhưng các cháu hãy hiểu dùm chúng tôi rằng, những chữ ấy mô tả rất đúng bản chất của VC. Các đảng Cộng Sản từ Âu sang Á đã nhờ các

“đặc tính ma đầu” này mà đã không những lừa gạt được dân chúng, mà còn lừa gạt cả thế giới, cả những bậc thức giả, chính trị gia lừng danh. Trong chiến tranh Việt Nam, họ đã lừa gạt được dư luận Hoa Kỳ để cho mọi chính sách của Hoa Kỳ tại Việt Nam đều bó tay. Kết cuộc đã đưa đến sự thua thiệt của chế độ Cộng Hoà non trẻ, đầy triển vọng của miền Nam.

138 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Kiềm: Những kiến thức về quê hương và lịch sử mà phần đông chúng con được biết là qua những trang sách, hoặc được kể lại từ ông bà, cha mẹ. Trong số chúng con, có người đã về và cũng có người chưa bao giờ về thăm quê hương lần nào. Quê hương đối với chúng con tuy mơ hồ, nhưng lại rất lạ vì có cái gì đó như rất thân thương, gần gũi. Riêng con được may mắn, từ nhỏ được sống gần bác sĩ Trần Ngươn Phiêu và vợ là bà giáo sư Phạm Thị Vân, hai bác không những chỉ dạy kiến thức về văn hóa người Việt qua từng giai đoạn lịch sử mà còn chia sẻ những câu chuyện, kinh nghiệm, ý kiến của mình về chiến tranh Việt Nam một cách trung thực nên có rất nhiều sự kiện tuy không tận mắt chứng kiến nhưng ít nhiều gì con cũng có khái niệm ai đúng ai sai. Với tư cách là một người mang dòng máu Việt, mặc dù sống sống nơi quê người từ nhỏ, nhưng chúng con cũng như tất cả mọi người ở đây, không tránh được những nỗi âu lo về đất nước của mình bởi lẽ Việt Cộng vẫn tiếp tục phá hoại con người và xã hội Việt Nam. Từ chỗ bắt công mới dẫn đến sự nghèo khổ, rồi sinh ra những tệ nạn mà người dân Việt Nam đang phải gánh chịu dưới sự cai trị của Đảng CSVN hơn 30 năm qua. Họ luôn hô hào chiến đấu cho tổ quốc, cho giai cấp nghèo khổ, rằng Đảng chủ chương "dân giàu nước mạnh, độc lập, tự do, hạnh phúc". Vậy mà có biết bao nhiêu trẻ em lẫn người già yếu phải sống lang thang khắp phố, bữa đói bữa no. Ở một đất nước văn minh, dù là một con chó hoặc con mèo đi lạc ngoài đường, cũng được hội bảo vệ thú vật sót thương đem về chăm sóc tận tình. Trong khi ở quê hương mình thì hàng ngàn mảnh đời bất hạnh vẫn đang còn sống bơ vơ không một mái nhà che thân. Nhưng lại có bao nhiêu người thật sự chạnh lòng tiếc thương cho những cuộc đời bạc phước, cần sự giúp đỡ này? Ít nhất, không phải là những người cầm quyền của Đảng CSVN, vì nếu họ có thì đã không có chuyện tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng. ĐP: Vấn đề thứ hai mà chúng tôi muốn nói ra đây là sự khác biệt về cái nhìn (Perspective) của hai thế hệ. Đó là hậu quả tất yếu của cách sống, nền giáo dục mà hai thế hệ đã trải qua hoàn toàn khác nhau. Sự tồn tại của ảnh hưởng phong kiến Á đông trong nền văn hoá Việt Nam, đạo lý, và hàng chục năm học hành trong nền giáo dục Á đông đã tạo ra cho thế hệ một cách nhìn sâu sắc và sự phê phán nghiêm khắc. Đối với thế hệ Hai, cái nhìn độ lượng và thẳng thắn – ý tôi muốn nói, vật thể, sự kiện hiển hiện, diễn biến ra sao thì họ nhìn ra như thế, một cách chân phương mà ít quan tâm đến những lắt léo bên trong. Các em, các cháu muốn điều gì nói ra cũng phải được chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể; trong khi đương đầu với Việt Cộng, chúng ta dùng kinh nghiệm và trí phán đoán nhiều hơn. Vì Việt Cộng rất khéo che đậy các hành tung của họ. HLC: Thì cũng dĩ nhiên thôi. Nền văn minh dân chủ tây phương đã đào tạo ra những con người thẳng thắn hơn nền văn minh cổ truyền Đông Phương. Dù rằng trong chính trị Tây phương, không thiếu gì những thủ đoạn. Nhưng so với Á đông thì chẳng thấm vào đâu với những mưu kế ma mãnh. Cứ đọc các truyện Tàu thì thấy nó đầy rẫy trong các quan hệ từ giữa các quốc gia, cho đến trong thân tộc, họ hàng... Kiềm: Cháu cũng nghe các bác các chú kể chuyện Việt Cộng vi phạm lệnh ngưng Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về bắn để tránh công năm 1968, giết hại hàng ngàn đồng bào vô tội tại cố đô Huế. Hàng trăm ngàn quân nhân công chức miền Nam, trong đó có cha chúng cháu, cũng bị Cộng sản lừa bịp đưa vào trại tù hàng chục năm... ĐP: Chắc hẳn hai cháu đã được ba mẹ hướng dẫn tận tình, hay qua sinh hoạt cộng đồng nhiều năm mà hai cháu có những suy nghĩ đúng đắn như thế. Chú còn nhớ năm 2006, trong vụ hạ cờ Việt Cộng tại Đại Học Texas ở Arlington, đã có một cháu sinh viên Việt

Nam lớn lên tại Mỹ nói rất vô ý thức: “Red flag, Yellow Flag, it’s none of my business.” Không biết cháu sinh viên này có biết vì đâu, nhờ đâu mà ngày nay cháu ấy đang được sống trên đất tự do, hưởng đủ mọi hạnh phúc hơn hàng chục triệu thanh niên Việt Nam trong nước. Mỗi người Việt Nam tị nạn cần xác định lại căn cước tị nạn của mình HLC: Trong khi các em sinh viên Việt Nam du học tại trường Arlington thì rất thành thực về hoạt động chính trị: xâm nhập và khuynh đảo, thì con em người Việt tị nạn đã tỏ ra ngây thơ, nhẹ dạ. Sự việc hơn hai ngàn sinh viên con em người Việt tị nạn đã để cho chỉ có vài du sinh Việt Nam tham tưng Hội Sinh Viên Quốc tế (ISO). Các em gái đã khóc nức nở trả lời rằng phụ huynh đã ngăn cản các em tham gia vào những sinh hoạt tại trường. Có em nói: “Cha mẹ các cháu bảo rằng đi học thì lo học thôi.” Có em khác thì cho rằng nhiều sinh viên VN đã không coi chuyện một lá cờ hay hai lá cờ là quan trọng. Họ lý giải một cách ngây thơ “Chiến tranh VN là việc của cha mẹ, không liên quan gì đến chúng tôi.” Chúng tôi không hiểu cha mẹ các cháu nghĩ thế nào! Họ đã quên những kinh nghiệm máu xương từ cuộc chiến trước đây khi mà dân chúng miền Nam đã thờ ơ với những sinh hoạt chính trị, để cho bọn nằm vùng CS xâm nhập vào các tổ chức tôn giáo, sinh viên làm tên Trọng Thủy ngay trong hậu phương chúng ta đã dẫn đến nhanh chóng ngày 30 tháng tư uất hận. ĐP: Lẽ ra các cựu quân cán chính phải giáo dục con em mình một tinh thần quốc gia hay ít lắm là nhiệm vụ công dân để khuyến khích các em tham gia tích cực vào mọi sinh hoạt tại học đường. Mục tiêu chúng ta khi ra đi khỏi nước không phải chỉ vì lo cho con em một tương lai tươi sáng về vật chất, bằng cấp, địa vị, tài chánh. Chúng ta có một trọng trách cao quý hơn mà chúng ta đang muốn trao cho thế hệ hai: đó là góp phần xây dựng một đất nước Việt Nam tự do, dân chủ, thịnh vượng. Muốn thế, việc giáo dục các em là rất cần thiết và cấp bách để các em có đủ tầm vóc đương đầu với các du sinh Việt Nam, vốn được đào luyện rất kỹ từ các Đội Thiếu Nhi, Đoàn Thanh Niên CS già Hồ, công cụ của đảng CSVN. Kiêu: Không chỉ riêng thế hệ chúng con vì con tin rằng không ai trong một chúng ta hy vọng lịch sử sẽ tái diễn một lần nữa, bởi chiến tranh chỉ tàn phá quê hương, là nỗi đau thương của dân tộc. Chỉ mang đến những nỗi buồn, sự chia ly và đau đớn. Chúng con hy vọng mai này có thể giúp đỡ cho sinh viên có tài thật sự ra nước ngoài học hỏi nền văn minh, sự tân tiến của xã hội hiện thực hôm nay, mong họ sẽ mang những kiến thức 140 Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về thực dụng về Việt Nam thay đổi chế độ, để có Tự Do sự thật, chỉ có vậy thì mới mong có ngày người người ấm no, hạnh phúc. Mục đích của các phong trào đấu tranh, dù chống Cộng hay là gì đi chăng nữa thì cũng nhằm mục đích nhân bản, vì con người, vì dân chủ và nhân quyền. ĐP; Chúng tôi đồng ý rằng mọi sự giáo dục thế hệ Hai phải quân bình về hai phương diện: Chuyển đạt kinh nghiệm sống và đấu tranh, nhưng để cho các cháu suy nghĩ tự tìm lấy phương thế thực hành. Phải dân chủ và tôn trọng suy nghĩ độc lập của các cháu. Phải trung thực và cố gắng thuyết phục hơn là áp đặt. Lúc này sách vở trung thực đã tương đối nhiều. Ngay cả các sách báo bằng Anh Ngữ do người Việt Quốc Gia in ra cũng đã nhiều. Phải khuyến khích các cháu đọc những sách đó thay vì các sách vở do bọn phản chiến Mỹ và bọn Việt Cộng, Việt Gian truyền bá. HLC: Đã đến lúc mà thế hệ Một phải trao ngọn đuốc và vai trò đấu tranh cho một nước Việt Nam Dân chủ Tự do cho thế hệ Hai. Cộng đồng Người Việt tại Austin đã làm việc này một cách khéo léo từ gần hai chục năm nay. Các ban chấp hành Cộng Đồng Austin từ tuổi trung bình 45 đã chuyển qua lứa tuổi trung bình 30 trong nhiệm kỳ mới này (2008-2010). Ngoài việc đấu tranh cho bên quê nhà mà đã có sự giúp đỡ cố vấn của thế hệ 1, các em trẻ còn phải làm nhiều việc quan trọng để thăng tiến cho cộng đồng trong dòng chính của xã hội Hoa Kỳ. Kiêu: Việc mà tuổi trẻ chúng con mong nhất là cộng đồng người Việt của mình phải đoàn kết, tạo lòng tin và làm gương cho tuổi trẻ mai sau. Chúng con muốn kêu gọi các bạn trẻ nên tích cực

tham gia những sinh hoạt cộng đồng, hội đoàn để học hỏi thêm và đóng góp cho tương lai của người Việt hải ngoại và cho quê hương Việt Nam sau này. Hơn nữa, chúng con hy vọng các bạn trẻ đến tham dự những sinh hoạt cộng đồng hoặc các buổi tưởng niệm như hôm nay để có thể hiểu và nhìn thấu được nỗi đau của những người tha hương, và biết ơn những người đã hy sinh cho Tự Do, cho dân tộc Việt Nam. Để biết trân quý những gì mình đang có và sẽ có mà không biết bao nhiêu người cho dù suốt cả cuộc đời đi đấu tranh cũng không bao giờ tìm kiếm được! Cuối cùng, con xin tóm tắt một điều là dân tộc Việt Nam không phải là một dân tộc hiếu chiến, cho nên chúng ta phải thống nhất trong cùng một tiếng nói để chuyển đạt đến toàn thế giới rằng dân tộc Việt Nam là những con người đang mang khát vọng tự do và đấu tranh vì nhân quyền, đáng có một đời sống không còn sự sợ hãi, có công bình và bình đẳng. HLC: Chương trình đầu tiên, chúng tôi chỉ có ít thì giờ để trình bày khái quát. Hy vọng các chương trình sau, chúng ta sẽ có thêm nhiều ý kiến từ thính giả để đào sâu thêm ngõ hầu tìm ra những biện pháp hướng dẫn, giáo dục thế hệ Hai, Ba, sao cho có hiệu quả, trước sự xâm nhập hoạt động của Cộng Sản sau khi họ ban hành Nghị quyết 36 nhằm khống chế Cộng đồng Tị nạn Việt Nam. ĐP: Xin chân thành cảm ơn sự đóng góp của cháu Kiều Phạm. Chúc cháu nhiều Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về may mắn trong kỳ thi cuối học kỳ này. Hoàng Lan Chi, Đỗ Văn Phúc cũng xin cảm ơn quý thính giả đã theo dõi chương trình. Xin hẹn gặp lại tuần sau có sự tham gia của một em khác thế hệ 2. Kê Thù Giấu Mặt Khoảng Cách Nhận Thức Giữa Hai Thế Hệ Có những tình huống từng tái diễn trong lịch sử một cách một cách thú vị mà nếu chúng ta chịu khó nghiên cứu thì cũng giúp rút ra những bài học quý báu để tránh những sai lầm của người đi trước. Năm 1954, ngay sau khi Hiệp Định Geneve được ký kết chia nước Việt Nam ra làm hai miền với hai chế độ chính trị đối nghịch, Hồ Chí Minh và phe đảng ở miền Bắc đã âm thầm chuẩn bị nhân sự, cơ sở cho một cuộc chiến tranh mà chờ đến tháng 9 năm 1960 họ mới loan báo trong Đại Hội lần thứ ba của Đảng Lao Động Việt Nam (là Đảng Cộng Sản Đông Dương được đổi tên vào Đại Hội 2 năm 1951 để che đậy, đánh lừa công luận. Sau kỳ Đại Hội 4 năm 1976, lấy lại tên là Đảng Cộng Sản Việt Nam). Đúng 60 năm trước đây, người Mỹ đã đến Việt Nam trong vai trò đồng minh để viện trợ cho nước Việt Nam Cộng Hoà sơ sinh về tất cả mọi mặt, trong đó quân sự là trọng tâm nhằm xây dựng một Quân Đội Quốc Gia - thành lập năm 1950 từ những đơn vị mạnh mún do Pháp huấn luyện và trang bị một cách nghèo nàn, lạc hậu. Đại Tướng John O'Daniel cầm đầu cơ quan MAAG (Military Assistance and Advisory Group) và người kế nhiệm là Đại Tướng Samuel William cũng đã ngửi thấy mùi chiến tranh sẽ xảy ra không xa, nên đã cật lực tái trang bị và huấn luyện cho một đạo quân chính quy theo mô hình Quân Đội Hoa Kỳ. Họ muốn đó là một đạo quân với nhiều sư đoàn mạnh về hỏa lực và tiếp liệu để dùng trong chiến tranh quy ước. Trong khi đó, các giới chức cao cấp ở Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Việt Nam bất đồng phương thức này, vì biết trước rằng miền Nam sẽ phải đối phó với cuộc chiến mang hình thái một chiến tranh bạo loạn (insurgent war) hơn là cuộc tấn công chủ lực (conventional war). Phía Việt Nam chủ trương xây dựng một quân đội nhẹ, có tính cơ động, uyển chuyển để thay đổi theo từng tình huống. Chính cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã phản đối khẩu hướng của Hoa Kỳ khi ông nói với Tướng William vào đầu cuộc chiến năm 1955: "Chúng ta nên khởi sự chiến tranh du kích về phía chúng ta..." và sau này lại được Trung Tướng Ngô Quang Trưởng đồng tình: "Trong hoàn cảnh chiến tranh khuynh đảo, Quân Lực VNCH đã không thích ứng được với lối đánh mà chúng ta đã không được huấn luyện." Đảng Cộng Sản Việt Nam học hỏi từ cuộc chiến Trung Hoa và cuộc kháng chiến chống Pháp, đã triệt để áp dụng các sách lược về Chiến Tranh Nhân Dân (People's War) do Mao Trạch Đông đề ra. Thực chất đó là cuộc chiến tranh du kích, lấy nông thôn làm chỗ tựa để bao vây

thành thị; dùng những đơn vị nhỏ quấy rối làm tiêu hao sinh lực đối phương; dùng khủng bố để áp đảo tinh thần dân chúng. Khi cần thì bôn tập những lực lượng đông gấp 5, 10 lần để công đồn và đả viện. Họ đánh lén rồi đi, phân tán trong những căn cứ địa hoặc để lại cán bộ nằm vùng, ẩn náu 142 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về trong quần chúng. Muốn đổi đầu trong loại chiến tranh này, miền Nam cần chú trọng vào việc ổn định ở nông thôn là chính; mà trong đó vai trò của các đơn vị quân nhỏ, lấy tài nguyên nhân lực ngay từ địa phương và cũng bám trụ tại địa phương. Ngoài ra phải song hành với các chương trình để cải thiện đời sống nông thôn để cho người dân có một chỗ dựa đáng tin cậy về an ninh và tin tưởng vào chính nghĩa quốc gia. Chương trình Ấp Chiến Lược đã thực sự có hiệu quả, nhưng sớm bị xoá bỏ khi Tổng Thống Diệm bị lật đổ và không được Hoa Kỳ quan tâm yểm trợ. Một quân đội chính quy như Quân Lực VNCH hùng mạnh, thành công về mặt chiến thuật, có thể chiến thắng, giết nhiều địch quân trong một trận chiến. Nhưng sau đó lại rút đi hành quân nơi khác để lại nông thôn cho du kích Cộng Sản quay trở lại thì rõ ràng bao nhiêu công lao, máu xương chiến sĩ đổ ra đã không đạt được mục tiêu bình định. Cần nhớ rằng trong giai đoạn đầu cuộc chiến Việt Nam, lực lượng diện địa (Bảo an, Dân Vệ) bị coi rẻ và rất yếu kém vừa về phương diện tổ chức, huấn luyện và trang bị. Đến khi sáp nhập vào Quân Lực VNCH để có được sự cải thiện thì đã quá muộn. Nước Mỹ, vừa chiến thắng Nhật Đức trong Đệ Nhị Thế Chiến, ngời lên hàng cường quốc vô địch, đã tự đứng ra lãnh đạo khối Thế Giới Tự Do. Dựa vào khả năng kinh tế tài chánh khổng lồ, Hoa Kỳ đã ban bố viện trợ cho hàng chục quốc gia từ Âu sang Á; do đó, không tránh khỏi tính tự phụ, tự mãn, coi thường ý kiến của các lãnh tụ đồng minh khi xem xét đến những vấn đề chính trị địa phương. Đó là sự cách biệt trong cách nhìn về cuộc chiến, mà hoá ra phía Việt Nam Cộng Hoà đã đúng; nhưng do thế yếu mà đã không xoay chuyển được nhận thức của người bạn Hoa Kỳ khổng lồ vừa là người bạn ơn. Hậu quả của lối đánh giá khác biệt giữa Hoa Kỳ và VNCH đã dẫn đến thất bại trong chiến tranh Việt Nam khi Hoa Kỳ cắt viện trợ quân sự và đội quân thiện chiến VNCH - từng lệ thuộc nặng nề về không yểm, pháo yểm, tiếp vận kiểu nhà giàu - đã không có khả năng thích ứng với hoàn cảnh chiến đấu trước những làn sóng tấn công vũ bão của quân chính quy miền Bắc ở giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến. Dĩ nhiên, có hàng loạt những nguyên nhân khác cũng quan trọng không kém đã dẫn đến sự mất miền Nam. Nhưng trong đó, sự thất bại về chiến lược quân sự phải kể là hàng đầu. Bốn mươi năm sau khi chiến tranh quân sự chấm dứt, vẫn còn tiếp diễn cuộc chiến âm thầm giữa người Việt Quốc Gia và bạo quyền Cộng Sản. Dù Cộng Sản không thay đổi trong bản chất, nhưng những hình thái chiến tranh đã mang những màu sắc khác. Ngày trước thì ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận); ngày nay thì hàm chứa trong Nghị Quyết 36 là văn hoá vận, quần chúng vận, xâm nhập lũng đoạn để tiến tới nắm lấy sự kiểm soát cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Ngày trước thì nón cối, dép râu; ngày nay là những nhà ngoại giao lịch lãm ngồi trên những limousine láng bóng. Ngày trước là hàng loạt đạn hoả tiễn, trọng pháo; ngày nay là những cuốn video, những bản nhạc, những bài viết ve vuốt tình tự dân tộc để dần dần chiếm những tình cảm, sự quen thuộc để có thể bắt đầu gài vào những tuyên truyền chính trị về sau. Việt Cộng ngu dốt, yếu kém trong kinh bang tế thế; nhưng rất thành thạo và kinh nghiệm về các hoạt động khuynh đảo. Ngày trước Cộng Sản đã thành công trong việc gài người trong làn sóng di cư vào Nam, điển hình qua Cụm Tình Báo Chiến Lược A-22 làm xôn xao dư luận trong và ngoài nước năm 1969. Ngày nay, Cộng Sản tổ chức một mạng lưới tình báo gián điệp từ trong các toà Đại Sứ, Lãnh Sự ra đến những cơ sở kinh tài với kinh phí khổng lồ để xâm nhập vào cộng đồng hải ngoại. Họ nhắm vào sử dụng các thành phần chính: 1. Những người gài vào trong những chuyến vượt biên. 2. Những người gài trong các chương trình đoàn tụ, ngay cả chương trình HO cũng không ngoại lệ. 3.

Những người có quyền lợi gắn bó tại nội địa, như những thương nhân từng đem tiền về nước đầu tư, những người còn nặng nợ gia đình còn lại ở VN. Việt Cộng chắc phải dùng những tình trạng này như giữ con tin để áp lực, mua chuộc. 4. Những kẻ ham tiền, háo danh sẵn sàng phản bội lý tưởng. Những kẻ háo sắc lại càng dễ bị gài bẫy tạo scandal để sai khiến. 5. Những người vô tư không quan tâm hay thiếu ý thức chính trị dù họ mang lý lịch tị nạn. Đây là đối tượng mà Việt Cộng nhắm vào trong các hoạt động văn hoá vận. Có những người đã tự công khai lộ diện. Có những người đã bị phanh phui qua các trang sách, tài liệu khả tín. Nhưng còn vô số người đang hoà lẫn trong tổ chức chúng ta mà sự nhận diện kể ra không khó qua hành tung nhưng đòi hỏi bằng cơ cụ thể là điều bất khả trong điều kiện của chúng ta. Chúng ta đang ở ngoài ánh sáng, và kẻ thù thì vẫn núp trong bóng tối. Vì thế, người Quốc Gia phải thật tỉnh táo, tự chế để không nói, viết ra những điều suy diễn tuy hợp tình hợp lý, nhưng có tính cách mơ hồ dễ gây phản ứng bất lợi, bị giới trẻ mất lòng tin vì họ coi đó là chụp mũ, vu Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về khống. Trong cuốn sách Mặt Trận Đại Học Thời Việt Nam Cộng Hoà mới xuất bản, tác giả Bạch Diện Thư Sinh cũng đề cập đến việc Toà Án VNCH đã phải thả các đảng viên Cộng Sản nòng cốt lãnh đạo những phong trào sinh viên đấu tranh vào thời điểm gay cấn nhất của miền Nam chỉ vì tôn trọng căn bản luật pháp dân chủ và bị áp lực của những thành phần thiên tả. Đó cũng là nỗi khổ tâm hiện nay của những người Quốc Gia chính trực khi nhận biết kẻ thù, nhưng không thể nói ra công luận trong xã hội thượng tôn pháp luật. Bọn này sau 1975 đã nắm giữ những vai trò quan trọng trong Đảng Cộng Sản và hệ thống nhà nước như Dương Văn Đà, Lê Công Giàu, Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Văn Nuôi... So với sự khác biệt về nhận thức giữa Hoa Kỳ và VNCH ngày xưa; hiện nay, giữa hai thế hệ già trẻ ở hải ngoại cũng nổi bật lên sự cách biệt về nhận thức trước một kẻ thù chung vô cùng nham hiểm, đầy thủ đoạn lừa bịp. Sự xung đột này đã và đang diễn ra trong các sinh hoạt hội đoàn, tổ chức cộng đồng mà chưa có một nhịp cầu thông cảm đúng mức để hoá giải. Khi bàn về cách nhìn, đánh giá cộng đồng Việt Nam hải ngoại sự việc, chúng ta thường gặp vô vàn ý kiến khác nhau, có khi chỉ nhẹ nhàng, nhưng cũng có khi gay gắt dẫn đến mâu thuẫn và chia rẽ. Người trẻ ở Mỹ, được giáo dục từ nhỏ tính chân thật, ngay thẳng. Do kinh nghiệm sống trong một xã hội văn minh, dân chủ, họ nhìn và đánh giá mọi vật như nó đang hiển hiện mà không xét đến những yếu tố phức tạp bên trong. Nếu có hiểu biết chút nào về Cộng Sản, thì cũng chỉ là những kiến thức đơn giản qua những trang sách vở mà chưa từng được trải nghiệm như lớp cha chú của họ. Họ chỉ khẳng định điều gì đúng sai đòi hỏi những dữ kiện chứng minh cụ thể mà không đi theo lối suy luận diễn dịch từ quan sát, tổng hợp thường được áp dụng trong các môn khoa học xã hội. Cũng có trường hợp vài người trẻ quá tự phụ về bằng cấp khoa bảng mà coi thường thế hệ cha chú mình. Họ quên rằng cha chú có thể thua kém về kiến thức khoa học chuyên môn, nhưng chắc không thua về kiến thức khoa học xã hội và kinh nghiệm chính trị. Và cả hai phía đều có những điều cần học hỏi nhau. Chỉ nói về một tình vật đơn giản, chúng ta mỗi người cũng đã có cách nhìn khác nhau từ những góc độ hay tâm lý khác nhau. Đến con người thì rõ ràng rất phức tạp. Vì ngoài hình thể còn có trí tuệ và tâm lý. Ngay cái vẻ bên ngoài cũng có thể được che đậy khéo léo bằng hoá trang, giải phẫu để lừa gạt con mắt người. Nói chi đến bên trong thiên biến vạn hoá. Con người là sản phẩm của xã hội. Một sự nhận xét về con người phải được nhìn từ nhiều yếu tố: hành tung, quá trình giáo dục, xuất thân, ảnh hưởng xã hội, điều kiện sống... Mỗi một giây, một phút, những yếu tố trên đều tác động để biến chuyển tâm lý con người một cách sâu sắc. Chúng ta không thể hời hợt chỉ nghe qua lời phát biểu hay một hành vi nhất thời để kết luận về một người. Trong luật học thì một người phải coi vô tội trước khi toà xét có tội; trong chính trị thì người ta có thể đánh giá con người hay sự việc một cách gần đúng sau khi xét qua

những yếu tố như đã nói ở trên. Ví dụ, khi nhận xét về những nhân vật “phản tỉnh” từ chế độ Cộng Sản, chúng tôi phải truy tìm từ những bài văn, lời phát biểu. Đọc từng câu, từng chữ để tìm thấy trong sơ hở của họ cái lập trường quan điểm thật thay vì nghe đọc những lời mị dân vừa phát biểu hôm nay. Có điều là chúng ta không vồn vập, tăng bốc; cũng như không mặt sát đá kích nặng lời đối với những người mà chúng ta chưa thật sự hiểu rõ sự biến chuyển trong quan điểm lập trường của họ. Dù sao, thêm một người bạn vẫn tốt hơn thêm một kẻ thù. Ngày nay, thế hệ một đã qua tuổi thất thập cổ lai hy, không còn năng lực để tiếp tục gánh vác trọng trách lãnh đạo cộng đồng nên đã có khuynh hướng chuyển giao cho giới trẻ. Nhưng những cách biệt, bất đồng về cách nhìn, đánh giá vấn đề và cung cách sinh hoạt vẫn là trở ngại chính. Nếu không hoá giải được, sẽ tạo một khoảng trống lâu dài trong sinh hoạt chung; là khe hở để kẻ địch nhảy vào lợi dụng. Học hỏi kinh nghiệm đối phó với Cộng Sản trong thời chiến tranh, chúng tôi mong muốn thế hệ cha chú mềm dẻo tinh tế hơn trong cư xử với thế hệ 2, 3. Đó là biết phục thiện và chấp nhận bất đồng, không tự coi mình là trưởng thượng để áp đảo. Ngược lại, cũng mong thế hệ con cháu tạm đứng thoát ra khỏi khung cảnh xã hội dân chủ văn minh để thừa nhận rằng trong chính trị không đơn giản là cách nhìn trực diện, và con người không phản ánh trung thực qua hình dáng, lời nói bên ngoài mà còn nhiều yếu tố nội tại được khéo léo che đậy để lừa gạt những người thiếu kinh nghiệm và dễ tin. Lối suy nghĩ, đánh giá cách văn minh chỉ đúng để đối phó với địch thủ ngang tầm văn hoá; 144 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về nhưng sẽ là con cừu non trước kẻ thù Cộng Sản có một lịch sử gần thế kỷ đầy thủ đoạn man trá, dối bịp. Chúng ta cùng đặt mục tiêu chính lên hàng đầu mà cởi mở, cảm thông những dị biệt nhỏ mới mong có cơ hội cùng hợp tác chân thành để sớm thành công. Giáng Sinh 2014 Thế Hệ 2: Một Nan Đề của Chúng Ta Hôm Nay (Nhân vụ Cộng Đồng Tị Nạn phản ứng dữ dội việc Brian Đoàn triển lãm tranh tượng tại California, trong đó có tranh một cô gái mặc áo in màu cờ Việt Cộng, đứng bên cạnh tượng bán thân của Hồ Chí Minh) Cuộc triển lãm “nghệ thuật” của nhóm trẻ VAALA bùng nổ và được dập tắt ngay đã cho thấy phản ứng nhạy bén và sự đồng tâm của các tổ chức, nhân sĩ người Việt hải ngoại. Đồng thời đã nổi bật lên sự tham gia của giới trẻ (Thanh Niên Cờ Vàng) có đầy đủ ý thức chính trị và lập trường minh bạch đối lại với một nhóm trẻ khác phản bội lại lý lịch của chính mình (Nhóm này tự xưng là Fresh off the Boat (FOB). Hiện tượng phản bội thì thời nào cũng có, chế độ nào cũng có. Tuy nhiên, sự việc trên cũng là một điều rất đáng cho thế hệ 1 quan tâm để tự suy xét về trách nhiệm của mình đối với con em trên phương diện giáo dục chính trị xã hội. Tre tị nạn đã già lắm rồi, mà măng tị nạn dù đã thành tre, nhưng chưa đủ mạnh để nối tiếp sự nghiệp quang phục quê hương. Từ Mỹ qua Úc, qua Âu, vai trò lãnh đạo các tổ chức, đoàn thể vẫn còn nằm trong tay thế hệ một mà tuổi đời đã trên 60, sức khỏe đã còm cõi sau bao nhiêu năm chiến đấu, tù đày và lăn lộn kiếm sống. Một vài đoàn thể, đảng phái có gầy dựng nên những tổ chức cho thế hệ hai; nhưng thực lực chưa đáng kể ngoại trừ Mạng Lưới Tuổi Trẻ Lên Đường và Hội Văn Hoá Khoa Học mà nhiều người cho rằng là ngoại vi của một đảng chính trị mà theo nhiều người, có quan điểm không phù hợp với đường lối đấu tranh chung của người Việt hải ngoại. Chúng tôi từng đi sinh hoạt với các nhóm trẻ và các hội Sinh viên VN tại các thành phố lớn của Tiểu bang Texas. Nhận xét đầu tiên là có quá ít thanh niên sốt sắng tham gia, dù các trại hè được tổ chức khá quy mô và hấp dẫn tại những thành phố mà dân số người Việt tị nạn lên tới hàng chục ngàn người. Các buổi sinh hoạt của sinh viên cũng chỉ lựa thưa vài ba chục em trên sĩ số sinh viên Việt là hàng trăm cho đến hàng ngàn tại các đại học lớn. Chúng tôi không đề cập đến sinh hoạt các đoàn thể thanh niên tôn giáo, vì ngoài phạm vi của bài viết. Có chăng một sự lo âu rằng chúng ta đang để mất giới trẻ thế hệ 1.5 và thế hệ 2? Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Liệu các em, các cháu có lọt vào cạm

bấy Nghị quyết 36 của của Cộng Sản Việt Nam? Lỗi tại ai? Có thể còn kịp cứu vãn không? Trước hết chúng ta thử xem xét lý do tại sao giữa hai thế hệ đã có hai thái độ và quan điểm càng lúc càng khác nhau: Sự cách biệt hai lối sống, hai luồng giáo dục là nguyên nhân chính: Thế hệ 1 sinh và lớn lên tại miền Nam Cộng Hoà. Qua các chương trình tiểu học và trung học, họ đã được dạy dỗ kỹ càng về công dân và đức dục để tạo được một ý thức về quốc gia khá vững. Sau đó, qua kinh nghiệm sống và chiến đấu, càng ngày ý thức này càng được hun đúc. Ấy thế mà cũng đã có hiện tượng bội phản. Trong khi thế hệ 1.5 lớn lên trong chế độ CS, bị nhồi nhét quan điểm tư tưởng CS. Cha anh họ sau nhiều năm tù trở về, trong môi trường bị kiểm chế, theo dõi cũng như với tâm trạng u uất, buồn lo đầy mặc cảm, đã không có sự hướng dẫn đúng mức cho con cái. Khi qua đến đất tự do, quá lo cho đời sống mới, các bậc cha anh đã phó mặc hoàn toàn việc giáo dục thế hệ 1.5 và thế hệ 2 cho nhà trường – mà tai hại thay, không hề có môn công dân, đức dục để uốn nắn trẻ nên người như chúng ta mong đợi. Cùng với tâm lý nổi loạn của lứa tuổi “teen”, trẻ lớn lên, học đòi theo bạn bè nhiều hơn và không chấp nhận sự uốn nắn của cha mẹ vốn theo phương pháp Á Đông, nặng về áp đặt, rầy la hơn giảng giải, thuyết phục. Về phương diện chính trị, các em hiểu biết về Việt Nam theo cách giải thích của sách báo Mỹ mà đa phần là bị bóp méo, xuyên tạc vì nhu cầu phản chiến trước đây. Tưởng cũng nên nhắc đến đạo quân thứ Năm gồm hàng trăm người mà Việt Cộng đã gài vào trong các chương trình Đoàn Tụ, Tị Nạn Chính Trị, Vượt biên, hay bảo lãnh Vợ Chồng ... Bọn này đã xâm nhập rất sâu vào Cộng Đồng Tị nạn hàng chục năm qua, lai rai đã xuất đầu lộ diện công khai đánh phá chúng ta. Trong những năm gần đây, do sự trao đổi giữa các Đại học Mỹ và Việt Nam, nhiều giáo sư từ Việt Nam qua đảm trách việc giảng dạy về Văn hoá và Việt Ngữ tại các Đại học lớn của Mỹ. Không cần nói, ai cũng biết rằng những người này phải là đặc công văn hoá của Cộng sản, xâm nhập, gây ảnh hưởng và tìm cách nắm lấy giới trẻ trí thức tương lai của Cộng đồng Tị nạn. Đó là chưa kể có vài tổ chức tuy mang danh nghĩa của người Mỹ gốc Việt, nhưng thành phần lãnh đạo có quan hệ với Việt Cộng và có nhận thức chính trị ngược lại với Cộng đồng. Họ cũng tìm cách len lỏi vào giới sinh viên để tuyển mộ và gây ảnh hưởng mà cộng đồng ít nghi ngờ tà tâm của họ. Cộng sản chỉ cần tách giới trẻ ra khỏi sinh hoạt Cộng đồng là coi như đã thắng lợi, vì sau khi thế hệ 1 qua đời, ngọn đuốc đấu tranh hải ngoại xem như tắt lịm. 146 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Do đó, chúng ta đừng lấy làm lạ khi có những thành viên của thế hệ 1.5 và thế hệ 2 có những suy nghĩ và hành động phản bội lại lý tưởng của cha anh. Nhưng đó một số nhỏ mà tâm lý tự cao tự đại, tưởng mình đã trưởng thành chính trị, nhưng thực ra chỉ là những trí óc còn thiếu cận, háo thắng và dễ bị lôi cuốn bởi những gì tỏ ra “cool” Thế hệ 1 chúng ta ở miền Nam cũng đã từng chứng kiến những thanh niên sinh viên con nhà tư sản thành phố, nhưng đến trường với đôi dép râu, mặc áo ka ki túi có nắp, tác phong ra vẻ đối kháng chính quyền; mở miệng ra thì học đòi Sartre, Marx dù không biết Marxism là chi. Dù họ hoàn toàn không biết gì về lý thuyết CS, dù họ vẫn ham thích cuộc sống tự do, dân chủ và sung mãn của miền Nam; nhưng họ muốn tỏ ra ta đây “chì”, “ngon lành” qua cách hành xử có vẻ “cách mạng”. Đó là cái một cái một thời thương những năm giữa thập niên 60. Do đó, họ trở thành những con mồi ngon lành của các tổ chức thanh vận, trí vận Cộng Sản do Trần Bạch Đằng lãnh đạo. Nhiều người trong bọn u mê này hiện nay hoặc đang âm thầm ngậm đắng nuốt cay vì bất mãn, thất vọng; hoặc đang vùng vẫy như Tiều Dao Bảo Cự, Trần Vàng Sao.... Đám trẻ hải ngoại cũng không là ngoại lệ của cái tâm lý thích nổi, thích “cool”, thích “chì” qua những suy nghĩ và việc làm ngược giòng của họ. Họ coi những diễn biến lịch sử thời chiến tranh và thời CS không dính líu gì đến họ. Đã có em phát biểu: “Việc bị tù đày, ngược đãi là của cha anh, sao đem gán vào họ.” hoặc “Chiến tranh đã chấm dứt từ lâu, sao cha anh cứ lưu giữ hận

thù?” Đã có em con cái cựu nhân viên cảnh sát, quân nhân, nhờ cha mẹ tị nạn mà học hành đỗ đạt nhưng đã lên tiếng thóa mạ cha chú rằng: “Cựu binh Cộng Sản chiến đấu cho tổ quốc của họ. .. Thế hệ các chú được dạy để giết đồng bào.” Nguyên văn: I have visited my homeland in the last few years and have given money to former communist soldiers who fought in the war for their country and against you. .. I am sorry that young men of your generation were taught to kill their own countrymen because talking to them is not an option. (Trích điện thư của Luật Sư Tr. M. Vinh Phó Hội Trưởng Hội Bảo Tồn Văn Hoá Người Mỹ Gốc Việt, Austin, 27/2/2008) Cô Michelle Phương Thảo, Giám đốc Viet Art Center (VAC) tại California, trong quá khứ có lần đã giúp cho nhóm The Friends tổ chức đêm ca nhạc về Trịnh Công Sơn mà nhiều đoàn thể trong Cộng đồng lên án. Theo tôi, việc giúp cho đêm nhạc Trịnh là do cách suy nghĩ sai lạc của cô về một khía cạnh văn hoá do chưa thấu hiểu tầm quan trọng về mặt trận tư tưởng trong cuộc chiến chống Cộng Nhưng về căn bản, cô Michelle có cách nhìn hoàn toàn đúng đắn về vị trí của mình trong tập thể Người Việt Tị Nạn. Cô đã viết lá dài cho cô Trâm Lê và nhóm VAALA trong đó đã có những lập luận vững chắc nhưng rất hữu lý hữu tình để khai tâm. Trong đó có đoạn tâm đắc như sau: Trích Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về No matter how young you were when you left VN, no matter if you were born in the US , no matter how perfect you speak English, no matter how liberal you try to be, you should not just \"recognize, respect, and honor\" the pain. You must \"feel\" the pain. In another word, the pain is in your flesh and blood; the pain is \"you\"; you are \"the pain.\" You are different from the other non-Vietnamese media reporters, the other non-Vietnamese artists, the other non-Vietnamese organizations, you are \"Vietnamese refugees\" and VAALA is a \"Vietnamese-American organization\"; these were the reasons for me to voice my opinion in VAC E-news: you are \"one of us\". Nguyên trích và tạm dịch: Bất luận các anh chị rời Việt Nam ở độ tuổi nào, hay dù các anh chị được sinh ra tại Mỹ, dù các anh chị nói tiếng Anh lưu loát mức nào, dù các anh chị quan niệm phóng túng đến đâu; các anh chị cũng không thể chỉ „thừa nhận, tôn trọng, và vinh danh” những đau đớn [của cha anh]. Các anh chị phải cảm nhận sự đau đớn đó. Nói cách khác, nỗi đau đó phải từ trong máu thịt của các anh chị; nỗi đau đó là các anh chị; các anh chị là nỗi đau đó. Các anh chị khác với những nhà báo ngoại nhân, khác với các nghệ sĩ ngoại nhân, khác với các tổ chức ngoại nhân; các anh chị là những người “tị nạn Việt Nam”; và VAALA là một “tổ chức của người Mỹ gốc Việt”. Đó là lý do mà tôi đã trình bày quan điểm của tôi trong bản tin điện tử VAC: Các anh chị là những “thành viên của chúng ta”. Bên cạnh các vấn đề chính trị, chúng ta còn nhận thấy có những nhu cầu của giới trẻ mà Cộng đồng ít để tâm đến. Đó là tâm lý, nhiệt tình ham thích các hoạt động văn hoá xã hội, nhân đạo. Thời chúng ta còn thanh niên, chúng ta cũng đã trải qua những háo hức tham gia vào các công tác thiện nguyện: Hưởng Đạo, Ủy lạo Thương bệnh binh, chữa cháy, giúp trẻ mồ côi, giúp người già, tàn tật, nan y ... Nhu cầu của họ cũng ví như một hố trứng, nếu chúng ta không trám vào được, thì sẽ có kẻ khác rình sẵn để thay chúng ta. Nhiều hội đoàn trẻ đã hăm hở về Việt Nam làm công tác thiện nguyện, mà nếu chúng ta lên tiếng thì cũng khó; không lên tiếng thì cũng kẹt. Đây cũng là con dao hai lưỡi, vì rất nhiều em sau khi đi Việt Nam đã bị luận điệu ngọt ngào đầy “tình tự dân tộc” của Việt Cộng lừa bịp. Phải nhìn nhận một khuyết điểm trầm trọng của chúng ta là mỗi khi tập họp được các em, chúng ta đã quá nặng về sinh hoạt chính trị mà thiếu sự chuẩn bị tâm lý các em. Do đó, các em ngỡ ngàng và e ngại, chán nản. Tuy việc uốn lại một cây tre đã lớn là khó khăn, nhưng không phải không làm được trừ phi chúng ta hoặc quá cứng rắn làm cho các em quá sợ hãi và oán ghét; hoặc quá bi quan mà bỏ cuộc, để mặc các em vùng vẫy theo cái sai đó cho đến lúc hết thuốc chữa. Hoặc chúng ta lấy lại được hậu duệ của

mình để tiếp tục sự nghiệp còn dang dở; hoặc để cho nghị quyết 36 của CS sẽ thành công ngay trên thành trì chống Cộng của chúng ta. Tất cả là do sự sáng suốt, kịp thời của các đoàn thể cộng đồng, và không thể không có sự 148 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về trợ lực từ gia đình, các cha anh đã có nhiều kinh nghiệm. Thư của thể hệ cha anh gửi anh Brian Đoàn Thân gửi “Nghệ Sĩ” Brian Đoàn, Dựa trên những câu trả lời của anh với ký giả Robert Chang của tờ báo Orange County Register, tôi gửi đến anh vài ý kiến với tư cách của một người thuộc thế hệ thứ nhất đã có nửa thế kỷ kinh nghiệm đối phó với Cộng Sản. Anh đã xác nhận các điểm sau về lập trường của anh: 1.- Anh không phải là người Chống Cộng. Thật ngạc nhiên, nhưng tôi tin như thế. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về 2.- Anh cũng không thân Cộng. Điều này có Trời biết. 3.- Anh chỉ là một Nghệ Sĩ. Điều này còn xét lại, vì tôi e rằng anh chưa hiểu như thế nào là một nghệ sĩ chân chính. Sau đây là các điều anh cần học hỏi: Nghệ Sĩ? Ai cũng có thể là một nghệ sĩ. Nếu anh nhìn ra cửa, thấy những đám mây lững lờ bay qua, cảm nhận được nét tươi mát của buổi sớm mai, và thấy mình xúc động làm ra một bài thơ, hát lên một điệu nhạc. Thì anh đã là nghệ sĩ đấy. Người nghệ sĩ sáng tác trước hết cho chính mình. Họ không đem tác phẩm rao bán để kiếm sống, Họ không đem ra trưng bày để người đời khen chê. Họ không nhất thiết sử dụng tác phẩm để cổ vũ hay bài xích lối sống, tư tưởng nào. Vì làm thế, họ chỉ là công cụ để phục vụ cho chính trị, dù là chính trị tốt hay xấu. Người nghệ sĩ chân chính là do bẩm sinh. Họ không cần phải vào trường để học hát, học vẽ, học làm thơ. Bằng cấp về Nghệ Thuật chẳng qua chỉ chứng minh rằng người có bằng đã học được các kỹ năng trong Nghệ Thuật, Lịch Sử Nghệ Thuật và quan hệ của Nghệ Thuật với các lãnh vực khác trong đời sống. Họ là những chuyên gia về nghệ thuật chứ không phải là nghệ sĩ. Ai cũng nói rằng, một bức ảnh có giá trị bằng trăm ngàn lời nói. Chúng ta phải mất hàng giờ để miêu tả cho một đứa bé biết thế nào là con trâu. Nhưng nếu đưa cho em bé xem tấm ảnh con trâu, thì chỉ mất tích tắc đồng hồ là em hiểu ngay. Trong tư cách Nghệ sĩ, anh đã thất bại khi bức ảnh anh trưng bày không làm cho người xem hiểu được điều anh muốn diễn đạt (Trường hợp bức ảnh cô gái mặc áo có cờ Việt Cộng). Anh cũng thất bại khi phải dùng lời để giải thích một bức hình. Anh phải tự mình tìm hiểu xem khả năng của mình ra sao để thay đổi cách suy nghĩ cũng như làm việc. Ở vào tuổi 40, có đến bằng cấp Cao học, làm đến Giáo sư Phụ tá mà anh vẫn không hiểu được vì sao người ta phản ứng mạnh bạo và khe khắt với tác phẩm của mình. Đó là vì anh thiếu một cảm nhận rất thông thường và hiểu biết về xã hội để sống dung hoà trong Cộng đồng.

150 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về

Anh đừng bao giờ quên rằng anh là một thành viên của Cộng Đồng Việt Nam Tị Nạn, là những người mà hàng chục năm qua, đã liều thân để thoát khỏi chế độ Cộng Sản, tìm tự do – hay ít nhất cũng tìm một cuộc sống thoải mái - tại Hoa Kỳ. Anh cũng từng nói rằng anh đã phải chịu đựng nhiều khổ nhục dưới ách Cộng Sản. Thật đáng hổ thẹn khi anh không cảm nhận được nỗi đau chung của đồng hương tị nạn. Dĩ nhiên, anh có quyền chọn lựa thân Cộng hay chống Cộng. Nhưng anh nên thẳng thắn xác định mình để chúng tôi có cách cư xử đúng về anh. Anh cũng nói anh hối tiếc và nghĩ rằng anh đã làm điều sai. Nhưng anh vẫn cứ thách thức Cộng đồng bằng các dự tính tổ chức triển lãm bức ảnh mà người ta phản đối. Anh cho rằng nếu anh không làm thế, thì “họ sẽ thắng”. Họ đây là ai, nếu không là cha mẹ anh, các anh chị của anh, những đồng hương mà hàng chục năm qua đã cùng anh chia sẻ

nỗi đau nhục trong chế độ Cộng Sản cũng như nỗi niềm hạnh phúc trên đất tự do? Anh cho rằng anh có quyền tự do bày tỏ. Anh biết không, tự do bày tỏ nhưng không được vi phạm luật pháp và phươg hại, xúc phạm đến người khác. Trên đời chẳng có gì tuyệt đối; có nhiều giới hạn mà con người phải quan tâm. Hơn nữa, anh phải biết sự khác nhau giữa các điều luật và các quy tắc đạo đức. Có những việc làm luật cho phép nhưng đạo đức ngăn cản, và ngược lại. Tỉ dụ, anh có thể xem ở nhà những cuốn phim tình dục, nhưng anh không đem ra chiếu nơi công cộng. Anh có thể treo ảnh khoả thân của vợ mình trong nhà, nhưng không đem vào trưng trong nơi làm việc. Tôi thách anh dám đem một bức hình có thịt heo ra phô diễn ở một thánh đường Hồi Giáo. Chiến tranh Việt Nam đối với anh, đã chấm dứt năm 1975. Nhưng với chúng tôi, nó đang tiếp diễn dưới hình thức khác. Ngày xưa, có hai đối thủ là miền Nam Tự do và miền Bắc Cộng Sản. ngày nay đó là khát vọng nhân quyền dân chủ chống lại chế độ độc tài, mà biểu hiện là hai lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ chống lại lá cờ Đỏ Sao Vàng. Người ta có thể cầu an bằng cách không tham gia vào bên nào, nhưng không ai có thể đứng giữa được. Anh còn trẻ và còn học hỏi được từ những sai lầm. Đừng đại khờ và phản ứng quá đà để sa thêm vào những điều không hay. Người Cộng Sản chẳng bao giờ tin các anh, họ chỉ sử dụng các anh chỉ cho mục tiêu của họ, và sẽ thái hời khi các anh chỉ không còn có ích cho họ. Nhưng Cộng Đồng Tị Nạn Việt Nam vẫn là gia đình của các anh chị. Chúng tôi không bỏ rơi các anh chị, nếu các anh chị tìm ra được lẽ phải. Hy vọng lá thư này sẽ khai sáng cho anh chị chút nào. Tháng Hai, 2009 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Sự Phán Bội Đáng Nguyên Rủa Những năm tôi còn ở trong trại tù Cộng Sản, các con tôi – cháu lớn nhất chưa đầy 6 tuổi lúc tôi vào tù năm 1975 - đã trải qua tuổi thơ trong đói khát, khổ nhục. Gia đình tôi may mắn được ở thành phố Vũng Tàu, nơi sự hà khắc tương đối nhẹ hơn những vùng khác. Thế nhưng vì là gia đình của quân nhân VNCH đang bị tù “cải tạo”, vợ tôi chẳng thể tìm được công việc nào để kiếm sống. Trong lúc nhà nước CS thi hành chính sách cải tạo công thương – nói thẳng ra là tiêu diệt các thành phần công thương tư nhân để tập trung về một mối quốc doanh hay hợp tác xã, người dân thường chỉ còn một cách kiếm 152 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về sống cuối cùng là buôn chui bán lén nếu không muốn phiêu lưu rời bỏ thành phố kéo nhau vào những khu “Kinh tế mới” để sau vài năm lại trở về thành dân homeless ngay bên thềm nhà cũ của mình. Cháu lớn của tôi, ngồi xe đạp chưa với tới bàn đạp. Nhưng từ nửa đêm, đã phải nhiều vòng đạp xe từ nhà ra Bãi Sau chở những bao cá vụn về cho vợ tôi làm mắm. Các cháu nhỏ hơn thì quay quần bên mẹ để lựa cá, dọn dẹp cho đến gần sáng. Ban ngày, còn được đi học, các cháu đã phải chịu đựng sự phân biệt đối xử của thầy cô và các bạn học. Những năm phong trào vượt biển rầm rộ, thỉnh thoảng các cháu lại “bị” mục kích những xác người thối rữa, trương sinh tấp vào bờ. Họ là một số trong hàng vạn thuyền nhân xấu số bỏ mình trên biển khơi vì súng đạn của công an CS, vì nạn hải tặc Thái Lan và vì cơn cuồng nộ của thiên nhiên. Khi đến Hoa Kỳ, các cháu là thế hệ 1.5 của người Việt tị nạn trên đất Hoa Kỳ. Các cháu sớm học và thực thi quan điểm tự do dân chủ như bất cứ công dân nào khác. Tuy không tham gia vào các sinh hoạt cộng đồng, nhưng cảm ơn Trời, các cháu không chệch hướng nhìn chung của cha anh về các vấn đề chính trị xã hội. Trong khi đó, các anh chị Brian Đoàn, Y Sa Lê, Trâm Lê, Lan Dương trong ban tổ chức Triển Lãm VAALA và Kiều Linh Valverde (thuộc Khoa Á Châu Học UC Davis), Linda Võ (Khoa Á Châu Học UC Irvine) cũng tự nhận mình là thế hệ 1.5 của người Việt Tị Nạn tại California. Họ tự nhận mình Fresh off the Boat (FOB) để xác minh lý lịch tị nạn Cộng Sản. Nếu đúng thế, họ là những đứa bé mấy chục năm trước may mắn thoát không bị bọn hải tặc nắm chân quăng xuống biển trong khi mẹ bị lũ thú vật thay nhau hãm hiếp, cha thì bị chặt ra từng khúc. Hoặc như Brian Đoàn mà thân phụ là cựu Thiếu Tá An Ninh Quân Đội, thì chắc tuổi thơ của anh cũng không thoát khỏi thảm cảnh

như các con tôi. Người Việt hải ngoại còn nhớ như in tiếng kêu gào từ các trại tị nạn, tiếng năn nỉ trong các phòng phỏng vấn của phái đoàn Hoa Kỳ; cha mẹ các anh chị cũng đã tìm cách thuyết phục người Mỹ rằng gia đình họ từng bị áp bức, đày đọa trong chế độ CS nên phải ra đi. Chẳng nhẽ ngày nay, khi chế độ Cộng Sản vẫn còn nguyên bản chất độc tài, man trá, các anh chị đã quá độ lượng và dễ quên và vô ơn đến độ ấp ủ những biểu tượng của kẻ tàn hại gia đình mình một cách thân thương đến nỗi thể hiện ra trên tác phẩm ưng ý của mình sao? Chúng tôi càng không thể chấp nhận cách lý giải của quý anh chị. Cô Trâm Lê đã rất hỗn xược khi nói rằng Cộng đồng VN đang trên đà xuống dốc, thiếu đối thoại cởi mở và chấp nhận chính kiến khác biệt. "I felt the community was on this slippery slope, that we were not progressing toward having open dialogue and being more tolerant of different political viewpoints." (Sự hỗn xược này được lại thể hiện khi cô phát biểu trong cuộc họp báo được ghi trong video clip phát trên Youtube). Cô có trình độ, kiến thức về nghệ thuật (giả sử như thể dựa trên bằng cấp và vai trò của cô trong VAALA), nhưng tôi có thể nói rằng cô ngu quên (nếu không muốn dùng chữ u mê) giữa cộng đồng đang đấu tranh chống chế độ độc tài Cộng Sản. Có thể nào Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về những nạn nhân Cộng Sản lại có thể cởi mở đối thoại với đảng Cộng Sản và chấp nhận ý hệ CS? Lan Dương, phụ tá giáo sư tại UC Riverside đã ngụy biện rằng lá cờ đỏ trong tranh của Brian Đoàn không phải là biểu tượng chính trị mà là nói lên hiện thực bên Việt Nam, và thời trang, văn hoá của thế hệ trẻ. Nguyên văn: "The communist flag isn't used just as a political symbol, but of what is going on in Vietnam and the kinds of modes of consumption that marks youth culture." Trong những năm đầu các phân khoa kỹ sư, sinh viên phải học vài lớp về Khoa học xã hội và ngay cả Nghệ thuật để tự trang bị cho mình kiến thức căn bản trong cuộc sống trước khi trở thành chuyên viên khoa học kỹ thuật. Tôi không rõ các vị có bằng MA, BA đang đảm nhiệm những chức vụ phụ tá Giáo sư, Giám đốc như các cô Lan Dương, cô Trâm Lê, cô Linda Vo... có từng học khoa học xã hội không? Nhưng cách lý giải của các cô chứng tỏ hoặc trí thức và tầm nhìn các cô quá thấp - thua xa người phu xích lô hay người thợ cày bình thường bên Việt Nam xa lắm - hoặc vì bí quá, nên các cô nói bừa và hỗn láo xem người nghe như đám trẻ con. Cô Linda Vo (Giám đốc Khoa Á Châu Học tại UC Irvine, đồng thời trong Hội đồng Cố vấn Hội Nghệ Thuật) lại coi rằng cuộc triển lãm như một cách thử nghiệm coi liệu Người Việt hải ngoại có chấp nhận quyền tự do phát biểu chưa hay phải chờ thêm 10 năm nữa? "It has been difficult for the Vietnamese community to express their experiences... The war and what happened afterward, of being refugees and having to restart their lives, left scars that have never been dealt with. None of us know if the community is ready for this now, or if it will take another 10 years." Cách thử nghiệm kiểu này thấy cứ mỗi năm lại xảy ra một lần (vụ băng Thúy Nga Paris 40, vụ Trần Trường, vụ bài thơ của thầy bói Nhân Quang, cái chậu rửa chân của Huỳnh Thúy Châu, vụ cờ đỏ ở UT/Arlington, vụ Tim Rebeaud...). Câu trả lời đã rõ ràng qua hàng trăm bài phản đối cũng như sự hưởng ứng của hàng vạn người khác trên diễn đàn hay trong các cuộc biểu tình. Chúng tôi không học thói chụp mũ của VC khi chưa có bằng cứ cụ thể các anh chị làm tay sai cho Cộng Sản. Nhưng cứ tạm coi rằng các hành vi ngông nghênh, hợm mình, xuẩn ngốc, chưa đủ trưởng thành chính trị này đã xúc phạm sâu sắc đến cộng đồng tị nạn, và vô tình làm lợi cho Cộng sản mà thôi. Cũng từ những lời tuyên bố, giải thích trên, chúng tôi nhận ra rằng về một phương diện khác, các anh chị hình như chưa hoàn toàn hiểu biết về nghệ thuật. Nếu muốn nói đến nghệ thuật thuần túy "Nghệ thuật vị nghệ thuật", thì đó là những bài thơ, bản nhạc, bức tranh phát xuất từ tình cảm, nhận thức con người trước thiên nhiên, tình cảm, hay cuộc sống bình thường; có thể có hay không có chủ đích. Nhưng khi đã đem vào đó một biểu tượng chính trị, thì nghệ thuật đã trở nên vị

nhân sinh, đúng hơn vị chính trị; vì nó phục vụ mục đích tuyên truyền - ủng hộ hay đả kích một ý hệ, một chế độ, chính sách. Chính các họa sĩ có tranh triển lãm cũng đã giải thích ý nghĩa chính trị của tranh họ, nhưng giải thích một cách ngược ngạo, hoàn toàn trái hẳn với chủ ý của tranh. Xa hơn, những bức tranh mà cần phải giải thích thì đủ nói lên trình độ thấp kém của người sáng tác! 154 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Các thành viên trong VAALA và người yểm trợ cho họ thì nêu ra quyền tự do phát biểu. Các anh chị tưởng rằng có được các cấp bằng MA, MS là các anh chị hiểu biết về chính trị hơn cha anh mình chẳng? Lầm to! Sự hiểu biết về chính trị xã hội không hoàn toàn dựa vào trình độ, mà là kinh nghiệm sống. Tự do nào cũng có giới hạn của chúng trong không gian và thời gian. Hình luật, dân luật là những văn bản giới hạn tự do con người. Giáo lý, đạo đức cũng giới hạn tự do con người. Có nhiều việc làm là tội lỗi theo tiêu chuẩn đạo đức mà không là tội ác theo tiêu chuẩn pháp luật, và ngược lại. Chúng tôi thách các anh chị sử dụng quyền tự do phát biểu bằng cách đem ra đường phố trưng bày một bức ảnh một cô gái ngồi dạng hai chân để lộ hết những gì kín đáo! Hay vẽ đĩa thịt heo đem phổ biến tại một thánh đường Hồi Giáo. Tự do phát biểu đấy, thử làm đi? Dân chủ tự do không nước nào bằng Hoa Kỳ. Vậy mà trong thời Chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ cũng đặt đảng Cộng Sản ra ngoài pháp luật. Hiện nay, những người tuyên thệ nhập tịch Hoa Kỳ vẫn còn phải xác nhận là không dính líu đến Cộng Sản dù rằng đối lực Liên Xô đã tan rã. Đúng thế, trong cộng đồng người Việt vẫn còn những điều cấm kỵ (Taboo, như các anh chị VAALA nhắc đến). Vì tự thân, tự tên gọi, Cộng đồng VN tại hải ngoại bao gồm tuyệt đại đa số những người ly hương vì bị đàn áp, ngược đãi trong chế độ CS. Điều này được nhắc đến hàng triệu lần trên báo chí, diễn đàn, trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Rất dễ hiểu mà quý anh chị cố tình làm bộ không hiểu. Các anh chị có thể lớn lên, có suy nghĩ riêng tư độc lập của mình mà yêu thích chế độ Cộng sản là quyền của các anh chị. Chúng tôi xin tôn trọng sự lựa chọn đó. Nhưng chúng tôi có quyền bày tỏ thất vọng về sự phản bội lý lịch của mình, bôi nhọ sự hy sinh của cha anh mình. Chúng tôi thất vọng vì trong khi những người trẻ khác đang tham gia vào các sinh hoạt cộng đồng, vào phong trào đấu tranh cho quê hương; thì có một bộ phận tự cho là con cháu thuyền nhân lại chóng quên thảm kịch của chính gia đình họ để nhận thù làm bạn. Chúng tôi gọi đây là sự phản bội đáng nguyền rủa. Ít nhất thì sau vụ này, chúng ta biết thêm được vài kẻ bội phản. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Phượng Hoàng Đẻ Kên Kên!!!!??? Chúng Nó Đang Lộ Diện! Những thập niên trước đây, ngoài vài đứa Việt Gian lác đác gồng mình tuyên bố vung vít hay công khai liên lạc làm tay sai cho bọn Việt Cộng mà đồng bào tị nạn đã điểm mặt chính xác như Vũ Đức Vượng, Kiều Quang Chấn, Lê Văn Chiêu, Trần Trường; thì 156 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về hầu hết những tay gian manh khác chỉ dám thậm thụt, lén lút đi đi về về nước nhưng vẫn cố khoác cho mình cái áo tị nạn, chống Cộng. Thậm chí có đứa còn chui sâu vào sinh hoạt cộng đồng để tạo niềm tin nơi đồng hương. Ngày nay, do nhu cầu an ninh, kinh tế của Hoa Kỳ ở vùng Đông Nam Á, chính phủ Mỹ đã có nhiều cải thiện trong mối bang giao với Việt Cộng- Tuy Trung Cộng đang chế ngự Việt Nam, nhưng chắc chắn Hoa Kỳ và các đồng minh sẽ không để yên cho Tàu thao túng ở Biển Đông. Dưa hơi vào tình hình bang giao trên, cộng với đạo quân gián điệp chính trị của Việt Cộng, cũng như vào ngân sách khổng lồ chi cho việc thực hiện Nghị Quyết 36, bọn Việt Gian dần dà công khai lộ diện. Ngày nay, chúng đi về Việt Nam đầu tư, tham gia hội nghị Việt Kiều, đọc tham luận, ra mắt sách, viết bài cho báo đảng, tiếp xúc với cán bộ cao cấp của Cộng. Khi trở về nơi cư trú, có đứa còn dám công khai tuyên bố này nọ, ca tụng sự tiến bộ mà chúng thấy được nơi những khu phố hào nhoáng bên ngoài ở Hà Nội hay Sài Gòn. Trường hợp Nguyễn Hữu Liêm - mà các luật sư Lê Duy San và Trần An Bài đã tỏ ra cương quyết đuổi ra khỏi phòng tiệc của Hội Luật Sư Việt Nam – là trường hợp điển hình vì qua những lời tuyên bố

nình bợ đáng tởm đã để lộ ra tư cách hèn mạt của một đứa xu thời phản bội. Hơn một năm qua, chúng ta đã chứng kiến việc rối loạn trong vài cộng đồng có đông người Việt tị nạn. Đặc biệt tại Houston, nơi một tay giảo hoạt đã ngoi lên từ các hoạt động đấu tranh để nắm Cộng Đồng, mới chui được vào chính quyền thành phố là sớm trở mặt qua hai bài viết cổ vũ cho việc giao thương với Vẹm và quan hệ với Tàu Cộng trong khi chúng đang xúc tiến việc cướp nước tại Việt Nam ta. Chắc chắn có bàn tay nối dài của đảng Cộng Sản qua các nhân viên điệp báo tại các toà Lãnh Sự. Những bàn tay này chìa ra hàng trăm ngàn, hàng triệu đô la. Những đồng tiền này có thể mua được những đứa hám danh, hám lợi để quây nát Cộng đồng, kiên tụng sách nhiễu hù dọa người Quốc Gia, chuẩn bị cho sự hình thành các tổ chức, hội đoàn thân Cộng. Những năm trước, khi bọn Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng đến Hoa Kỳ, con số những đứa Việt gian tham dự tiếp đón tiệc tùng với chúng chỉ lác đác, còn che mặt cúi đầu, trốn nhủi trong xe buýt. Thì nay, chúng ngang nhiên thành lập Hiệp Hội Doanh Nhân tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, những khuôn mặt gian nhân hiệp đảng càng ngày càng lộ diện nhiều hơn. Trong một văn bản mới đây tại Đức Quốc, một nhóm gồm các tên Nguyễn Công Chính, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Vũ Quốc Nam, Nguyễn Sỹ Phương, Nguyễn Mạnh Tấn, và Trần Trọng Tỵ đã đứng ra thành lập cái gọi là Liên hiệp Hội người Việt toàn Liên bang Đức với mục đích ghi rõ như sau: “Hội gồm các hội người Việt địa phương, các hội người Việt lĩnh vực, cùng các nhân sỹ, doanh nhân, tự nguyện tham gia Hội, nhằm phục vụ và bảo vệ lợi ích của cộng đồng người Việt ở cấp Liên bang trước các cơ quan công quyền Đức, Việt Nam và các tổ chức dân sự khác, góp phần xây dựng một cộng đồng người Việt vững mạnh, phát triển, hòa nhập, cùng tồn tại trong xã hội văn minh, tự do, dân chủ.” Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Hưởng về quê hương như thế nào? Có phải như những người yêu nước là hưởng về quê hương, tranh đấu cho một nền tự do dân chủ, giải phóng đồng bào khỏi ách bạo tàn của Cộng Sản? Không đâu. Chúng hưởng về quê hương để làm tội mọi cho bọn Cộng hầu kiếm chút cặn bã do chúng ném ra cho. Một trong năm nhiệm vụ của hội có ghi rõ: - ng vai trò cầu nối giữa cộng đồng người Việt ở c v i trong nư c, tham gia đóng góp ý kiến, chuyển tải tâm tư nguyện vọng của cộng đồng tới các cấp thẩm quyền liên quan. Hỗ trợ, thúc đẩy các mối quan hệ, giao lưu, giữa trong nư c v i cộng đồng người Việt ở c, v i nư c c, nh t l trong trao đổi văn hoá, x hội, inh t v thư ng mại. Trong bản Thông Báo thành lập Hội, đăng trên trang web <http://nguoiviet.de>, chúng đã minh xác mối quan hệ với nhà nước Việt Cộng như sau: “Tại cuộc gặp mặt giữa đại diện l nh đạo các hội đo n v i ại s quán Việt Nam tại c, ngày 26/12/2010, đồng đảo đại biểu đặt vấn đề, đã đến lúc cộng đồng người Việt tại CHLB Đức cần thành lập một hội người Việt toàn Liên bang” Hoặc: “Nhóm có nhiệm vụ, từ tháng 12.2010 – 2.2011, nghiên cứu Đề án Thành lập Hội người Việt toàn Liên bang, v i sự bảo trợ, giúp đỡ của ại s quán Việt Nam tại CHLB c, để đệ trình trước hội nghị các hội đoàn bàn chuyên đề chuẩn bị thành lập Hội người Việt toàn Liên bang.” Chúng ta biết rằng tình hình Cộng Đồng Việt Nam ở các nước Âu Châu phức tạp hơn tại Mỹ và Úc. Trước năm 1975, có rất ít người Việt từ miền Nam đến các nước này. Có chăng những sinh viên du học, thì một số đã bị bọn Việt Cộng đưa đón dụ dỗ theo chúng. Sau 1975, các đợt người di tản, thuyền nhân hay cựu tù nhân chính trị thì rất ít người đến các nước Âu Châu. Từ khi Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, thì làn sóng những người lao nô, du sinh gốc miền Bắc chạy tràn qua Đức, Pháp để tìm kiếm cuộc sống sung sướng hơn. Do đó, họ không phải là thành phần chống Cộng, mà có chăng, chỉ là chống lại cái nhà cầm quyền đương thời như bọn mệnh danh phản tình trong nước hiện nay mà thôi. Đó là chưa kể đến đạo quân gián điệp đồng đảo của Việt Cộng gài vào – như chúng từng cài lại miền Nam sau 1954, hay cài theo trong những chuyến tàu vượt biên, ngay cả trong nhóm những cựu tù nhân chính trị. Việc ở Đức, xin để

dành cho quý chiến hữu bên trời Âu lo giùm, chúng ta trở lại Hoa Kỳ vậy. Trong tuần qua, trên các diễn đàn lại rộ lên câu chuyện một cựu nữ thuyền nhân vừa ra mắt cuốn sách viết bằng Anh Ngữ “Boat People” tại toà soạn nhật báo Người Việt. Đó là Carina Oanh Hoàng, một người mà trên trang web của chính cô ta có ghi những 158 Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về thành công đáng kể về học vấn và doanh nghiệp tại Hoa Kỳ (nhưng cũng bị phát giác là khai láo). Carina khai rằng cô vượt biên đến Hoa Kỳ năm 15 tuổi, từng chứng kiến thảm kịch do bọn cướp biển Thái Lan tác hại trên đám thuyền nhân con tàu của cô. Cô khoe từng có những hoạt động để tìm mộ thuyền nhân trên các đảo tạm cư cho thân nhân họ. Chứng đó thôi thì cũng chẳng có gì đáng bàn. Nhưng điều trái khoáy là cô Carina này đã về Việt Nam từ năm 1987 và về ở hẳn bên đó làm ăn từ năm 1996. Carina còn là Hội Viên chính thức của cái mà VC gọi là “Hiệp Hội Doanh Nghiệp Người VN ở Nước Ngoài” , một tổ chức Việt Gian tay sai của Việt Cộng tại Mỹ. Carina Hoàng cũng từng bưng bô cho Vẹm qua câu nói: “...được sống trên chính quê hương của mình là hạnh phúc nhất.” (trích Phỏng Vấn ngày 7/7/2005 với “chuyên san Người Viễn Xứ” trên VietnamNet của VC). Người ta nói rằng khi chiếu slides giới thiệu cuốn sách Boat People của Carina Hoàng (theo ông Vũ Văn Lộc, thì cô Carina đã in hình trong sách, và ông Lộc đã đề nghị lấy ra), có đưa lên hai tấm ảnh cô bé Trần Kim Phúc bị cháy do bom napalm của Không Lực Đồng Minh và tấm ảnh Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan bắn vào đầu tên Việt Cộng Bảy Lốp. Đó là hai tấm hình mà phản chiến Hoa Kỳ đã tận dụng để tuyên truyền chống lại Chính Phủ VNCH, tạo làn sóng căm phẫn của công luận Hoa Kỳ dẫn đến việc Mỹ bỏ rơi Miền Nam chúng ta. Cô đưa hai tấm ảnh không dính dấp gì trong cuốn sách về thuyền nhân với dụng ý gì? Dựa vào mối liên hệ của Carina với nhà cầm quyền Cộng Sản, thì chúng ta đã tìm thấy câu trả lời đích thực. Cuốn sách “Boat People”, và chính cô ta “Thuyền Nhân”, là cái bề mặt ngoài che đậy cho âm mưu thực hiện mục đích mà “đồng chí” Trần Quang Hoan - Phó Chủ Nhiệm Ủy Ban về Người VN ở Nước Ngoài - đã nhấn nhủ bằng những lời lẽ ngọt ngào khi kết thúc buổi hội nghị Doanh Nhân Việt Kiều “Trong việc triển khai NQ 36, các anh chị giữ vai trò quan trọng, là cầu nối hữu hiệu với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Chúng tôi luôn lắng nghe các ý kiến của các anh chị, những gì trong phạm vi quyền hạn của UB VNVNONN chúng tôi sẽ xem xét giải quyết và hồi âm cho các anh chị rõ. Còn những vấn đề khác, chúng tôi sẽ phối hợp với các cơ quan hữu quan cùng xem xét và có hướng giải quyết cho các anh chị. Rất mong các anh chị thường xuyên quan tâm, đóng góp ý kiến cho công việc của UB VNVNONN ngày một tốt hơn.” Thì ra, cô bé mười lăm tuổi năm xưa, chấp nhận thập tử nhất sinh - từng bị bọn hải tặc đánh cướp - để ra đi tìm tự do, chỉ bảy năm sau đã quên cái vết thương nhức nhối mà quay về nơi mình từng chối bỏ để quyết chí làm tiền. Cô đã tự phản bội chính mình, phản bội người cha từng là sĩ quan cao cấp trong Quân Lực VNCH, từng bị tù đầy khổ nhục trong các trại tù Cộng Sản. Trên các diễn đàn, người ta đã gọi Carina Oanh Hoàng là con Kên Kên, có lẽ vì cô vừa đang bán sách kiếm tiền trên tử thi của những người vượt biên xấu số, vừa đang cố tuyên truyền rằng thuyền nhân ra đi là vì mưu sinh chứ không vì tội nạn Cộng Sản (trong sách Boat People, Carina Hoàng dùng chữ migration và xem những Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về người thuyền nhân là vì tránh sự đói nghèo, do đất nước bị chiến tranh tàn phá.) . Ấy thế mà lại có ông cựu Đại Tá VVL-GC ở San Jose lên tiếng bào chữa sau đã chịu khó viết một bài khá dài, nhận rằng mình đã “đem cuốn sách về đọc và viết bài điểm sách với tất cả tấm lòng.” “Nếu trích ra từng đoạn thì chỉ thấy hình ảnh của một Việt kiều đi đi về về từ 96 đến 2005.” Nếu chỉ là Việt Kiều đi về làm ăn thì cũng chẳng ai mất thì giờ bàn đến. Nhưng cô Carina Hoàng này đi xa hơn, là thứ Việt Kiều thân Cộng, và xa hơn nữa, là Việt Kiều tay sai. Nói đúng chữ là Việt Gian. Trong bài, VVL-GC nhắc lại câu nói của cha Carina Hoàng, cựu Trung Tá Hoàng Tích Hữu Ái) “Cộng sản độc tài

gọi cha là Phượng Hoàng nợ máu nhân dân, cộng hòa tự do gọi con là Kên kên ăn thịt thuyền nhân. Tôi thật tiếc cho các ông” Tôi không rõ ngày xưa ông Hoàng Tích Hữu Ái, “Phượng Hoàng” ra sao, nhưng tôi vẫn kính phục ông vì ông từng là cấp chỉ huy trong Quân Đội và đã chịu đựng 14 năm tù trong các trại tập trung của Cộng Sản. Nhưng tôi không thể nghe nổi cái lý luận rất buồn cười khi cho rằng hể cha là Phượng Hoàng thì con không thể là Kên Kên. Lịch sử cổ xưa, cận đại, và hiện đại cũng đã cho chúng ta những bài học về hoàn cảnh “Hồ phụ sinh khuyến tử” - Vua Lê Đại Hành có phải là một bậc anh hùng không? Sao lại sinh ra một Lê Long Đình hôn quân tàn bạo? - Tên bán nước Lê Chiêu Thống có phải là hậu duệ của Bình Định Vương Lê Lợi không? - Nguyễn Cao Kỳ từng là Đại Bàng Thần Phong của QLVNCH, mà cũng quay mặt, tự biến mình thành con chó đốm nhục nhã bưng bô cho Việt Cộng? Trong hoàn cảnh hiện nay, cũng có những đứa con thế hệ hai của những người cựu chiến binh VNCH, cựu tù nhân chính trị đã bôi tro trát trấu vào mặt cha chúng khi triển lãm tranh tôn thờ hình tượng Hồ Chí Minh, cờ đỏ sao vàng, vinh danh cán binh Việt Cộng là “những người chiến đấu cho tổ quốc” và mạ lị cha anh chúng là “được dạy để giết đồng bào mình” Tại sao cái bọn khốn nạn từng tuyên bố nào là “Việt Cộng đã thay đổi, tiến bộ; hạnh phúc được sống trên quê hương...”, chúng nó không cúi hẳn về bên đó mà hưởng cái hạnh phúc cho đỡ xoắn mắt người Việt chống Cộng? Hay chúng nó phải bám ở lại các nước tự do vì chúng cũng biết trước thân vận trái chanh bị vắt bỏ vỏ nếu chạy về ở hẳn bên Việt Nam? Hay chúng nó đã nhận chỉ thị phải bám lại các nước tự do để tiếp tục thi hành Nghị Quyết 36 để đối lấy vài lợi nhuận kinh doanh bên Việt Nam? 160 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Thấy Gì? Làm Gì? Trước Sự Xâm Nhập của Nghị Quyết 36? Nhìn qua những diễn biến chính trị trong sinh hoạt cộng đồng Việt tị nạn tại Hoa Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Kỳ và các nước tự do khác, chúng ta không thể không nhìn thấy một sự tiệm tiến trong việc thực thi Nghị quyết 36 do bọn nguy quyền Cộng Sản Việt Nam khởi xướng nhằm xâm nhập, tìm cách khống chế ảnh hưởng vào tập thể người Việt tị nạn chúng ta. Tại sao Nghị quyết 36 lại quan trọng đối với bọn Việt Cộng? Sau hàng chục năm dài ngoắc ngoải mà vẫn cứ lết đệt về phát triển, dẫn dắt nước đến mức lạc hậu, xếp vào hàng kém cỏi nhất trong các nước trên thế giới; Việt Cộng đã nhìn ra tiềm lực để giúp chúng không ai khác hơn là gần ba triệu người Việt hải ngoại. Nghị quyết 36 đã xác nhận “Hiện nay có khoảng 2,7 triệu người Việt Nam đang sinh sống ở gần 90 nước và vùng lãnh thổ, trong đó hơn 80% ở các nước công nghiệp phát triển, phần đông bà con ngày càng ổn định cuộc sống và hòa nhập vào xã hội nơi cư trú, c v trí nh t đ nh trong đời sống inh t , chính tr - xã hội ở nư c sở tại, c tác động ở m c độ hác nhau t i mối quan hệ giữa các nư c đ v i Việt Nam . \”... \”Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài c ti m lực inh t nh t đ nh, c mối quan hệ v i nhi u doanh nghiệp, tổ ch c inh t nư c ngo i v quốc t , c hả năng tìm i m đối tác v l m cầu nối v i các doanh nghiệp, tổ ch c trong nư c. Nhiều trí thức có trình độ học vấn và chuyên môn cao; một số người giữ vị trí quan trọng trong các cơ quan, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các công ty và tổ chức quốc tế, c hả năng tạo dựng quan hệ v i các c sở inh t , hoa học ở nư c sở tại.\” Vì thế, bằng bất cứ giá nào, Việt Cộng cũng phải tìm cách nắm lấy cộng đồng người Việt hải ngoại để khai thác. Âm mưu xâm nhập vào cộng đồng Việt được thực hiện trên nhiều mặt trận chính trị, kinh tế, và văn hoá; mà trong đó, văn hoá văn nghệ là dễ dàng nhất do khai thác sự dễ dãi, nhẹ dạ, hơi hợt, nông cạn về chính trị của một số người Việt trẻ. Muốn đánh giá đúng, chúng ta phải kết hợp tất cả những diễn biến vào một bức tranh toàn cảnh; thay vì cứ nhìn riêng rẽ từng mảnh puzzle để rồi nhận định lầm lạc phiếm diện như kiểu người mù sờ voi. Cần nhất là khi nhận định hay phê phán, chúng ta phải tự xác định vị trí của mình; là người Quốc Gia Tị Nạn, chống Cộng Sản độc tài; và không để xen vào chút mảy may nào các yếu tố khác biệt về tôn giáo, địa phương, bè phái vân vân. Về mặt trận

chính trị, trong mấy năm gần đây, bọn chóp bu Việt Cộng thay nhau liên tục đến Hoa Kỳ để vận động. Chúng tổ chức những buổi họp mặt với bọn gian thương, trí thức Việt Gian tại Bắc California, Texas, vùng DC. Trong nước, chúng tổ chức Đại hội Việt Kiều quy tụ hàng trăm những tên Việt gian từ Âu, Mỹ về xun xoe kiếm danh kiếm lợi. Về văn hoá, chúng không ngừng đưa ra nước ngoài khi thì rầm rộ những đoàn văn công, khi thì đơn lẻ vài ca sĩ có đảng tịch và đang nhận nhiệm vụ tình báo, dân vận. Đồng thời chúng tìm mọi cách mua chuộc những thành phần háo danh, háo lợi trong các tổ chức hải ngoại bằng cách tạo cho chúng các điều kiện làm ăn, mua bán dễ dàng tại 162 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Việt Nam trong khi vẫn bám chặt vào các chức vụ then chốt trong các đoàn thể tổ chức chính trị cộng đồng, hay có tính chất văn hoá lịch sử tại hải ngoại. Nổi bật nhất là vụ các đoàn văn công xuất hiện tại Úc, Bỉ, Dallas, Nam, Bắc California... như Duyên Dáng Việt Nam, chương trình ca nhạc Thảm Đỏ, ca sĩ đỏ Đàm Vĩnh Hưng; vụ các giám đốc đài Việt Nam Hải Ngoại giao tiếp với cán bộ VC; vũ rải rác khắp nơi các vụ kiện nhằm đe dọa, bịt miệng người Quốc gia tại Portland (Oregon), Austin, Dallas (Texas), Washington DC, Virginia, mà bọn Việt Gian đòi bồi thường con số hàng triệu đô la. Dù biết rằng sự thắng kiện là khó xảy ra, nhưng bọn Việt Gian này chỉ cần gây hoang mang, lo âu cho người bị kiện vì phải tốn tiền luật sư, mất rất nhiều thì giờ ảnh hưởng công ăn việc làm. Trong khi bọn chúng thì có thể dùng tiền của VC tuồn vào để đánh phá. Chúng ta không thể không nói đến hình thức xâm nhập văn hoá, xem ra có vẻ nhẹ nhàng, như các băng đĩa CD, DVD các ca khúc cho thiếu nhi, các tuồng cải lương, kịch, phim, phóng sự, các màn hài hước rẻ tiền mà không thiếu những kẻ bình dân, nông cạn sẵn sàng rước về nhà. Ngay cả trên mặt trận truyền thông, Việt Cộng cũng đang lấn sân do những tài khoản hết sức lớn để in ra những tờ báo rất đẹp, bài vở về phim kịch, thể thao, truyện ướt át rất hợp thị hiếu của đa số đồng bào tị nạn. Từ các nội dung vô thưởng vô phạt, chúng sẽ từ từ đưa vào những bài mang tính xã hội cho độc giả, thính giả làm quen với văn chương từ ngữ thấp kém của chúng trước khi chuyển hẳn qua các đề tài chính trị. Và khi đó, thì sự xâm nhập đã quá sâu để có thể hoá giải. Trong vụ Cộng Đồng Dallas Fort Worth chống văn công Đàm Vĩnh Hưng, đã thấy có vài tờ báo trước đây đứng hàng hai, nay quay phắt phản bội Cộng Đồng cũng chỉ vì đồng tiền máu của CS. Song song với những việc trên, chúng ta thấy diễn ra hàng ngày những bài báo, điện thư tấn công nhắm vào những người chống Cộng tích cực. Bọn bồi bút CS, Việt Gian đã xuyên tạc, bóp méo sự việc để chống chế cho các việc phản nghịch, sai trái trong cộng đồng (như vụ Đài Viet Nam Hải Ngoại, vụ đốt quốc kỳ ở Virginia). Chúng lôi chuyện cá nhân, gia đình hay dựng đứng chuyện nhằm bôi nhọ người Quốc gia. Chúng xúi bẩy các hội đoàn Quốc gia tranh chấp nhau, mạ lị nhau thậm tệ trên báo, diễn đàn để rồi mất lòng tin nơi đồng bào mình, tan vỡ khối đoàn kết của cộng đồng. Chúng gây chia rẽ giữa người Phật Giáo và Công Giáo; giữa các thành viên bênh và chống những vị lãnh tụ ngày xưa. Đó cũng là ngón đòn thâm độc để lôi kéo cộng đồng đi xa những nan đề chính trị nóng hổi Quốc Cộng. Tìm những phương thức để đối phó với sự xâm lăng chính trị, văn hoá, này của CS không phải dễ; nhưng cũng không thể gọi là vô phương. Là con người bình thường, rất nhiều kẻ đã không thoát khỏi sự cám dỗ của tiền tài, danh vọng, và nhan sắc. Vì thế, nên mới có những tên phản bội từ ngấm ngấm cho đến công khai. Đại Hội Việt Kiều tại Hà Nội năm ngoái đã lôi kéo được hàng trăm tên mò về tung hô, nịnh bợ CS một cách khả ố. Nhiều nhà văn, nhà thơ, y bác sĩ cũng đã về Việt Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Nam in sách, ra mắt sách để kiếm tiền và danh. Nhiều nghệ sĩ từng được áp ú trong tình thương cộng đồng cũng chạy về VN ca hát. Đầu tư kinh tế thì cũng có nhiều, cho dù đã có nhiều đũa ôm đầu máu bò của chạy lấy người hay kết thúc bi thảm trong các trại tù CS vì những tội danh bịa đặt. Đã đến lúc chúng ta phải mạnh dạn, đồng loạt lôi cổ bọn phản

bội này ra công luận. Nhất hô phải có bá ứng. Hãy tẩy chay bọn này, không cho chúng ngồi chung với người Quốc Gia. Xin hãy cương quyết và dứt khoát như việc Luật Sư Lê Duy San đã yêu cầu Ban Tổ Chức Đại Hội Luật Sư tại Cali tổng cổ tên Nguyễn Hữu Liêm ra khỏi phòng tiệc. Điều quan trọng khi nói đến hành tung của chúng, chúng ta phải có bằng chứng cụ thể để trình ra cho công luận và khi cần trình cho quan toà. Các tổ chức Cộng Đồng, hội đoàn Quân Đội nên đứng hẳn về phía chiến hữu, đồng chí của mình trong các vụ kiện, thay vì chỉ viết những câu ủng hộ có tính cách cá nhân của các vị lãnh đạo. Làm chính trị là phải chấp nhận hy sinh, chấp nhận sự phê phán từ mọi phía. Nếu chúng ta tự tin rằng mình có chính nghĩa, không làm điều gì sai với lương tâm, không phản bội lý tưởng, thì xin hãy đứng vững không để sự đe dọa làm khuất phục, không để mãnh lực đồng tiền làm mờ lương tri. Nếu có bị kiện cáo, xin coi như sự thử thách. Cho dù vài anh em chúng ta có phạm vào khe hở luật pháp Mỹ mà thua cuộc, thì chúng ta vẫn thắng trong công luận người Việt Tị Nạn. Những người hoạt động chính trị, báo chí thường là nghèo, không có tài sản gì đáng kể, nên sẽ không có gì để mất cả. Chỉ sợ những vụ bị gán cho rằng hình sự thì sẽ mất đi chút tự do. Nhưng sá gì, mạng sống còn dám hy sinh cho Tổ Quốc kia mà, biết bao người con yêu dấu Việt Nam đang bị cầm tù tại Việt Nam cũng vì hai chữ Tự Do và Nhân Quyền. Hiện nay, đang có những nỗ lực của vài luật gia và những nhà báo, nhà hoạt động Quốc Gia bị kiện để thu thập nội dung các vụ kiện, đúc kết kinh nghiệm đối phó để phổ biến cho quần chúng. Đây là việc làm rất cần thiết để chứng tỏ cho CS thấy rằng thứ vũ khí của chúng sẽ không có hiệu quả gì. Chúng ta phải quan niệm dứt khoát rằng kẻ nào xu nịnh, làm ăn, giúp đỡ kẻ thù thì cũng chẳng khác gì kẻ thù của chúng ta (dĩ nhiên chúng ta không tính đến các ngoại nhân, vì họ cũng chỉ vun xới cho quyền lợi nước họ) Nhưng ngược lại, đối với kẻ thù của kẻ thù, chúng ta cần có cách nhìn sâu sắc nhưng cởi mở hơn. Họ có thể chưa là bạn của chúng ta, nhưng không nên xô đẩy họ về phía kẻ thù. Họ có thể là con bài của CS để lừa bịp, len lỏi vào hàng ngũ chúng ta mà phá hoại công cuộc đấu tranh. Nhưng cũng có thể họ là những người thực sự chống lại chế độ CS hiện hành; nhưng do tầm nhìn và kinh nghiệm, hiểu biết quá khứ mà họ có nhiều điều bất đồng với chúng ta. Nên coi họ là đồng hành thì hơn là bày tỏ sự nghi kỵ, chống đối. Ngày xưa trong kháng chiến chống Pháp, chính bè lũ Hồ Chí Minh cũng đã đồng hành với các đảng phái Quốc Gia cho đến khi chúng cướp được chính quyền vào ngày 19 tháng 8, 1945 Cũng đã quá trễ - nhưng còn hơn không- để chúng ta nhìn lại nhau, hòa đồng với 164 Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về nhau giữa các đoàn thể tổ chức Quốc Gia. Chúng ta thừa biết không xã hội nào không có những kẻ bịp, những tổ chức bịp. Có những kẻ không có khả năng, tư cách hay có quá khứ không đẹp cũng nhảy ra múa may, đòi làm lãnh tụ. Rất đau lòng khi những tổ chức bịp này đã làm xói mòn niềm tin của đồng bào. Cũng rất đau lòng và xấu hổ khi thấy vài ông, bà lãnh đạo các tổ chức trong cộng đồng cứ lời qua tiếng lại, chửi chửi nhau năm này tháng nọ mà quên đi công việc chính là góp phần trong sinh hoạt chung. Chẳng lẽ sau 35 năm tị nạn trên mảnh đất tự do dân chủ này, họ không học được bài học nào để ngồi lại với nhau? Những ai tự thấy mình đã thấm mệt, không còn nhiệt huyết thì xin hãy âm thầm đứng ra một bên mà không làm cản trở công việc chung bằng những nhận định tiêu cực đầu hàng. Một thí dụ rất gần, tối ngày Chủ Nhật 18 tháng 7 vừa qua, Lý Tổng giả dạng xâm nhập vào xem văn nghệ ở San Jose để xịt chất cay vào mặt tên ca sĩ cán bộ VC Đàm Vĩnh Hưng. Song song với những lời hoan nghênh, cổ vũ, khoan khoái của tuyệt đại đa số người tị nạn, thì cũng đã có lác đác những phê bình không đẹp mà theo chúng tôi, phát xuất từ tình cảm thì hơn là lý trí. Đối với chúng tôi, Lý Tổng làm một việc mà ai cũng muốn làm, nhưng không dám hy sinh tự do cá nhân để làm. Ít nhất Lý Tổng đã đánh trực tiếp vào một mắt xích quan trọng của Nghị Quyết 36, làm bọn Việt Gian bầu sô chắc còn lâu mới

dám tiếp tục mời văn công VC hoặc phải tốn kém gấp bội để lo giữ an ninh; làm cho bọn ca nô VC từ nay cũng phải lo sợ, nếu có hát vì ham tiền, thì cũng vừa hát vừa run. Trong phạm vi hạn hẹp của trang báo, chúng ta không thể bàn hết mọi chuyện. Chỉ xin nhấn mạnh hai điểm chính mà chúng tôi coi là quan trọng nhất: - Giữ vững lập trường, phân định rõ ràng lẫn ranh Quốc Cộng. Từ đó, chúng ta mới dễ đoàn kết, hợp tác với nhau trong sự nghiệp chung. Nhân nhượng với bạn, nhưng kiên quyết với thù - Chấp nhận sự hy sinh trong cuộc đấu tranh. Hy sinh những sở thích, du lịch, giải trí không cần thiết để không làm lợi cho địch. Hy sinh chút thì giờ để đóng góp. Thậm chí có khi cần phải hy sinh tự do, hạnh phúc và sinh mạng. Thẳng tay vạch mặt bọn thù trong phạm vi pháp luật cho phép mà không e ngại những hệ lụy do VC sẽ tìm cách áp đặt lên chúng ta. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Thấy Gì? Làm Gì? (bài 2) Định Luật Cung Cầu Trong Thương Mại Âm Nhạc Vụ tấn công văn công Đàm Vĩnh Hưng đã gây ra nhiều tranh luận sôi nổi. Đại đa số người Việt Tị Nạn hoan nghênh hành động của Lý Tống và chửi mắng bọn Việt Gian ham tiền và lên án người đi xem. Người ta đưa ra nhiều tấm hình các cô gái đi vào hí trường mà phải che mặt bằng chiếc ví tay. Bản thân tác giả cũng rất khoái chí trong một thời gian dài sau những màn đánh đấm ngoạn mục nhắm vào sự xâm nhập văn nghệ của bọn CS. Nhưng Nói đi thì cũng phải nói lại. Hơn 35 năm qua, hình như người Việt Chống Cộng chúng ta trách người thì nhiều, mà tự trách mình thì ít. Chúng ta đã thối nhuần văn minh Tây Phương trong đó ngoài tinh thần dân chủ 166 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về tự do về chính trị, thì về kinh tế có quan niệm trọng thương, chủ nghĩa tư bản là những động lực thúc đẩy xã hội đến giàu mạnh. Một trong những chìa khoá của chủ nghĩa tư bản là luật cung cầu. Đời sống con người càng ngày càng phức tạp, đẻ ra nhiều nhu cầu để làm cuộc sống thoải mái về vật chất, thăng hoa về tinh thần. Người Mỹ hay hơn một bậc, là các nhà tư bản đã nghĩ trước giùm cho người tiêu thụ những nhu cầu mà chính người tiêu thụ còn lâu mới nghĩ đến. Vì vậy, khi những sản phẩm mới được tung ra, là được chiếu cố nồng nhiệt ngay. Cứ xem trong một chiếc xe hơi thì thấy rõ. Nào là chỗ đựng ly, chỗ đựng băng CD, chỗ đựng kính mát, ghế ngồi có thể điều chỉnh nhiều vị thế khác nhau, các bộ phận điện tử để điều khiển ... Vậy mà chúng ta từng quen biết với văn minh Mỹ từ thập niên 50 của thế kỷ trước, cộng với hơn 35 năm sống ngay trên đất Mỹ; chúng ta vẫn không chịu nhìn thấy định luật cung cầu này trong các lãnh vực văn hoá văn nghệ. Thử làm con tính. Trong gần 3 triệu người Việt hải ngoại, con số người tị nạn thuộc thế hệ 1 nay còn lại bao nhiêu? Sau 35 năm, còn lại bao nhiêu? Lấy gia đình mình ra làm mẫu, thì chúng ta biết rằng có ít nhất trên 80 phần trăm là thuộc thế hệ hai và ba, và bốn... Cộng với hàng trăm ngàn người Việt đến Mỹ trong các chương trình đoàn tụ, hôn nhân, du học rồi ở lại ... Thì con số những người khác biệt quan điểm. trình độ thường ngoạn với chúng ta phải là một con số đáng cho chúng ta lưu ý. Đặc biệt, rất nhiều người trẻ đến Hoa Kỳ sau này không hề có một ý thức chính trị nào. Họ sinh ra, lớn lên trong lòng chế độ CS; họ không hề biết đến một chế độ Cộng Hòa, với nền văn nghệ phong phú nhân bản tiền 1975. Hàng chục năm qua, chỉ biết có một thứ văn nghệ trong nước, chỉ biết đến các “thần tượng” Mỹ Tâm Đàm Vĩnh Hưng.... Mỗi người, tùy hoàn cảnh sống, trình độ, mà có những sở thích thường ngoạn khác nhau. Ngày xưa, khi chúng ta mê thích các bản nhạc tiền chiến, chuộng các ca sĩ Thái Thanh Thái Hằng, Sĩ Phú,... thì những người lính của chúng ta chỉ nghe Giang Tử, Phương Hoài Tâm, Thanh Tuyền, những người gốc miền Nam thì chỉ biết Hùng Cường, Phương Liên, Út Trà Ôn... Sở thích văn nghệ, thị hiếu rất khó thuyết phục và chắc chắn là không thể cấm đoán được. Ngày nay cũng thế thôi. Những vị từng cầm súng chiến đấu, quý bà lớn tuổi thì vẫn còn tha thiết đến nền văn nghệ xưa, với anh tiền tuyến, em hậu phương; Người Ở Lại Charlie, Chiều Mưa Biên Giới... Còn con em chúng ta thì sao? Họ còn trẻ, họ phải tìm loại nhạc thích hợp với lứa

tuổi, tâm tình của họ chứ? Đặc biệt, những người trẻ mới từ VN qua, họ cũng không thể nào thấm nổi những giai điệu tiền 75, và cũng chưa tiêu hoá được các loại nhạc mới theo âm điệu Tây Phương. Các nhạc sĩ, ca sĩ, nhà làm băng nhạc đã vì quá chiều sở thích của thế hệ 1, mà có phần lơ là đối với thế hệ 2, 3. Phải nói thẳng ra là họ cũng sợ bị phê phán nặng nề nếu có chút lệch lạc. Các ca sĩ thế hệ chúng ta thì ngày nay đã tròn trềm 60, 70. Có bơm nhiều botox vào mà lên sân khấu thì cũng thấy hình ảnh của uá tàn, sao sao ấy, nhất là giọng Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về hát đã không còn trong trẻo, lên các nốt cao đã thấy bể tiếng. Các ca sĩ trẻ hơn thì cứ bắt họ đóng lên người bộ quân phục để hát thay cho tâm tình chúng ta mà họ không thể đem được vào trong lời ca tiếng hát và cách diễn đạt. Đã qua thập niên thứ hai thiên niên kỷ 2000, mà cứ bắt họ hát, nghe nhạc của 40, 50 năm trước là sao? Nếu cứ tạm chấp nhận những show như thế cho thế hệ 1, thì thế hệ 2, 3 cũng có quyền đòi hỏi thoả mãn nhu cầu của họ. Ví như một hố trống, nếu chúng ta không nhanh tay đổ nước thanh khiết của chúng ta vào, thì bọn đổ sẽ cho tràn vào thứ nước ô nhiễm của chúng. Tôi đã đến nhiều gia đình cựu tù nhân Chính trị, cựu quân nhân QLVNCH, và thấy ngay chính họ (hay ít ra thì con cái họ) thường thức say mê những đĩa nhạc CD, DVD nhập cảng hay sang lậu từ VN, con cháu họ thì hàng ngày được giải trí bằng những chương trình thiếu nhi do bên VN quay và bán ra. Vậy thì khi các vị đội nắng dầm mưa đi biểu tình phản kháng Tham Đồ, Duyên Dáng VN, Đàm Vĩnh Hưng... quý vị có thấy cần thiết phải làm sạch trong nhà mình trước không? Chúng ta chống những ca sĩ VC, chửi mắng bọn bầu sô, cai thầu văn nghệ, lên án những khán giả đi xem. Nhưng chúng ta quên rằng chính chúng ta đã không đáp ứng được nhu cầu văn hoá văn nghệ của quần chúng, nên họ phải đi vuột ra khỏi tầm tay chúng ta. Chờ cho văn công VC đến ca hát rồi mới phản đối là hạ sách. Tìm phương kế để ngăn chúng đến là trung sách. Tạo ra điều kiện để lôi kéo khán giả về với mình mới là thượng sách. Để được như vậy, các tổ chức Cộng Đồng chúng ta nên khuyến khích các nhà hoạt động văn nghệ, văn hoá nhắm vào đối tượng trẻ mà sáng tác, phục vụ. Nên có những cuộc thi sáng tác, tuyển lựa ca sĩ mới với những bản nhạc trẻ trung thích hợp với lứa tuổi của họ. Tại chúng ta chưa làm hay làm chưa tới, chứ không phải không làm được. Nói đến việc vun bồi cho thế hệ hai, thiết tưởng đây là vấn đề đã được rất nhiều người lên tiếng từ bao năm qua. Nhưng nhìn lại, xem thử chúng ta đã làm được gì? Thế hệ hai của chúng ta hiện đang ở độ tuổi 40, 50 cả rồi. Họ đã rất thành công trên đường đời, có học vấn cao, có địa vị khá trong xã hội Mỹ. Nhưng ngoài việc đảm trách các lễ nghi chào kính như nhóm Young Marines, Hậu Duệ Võ Bị..., họ đã góp được bao nhiêu cho sự nghiệp chống Cộng về các lãnh vực khác như văn hoá văn nghệ, tuyên huấn... ? Hay là đã có nhiều người tham gia dòng chính rồi vì quyền lợi, danh vọng cá nhân mà càng ngày càng xa rời chính nghĩa của cha anh? Đó là do chính chúng ta biết, đề ra, lập ra, nhưng không ai để tâm sức vun bồi cho họ. Có phải chúng ta lại đi vào bánh xe “đầu voi đuôi chuột”? Hay chính vì thế hệ cha anh mãi lo tranh chấp, xung đột, làm cho họ đâm ra mất sự tin tưởng và tự đi tìm phương hướng cho chính họ? Thế là cái bẫy của Nghị Quyết 36 giương ra, sẵn sàng nuốt vội những con mồi háo danh, háo lợi như trường hợp Brian Đoàn, Danny Đoàn Nguyễn, Frank Vũ, Lisa Lê, Dũng Taylor... 168 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Thế hệ thứ ba thì đã Mỹ lắm rồi, chúng ta không lo chúng bị ảnh hưởng bởi văn hoá CS nữa. Nhưng vẫn phải canh chừng để chúng không vì những quan điểm phóng khoáng mà bị CS lợi dụng qua những chiêu bài nhân đạo, phát triển... Thế hệ 1 chỉ còn 10, tối đa 20 năm nữa là xong, thanh thản từ giả cõi đời ô trọc này. Xin chấm dứt những đổ kỵ, xung khắc mà bắt tay ngay vào những việc làm thiết thực để giữ cho thế hệ hai đi đúng con đường của mình mong muốn. Tệ Trạng Ca Sĩ Hải Ngoại về Ca Hát ở Việt Nam, Trách Chi Những Kẻ Chi Biết Lợi Nhuận Ngày xưa, ông Đào Duy Từ tuy là một nhân tài lỗi lạc, nhưng vì là con của một

đào hát cô đầu, nên không được đi thi để ra làm quan như các sĩ tử khác. Xã hội Việt Nam cho đến thời Cộng Hoà, vẫn coi những người hoạt động trong giới ca hát là thấp kém nhất; không có trong sự xếp loại “Sĩ, Nông, Công, Thương, Binh”. Vì thế, mới có chữ “Xướng Ca Vô Loài” Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Khác với xã hội Tây Phương mà nghệ thuật trình diễn đã được coi trọng từ hàng trăm năm trước, nhất là khi có quan điểm tân tiến về bình đẳng xã hội; Việt Nam ta vẫn coi nhẹ nghề ca hát, kịch trường. Một phần do ảnh hưởng phong kiến, một phần cũng do tự những giới trong nghề trình diễn phần lớn xuất thân kém cỏi và ít chịu thăng tiến về kiến thức và phẩm cách. Họ thường nổi lên do chút tài thiên phú. Có một số ít học, mà không qua các lớp đào tạo để có những kiến thức cơ bản trong nghề và các kiến thức về xã hội. Vì thế, một phần của giới này có lối sống buông thả, thiếu phẩm hạnh, thiên về lợi danh. Theo làn sóng người di tản tị nạn Cộng Sản, các ca sĩ nhạc sĩ cũng có mặt rất sớm trên mảnh đất tự do. Sau đó, những chuyến vượt biên, đoàn tụ đã đem lại thêm rất nhiều người tài danh để đủ khả năng hình thành một sinh hoạt văn nghệ sống động tại Hoa Kỳ và các nước tự do – là món ăn tinh thần không thể thiếu được của những người Việt mới định cư, chưa hội nhập vào đời sống văn hoá hoàn toàn khác lạ của các nước sở tại. Những năm khi còn ở trong các trại tù Cộng Sản, chúng tôi luôn luôn nuối tiếc về sự “khai tử” của nền văn hoá văn nghệ phong phú của miền Nam Tự do. Nhưng nhờ các ca, nhạc sĩ di tản, nền văn hoá, văn nghệ đã được hồi phục và phát triển mạnh. Các bản nhạc được ghi chép lại, trình diễn và phổ biến rộng rãi đã trở thành niềm vui và hy vọng cho hàng triệu người Việt chúng ta không những ở hải ngoại mà cả ngay trong nước. Đó là điểm son mà chúng tôi không hề quên. Người Việt hải ngoại đã trả công xứng đáng cho các ca, nhạc sĩ, các chương trình Thúy Nga, Asia, các đại nhạc hội tổ chức khắp nơi bằng sự tham dự đông đảo, bằng các bài báo vinh danh, quảng bá. Những tưởng rằng tấm lòng của họ sẽ chung thủy với sự cố vũ, đùm bọc của đồng hương. Nhưng mấy năm gần đây, làn sóng những ca (có vài nhạc sĩ) quay bước trở về Việt Nam để mua nhà, mở tiệm, ca hát càng ngày càng tăng. Thậm chí có những ca nhạc sĩ còn lếu láo tuyên bố ca tụng Cộng Sản và được Cộng Sản ban cấp bằng khen ve vuốt. Những người này không lâu trước đây còn đứng trên sân khấu Asia, Thúy Nga, mặc áo lính, hát những bài ca tụng chế độ Cộng Hoà, vinh danh người lính miền Nam; thì dùng một phát, trở mặt thấy xuất hiện trên sân khấu Sài Gòn. Có những ca sĩ trở mặt nhiều lần, từ đỏ sang vàng, kiếm được chồng sang, kiếm được chút vốn, lại trở từ vàng sang đỏ. Có kẻ sau khi về đỏ, bị lừa bịp, hất cẳng lại từ đỏ sang vàng nhanh đến chóng mặt. Sự trở cờ, quay mặt này làm hao tổn không ít bút mực lời bàn trên các trang web, báo chí hải ngoại. Người ta lên án, chê bai thậm chí thóa mạ bằng nhiều chữ rất tàn độc. Đa phần là do các ca sĩ đã luống tuổi, giọng ca đã bể không còn hơi. Ở hải ngoại, khan giả còn chút cảm tình mà chấp nhận. Họ tưởng có thể mò về Việt Nam để được vỗ tay vì chút dư âm của dĩ vãng xa xưa. Người ta đã miệt thị những kẻ này bằng các chữ khó nghe như “con Nhện Trắng Gò Công”, “Nguyễn Cao Kỳ Cầu”, “Trịnh Hủi” ... Người viết bài này đã hơn một lần lên tiếng đề nghị không nên mất thì giờ về 170 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về những ca sĩ này. Vì xét cho cùng, họ không phản bội điều gì cả. Họ không tôn thờ lý tưởng nào mà chỉ là những người làm tiền, kiếm danh vọng. Ngoài một số ít các ca nhạc sĩ có trình độ, có ý thức chính trị như Lê Dinh, Duy Khánh, Lam Phương, Ngọc Minh... đa số không hề có chút lập trường, nhận thức chính trị nào. Họ ra đi khỏi Việt Nam là để trốn chạy một chế độ mà họ không thể sống thoải mái được như trong một xã hội tự do. Điểm này có vẻ nghịch lý, vì kinh tế cũng là một phần trong phạm trù chính trị. Nhưng trong thâm tâm họ, họ không có cái tầm nhìn như thế. Vì thế, khi có cuộc sống thoải mái ở nước ngoài, mà lại được đi về Việt Nam ca hát, thì họ tận dụng ngay cơ hội. Mục đích của họ chỉ là tiền và danh thôi. Lỗi là tại chúng ta đặt quá nhiều kỳ vọng vào họ và đánh

giá họ cao hơn nhiều thực chất của họ. Đơn thuần, họ là những nghệ sĩ, chỉ biết đồng tiền và danh vọng. Những nhạc sĩ khi viết bản nhạc do tình cảm thẩm thiết với đối tượng, âm điệu nhạc sẽ có hồn, và lời nhạc sẽ thanh thoát (đó là Chiều Mưa Biên Giới, Anh Đi Chiến Dịch, Ngày Trở Về, Quê Nghèo...); trái lại thì chỉ là những nốt sol, đô, mi rập vội vàng cho đủ một bài ca, cho đúng nhạc lý, và lời thì chấp vá, ngọng nghịu đến vô duyên. Người ca sĩ khi hát vì sự đồng cảm với nội dung bài hát thì giọng hát tuyệt vời, thấm vào từng thớ thịt, giòng máu người nghe, làm cho họ xúc động đến rơi lệ. Ngược lại, thì chỉ là một giải trí cho qua thời gian mà không để lại một ấn tượng nào. Trong cuốn phim "From Here to Eternity", khi Binh Nhì Angelo Maggio (do Frank Sinatra đóng) bị tên Thượng Sĩ Pì Lũ Fatso Judson (Ernest Borgnine) bắt nhốt và đánh chết; người bạn rất thân là Binh Nhì Robert Lee Prewitt (Montgomery Cliff) đã thổi ba hồi kèn tiễn biệt lúc sáng mai với nước mắt ràn rụa. Âm vang thốn thức từ đáy con tim của người lính nghệ sĩ đã làm cho cả doanh trại đều ngời dậy nhìn ra và cảm xúc tột cùng. Chúng ta đang sống trong một xã hội tư bản do chúng ta lựa chọn và chấp nhận (dù chỉ là sự lựa chọn bắt buộc giữa hai chế độ Tư bản và Cộng sản). Chế độ Tư bản dựa trên lợi nhuận, và luật cung cầu. Khi có cầu, thì mới có cung. Hết nhu cầu về phương diện này, thì nhà sản xuất xoay qua cung cấp cho mặt khác đang có nhu cầu nổi lên. Họ làm thế vì lợi nhuận chứ không hoàn toàn vì lòng yêu thương phục vụ khách hàng. Dù rằng trên các quảng cáo, luôn luôn mở miệng nói: "We are here for you". Phải nói rằng "we are here for money!" mới đúng. Các ca nhạc sĩ, các nhà sản xuất băng đĩa không là ngoại lệ. Họ phải sống trước đã. Ngay cả anh chị em cựu tù nhân chính trị cũng thế thôi. Những năm mới qua Mỹ, đi làm thuê cho các hãng xưởng, họ rất hăng hái chống cộng. Họ lên án văn hoá phẩm VC, họ chê trách những ai nghe nhạc VC, đọc báo VC. Nhưng sau khi có một số vốn bỏ ra đầu tư, những người kinh doanh về sách báo, băng nhạc, phim ảnh đã sớm chiều theo thị hiếu khách hàng mà nhập cảng những băng nhạc, DVD từ Việt Nam với nội dung ban đầu là những bài hát cho trẻ em, rồi đến những băng hài hước rẻ tiền, và sau đó, không ngần ngại nhập luôn những băng phim truyện mà chắc chắn có ít nhiều tuyên truyền cho CS. Câu trả lời của họ luôn luôn là: "Minh buôn bán, thì khách hỏi gì phải tìm cho có!!!" Các vị chủ chợ, địa ốc, chuyển tiền thì khỏi nói. Làm sao mà họ không bị quyến rũ Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về bởi mức lời hàng chục, hàng trăm ngàn đô la mỗi tháng? Chúng ta thử nghe một đoạn của ông Nam Lộc, một MC chuyên nghiệp mà nhiều người tị nạn rất ngưỡng mộ khi trả lời phóng viên Xuân Hồng của đài BBC trong chương trình "Lá Thư Hàng Tuần" phát thanh sáng Thứ Bảy 26 tháng 5, 2007 tại Hoa Kỳ Trích: Xuân Hồng: Xin ông Nam Lộc cho biết các chương trình ca nhạc của Trung tâm Asia thường dựa vào những yếu tố nào để thực hiện? Nam Lộc: Thừa anh, Asia Entertainment là một trung tâm ca nhạc và sinh hoạt nghệ thuật tư nhân phục vụ cho khán thính giả người Việt tại hải ngoại. Do đó khi thực hiện các chương trình ca nhạc, chúng tôi hoàn toàn dựa vào cảm quan cùng nhu cầu thưởng ngoạn của người tiêu thụ. Chính vì thế mà hầu hết các nhạc phẩm được sử dụng và trình bày trong mọi đĩa nhạc đều là những ca khúc được khán thính giả yêu thích hoặc yêu cầu, vì nó phản ánh đúng tâm trạng, hoàn cảnh cùng nỗi niềm và thị hiếu của người nghe. Có thể thì khán thính giả mới mua DVD và trung tâm mới có lợi nhuận để tiếp tục thực hiện các sản phẩm mới. Ngưng trích Vậy thì khi Cộng Đồng tị nạn chống Cộng tích cực thì họ làm băng nhạc, hát các bài chống Cộng. Khi Cộng Đồng chống Cộng yếu đi, và có thể kiếm tiền ở quốc nội, thì họ đi hai hàng. Khi Cộng Đồng hải ngoại không còn là con bò sữa, do những đợt di dân sau này với hàng loạt khán thính giả mới đến Hoa Kỳ càng ngày càng đông không thiết tha gì với nhạc cũ miền Nam thì họ bắt buộc phải chuyển qua loại nhạc khác mà có thể là nhạc từ Việt Nam; hay mò về Việt Nam quay phim, ca hát ca tụng Việt Cộng để kiếm tiền ở Việt Nam. Tóm lại,

một khi đã bước vào vòng doanh thương, chỉ có tiền là "mục tiêu tối hậu". Tổ quốc, đồng bào chỉ là những khái niệm xa lạ, mơ hồ. Tiền đếm được, mua được những ước muốn, áo quần, nữ trang đua đòi vì nhu cầu ăn diện của giới nghệ sĩ rất cao. Cái lỗi là do chúng ta đã kỳ vọng vào những điều mà họ không hề có; và đánh giá họ quá cao so với tầm vóc của họ. Nhưng cũng xin đừng quơ đũa cả nắm mà mắng mỏ người ta là xướng danh vô loài, tội nghiệp cho những nghệ sĩ có lòng và có tư cách. Cuối Đông năm Kỷ Sửu, Jan. 2010. 172

Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Nhìn lại kinh tế Việt Nam những năm qua Những tiến bộ và khó khăn Sự suy thoái kinh tế tại Hoa Kỳ kéo theo một loạt những khủng hoảng tại hầu hết các nước trên thế giới, dù là nước giàu mạnh phát triển hay là nước nghèo khó, chậm tiến. Việt Nam cũng không thoát ra ngoài ảnh hưởng đó, mà còn sâu nặng hơn. Họ đang đối diện với muôn vàn khó khăn cả về kinh tế lẫn xã hội. Và điều không thể tránh được là ảnh hưởng sâu sắc của chúng ta đề lên hệ thống chính trị Cộng Sản mà sự tồn tại hay tiêu vong sẽ tùy vào khả năng đáp ứng khôn ngoan của những người lãnh đạo. Điều này có lẽ rất đáng nghi ngờ đối với một tập đoàn mà khả năng và kiến thức kinh tế rất hạn hẹp trong khi tham vọng quyền lực thì quá to lớn. Trong năm qua, Việt Nam đã lâm vào tình trạng phá sản của hàng loạt doanh Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về nghiệp. Theo Liên Đoàn Lao Động Sài Gòn, từ đầu năm đến nay, có khoảng 17 doanh nghiệp bị giải thể, làm hàng ngàn công nhân thất nghiệp. Thêm 16 doanh nghiệp ngất ngư. Tính theo tỷ lệ thì toàn quốc có khoảng 20% doanh nghiệp vừa và nhỏ bị phá sản, 60% khác đang thoi thóp. Hơn 50% doanh nghiệp trong nước báo cáo đang thua lỗ và khoảng 60% doanh nghiệp nước ngoài có báo cáo tương tự. Đa số doanh nghiệp đang rơi vào tình trạng hết sức bi đát và tương lai của công nhân là bóng tối ở cuối con đường. Nhân dịp cuối năm, chúng ta thử tính sổ xem Việt Nam đã đạt được những bước tiến nào, và còn tồn tại những khó khăn nào Khách quan mà nói, thì từ hai thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã có một sự tăng trưởng kinh tế khá cao (trung bình 6% mỗi năm từ 2003 đến 2007), tuy nhiên những cải cách vẫn còn rất dưới mức khả hữu để đưa Việt Nam lên ngang hàng những nước có lợi tức trung bình, tức là những nước kém mở mang. Sự tăng trưởng cao không có gì đáng ngạc nhiên cả. Vì những nước kém phát triển so với các nước phát triển, như các em bé sơ sinh so với người đã trưởng thành. Trẻ thơ lớn lên thấy rõ từng ngày; trong khi người lớn thì gần mức bão hòa, chẳng thấy mấy lớn thêm. Do đó, người ta không lấy mức tăng trưởng để lượng giá, mà phải so sánh với những nước trong cùng một nhóm với nhau. Lấy tổng sản lượng quốc gia chia cho đầu người (GDP per Capita), thì Việt Nam ở mức dưới 1000 đô la, chỉ cao hơn Cambodia và Nigeria; so với Malaysia và Mexico (thuộc nhóm trung bình) là 12000 đô la, Mỹ là \$45000 (thuộc nhóm phát triển). Lực lượng công nhân được tận dụng chỉ ở mức 54%. Nếu chia Tổng sản lượng cho số nhân công, (GDP per employee) thì nhân công Việt Nam làm ra được 5000 đô la mỗi năm. Tuy nhiên, mức lương trung bình hàng tháng dưới US\$50, thấp hơn cả Kampuchea. Nói chung, so với các nước có lợi tức thấp, VN vẫn ở dưới mức trung bình. Đầu tư của tư bản nội địa chiếm 33% của GDP, có khuynh hướng giảm dần so với các năm trước. Đầu tư ngoại quốc chiếm 62%, có gia tăng. Tuy nhiên gần đây, nhiều nước đã biểu lộ sự thất vọng và sẽ rút đầu tư. Nhật sau vụ quan chức Việt Nam nhận hối lộ bị đổ bể là một thí dụ. Về xuất cảng, Việt Nam có gia tăng, chiếm 80% GDP. Nhưng mức nhập cũng tăng lên đáng kể. Việt Nam vẫn quanh quẩn xuất cảng nguyên vật liệu là chính. Kế đó là bán thành phẩm. Sản phẩm biến chế và dịch vụ thì rất thấp (chỉ chiếm 0.25% của tổng số xuất cảng dịch vụ thế giới (world export share). Do đâu mà có tình trạng kém cỏi như trên? Chúng ta thử nhìn sâu vào các vấn đề quản lý và sách lược kinh tế của Cộng Sản Việt Nam trong thời gian vừa qua: 1.- Đánh giá khả năng cạnh tranh trong kinh tế Việt Nam: Khả năng cạnh tranh kinh tế của một nước lệ thuộc vào tính sản xuất 174 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về

(productivity) trong đó có sự xử dụng hiệu quả nguồn vốn, nhân lực, và tài nguyên. Tính sản xuất dẫn đến mức sống khả hữu như mức lương, lợi nhuận từ nguồn vốn và tài nguyên. Nó phát xuất từ sự phối hợp của doanh nghiệp bản địa và ngoại quốc, trong đó công nghiệp bản địa là căn bản cho sự cạnh tranh. Các khu vực tư nhân và quốc doanh phải đóng các vai trò khác nhau nhưng phải liên đới nhau. Sự cạnh tranh trong kinh tế đại tượng hay còn gọi là vĩ mô (Macroeconomic competitiveness) là điều kiện cần nhưng chưa đủ tạo ra khả năng sản xuất tính cao. Tính sản xuất lệ thuộc vào sự cải thiện năng lực của kinh tế tiểu tượng hay vi mô (microeconomic capability) và sự tể nhị trong cạnh tranh địa phương. Cạnh tranh trong kinh tế vĩ mô (Macroeconomic Competitiveness) có liên quan đến hạ tầng kiến trúc xã hội và định chế chính trị. Chúng ta cũng phải kể đến tiềm năng căn bản về nhân lực. Đó là nền giáo dục, hệ thống y tế. Một nước phải có đủ tự do chính trị, bảo đảm nhân quyền, sự ổn định khả tín, hệ thống luật pháp độc lập, hữu hiệu, hành chánh trong sạch. Các chính sách về kinh tế vĩ mô gồm chính sách về tài chánh (thâm thủng hay thặng dư của chính phủ, các món nợ của nhà nước, mức tiết kiệm và mức độ đầu tư, sự lạm phát, mức tiền lời, sự hữu hiệu của chính phủ, sự tập trung trong việc hoạch định chính sách kinh tế) Dựa vào những tiêu chuẩn trên, chúng ta có thể đánh giá: Việt Nam nói rất nhiều về các dịch vụ công cộng căn bản, nhưng phẩm chất thì rất tồi tệ. Nhờ vào chế độ độc tài và nền pháp luật khắt khe, Việt Nam có sự ổn định chính trị cao hơn nhiều nước dân chủ thực sự. Tuy nhiên, sự ổn định không bù được khó khăn tham nhũng, và thiếu hữu hiệu trong việc thi hành pháp luật, thiếu hẳn sự đối thoại kinh tế và chính trị. Việt Nam bị liệt vào nhóm của khoảng 10 nước tham nhũng nhất thế giới nhưng lại có khuynh hướng cải thiện rất thấp trong những năm qua (2%). Từ đó, Việt Nam không được sự tín nhiệm của quốc tế. Ngoài tham nhũng, còn điểm xấu là thiếu phẩm chất trong sự điều hành và tuân thủ pháp luật. Cạnh tranh trong kinh tế vĩ mô (hay Đại tượng) liên quan đến môi trường doanh nghiệp, Sách lược cho các hãng xưởng và đối thủ cạnh tranh. Không thể thiếu các luật lệ địa phương, sự khen thưởng để khuyến khích đầu tư, và sản xuất. (vốn, sáng chế...), Cạnh tranh mức địa phương, cởi mở cho sự cạnh tranh ngoại quốc và nội địa. Về các tiêu chuẩn này, Việt Nam còn rất kém. Việt Nam cũng kém về các điều kiện tiên khởi là nhân lực, vốn có sẵn, hạ tầng cơ sở, hành chánh hạ tầng (đăng bộ, giấy phép...), thông tin và sự rành mạch, rõ ràng, hạ tầng về kỹ thuật và khoa học, cùng các kỹ nghệ yểm trợ và cung cấp. Những nhà lãnh đạo kinh tế Việt Nam thiếu hiểu biết tính phức tạp của nhu cầu và khách hàng (phẩm chất, an toàn, tiêu chuẩn về môi sinh). Do đó, hàng hoá Việt Nam thường bị chê tại nhiều nước và ngay trong quốc nội.. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Sự can thiệp của chính phủ do quá thai chính sách kinh tế Tư bản nhưng theo định hướng Xã hội chủ nghĩa đẩy Việt Nam xuống hàng 119 trong các quốc gia thiếu cởi mở về kinh tế. và là trở ngại ngăn cản ngoại thương (thuế nhập khẩu quá cao) (hàng thứ 113). Đó cũng là yếu tố làm chậm sự cạnh tranh. 2.- Về môi trường doanh nghiệp: Những năm sau này, Việt Nam phát triển hệ thống thông tin, điện thoại (đứng thứ 72). Có sự gia tăng trong cạnh tranh giữa các địa phương (hàng thứ 75) Nhưng như vừa dẫn trên, Việt Nam có các bất lợi lớn như sự can thiệp của chính phủ cao, hàng rào thuế quan khắt khe (113), thiếu năng lượng (109), thiếu tài trợ, sự phức tạp của cơ cấu thị trường tài chánh (109), thiếu sự sáng tạo (99), hệ thống tiếp vận, giao thông, đường sá kém cỏi (96) Người ta cũng phê bình mức tổn kém trong việc doanh thương tại Việt Nam: kém nhất về bảo vệ đầu tư, thuế cao. Trong những năm qua, sự tranh chấp đất đai tại các thành phố, vấn đề sở hữu đất đai vùng quê cũng gay gắt, không nhìn thấy khả năng giải quyết mà còn có thể dẫn đến xung đột trầm trọng. Nói rõ hơn, có thể đưa đến cách mạng lật đổ. Việt Nam hiện nay là một nước mà công nghiệp quốc doanh (State-Owned Enterprises -SOEs) còn đóng vai trò then chốt dù rằng đã

có sự hứa hẹn sẽ tư hữu hoá vài lãnh vực. Tiếng là quốc doanh, nhưng các cấp điều hành lạm quyền mà chính phủ lại thiếu sự kiểm soát. Cho nên, hậu quả tất yếu là chỉ đem lại sự thất bại. Các công ty tư nhân thì ngần ngại khi nhảy vào nền kinh tế. Nạn tham nhũng càng ngày càng nghiêm trọng. Sự ổn định kinh tế bị xấu đi do tiền đầu tư quá lớn mà lại dựa vào nợ hơn là tiền có sẵn. Dù rằng ngân sách và các món nợ ở mức tạm chấp nhận, ngân sách Việt Nam vẫn còn lệ thuộc nặng nề vào viện trợ của ngoại quốc hơn là tự túc, và tình trạng lạm phát ở mức phi mã.. 3.- Một kế sách lâu dài, hợp lý và hợp thời? 31.- Một sách lược và chương trình tư hữu hoá phải dựa vào sự thay đổi cấu trúc hơn là sự thay đổi quyền làm chủ. Nó phải song hành với sự mở cửa thị trường tự do và chính sách để kích thích sự cạnh tranh, phát huy những tài năng mới. Trong những năm qua, CSVN từng liên tiếp hứa hẹn sẽ trừ nạn tham nhũng để làm an tâm những nhà đầu tư ngoại quốc. Nhưng thực tế, việc này bất khả thi vì chính các lãnh đạo chóp bu lại là những tay tham nhũng gộc. Do đâu mà họ có hàng tỷ đô la gửi ngân hàng ngoại quốc, cuộc sống của họ xa hoa ngang hàng với các vua Ả Rập và tỷ phú Hoa Kỳ. Họ chỉ đưa ra xử vài vụ đã bị phát giác và ở cấp thừa hành hay trung cấp mà thôi. Có khi cho chìm xuống luôn. Vì thế, giới quan sát ngoại quốc đã rộng lượng lắm mới phê rằng có những tiến bộ rất nhỏ. Việc bài trừ tham nhũng phải được nâng lên hàng quốc sách. Nhưng ai là người thi hành và kiểm soát việc thi hành khi các cấp đảng từ Bộ Chính Trị trở xuống đều là tội phạm? Việt Cộng cố tình duy trì sự phức tạp về quy luật điều hành, hạn chế các kỹ thuật 176 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về thông tin để dễ bề thao túng và kiểm soát. Nạn tham nhũng, một trong những nguyên nhân của sự chậm phát triển sẽ không dứt nếu họ không soạn ra những quy luật rõ ràng, minh bạch; cải thiện hạ tầng, cải tổ sâu sắc thị trường tài chính, hạ giá thành trong các thủ tục để bắt đầu một doanh nghiệp. Cho báo chí hoàn toàn tự do. 32.- Khuyến khích tài năng qua sự tưởng thưởng những phát minh, hiệu quả sản xuất. VN đã có những đầu tư ở cấp hạ tầng, nhưng chưa có sức tác động và đồng bộ với sức phát triển kinh tế chung. Có nhiều nỗ lực bị chòng chéo nhau và dẫn đến bế tắc nghiêm trọng. Nhờ sự gia nhập vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO), VN đã có những tiến bộ nhất định về thị trường tài chính. Nhưng ngay trước khi có sự khủng hoảng tài chính thế giới, thì VN đã biểu lộ sự suy yếu và đã có những mâu thuẫn (constraints) nội tại của các công ty tư nhân. Đó là thách thức lớn nhất mà sẽ còn ảnh hưởng về lâu. Dù đã đề ra mục tiêu cải tổ về quy chế, nhưng thiếu những khảo hướng từ gốc rễ, doanh nhân và công dân VN khó thoát khỏi những rắc rối chòng chất khi cần lo các thủ tục và tiếp xúc với nhà cầm quyền mọi cấp. 32.- Về đào tạo nhân tài: Tuy có sự gia tăng về sĩ số sinh viên, nhưng chất lượng giáo dục quá kém và không theo kịp tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế. Ngoài ra, VN cũng thiếu hẳn một hệ thống huấn nghệ và tu nghiệp thích ứng. Do đó, không đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của các công ty. VN tuy nói rằng phát triển khu vực công nghiệp tư doanh, nhưng họ vẫn bám chặt vào khu vực quốc doanh vì đó là nơi mà các quan chức thiếu khả năng nhưng lại có nhiều quyền thế để bòn rút tài sản nhà nước và nhận hối lộ. Để bảo vệ khu vực quốc doanh, Việt Cộng tạo ra nhiều khó khăn cho tư nhân đầu tư, giao thương những ngành sinh lợi. Mà chúng ta đã biết qua câu “cha chung không ai khóc”, các công ty quốc doanh càng ngày càng lún sâu vào thất bại, lỗ lã. Ngay cả giữa các công ty, nhà cung cấp, và những định chế kinh tế khác cũng không có sự hợp tác chặt chẽ. Nhiều tổ hợp công ty có khuynh hướng chú trọng vào những sản phẩm cá nhân, mà không tạo ra được các mặt hàng liên đới (line of products). Line of Products khác với sản phẩm chính và phó sản (products, by-products); đó là sự đa dạng của các sản phẩm khác nhau. Ví dụ như tại Hoa Kỳ, công ty 3M sản xuất hàng trăm mặt hàng cho văn phòng, từ băng keo dán, đến giấy bút, đến cả dụng cụ điện tử, y tế...

33.- Do thiếu trình độ và ý chí, chính phủ Việt Cộng đối phó với các khủng hoảng kinh tế với

tính cách giai đoạn, chứ không có một tầm nhìn xa và sách lược lâu dài. Cải cách ở Việt Nam có tính cách chấp vá và tùy hứng nên mang tính chất phản động hơn là thúc đẩy tiến bộ. Các tài khoản do ngoại quốc giúp đỡ thì manh mún và bị đặt những điều kiện do Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về quyền lợi ưu tiên của người cho hơn là để cho người nhận thoải mái xử dụng theo ý mình. Có lẽ đây là hậu quả của việc VC đã dùng tiền viện trợ vào những mục đích không hay hoặc bị tham nhũng gậm nhấm. Theo Reuter (ngày 9/12/2008), Viet Nam có thể sẽ phá giá đồng bạc do hậu quả xấu về cán cân chi phó và nợ nước ngoài càng chồng chất. VN cần có những chiến lược về kinh tế dài hạn mới mong cải thiện được mức sống người dân. Những chiến lược đó phải bao gồm sự cải tổ chính trị, cơ cấu, và những vận hành (mechanism) cương quyết thực tâm để thi hành. Những chuyên viên kinh tế như Lê Đăng Doanh từng lên tiếng cảnh giác và đề nghị nhiều biện pháp sửa sai, nhưng do thói quen ngạo mạn, kiêu căng, nhà cầm quyền Việt Nam gạt bỏ ngoài tai những lời hay lẽ phải. Những năm tới đây, để xem VN có khả năng học hỏi và làm theo những kinh nghiệm của các nước Korea và Philippines không. Những số liệu thống kê trong bài dựa trên bản nghiên cứu công phu của Giáo sư Michael E. Porter thuộc khoa Quản trị trường Đại Học Harvard, (Dec.1, 2008) 178 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Sống Lại Khí Thế Bạch Đằng, Đống Đa; Bảo Vệ Độc Lập Chủ Quyền của Tổ Quốc Việt Nam Viết để yểm trợ cao trào dân chủ, độc lập trong nước Mượn lời Quang Trung Đại Đế “Đánh cho nó chích luân bất phản Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn Đánh cho sử tri Nam Quốc Anh Hùng chi hữu chủ \” Một nước nhỏ ở bên cạnh một nước khổng lồ thì vui ít buồn nhiều. Mỗi lo âu đầy ắp trong từng bữa ăn, giấc ngủ của các nhà lãnh đạo là làm sao giữ được chủ quyền, không bị bức hiếp. Nhất là cái nước lớn đó lại có một dân số quá đông, đói nghèo, hiếu chiến, hàng ngàn năm từng ô áp mọng bành trướng xâm lăng để giải toả những vấn nạn Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về về đất đai, sinh kế của dân họ. Việt Nam, cũng như các nước Tây Tạng, Mông Cổ, Mãn Châu, Cao Ly, Tân Cương, Thổ Phồn... là trường hợp điển hình về mối hiểm họa khi nằm kề một nước Trung Hoa mà dân số và lãnh thổ lớn gấp hàng chục lần, cũng như tính nết ngạo mạn, tư cao, hung hăng, hiếu chiến của dân tộc Hoa Hán vốn luôn tự coi mình là con trời, coi các quốc gia lân bang là man rợ. Việt Nam đã chiến đấu kiên trì cả ngàn năm mới giành được độc lập năm 938 sau chiến thắng Bạch Đằng Giang của Tướng Quân Ngô Quyền. Rồi tiếp theo thêm gần 1000 năm phải chịu đựng nhiều cuộc chiến tranh xâm lược từ phương Bắc mà lần nào, cha ông ta cũng anh hùng chống trả và đánh bại quân thù. Nhiều nước không may đã rơi vào vòng cương tỏa của Trung Hoa như Tân Cương, Nội Mông, Tây Tạng mà ít có hy vọng phục quốc. So về lãnh thổ, Trung Cộng rộng hơn Việt Nam gần 30 lần (9.6 triệu cây số vuông so với Việt Nam chỉ có hơn 330 ngàn). Về dân số hiện nay thì gấp hơn 16 lần (1.4 tỷ so với 86 triệu). Cho nên ý đông, ý lớn, Trung Hoa từ cổ đại vẫn luôn luôn hiếp đáp Việt Nam ta, hàng chục lần xua quân xâm lấn trong chuỗi dài lịch sử mấy ngàn năm. Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền Dân tộc Việt Nam phát xuất từ miền Hoa Nam, phát triển xuống đồng bằng Bắc Việt, đã lập thành một quốc gia Âu Lạc có các định chế chính trị riêng biệt, có nền văn hoá đặc thù, ngôn ngữ hoàn toàn khác hẳn ngôn ngữ Trung Hoa. Dù bị Trung Hoa đô hộ cả ngàn năm, dân tộc Việt vẫn luôn quật cường, khởi nghĩa giành lại độc lập. Năm 938 đánh dấu trang sử mới của một Đại Việt mà từ đó, các vương triều nối tiếp luôn biểu hiện tinh thần độc lập, từng oanh liệt chống trả và chiến thắng bắc xâm. Bốn câu thơ đầy khí phách của danh tướng Lý Thường Kiệt được xem là bản tuyên cáo độc lập của Việt Nam: Nam Quốc sơn hà, Nam đế cư Tiệt nhiên định phận tại thiên thư Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm Nhữ đẳng hành khan, thủ bại hư Trước một nước Tàu rộng lớn, trước một dân tộc đông đúc hiếu chiến, tổ tiên chúng ta đã tỏ ra bất khuất hiên ngang đứng dậy. Điều đó có được là nhờ vào tinh thần dân tộc, tính tự

hào, tự tin của nòi giống Lạc Hồng. Nó chỉ có được khi có những vị quân vương đức độ, một chính sách hợp lòng dân, liên kết được sức mạnh tổng hợp, trên dưới một lòng. Đó là thời huy hoàng lịch sử dưới triều các Thánh Vương Lý Nhân Tông, Trần Nhân Tông. Đó là thời đã sản sinh ra những anh hùng cái thế Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Huệ mà những chiến công đã lấy lừng chấn động một góc trời Đông Á. Vào tháng 12, 1637, Vua Lê Thần Tông cử Vinh Quân Công đi sứ sang Tàu. Vua Minh là Sùng Trinh ra câu xuất nhằm hạ nhục nước ta, nhắc đến cột trụ đồng do Tàu dựng lên sau khi đánh thắng Hai Bà Trưng (cột trụ chí im đi dĩ lục, dịch nghĩa: Cột trụ đồng nay còn rêu xanh), Sứ giả Vinh Quân Công Giang Văn Minh đã hiên ngang 180 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về nhắc lại hai lần chiến công Bạch Đằng qua câu đối: ằng Giang tự cổ huy t do hồng (Nghĩa: Sông Bạch Đằng đến nay còn loang máu (quân Tàu)) Chủ quyền quốc gia, tinh thần dân tộc của Việt Nam lại lần nữa được người anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ nhắc đến trong một câu đầy khí phách: “ánh cho sử tri Nam Quốc Anh Hùng chi hữu chủ” Trung Hoa Lớn, Nhưng Chưa Hẳn Đã Mạnh. Người ta có thể nói một cách khôi hài rằng, cái khối 1 tỷ rưỡi dân Tàu mà tràn xuống thì 80 triệu dân Việt cũng chết vì ngộp thở. Nhưng xét về nhiều khía cạnh, liệu con số khổng lồ đó có đủ sức mạnh thống nhất không hay chỉ là một vỏ bọc của những mâu thuẫn, xung đột mà có thể tan vỡ bất cứ lúc nào khi có những tác nhân đúng lúc. Các quốc gia đang đối phó với những nguy cơ tan vỡ trong nội bộ thường tạo ra kẻ thù bên ngoài để kích động tinh thần quốc gia cực đoan, đánh lạc hướng đấu tranh của dân chúng. Trung Cộng, từ sau biến cố Thiên An Môn, đã thấy cao trào đấu tranh dân chủ như một đe dọa cho sự thống trị của đảng Cộng Sản. Rồi tiếp theo, các cuộc nổi loạn triền miên ở Tân Cương, Tây Tạng. Trung Cộng một mặt ra sức phát triển công nghiệp quốc phòng, xây dựng quân đội hiện đại và tìm cách lấn xuống vùng biển Đông. Thấy một nước Việt Nam nhỏ bé, lạc hậu, đói nghèo với một nhà cầm quyền ươn hèn, bất tài chỉ biết tham ô; Trung Cộng đã liên tiếp xâm lấn, chiếm đất biên giới, chiếm hải đảo, xâm lăng kinh tế qua những chương trình đầu tư, khai thác, xuất cảng nhân công. Nhưng chúng chỉ dám lên mặt với học trò Việt Cộng thôi. Những lần lên gân cốt đe dọa Đài Loan đã đem lại những phản ứng rất mạnh làm chúng chùn bước. Năm ngoài, thấy Hoa Kỳ bận lo các chiến trường Iraq, Afghanistan, một viên tướng Tàu còn thử nắn gân cốt Mỹ qua những đe dọa quân sự. Nhưng cả thế giới đều thấy rõ tiềm lực của Trung Cộng Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về chưa bén đến gót chân Hoa Kỳ nếu so về trang bị kỹ thuật tân tiến lẫn hỏa lực. Mới mua và tân trang một hàng không mẫu hạm cũ rách của Nga, chúng đã mang ảo tưởng về sức mạnh của mình để tiến ra Biển Đông. Trong tác phẩm “China, Fragile Superpower” xuất bản năm 2007, Tiến Sĩ Susan Shirk đã phân tích đầy đủ nội tình của Trung Cộng để chứng minh rằng Trung Cộng chỉ là một “siêu cường mong manh” chứ chưa hẳn có thực lực. Thứ siêu cường này chỉ để thâu cáy các quốc gia yếu bóng vía mà thôi. Tưởng cũng nhắc sơ qua chút lịch sử để chúng ta có thể phần nào an tâm về đám khổng lồ chân đất sét này. Tính từ nhà Tần thống nhất năm 221 B.C. đến Cách Mạng Tân Hợi (1911), nước Tàu cũng trải qua nhiều biến loạn, phân rẽ rối thống nhất nhiều lần do sự khác biệt về chủng tộc, văn hoá và các tham vọng, mưu đồ. Một nước nhỏ bị nước lớn chiếm đoạt thống trị là lẽ thường. Nhưng trái lại, nước Tàu “vĩ đại” kia từng hai lần bị “bọn rợ” Mông Cổ thống trị trong 162 năm (1368-1206), và “rợ” Mãn Châu cai trị trong 296 năm (1616-1912) mà nếu không có liệt cường rồi Nhật Bản nhẩy vào xâm xé, thì chưa biết còn bị thất bím tóc (phong tục Mãn Châu) cho đến bao giờ. Xin nhắc sơ: Tháng 12 năm 1937, chỉ vài ngàn quân Nhật tiến đánh Nam Kinh, nơi có khoảng 150 ngàn quân Tàu phòng thủ (Nanking, Anatomy of an Atrocity, Masahiro Yamamoto, trang 47). Không dám chống lại, quân Tàu đầu hàng và bị quân Nhật tập trung lại, kêu từng hàng ngang tiến lên để cho lính Nhật thực tập chặt đầu, đâm lưỡi lê, xô xuống giao thông hào cho

xe tăng cán qua. Cả trăm ngàn lính Tàu hèn nhát như những con thỏ, đứng chờ đến lượt mình mà không có một phản ứng. Tổng cộng có khoảng 100 ngàn lính Tàu bị chết, trong đó có 52 ngàn bị xử lính Nhật đem ra xử tập thể (sđd, trang 88 và 110). Nếu tính luôn số thường dân thì con số bị giết lên đến 160 ngàn người (trang 193) Lạm bàn một chút về kinh tế, thì tuy bên ngoài thấy sự phát triển tưởng có thể cạnh tranh với Hoa Kỳ, Nhật Bản, tưởng có thể ngoi lên hàng đầu thế giới. Nhưng nếu so về GDP per capita, (Trung Cộng US\$ 7518, so với Hoa Kỳ US\$47,275) thì vẫn còn ở mức dưới trung bình so với các nước trên thế giới (lệch lệch ở thứ hạng 94 trên tổng số 183 nước, theo thống kê của IMF). Nhiều bản nghiên cứu của các chuyên gia kinh tế quốc tế đã chứng minh sự phát triển của Trung Cộng thiếu nền móng, không đồng bộ, và chỉ là mặt nổi ở các đô thị mang tính chất phô trương mà thôi. Cho hay, Trung Cộng không thực mạnh mà chỉ hung hăng, ăn hiếp người yếu thế. Còn nếu đụng phải đối thủ, thì họ cũng chỉ là những con thỏ để mà thôi. Trước Hiểm Họa Trung Cộng, Chúng ta Làm Gì? Dĩ nhiên, Việt Nam ngày nay dưới chế độ Cộng Sản đã quá nhu nhược về chính trị, lạc hậu về kinh tế, yếu kém về quốc phòng. Cho nên Trung Cộng mới được đà lấn áp. Sau rất nhiều năm mà dân chúng, đặc biệt tầng lớp thanh niên đã ngủ mê trong cơn 182 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về ma túy Cộng Sản, và yếu nhất trước bạo lực đàn áp của nhà cầm quyền; ngày nay họ đang vùng lên, ý thức hiểm họa mất nước. Những cuộc biểu tình xảy ra gần đây đã cho thấy một khí thế sôi sục xuất phát từ lòng ái quốc vốn tiềm tàng trong tâm thức mỗi người dân Việt. Người Việt Nam, nhờ sống sát nách Trung Hoa, đã trở nên thiện chiến. Nếu được sống trong một chế độ tốt đẹp, lòng ái quốc sẽ càng được hun đúc thêm và càng dũng mãnh mà không một sức mạnh nào có thể khuất phục. Tuy thế, chúng ta không sợ cuộc chiến quân sự. Vì thế giới ngày nay sẽ không để cho Trung Cộng mặc tình thao túng. Cuốn sách mới đây “Death by China” của Peter Navarro, đã cảnh tỉnh nhân loại yêu hòa bình về một Trung Cộng đang đầu độc thế giới, thực hiện mưu đồ thống trị kinh tế mà từ lâu đã xâm nhập vào lục địa châu Phi, các nước Ả Rập, và đang gây tranh chấp ở vùng Thái Bình Dương. Khi Trung Cộng hung hăng diễn tập ở Biển Đông, Hoa Kỳ đã phản ứng với cuộc diễn tập với các quốc gia trong vùng, song song với những tuyên bố mạnh bạo, răn đe của Ngoại Trưởng Hillary Clinton. Ngoài Việt Nam, còn nhiều quốc gia Đông Nam Á cũng luôn ý thức sự đe dọa của Trung Cộng nữa. Chắc chắn họ không ngồi chờ đến phiên mình làm con cừu dâng thịt cho con sói Trung Cộng Vấn đề là liệu nhà cầm quyền Cộng Sản Hà Nội có chọn lựa giữa mất nước để giữ địa vị hay mất quyền thống trị đảng để cứu nước? Qua một bản “Kiến Nghị” mới đây của vài vị mang danh trí thức hải ngoại, nhưng trí óc họ đầy ảo tưởng sẽ thuyết phục được bọn Việt Cộng sẽ nghĩ đến quyền lợi tổ quốc để cải thiện hành chánh, hòa hợp với người quốc gia chống ngoại xâm. Qua gần ba phần tư thế kỷ của chế độ Cộng Sản Việt Nam, chúng ta đã thấy rõ rằng: một khi còn chủ nghĩa và chế độ Cộng Sản, thì không bao giờ tập hợp được một khí thế Diên Hồng để đoàn kết chống xâm lăng. Nếu xảy ra chiến cuộc, thì máu xương chỉ dâng hiến cho Tổ Quốc chứ không hy sinh để bảo vệ tập đoàn thống trị gian ác. Người trong nước đang vùng lên. Người Việt hải ngoại phải tiếp sức, biểu lộ sự đồng tình ủng hộ thúc đẩy một lúc hai cao trào chống bạo quyền và chống xâm lăng. Trong hoàn cảnh xấu nhất mà có chiến tranh vệ quốc, máu sẽ đổ, nhiều người sẽ hy sinh; đất nước sẽ lâm vào binh đao khói lửa, có thể sẽ bị Trung Cộng tạm thời xâm chiếm. Ít ra thì cũng xoá bỏ được cái chế độ Cộng Sản bạo tàn phản dân. Rồi tinh thần dân tộc tự nhiên sẽ bùng dậy. Giữa sự hy sinh cho Tổ Quốc trường tồn và an phận làm nô lệ ngoại bang, dân Việt chúng ta phải chọn hy sinh để sống còn thôi. Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Cách Mạng Hoa Sen!!! Dân Tộc Việt Nam Lại Một Lần Nhỡ Tàu Lịch sử nhân loại đã cho chúng ta thấy rằng những biến chuyển quan trọng như cách mạng, bạo loạn, giải phóng từng diễn ra đây chuyền từ một phát khởi

địa phương. Các biến cố đó ví như cơn bão lửa mà một khi đã bùng lên, thì có khuynh hướng lây lan rất nhanh, rất mạnh qua các nước láng giềng hay xa hơn, những nơi mà công dân đang chịu đựng những hoàn cảnh chính trị xã hội tương tự. Thế Chiến thứ 2 chấm dứt với sự suy yếu của các cường quốc Tây Phương đã mở đầu cho phong trào giải thực rộng khắp trên các đại lục. Sau những cuộc đấu tranh bất bạo động hay các cuộc nổi dậy vũ trang, Hong Kong (1997), British India (1947), Brunei (1984), Burma, Israel (1948), British Malaya (1957), Ceylon (1948), Kingdom of Sarawak (1963), North Borneo (1963) and Singapore (1963) đã giành lại độc lập từ Đế Quốc Anh; French India (1954) và Đông Dương (Vietnam (1945), Cambodia (1953), Laos từ Thực Dân Pháp; Goa (1961), Macau (1999) và Timor (1975) từ Portugal; Hoa Kỳ trả lại độc lập cho Philippines; Hòa Lan trả độc lập cho Đông Ấn; Úc trả độc lập cho 184 Quê Mẹ Mùa Xuân Chứa Về Papua New Guinea. Gần như toàn bộ các nước Châu Phi và Mỹ Latin cũng giành lại độc lập trong khoảng thời gian sau đó. Hệ thống các nước theo Cộng Sản từng chiếm 1/3 dân số và lãnh thổ của thế giới rồi cũng tiêu vong. Cuộc cách mạng xoá sổ chế độ Cộng Sản bắt đầu từ Đông Đức (1990) với sự phá hủy bức tường Bá Linh vào tháng 11 năm 1989; làm giải tán khối Minh Ước Quân Sự Warsaw và Khối Thịnh Vượng Kinh Tế Comecon và lây lan qua làm tan vỡ đại cường Liên Bang Sô Viết năm 1991 để tái phục hồi hàng loạt các nước Latvia, Lithuania, Estonia, Ukraine, Belarus, Georgia, Chechen; rồi như ngọn lửa lan bùng qua các nước Nam Tư (1992) tạo thêm các quốc gia mới như Cộng Hòa Yougoslavia (sau này lại chia làm hai là Serbia và Montenegro), Slovenia, Croatia, Bosnia, Macedonia, và Herzegovina; Tiệp Khắc (1993), Ba Lan (diễn ra trước đó, năm 1989), Bulgaria, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Poland, Romania, Slovakia, Slovenia, và Mongolia. Chỉ mới đây thôi, sau sự tự thiêu của một công dân Tunisie 26 tuổi, anh Mohamed Bouazizi, ngày 17 tháng 12, 2010, nhân dân Tunisie đã vùng dậy lật đổ chế độ độc tài của Zine El Abidine Ben Ali ngày 14 tháng 1, 2011, sau 23 năm cầm quyền. Cuộc chính biến mà người ta đặt tên là Cách Mạng Hoa Lài đã lan sang các nước thuộc khối Ả Rập Bắc Phi và Trung Đông mà hậu quả tức khắc là sự lật đổ bạo quyền của Tổng Thống Ai Cập Hosni Mubarak. Sau đó là các cuộc bạo loạn tổng thể tại Algeria, Yemen, Jordan, Bahrain, Iraq, Mauritania, và Libya. Tin mới nhất cho thấy cách mạng ở Libya đã đi vào giai đoạn kết thúc khi mà nhân dân Libya đã làm chủ hầu hết đất đai kể cả thủ đô Tripoli. Tất cả cội nguồn cũng từ tình hình kinh tế tồi tệ, nạn thất nghiệp, lạm phát trầm trọng và tệ nạn tham nhũng của nhà cầm quyền. Về mặt chính trị là do sự tước đoạt các quyền tự do chính trị, tự do ngôn luận. Ngay sau khi cách mạng Tunisia thành công, trên các diễn đàn, truyền thông hải ngoại đã có rất nhiều bài viết rất lạc quan, tin tưởng cuộc cách mạng Hoa Lài sẽ chuyển đến Việt Nam một luồng gió mới để phát sinh ra “Cách Mạng Hoa Sen”, là kỳ vọng của hơn ba triệu người Việt hải ngoại và hàng chục triệu đồng bào trong nước. Nhưng thời gian trôi qua, đã gần một năm, trong khi ngọn lửa đấu tranh bộc phát dữ dội tại nhiều nước Hồi Giáo Bắc Phi và Trung Đông; thì “Cách mạng Hoa Sen” vẫn chỉ là niềm mơ ước trong các lời phát biểu trên các trang báo, diễn đàn. Dựa trên nhiều yếu tố, thì sự tiên đoán đầy lạc quan về một cuộc tổng nổi dậy lật đổ bạo quyền Cộng Sản không phải là vô căn cứ. Vì nếu so sánh trên các lãnh vực, thì Việt Nam tồi tệ hơn Tunisia và Ai Cập rất nhiều. Với một dân số 87 triệu, chỉ số GDP là 103 tỷ đô la (so với Tunisia dân số 10.5 triệu, GDP 41 tỷ; Như thế, với dân số gần 10 lần hơn, mà GDP chỉ hơn 2.5 lần); GDP theo đầu người chỉ có 3100 Đô la (so với Tunisia là 9200 Đô la). Về chính trị, tuy Tunisia, Ai Cập do lãnh tụ độc tài cầm quyền, nhưng xem ra vẫn còn tương đối ít hà khắc và dân sinh cao hơn ở Việt Nam. Ngay cả khi so với các nước đang có bạo loạn, thì Việt Nam vẫn là quốc gia mà chế độ Cộng Sản là dã man nhất, chà đạp nhân quyền nặng nề nhất. (Theo các nhà nghiên cứu chính trị, thì trong các chế độ chính trị, chế

độ Cộng Sản là tàn bạo nhất; trong các nước Cộng Sản, thì Cộng Sản Á Châu là kinh khủng nhất). Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Lịch sử cận đại đã minh chứng rằng Việt Nam đã đánh mất nhiều cơ hội bằng vàng để xây dựng đất nước dân chủ tự do và phú cường. Nếu như ngay sau Thế Chiến 2 chấm dứt, khi Quốc Gia Việt Nam được thành lập do Pháp trao trả độc lập năm 1949; Hồ Chí Minh và băng đảng Cộng Sản đứng vì tham vọng làm tay sai để bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản của Đệ Tam Quốc Tế mà gây cuộc chiến không cần thiết; thì đã không đưa đến sự tàn phá đất nước nghiêm trọng và gây cảnh chết chóc cho hàng triệu sinh linh qua hai cuộc chiến Pháp-Việt Minh và cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam. Việt Nam ngày nay đã có thể phát triển để vươn lên ngang tầm Nhật Bản, Đại Hàn chứ không bị tụt xuống hàng áp chót trong các quốc gia nghèo nàn lạc hậu của thế giới. Cũng như vào những năm hân hoan trước sự tan rã của Liên Xô và khối Cộng Sản Đông Âu, Việt Nam bị hụt hẫng mất chỗ dựa trong lúc bị đàn anh Trung Cộng coi là kẻ thù, bị Hoa Kỳ và Tây Phương cấm vận, nền kinh tế suy sụp đến tận cùng, đói khổ tràn lan từ Bắc vào Nam. Chúng ta cũng từng nghĩ rằng đó là thời cơ để nhân dân Việt Nam nổi dậy đảo mồ chôn chế độ Cộng Sản để giành lại quyền sống. Cuộc khởi nghĩa Quỳnh Lưu (Nghệ An) năm 1956 là sự nổi dậy quy mô duy nhất trong suốt hơn nửa thế kỷ của miền Bắc dưới chế độ Cộng Sản. Rồi từ đó cho đến hơn ba chục năm tiếp sau khi Hà Nội chiếm đoạt miền Nam, thực thi những chính sách bóc lột khủng bố tàn bạo, người dân cả hai miền chịu nín câm, cúi đầu chấp nhận mà chỉ phản ứng qua việc liều mạng chín chết một sống để bỏ nước ra đi tạo thành một cảnh Exodus vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại. Trận động đất và đại hồng thủy kinh hồn vừa xảy ra vào giữa tháng 3 vừa qua tại Nhật Bản cũng dẫn đến nhiều sự đánh giá của những nhà nghiên cứu và bình luận về tính cách của dân tộc Nhật Bản. Từ đó, suy tư về những đặc điểm nhân văn của dân tộc Việt Nam mà thấy nhiều đắng cay chua chát. Cũng là hai dân tộc Á Châu, từng có những trang lịch sử anh hùng, không mấy cách biệt nhau về nền văn hoá cổ truyền. Nhưng ai cũng phải thừa nhận rằng dân Nhật đã quá cao xa so với dân Việt Nam chúng ta. Hình như suốt chiều dài lịch sử bốn ngàn năm, người Việt chỉ thực sự đoàn kết và sẵn thân hy sinh trong các trường hợp bị ngoại xâm. Kháng chiến chống Nguyên Mông, chống Minh Triều, Thanh Triều đã quy tụ nhân tài hào kiệt, khí thế ngất trời, trên dưới vua quan và thần dân một lòng đánh giặc để bảo tồn quê hương. Nhưng khi bị đàn áp bởi các nhà cầm quyền tàn bạo, thì ít thấy những cuộc khởi nghĩa đồng loạt, vũ bảo để dẫn đến thành công. Ngoại trừ cuộc khởi nghĩa của Quang Trung Nguyễn Huệ, thì hầu hết các sự thay đổi chính quyền chỉ xảy ra từ trong cung đình: Tướng công Lý Công Uẩn diệt bạo chúa Lê Long Đĩnh, Thái Sư Trần Thủ Độ diệt nhà Lý, nhà Hậu Lê suy vong cả hàng trăm năm mới phát sinh anh hùng Nguyễn Huệ, nhà Nguyễn bạo ngược cũng chẳng đưa đến cuộc đảo chính nào trừ các nhóm nhỏ Giặc Châu Chấu, Cao Bá Quát mà thường bị dẹp tan ngay. Có phải thuyết Thiên Mệnh của Khổng Giáo đã ru ngủ dân ta cúi đầu chấp nhận sự đàn áp mà họ cho là do trời định đoạt. 186 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Cái chế độ Cộng Sản tàn bạo, đã man đến thế mà phải đến nửa thế kỷ sau, mới có vài cuộc đấu tranh manh mún, cục bộ về địa lý lẫn mục tiêu. Vấn đề tôn giáo là nhạy cảm nhất đối với các dân tộc không riêng ở Việt Nam. Thông thường, một khi nhà cầm quyền đụng đến các tôn giáo, là họ đang tự đào mồ chôn chính mình. Chỉ vì một sự bất công đối xử mà Phật tử đã biểu tình bạo loạn đưa đến đảo chính ngày 1-11 năm 1963 và cái chết thê thảm của anh em cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Xét cho sâu vấn đề, thì không ai phủ nhận có bàn tay của Cộng Sản nhúng vào các phong trào Phật Giáo qua các cán bộ nằm vùng của chúng; và cũng không ai không biết đến bàn tay lông lá của người bạn đồng minh Hoa Kỳ nhằm thay thế ông Diệm bằng chính quyền dễ bảo hơn. Ấy thế mà ngày nay, sự đàn áp tôn giáo đã lên đến mức tinh vi và tàn nhẫn mà các tôn giáo lớn ở Việt Nam vẫn chưa tìm

ra sự đồng thuận để làm nên cuộc cách mạng. Sau hàng chục năm không thể tiêu diệt được tôn giáo – mà Cộng Sản coi là thứ thuốc phiện đầu độc dân chúng - bọn Cộng Sản Việt Nam đã áp dụng chính sách tiêu diệt mới tinh vi và thâm độc hơn. Đó là xâm nhập cán bộ nắm lấy các giáo hội quốc doanh để đưa các giáo hội này đi xa con đường chính đạo và dần dần mang tính cách những hội đoàn đã biến chất và vong thân. Đối với những tu sĩ hay giáo hội nào còn giữ nề nếp, thì Cộng Sản thẳng tay đàn áp. Chúng tước đoạt tài sản, đập phá nhà thờ chùa chiền, các biểu tượng linh thiêng, bắt bớ giam cầm và thủ tiêu các tu sĩ và giáo dân còn chống đối. Trong khi cho lập ra những nhà chùa, nhà thờ rất đồ sộ nguy nga để đánh lừa công chúng rằng tôn giáo tại Việt Nam ngày nay thật sự phát triển. Cùng lúc, lợi dụng sự sùng tín của đồng bào tị nạn, chúng liên tục cho bọn tu sĩ quốc doanh này ra hải ngoại quyên góp tiền bạc hay lập chùa chiền để moi tiền tin đồ và nắm lấy quyền chi phối mọi mặt. Phản ứng của giáo dân, Thiên Chúa Giáo cũng như Tin Lành chỉ diễn ra ở mức độ nhỏ, có tính chất cục bộ địa phương và chỉ mới dựa trên vấn đề tài sản đất đai giáo hội. Con số cao nhất của những người biểu tình cũng có lúc lên đến số ngàn như tại thôn Vật Phụ, xã Vật Lại, huyện Ba Vì, Hà Nội ngày 19 tháng 7 vừa qua (con số có thể được phóng đại?). Những cuộc phản đối này chỉ cần một nhóm công an và bọn xã hội đen để dập tắt nhanh chóng và không lưu lại biến thái nào. Những cuộc biểu tình đình công do sự bóc lột lao động, tiền lương cũng không dẫn đến cao trào rộng khắp của giới công nhân nghèo khó. Người ta trông chờ, và bắt đầu đặt câu hỏi: Tại sao không xảy ra cuộc Cách Mạng Hoa Sen? Trình độ Văn Hoá, Ý thức Nhân chủ và Dân chủ, Ý thức Cộng đồng, cư xử với tha nhân, lòng vị tha, đức tính tự trọng, hy sinh... Hình như tất cả những khái niệm trên đều không có trong xã hội Việt Nam ngày nay. Dân tộc Việt Nam sau hàng ngàn năm phong kiến, và gần thế kỷ Pháp thuộc đã Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về chìm vào trong u tối của một xã hội rất lạc hậu, nghèo đói. Những học thuyết Khổng Mạnh có điều hay thì cũng có nhiều điều phản động. Nó ràng buộc con người trong một lối sống cổ hủ mà không tạo ra ý thức cách mạng. Cha ông chúng ta thường khuyên con cái: “xưa bầy, nay làm”, để ngăn cản con cái tạo ra những thay đổi trong cuộc sống theo ảnh hưởng mới của nền văn minh dân chủ Tây Phương. Trong khi đó người Nhật và nhiều dân tộc Á Châu khác đã sẵn sàng mạnh dạn canh tân. Ngay cả miền Nam trong suốt hai chế độ Cộng Hòa, các ý thức văn minh dân chủ, văn hoá mới cũng chỉ phát triển hạn hẹp ở các đô thị mà thôi. Miền Bắc suốt thời gian chiến tranh thì xem như lùi lại hàng trăm năm về các phương diện. Sau 1975, họ du nhập những thứ văn hoá thấp kém đó vào Nam, làm hư hỏng nhiều thế hệ. Con người cư xử với nhau như những con sói, đúng như câu thành ngữ Latin “Homo homini lupus” Rất nhiều bản tin tức trên các diễn đàn, báo chí đã chứng minh điều này. Ở miền Thanh Nghệ, từng xảy ra một tai nạn lưu thông làm nhiều người chết và bị thương la liệt nằm trên mặt đường. Dân chúng quanh đó ùa ra không phải để cấp cứu người bị nạn, mà tranh đạp nhau để hôi của. Chúng ta chắc từng xem đoạn video một kỹ sư trẻ tự thiêu trước một trụ sở hành chính hay công an ở Đà Nẵng. Những người chạy xe đi qua hoặc chậm lại, hoặc dừng hẳn để chụp hình quay phim, đưa đôi mắt thờ ơ tò mò nhìn người đồng bào khốn khổ đang vật vờ trong ngọn lửa. Con người lãnh đạm, vô cảm trước nỗi đau của đồng bào đến mức đó thì xem như tình người trong xã hội đã không còn hiện hữu nữa. Như thế mong chi họ sẵn sàng hy sinh vật chất và sinh mạng của mình cho những mục tiêu cao cả! Cái sợ, mà từ sau này đã nghe rất nhiều nhà “cách mạng lão thành” bộc biện vào cuối đời của họ (lời nhà văn Nguyễn Tuân “Sở dĩ tôi còn sống được đến ngày nay là vì tôi biết sợ!”), như đã ăn sâu vào tâm não, là nó trở thành một tính cách của người dân trong xã hội Việt Nam Cộng Sản. Khi nhà văn Song Chi đưa ra bài viết với chủ đề đại khái là “Nếu còn sợ chết thì đành cam tâm chấp nhận làm nô lệ mà thôi.” Chúng tôi đã nhiều đêm ưu tư để thấy rằng

đây là một sự thật đáng buồn và không thể chối bỏ được. Chắc chắn nỗi sợ là hậu quả của những chính sách cực kỳ man dã mà những người Cộng Sản đã học được từ bản chất bản nông cộng với lý thuyết và kỹ thuật từ Nga xô, quốc xã. Nó làm tê liệt tất cả mọi tế bào phản kháng trong con người. Nó làm con người chấp nhận thân phận một con vật chỉ để sống còn với miếng ăn tồi tàn do chủ bố thí. Nó xoá bỏ nhân cách và lòng tự trọng. Nó triệt tiêu quan hệ tốt đẹp giữa con người với tha nhân, ngay cả với thành viên trong gia đình. Người trong nước đang từ từ vượt qua cơn sợ này. Bắt đầu từ miền Nam, nhưng lại thổi bùng lên ở miền Bắc, những thanh niên, các nhà đấu tranh đã bất chấp gian nguy, tù đầy để đến nay đã có hơn 12 cuộc biểu tình chống Tàu Cộng bảo vệ Tổ Quốc. Trong cái nội dung chống Trung Cộng, nó đã mang màu sắc phản kháng lại chế độ. Nhưng vẫn đáng buồn khi các cuộc biểu tình này chỉ xảy ra ở Hà Nội, đôi lúc Sài Gòn, mà chưa thể lan rộng ra các thành phố khác. Trong lúc cao trào trong nước đang có chiều hướng phấn khích, trong lúc tại hải 188 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về ngoại đang có những hoạt động hỗ trợ cho trong nước, thì mới đây có một nhóm nhỏ gồm 36 người tự xưng là trí thức hải ngoại đệ trình lên nhà cầm quyền Cộng Sản lá thư ngỏ, xin họ hồi tâm, cảnh tỉnh. Không nói đến cái ngây thơ chính trị của họ, mà chỉ liếc qua cái danh sách 36 người, chúng ta thấy rõ ngay một đa số những kẻ xu thời, từng có quan hệ làm ăn, giúp đỡ, nịnh bợ bọn Việt Cộng mà cách đây 36 năm họ đã không thừa nhận, và đã liều mạng vượt biển ra đi né tránh cái chế độ đó. Cộng sản đã phần nào thành công khi đem tiền tài danh vọng quyến dụ được bọn Việt Gian này. Chúng nó như là những cái gậy đang thọc sâu vào bánh xe tranh đấu của người Quốc Gia chân chính. Chính cái Nghị Quyết 36 và sự ra đời các toà Tổng lãnh Sự Việt Cộng tại các thành phố lớn có đông người Việt tị nạn đã là đầu dây mối nhợ của những thao túng trong sinh hoạt cộng đồng, gây sự nghi kỵ, phân hoá giữa người Việt chống Cộng. Ngày nay, chúng ta nhìn thấy bọn Việt Gian không còn e dè mà càng lúc càng công khai thách thức. Chúng đố xô nhau đi đi về về Việt Nam làm ăn, hạp hành, ra mắt sách, không cần nguy trang như mấy năm trước đây. Đó là vì đa số người Việt tị nạn sau 36 năm đã mệt mỏi, và các tổ chức Cộng Đồng, các đoàn thể tị nạn cũng đang ở thế thủ, tiêu cực vì những vấn đề nội bộ. Chúng tôi không dám có tham vọng đề ra những biện pháp – vì đã có quá nhiều bài tham luận của những vị thức giả có hăng tâm với vấn đề đã từng được phổ biến – mà chỉ nêu ra vài nhận xét thô thiển để chúng ta cùng nhìn lại, ý thức được rằng hiểm họa suy vong của Tổ Quốc không phải chỉ là hậu quả của sự mất nước vào tay Trung Cộng, mà còn là hậu quả của chế độ Mafia Cộng Sản hiện nay. Nói như thế, để xin phép khẳng định rằng chính chế độ Cộng Sản Việt Nam là nguyên nhân chính của sự mất nước. Chính họ đã cam tâm dâng biển dâng đất, thần phục Trung Cộng từ hàng chục năm qua. Cũng chính họ đã hủy hoại cả một nền văn hoá đầy tinh thần tự chủ, tính dân tộc. Viết thư thuyết phục Cộng Sản thức tỉnh ý thức dân tộc mà cải thiện chính trị là ngây thơ, nếu không muốn dùng chữ ngu xuẩn. Chúng ta xem việc diệt trừ chế độ Cộng Sản vẫn luôn là mục tiêu tối thượng. Chúng ta sẽ không bao giờ chấp nhận một sự hòa hợp hòa giải nào; không hợp tác với Việt Cộng để chống ngoại xâm. Vì nếu chấp nhận giúp Việt Cộng để có cơ may nào thắng được ngoại xâm, thì có nghĩa là vẫn cứ duy trì cái chế độ Cộng Sản và làm cho thế lực của chúng càng tăng thêm. Và với tâm lý quần chúng yếu hèn như đã viết bên trên, chúng ta sẽ không có cơ may nào để lật đổ bọn cầm quyền độc tài Cộng Sản. Nhưng trái lại, nếu mất nước về tay Tàu Cộng, thì có nghĩa là kéo theo sự triệt tiêu bọn Cộng Sản; và sau đó, nỗi nhục mất nước sẽ nung nấu tinh thần quật cường của dân tộc để khởi nghĩa giành lại quê hương. Tháng 9/2011 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Ly Nước Uất Hận Đầy Chuyền một thường dân đột nhiên bị bắt mất tích là chuyện thông thường, xảy ra hàng ngày trên đất nước Việt Nam nơi mà Đảng Cộng Sản đang triệt để thực thi chính

sách khủng bố của họ. Trong thời chiến tranh chống Pháp và chiến tranh xâm lăng miền Nam, hàng đêm, bọn Việt Minh sau này là Việt Cộng, mò vào các làng mạc bắt cóc bất cứ ai mà chúng nghi là chống đối. Để rồi hôm sau, người ta phát hiện ra những thi thể trương phình trôi lều bều trên sông; hay những thân mình bị cụt đầu cột vào một gốc cây nào đó với bản án treo lủng lẳng trước ngực. Khủng bố trong thời chiến tranh thì có phần nào còn biện minh được, dù rằng đó là hành vi tàn ác mà thế giới văn minh lên án. Nhưng một khi đã nắm quyền lực với hiến pháp, luật pháp trong tay, thì một nhà cầm quyền không thể tiếp tục hành xử như một bọn phiến quân, găng tở, trộm cướp. Nhất là nhà cầm quyền đó đã tham gia vào các tổ chức Quốc Tế, từng ký và cam kết thực thi hàng chục văn kiện về Nhân Quyền và Dân Quyền. Bắt bớ, giam cầm những người vì khác biệt quan điểm chính trị là hoàn toàn không thể chấp nhận trong các quốc gia dân chủ tự do. Chúng ta không lạ khi thấy chuyện này 190 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về xảy ra hàng ngày tại các nước độc tài, nhất là độc tài Cộng Sản khi nhà cầm quyền tự ban cho mình quyền uy tuyệt đối, độc tôn và không muốn nghe ai nói lên tiếng nói đối nghịch với đường lối chính sách của mình. Nhưng đàn áp, khủng bố công dân của mình khi họ lên tiếng phản đối kẻ thù ngoại xâm chung thì thật hi hữu, có lẽ chỉ xảy ra ở nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam mà thôi. Từ hơn bốn ngàn năm lập quốc, Việt Nam mà ranh giới chung phía Bắc chung với nước Trung Hoa khổng lồ, có dân số gấp 15 lần, đã là nạn nhân triền miên của những tham vọng bành trướng của biết bao triều đại Bắc phương. Sau hơn một ngàn năm bị đô hộ trực tiếp với những chính sách bóc lột tàn bạo, Việt Nam chỉ được hưởng nền tự chủ trong một ngàn năm kế tiếp nhưng vẫn không ngừng bị những đoàn quân Tàu xâm lược với mưu đồ chiếm đoạt và đồng hoá dân tộc ta. May thay, thời nào dân ta cũng sản sinh ra những anh hùng, và phát huy lòng ái quốc, tính tự hào của dân tộc. Nhờ đó, thay vì bị cai trị và đồng hoá như các dân tộc Mãn Châu, Mông Cổ, Tân Cương, Tây Tạng..., Việt Nam đã đứng vững trong hàng ngũ các quốc gia độc lập của thế giới. Cho đến ngày nay... Vì nhu cầu chiếm đoạt miền Nam, người Cộng Sản Việt đã chấp nhận sự chỉ huy, viện trợ quân sự của Trung Cộng để rồi trở thành một chính quyền lệ thuộc vào chính kẻ thù truyền kiếp của dân tộc. Không có gì có thể bào chữa được khi chính Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng đã dâng các đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Cộng qua công hàm 14 tháng 9 năm 1958 thừa nhận chủ quyền lãnh hải 12 hải lý của Trung Cộng bao gồm các quần đảo trên mà thời đó thuộc Việt Nam Cộng Hoà. Cũng không thể tha thứ được khi nhà cầm quyền Hà Nội đã nhượng hàng trăm cây số vuông đất biên giới Việt Trung cho Trung Cộng, dời Ải Nam Quan và đẩy nàng Tô Thị bồng con lưu lạc qua bên kia đất Tàu. Lại càng không thể chịu đựng mãi được hành vi của Trung Cộng thiết lập đường hải giới – thường gọi là đường Lưỡi Bò - để cô lập Việt Nam về hướng ra Biển Đông. Chúng cướp phá, đuổi bắt, giết hại ngư dân Việt ngay trên lãnh hải của chúng ta. Bọn công nhân Tàu - hợp pháp chúng như phi pháp – coi thường luật pháp sở tại, ngênh ngang hống hách, đập phá ngay trên mảnh đất Việt Nam. Những hành động kẻ cướp đó của Tàu Cộng, ngán ngấm thay, lại được ngụy quyền Hà Nội dung dưỡng, bao che, biện bạch thay vì phải đứng ra làm nhiệm vụ bảo vệ công dân và chủ quyền của đất nước. Trong suốt năm qua, hàng chục cuộc biểu tình lớn nhỏ của đồng bào yêu nước đã nổ ra tại các thành phố lớn. Đặc biệt là tại Hà Nội, nơi có các cơ quan đầu não của ngụy quyền Cộng Sản và Toà Đại Sứ Trung Cộng. Đã không đồng hành với dân tộc, ngụy quyền Cộng Sản còn theo lệnh quan thầy Trung Cộng mà đàn áp dã man các cuộc biểu tình; bắt giam hàng trăm những người yêu nước. Những hình ảnh phổ biến trên YouTube đã cho thấy công an Cộng Sản nhào vào vật lộn, đánh đập, thậm chí đập vào mặt người biểu tình dù rằng đoàn biểu tình đã tỏ ra bất bạo động và có khi còn mang cờ đỏ sao vàng và hình Hồ Chí Minh như để chứng Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về minh rằng họ không

phải là đối kháng chính trị. Mới đây thôi, lại xảy ra chuyện một phụ nữ bị công an bắt cóc từ Sài Gòn đưa ra Bắc để giam giữ trong một trại tù mỹ danh là Cơ Sở Giáo Dục Thanh Hà ở tỉnh Vĩnh Phúc mà không thông qua một thủ tục pháp lý nào. Chị Bùi Minh Hằng, năm nay 47 tuổi, trú quán ở Vũng Tàu. Trong năm qua, chị Hằng đã vô cùng tích cực tham gia những cuộc biểu tình để phản đối sự xâm lăng của Trung Cộng. Chị đã bị Công An chìm nổi, hay bọn xã hội đen theo lệnh Công An, theo dõi, quấy nhiễu. Chị cũng bị bắt nhiều lần và được trả tự do với những răn đe không được tham gia biểu tình cũng như các hoạt động chống Trung Quốc khác. Theo lời người con trai của chị là Bùi Trung Nhân, 19 tuổi, thì chị Hằng đã đến đồn Công An Bến Nghé ở Sài Gòn để hỏi thăm tin tức về một người bạn bị bắt trước đó. Rồi chị biệt tăm luôn. Người con, sau những cố gắng vô vọng, đã phải in các tờ “Tìm Mẹ” phân phát cho người qua lại tại các góc phố. Sau đó, chính anh cũng bị Công An bắt cóc đem về đồn dọa dẫm. Sau khi được thả ra, anh Nhân về nhà đã nhận được một thư do Thượng Tá Bùi Khánh Chúc – Phó Giám Đốc Cơ Sở Giáo Dục Vĩnh Phú - ký ngày 29 tháng 11, 2011 báo tin là chị Bùi Thị Minh Hằng đã bị đưa vào cải tạo tại cơ sở này. Thư có ghi theo Quyết Định số 5225 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội ký ngày 8 tháng 11, 2011, giam giữ chị Hằng trong hai năm, nhưng không nêu lý do nào. Hành vi bắt và giam giữ lâu dài một công dân mà không thông qua một thủ tục pháp lý căn bản nào, cũng như không qua sự phán xử của một phiên toà – dù là loại toà Kanguru- phải chăng nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam đã công khai phát đi lời đe dọa đến tất cả những ai dám đứng lên tiếng thể hiện lòng yêu nước của mình trước sự xâm lăng của ngoại bang? Cái nhà tù gọi là Cơ Sở Giáo Dục Vĩnh Phú đó có thể là nơi giam giữ những thành phần tệ đoan xã hội như dân nghiện ngập ma túy, đĩ điếm ma cô. Đưa một công dân đảng hoàng vào đó, bọn Cộng Sản đã có ý đồ hạ thấp nhân phẩm của chị Hằng, như chúng từng nhục mạ những cựu quân nhân miền Nam trong các trại tù “Cải Tạo” dựng lên nhan nhản sau tháng 4, 1975. Người ta đã phải nhổ nước bọt khinh bỉ và lên án những hành vi hạ cấp như bịt miệng Linh Mục Nguyễn Văn Lý ngay trong phiên toà, ném phân trộn nhốt vào nhà chị Trần Khải Thanh Thủy, cho dân phòng xâm nhập nhà thờ, hành hung linh mục đang đứng trên toà giảng, ném gạch đá và hành hung phóng viên ngoại quốc, nhân viên ngoại giao Úc khi những người này tiếp xúc với những nhà tranh đấu. Thì nay, với hành vi đe hèn đối với một phụ nữ yêu nước, Cộng Sản Việt Nam đã để lộ hoàn toàn bản chất côn đồ, phản quốc và đang đổ thêm giọt nước vào chiếc ly đã đầy uất hận của dân tộc. Những người Việt trong nước chắc chắn không còn kiên nhẫn chịu đựng thêm nữa. Nguy cơ Hán trị không phải cận kề như nhiều người cảnh báo, mà đang tiến hành trên mọi lãnh vực của cuộc sống. Số phận đất nước Việt Nam phải nằm trong tay của toàn dân. Không thể cúi đầu mãi để nhìn đất nước đi vào diệt vong mà hãy vùng lên lật đổ bạo quyền bán nước, chấp nhận hy sinh cho Tổ Quốc được trường sinh. 192 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về 10/12/2011 Lại Chuyện Chử Nghĩa Sắp đến ngày mừng Chúa giáng sinh! Trong chiến tranh, những ngày lễ trọng thể này, thì quân ta thường tôn trọng lệnh hưu chiến để đồng bào có cơ hội cử hành thánh lễ và an tâm hưởng thụ những giờ phút thiêng liêng đầm ấm. Vậy chúng tôi cũng theo lệ đó mà tránh bớt những bài xã luận chính trị với lời lẽ “chém đinh chặt sắt” để nói về những đề tài nhẹ nhàng hơn. Tỉ dụ như vấn đề “ngôn từ Việt Cộng” mà lâu nay cũng có nhiều vị từng lên tiếng báo động rằng đã xâm nhập quá sâu trong sinh hoạt văn hóa hải ngoại. Thật ra thì không có ngôn từ nào là của Việt Cộng cả. Ngôn từ là di sản văn hoá chúng ta thụ hưởng từ tiền nhân từ hàng ngàn năm qua, sau khi đã gạn lọc, thêm thắt qua tiến trình sinh hoạt, giao tiếp với thế giới bên ngoài. Chỉ có vấn đề xử dụng ngôn từ một cách trong sáng, đúng đắn, hợp lý hay không Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về mà thôi. Ngôn là lời nói, tiếng nói, là phương tiện giao tiếp, truyền thông đầu tiên trong đời sống

của con người, cũng như của xã hội loài người vào thời hoang sơ. Thời sơ khai, người chỉ biết đến hình ảnh cụ thể quanh mình (núi, sông, hang động, thú vật...), những động tác (ăn, nói, đi, đứng, làm...), từ từ tiến lên hiện tượng (mưa, bão,), cảm xúc (vui, buồn, giận...), và cao hơn là ý thức về triết học, chính trị, khoa học kỹ thuật. Thoạt đầu người ta dùng lời nói (Ngôn) để diễn đạt, rồi tiến lên phát minh ra chữ viết (Tữ) như là những biểu tượng để sự truyền đạt có thể đi xa hơn về không gian và thời gian. Sinh ngữ là ngôn ngữ sống vẫn còn được dùng, khác với tử ngữ là ngôn ngữ đã không còn ai dùng tới. Ngôn ngữ Việt Nam là một sinh ngữ có từ nhiều nguồn: tiếng Việt nguyên gốc (nước nhà, khoảng cách, người lính...), tiếng Trung hoa đọc theo âm Việt (quốc gia, cự ly, quân nhân...), tiếng Tây phương được Việt hoá (bom, cà phê, mô tô, vi la...); các thuật ngữ quân sự, kỹ thuật mới được đặt chữ Việt Nam tương ứng nhưng chưa phổ cập (phần mềm (software), phần cứng (hardware), nét (internet)...). Sau khi những “ngôn” và “tữ” này được xử dụng quen thuộc và được đại đa số chấp nhận, nó trở thành tiếng Việt chính thức. và người ta soạn ra Văn phạm là thứ luật để hướng dẫn mọi người biết cách dùng cho đúng và hợp lý để khi nói hay viết ra, ai ai cũng phải hiểu một cách đồng nhất. Văn phạm được dạy cho học sinh từ những năm tiểu học cho đến đại học. Tuy vậy, Việt Nam chưa có một hàn lâm viện về ngôn ngữ, nên vẫn còn nhiều trở ngại khi muốn cập nhật, điều chỉnh, hay xác định sự chính xác của cách dùng chữ. Ngôn, Tữ, Văn phạm là do con người sáng tạo, nên cũng có thể do con người thay đổi do sự thay đổi môi trường sống và sự tiến hoá chung. Sự đúng sai trong cách dùng chỉ có tính cách tương đối và chủ quan. Ví dụ: trước 1975, mười bảy triệu người miền Nam dùng hai chữ “đơn giản” nghe quen thuộc; thì mười chín triệu người miền Bắc lại dùng chữ “giản đơn” và họ cũng cho rằng xuôi tai. Gạt qua một bên tình cảm chính trị mà có thể làm sự đánh giá của chúng ta sai lệch đi, thì ai? cơ quan nào? là người có thẩm quyền phân xử chữ nào đúng, chữ nào sai? Như thế, bất cứ những lời nào, chữ nào nói ra từ miệng người Việt đều là Ngôn, Tữ chung của Việt Nam. Việt Cộng không sáng chế thêm chữ mà chỉ xử dụng sai chữ do sự ngu dốt và cố chấp của họ. Trong khi Phạm Văn Đồng (cố thủ tướng VC) viết nhiều bài kêu gọi làm trong sáng tiếng Việt, thì Hồ Chí Minh lại xử dụng lối bịch các chữ “Kách Mệnh”, “giải phóng”, “nhân dân”. Trong khi Cộng sản có khuynh hướng Việt hoá các chữ Hán Việt (Lính thủy đánh bộ, tàu sân bay, xe bọc thép...), thì cũng chính họ lại có khuynh hướng sính dùng chữ Hán Việt trong khi các chữ Việt thuần túy nghe êm tai hơn. Chúng tôi xin đưa ra vài thí dụ trong hàng trăm, hàng ngàn cách xử dụng sai trái của Việt Cộng. Chắc quý vị còn nhớ các bảng hiệu “xưởng để”, “nhà đá nam”, “cửa hàng thịt Thanh Niên” trong những năm sau 1975? Nghe mà tởm lợm, dựng tóc gáy. Các chữ Hán Việt như “cự li” (khoảng cách = distance), “cách ly” (cô lập = isolate), “tiếp cận” (sát cạnh = next to) ngày trước chúng ta vẫn dùng; nhưng tùy theo 194 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về từng trường hợp. Cự li dùng trong quân sự, tiếp cận không thể dung thay thế tiếp xúc (contact) hay đến gần (approach). Khi nói về những chuyện thông thường, người ta nói: “Khoảng cách giữa các xe...”; “anh B. bị bạn bè cô lập...”; “Việt Nam tiếp xúc với nền văn minh Tây phương”; “anh A. đến gần cô B.” Nghe nhẹ nhàng dễ hiểu hơn nhiều. Khi nói đến “chùm” (cluster, bunch), chúng ta hình dung đến chùm nho, chùm cau, chùm lông (hay túm lông). Nhưng người ta nói một tập thơ, một xấp ảnh, một hợp ca (tam ca, tứ ca, hay đồng ca). Thật là khó chấp nhận khi nghe hay đọc các chữ chùm thơ, chùm ảnh, tốp ca Trong các bản tin do báo hải ngoại trích từ báo của Việt Cộng chúng tôi đã đọc: - “Cái bánh chưng vĩ đại (được vào sách Kỷ Lục) này do bà Nguyễn thị X. „thể hiện””. Đúng ra, phải dùng chữ “thực hiện” hay đơn giản hơn dùng chữ “làm”. Thể hiện có nghĩa là biểu lộ (express). Người ta nói “thể hiện sự ưu ái, thể hiện lòng ái quốc... Chính tự điển của VC cũng định nghĩa đúng thế. - “Ca sĩ X ăn mặc „ấn tượng””. Ấn tượng là danh từ (impression). Phải

nói cách ăn mặc của ca sĩ X. gây một ấn tượng tốt. - Điểm nhấn: « Trong cách ăn mặc, chiếc cà vạt là „điểm nhấn” ». Ý tác giả muốn nói đến điểm nổi bật nhất (focus). - Bức xúc. Tiếng Việt có các chữ « bứt rứt », « ray rứt » (worry). Chính trong từ điển VC cũng không có chữ « bức xúc » này. Nhưng nhiều nhà hoạt động của người Việt hải ngoại vẫn cứ dùng chữ « bức xúc » một cách ngô nghê. - Thống nhất ý kiến. Một bác sĩ lớn tuổi, sống hơn nửa đời mình ở miền Nam và có nhiều bài viết trên rất nhiều báo hải ngoại đã viết : « sau khi hội ý, các bác sĩ đã thống nhất ý kiến, đề ra phương án... ». Tại sao không viết « Sau khi bàn bạc, các bác sĩ đã đồng ý đưa ra phương cách... ». (Tham khảo : bài về Y Học của BS Nguyễn Ý Đức đăng trên tạp chí Sóng Thần Virginia) Vì lý do chính trị, đối kháng Quốc Cộng, chúng ta có khuynh hướng dị ứng với những chữ do VC dùng dù rằng đó là những chữ rất đúng và có ý nghĩa. Ví dụ các chữ : Giải phóng, hiệp đồng... Chúng ta nên giành lại những chữ đầy chính nghĩa về tay chúng ta. Sự dùng sai, vay mượn chữ do VC xử dụng bừa bãi của những người viết, của báo chí hải ngoại do thiếu ý thức hay nhân lực đã vô tình đi sai chức năng cao quý « hướng dẫn quần chúng » của báo chí truyền thông. Ngày trước, báo giới Việt Nam Cộng Hoà rất thận trọng. Họ làm báo như một nghề chính thức. Vì thế, các báo Việt Nam có cả một toà soạn, ban trị sự, ban biên tập, người sửa bài. Họ duyệt bài tương đối kỹ, vừa về quan điểm vừa về văn phạm, lỗi hời ngãi. Và nhất là họ không làm việc cắt dán, copy bài vở từ báo khác. Ngày nay, báo chí tại hải ngoại nở rộ. Có báo chỉ cần một người, một máy điện toán là đủ tạo nên một toà soạn, ban biên tập. Bài vở thì phần lớn cắt và dán từ các trang web mà không hề đọc lại thật kỹ. Chính vì sự dôi bài vở này, mà những bài viết từ Việt Nam Cộng Sản có cơ hội xâm nhập ồ ạt vào sinh hoạt truyền thông hải ngoại, làm một công cụ tuyên truyền không công cho Việt Cộng. Nếu chịu khó làm công việc « vạch lá tìm sâu » Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về thì chúng ta sẽ thấy đã có nhiều cây viết hải ngoại cũng có ít nhiều lần, xài chữ sai do từ phía VC . Tôi rất tiếc đã không có thì giờ để nêu ra nhiều trường hợp mà người viết hải ngoại thường vấp phải trong bài viết. Và lại, đây cũng là điều tế nhị trong nghề. Dân viết văn không nên phê bình nhau. Nhưng đọc mãi những sai sót cũng đâm ra bứt rứt. Thí dụ: Chữ HUYỀN, Huyền sử, huyền thoại. Không rõ các nhà văn, nhà báo, nhạc sĩ VN ta hiểu như thế nào mà viết: Huyền sử ca một người mang tên Quốc, Huyền Thoại Bình Long, Tướng Ngô Quang Trưởng đã đi vào huyền thoại... Chữ Huyền 玄 mang ý nghĩa 1/ không rõ ràng, không chắc chắn (illusory, uncertain) 2/ bí mật (mystery), 3/ kỳ ảo (miracle), 4/ 懸想 (huyền tưởng) hoang đường (myth, legend) 5/ huyền hoặc (deceptive, delusive) . Khi nói huyền sử, có nghĩa là sử truyền miệng vào thời kỳ chưa có chữ viết nên không có chứng tích, được ghi chép như "chính sử". Trong khi chiến thắng Bình Long, anh hùng Phạm Phú Quốc, tướng Trưởng là việc thật, người thật, có ngày giờ, có hình ảnh cụ thể. Có lẽ quý vị đó thấy chữ huyền nghe êm tai nên xài luôn cho kêu chẳng? Chữ Huyền có thể mang nghĩa kỳ diệu, nhưng trong huyền diệu 玄妙 có nghĩa kỳ bí (mystesrical). Ghép những biến cố, nhân vật có thực vào chữ huyền là làm giảm giá trị của họ. Lại có vị viết các bài bình luận. Nguyên một đoạn văn dài hàng mấy chục dòng có hàng chục câu đã đủ nghĩa (sentences), chỉ xài vài cái dấu phẩy mà không có dấu chấm. Giữa hai mệnh đề (phrase) thích thì cho dấu phẩy, buồn tình thì chẳng chấm, phẩy gì. Cũng không thèm xài liên tự, giới tự. Giữa hai câu cũng thế. (hình như ngày xưa thế hệ chúng ta học trung học rất lơ là về môn chính tả?) Trong bài tham luận của "Vốn lớn của người Việt nơi McCain và Obama" (Tạp chí Thế Giới Mới số tháng 12/2008), ông HNV, một cây bút viết khá nhiều cho rất nhiều báo tại Hoa Kỳ, có bốn lần trong một bài ông ấy đã dùng chữ "sự cố" để thay chữ "biến cố" hay "sự việc, sự kiện". (Bốn lần thì chắc không phải sơ suất) Trích: <http://www.tapchithegioimoi.com/tm.php?recordID=146> Do vậy mới có sự cố Đs. Michalack phải bay về Mỹ, xuống tận Houston, qua Irvine quận Cam để vận

động cho VN về giáo dục, trao đổi đối thoại giữa cộng đồng Mỹ gốc Việt với VNCS Sự kiện một ông Mỹ gốc Việt được bổ nhiệm vào ủy ban chuyển quyền và bàn giao của tân tổng thống Obama là một sự cố đầy tiêu biểu Dù ta không muốn hay chống lại thì sự cố ấy vẫn cứ xảy ra như sự cố TT Bush chụp hình dưới chân dung HCM ở Hà Nội 196 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Chữ "Sự cố" do Việt Cộng dùng thay cho chữ "trục trặc" (trouble) mà chúng ta dùng (trục trặc kỹ thuật). Một nhà bình luận nổi tiếng mà dùng chữ sai nghĩa, mà còn đi dùng chữ do VC xài thì cũng đáng quan ngại.

Tóm lại, hiện nay, người ta viết rất cầu thả. Nếu là người bình thường thì không sao. Nhưng đã là người viết văn, làm báo, thì khó chấp nhận được. Người đọc, đặc biệt các em, con chúng ta sẽ nhìn tư cách nhà văn, nhà báo, bác sĩ, tiến sĩ mà cho rằng các vị viết là đúng quá, cần học theo thì hỏng bét. Nếu khi vì mục đích tuyên truyền mà đối tượng là cán binh VC hay người dân trong nước, chúng ta có thể phải xử dụng ngôn từ thường dùng của họ để họ hiểu và dần dà, tìm cách giáo dục họ về ngôn từ chính xác của chúng ta. Đó là bài học căn bản về xâm nhập văn hoá, cũng như khi chiến đấu du kích, chúng ta phải cải trang như cán binh VC vậy.. Dù sao, những người có lập trường rõ rệt, có ý thức cao, phải luôn luôn cẩn trọng, chẳng bao giờ để bị ảnh hưởng bởi thứ văn hoá be bét của Việt Cộng. Và báo giới lại càng cẩn trọng hơn.

Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Cùng Một Tác Giả CUỐI TẦNG ĐỊA NGỤC Hồi ký gồm nhiều mẫu chuyện ngắn mà tác giả từng trải qua 10 năm tù trong các trại trường giới của Cộng Sản Việt Nam.

Tiến Sĩ Nguyễn Đình Thắng, Giám Đốc Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển đã nhận xét: "... văn phong đơn giản, trong sáng, và thẳng băng đến lạ. Không thấy hận thù, nguyên rủa mà chỉ thấy một cố gắng lớn để ghi lại trung thực sự kiện và cảm nghĩ." Sách in năm 2008, (hết) NANH HÙM NỌC RẮN Nhận xét của Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Văn Canh, nguyên Phụ Tá Khoa Trường Đại Học Luật Khoa Sài Gòn: "Nanh Hùm Nọc Rắn là một tài liệu có giá trị cao. Tác giả đã đi vào tâm điểm của vấn đề xảo trá của Cộng Sản. Với lý luận sắc bén, tác giả tỏ ra thành công trong việc phản bác những luận điệu tuyên truyền, lôi cuốn của Việt Cộng."

Sách in năm 2009, giá bán \$15.00 MỘT THỜI ÁO TRẬN Hối ký những năm tác giả chiến đấu ở cấp đại đội Bộ Binh trên chiến trường Miền Đông Nam Phần. Gồm những chuyện thật, người thật để diễn tả những gian khổ, hy sinh cao quý của người lính miền Nam trong cuộc chiến chống Cộng Sản Bắc Việt.

Các truyện đều có hình ảnh minh họa và được sự minh chứng bởi các chiến hữu của tác giả. Sách in năm 2010, giá bán \$18.00 198 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về

QUÊ HƯƠNG VÀ HOÀI VỌNG (2 tập) Tuyển tập những bài tham luận chính trị của Đỗ Văn Phúc từ sau khi đến Hoa Kỳ năm 1990 trong chương trình Định Cư Cựu Tù Nhân Chính Trị Việt Nam. Sách in với số lượng giới hạn năm 1995 chỉ dành tặng bạn bè, chiến hữu..

VƯỜN ĐỊA ĐÀNG Gồm 12 truyện cổ tích chọn lựa từ tuyển tập truyện thần tiên Children's Fairy Tales của nhà văn nổi tiếng Đan Mạch Hans Christian Andersen. Những chuyện hay, lý thú đến nỗi hấp dẫn từ trẻ em cho đến các vị cao niên. Những truyện nói lên tình người, lòng bao dung quảng đại, tinh thần cầu tiến, sự can đảm để tự thắng bản thân.

Giá bán \$15.00 BÀ CHÚA TUYẾT “Không có đỉnh cao nào mà ta không thể đạt đến, nếu như ta có đủ ý chí.” Đó là ý nghĩa của truyện ngắn The Ice Maiden về một chàng trai mới lớn quyết tâm chinh phục một đỉnh núi cao hiểm trở để chinh phục luôn cả con tim người thiếu nữ giàu sang hơn mình. (Sẽ xuất bản nay mai)

Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về Liên lạc với tác giả:

Đỗ Văn Phúc Địa chỉ: 16204 Viki Lynn Pl., Pflugerville, TX 78660 Điện thoại: 512-800-7227

Email: md46usa@yahoo.com

Website: www.michaelpdo.com 200 Quê Mẹ Mùa Xuân Chưa Về./.

Đỗ Văn Phúc

Nguồn: <https://fliphtml5.com/ykequ/fqiu/basic/151-200>

Kính mời đọc thêm những bài khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/DoVanPhuc.html>

www.vietnamvanhien.net



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MẠNG VỚI HƠN 11700 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC